

TRUYỆN CỔ
NHẬT BẢN

Tên eBook: Truyện Cổ Nhật Bản

Tác giả: Nhiều tác giả

Thể loại: Thiếu nhi, Cổ tích, Văn học Nhật bản

Dịch giả: AY

Nhà xuất bản liên kết: Hội Nhà văn

Số trang: 182

Kích thước: 20.5 x 28 cm

Giá bìa: 99 000 VND

Ngày phát hành: 31-08-2015

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Giới thiệu:

Một chú bé sinh ra từ quả đào, một con cáo có thể hóa ra thành cả một đám rước, một con sếu nhỏ lông của mình dệt nên tấm lụa có một không hai, một ông lão biết cách làm cả vườn cây bông đơm hoa... Không chỉ hấp cánh thêm cho trí tưởng tượng của các độc giả nhỏ tuổi, *Truyện Cổ Nhật Bản* còn là một kho tàng quý giá về nền văn hóa ứng xử của xứ sở hoa anh đào.

Thở ban đầu, nghệ thuật và văn học *Nhật Bản* chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa *Trung Quốc* và *Triều Tiên*. Nhưng từ thế kỷ XI, các nghệ sĩ *Nhật Bản* bắt đầu viết ra những tác phẩm văn học vô cùng độc đáo, thường xuất phát từ truyền thống dân gian, truyền thuyết.

Truyện Cổ Nhật Bản sẽ minh chứng rõ nét cho điểm này. Các câu chuyện phần nhiều kể về các anh hùng giản dị nhưng dũng cảm, những con vật – đặc biệt là cáo và lửng, có phép thần thông biến hóa.

Với *Truyện Cổ Nhật Bản*, bạn đọc không những có thể khám phá ra góc gác sâu xa của dân tộc *Nhật Bản* mà còn liên hệ được đến những chủ đề rất gần gũi với đời sống.

Truyện Cổ Nhật Bản tập hợp 26 truyện, là những tác phẩm tiêu biểu nhất trong kho tàng truyện cổ và truyền thuyết *Nhật Bản*, như: *Momotaro*, *Chú bé trái đào*; *Chuyện con cáo và con lửng thách đố*...

Mời các bạn đón đọc.

Mục lục

- [1. Momotaro, chú bé trái đào](#)
- [2. Chuyện con lửng, con cáo thách đố](#)
- [3. Những cuộn kinh linh ứng](#)
- [4. Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba hạt sỏi](#)
- [5. Thần nghèo](#)
- [6. Thiên đường của loài mèo](#)
- [7. Hãy lấy tôi đi!](#)
- [8. Cây dẻ trả ơn](#)
- [9. Quỷ Dạ Xoa](#)
- [10. Con mèo và nhà sư](#)
- [11. Có sứ giả tốt cũng lợi lộc gì](#)
- [12. Chàng đánh cá Ourachima](#)
- [13. Chuyến phiêu lưu của anh thợ dệt chiếu](#)
- [14. Lấy oán trả ơn](#)
- [15. Chuyến phiêu lưu của thầy ký Tokoubei](#)
- [16. Ngài Hansaemon đã nuốt chửng một con ruồi như thế nào và chuyện xảy ra tiếp theo](#)
- [17. Chín thầy tu](#)
- [18. Cáo trả ơn](#)
- [19. Quán đàn giữa rừng](#)
- [20. Phạt nhà khỉ](#)

21. Giấc mơ đem bán

22. Con sếu trắng

23. Năm con ma

24. Long mi chó sói

25. Ông lão làm hoa nở

26. Quả chuông nhỏ dát bạc



Momotaro, chú bé trái đào

Thuở xưa, ở một túp lều tranh nhỏ, tách biệt với ngôi làng, có một cụ ông và một cụ bà sống với nhau. Sáng sáng, cụ ông vào rừng đốn củi, còn cụ bà ở nhà thu vén nhà cửa. Cả hai đều cần cù và sống êm ấm. Và giá như không phải phiền lòng vì nỗi tuổi già đã ập đến mà vẫn không có lấy nổi mụn con cho đỡ cô quạnh thì họ sẽ hoàn toàn mãn nguyện và sung sướng.

“Chà, mừng làm sao nếu có đứa con trai hay đứa con gái nhỏ chạy chơi ở đây.” Thường cứ mỗi lần quét sân cụ bà lại thầm ao ước. Còn cụ ông, mỗi bận từ rừng trở về, lưng gù nặng những củi thì lại tưởng ra một bé trai chạy ra đón và ôm hôn riu rít, nhưng tưởng là tưởng thế thôi, họ chẳng có con cái và cứ lầm lũi làm việc ngày qua ngày, chỉ sống nhờ ước ao của mình.

Một ngày, như thường lệ, cụ bà gói thức ăn cho cụ ông rồi khi cụ ông đã vào rừng, cụ bà cũng mang quần áo bẩn ra bờ sông gần đấy giặt giũ. Cụ bà hết vò lại giặt và chẳng hề cất đầu khỏi công việc cho đến khi lưng cụ đau đến không thể chịu được nữa.

“Phải vươn vai một cái và nghỉ chút thôi,” bà cụ nhủ thầm rồi đứng dậy.

“Ô kìa, cái gì trôi trên sông thế kia!” cụ ngạc nhiên thốt lên và khum tay che trước mắt để nhìn cho rõ: một quả đào cỡ to chín đỏ đang từ từ dạt lại gần bờ.

“Có thật là đào không? Sao mà to thế? Mà, giờ lại còn chẳng phải mùa đào nữa.” Cụ bà lấy làm lạ, song vẫn nhanh nhẹn vớ lấy cây gậy và khều quả đào lại gần bờ trước khi nó kịp trôi xa. Quả đào cứ gọi là thơm đến chóng cả mặt. “Thứ quả thơm thế này không biết có thể ngon đến đâu?” Nghĩ thế, cụ liền cắn một miếng. “Ồ, ngọt quá, và mềm cứ tưởng tan luôn trên lưỡi.”



Cụ bà vui sướng, ăn hết miếng này đến miếng nọ và chỉ đến khi ăn hết miếng cuối cùng, cụ bà mới sực nhớ đến cụ ông.

“Trời ơi, mình thật độc ác! Mình chỉ biết hưởng thôi, không để lại một miếng nhỏ cho ông nó. Ông nó sẽ vui biết bao nếu sau ngày làm việc cực nhọc lại được ăn một trái đào! Chẳng hiểu mình để đầu óc ở đâu mà không nghĩ ra sớm hơn.”

Vậy là cụ bà tự nhiên móc, trách cứ mình, nhưng có ích gì, đào đã chẳng còn.

“Giá như còn quả khác trôi đến đây,” cụ bà thầm hy vọng, “chắc chắn mình sẽ mang về cho ông nó.”

Cụ bỏ quần áo sang một bên và chăm chăm nhìn dòng sông, hy vọng có quả đào

nào trôi lại, để có thể mang về cho cụ ông.

Cụ cứ thế nhìn, thế rồi, đột nhiên, một lúc sau, lại có quả đào trôi tới thật, lần này còn to và đỏ hơn quả trước.

“Miễn sao nó không thoát khỏi tay mình,” cụ bà lo lắng. Cụ xắn váy, lội hần xuống nước và dùng một cây gậy thật dài để với lấy trái đào.

Cụ phải vươn hết người ra, đến nổi suýt thì ngã chúi xuống nước, nhưng dẫu sao cụ cũng kéo được quả đào vào chỗ mình.

“Chà, nó còn đỏ và thơm hơn hần quả mình đã ăn. Ông nó hần sẽ thích lắm đây!”

Cụ bà xếp quần áo vào chậu, đặt trái đào lên trên rồi tắt tả về nhà. Bà đặt trái đào trên bậu cửa sổ ngay đối diện cửa ra vào, để cụ ông về nhà là thấy ngay. Thế rồi cụ vội vã đi chuẩn bị bữa tối.

Sâm sâm tối, cụ ông trở về nhà. Cụ ông oằn mình dưới gánh củi lớn cao lút người. Cụ hạ củi xuống sân, rồi bỏ dép, đi vào nhà.

“Cái gì mà thơm thế nhỉ?” Vừa đi đến bậc cửa, cụ đã tự hỏi. “Cứ như là mùi đào, nhưng giờ thì đã làm gì có đào!”

“Thế mà có một quả đấy!” Cụ bà cười và nói. “Tôi đã mang nó từ ngoài sông về đây.” Và cụ bà thuật lại câu chuyện cho cụ ông nghe. Cụ bà chỉ quên nói rằng mình đã ăn hết một quả.

“Chắc chắn đây là quả đào thần rồi,” cụ ông nói. “Mang cho tôi con dao, tôi sẽ cắt làm đôi và cho mình một nửa.”

Nhưng, chuyện gì thế này? Quả đào chẳng hề suy suyễn. Dù cho cụ ông có mài sắc dao thì quả đào vẫn trơ ra như thể làm từ thứ gỗ cứng nhất trần đời.

“Tôi sẽ sang hàng xóm mượn cưa,” nói rồi cụ ông đi ngay. Nhưng trên đường, cụ ông lại quên khuấy mất lý do mình sang nhà hàng xóm.

“Bà nó chắc là bảo mình sang xin nắm cơm đây mà. Bà nó đã giặt giũ cả ngày và chẳng lấy đâu ra lúc nào mà nấu nướng,” cụ ông nghĩ thầm.

Thế là cụ xin hàng xóm nắm cơm. “Mai bà nhà tôi sẽ mang trả bác cơm mới,” cụ ông hứa rồi trở lại nhà. Chỉ đến khi đẩy cửa vào nhà và nhìn thấy quả đào to chín đỏ cụ mới sực nhớ tới cái cưa.

“Chao, tôi mới đăng trí làm sao bà nó ạ! Cua thì chẳng mượn, lại đi xin com. Thế tôi đành cát công đi chuyển nữa vậy.”

Nhưng cụ chẳng việc gì phải vội sang nhà hàng xóm nữa cả, bởi, đúng lúc ấy, quả đào tự tách làm đôi, và từ trong đó nhảy ra một chú bé, nhưng chao ơi là đẹp. Chú cười vang và lãnh lót nói: “Con là Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản.”

Cụ ông và cụ bà sững sốt không nói nên lời. Khi cuối cùng cũng hoàn hồn, họ reo lên vui sướng: “Vậy là cuối cùng chúng ta cũng có một mụn con trai - chú bé tí hon Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản!”

Họ vuốt ve cậu con trai nhỏ, đặt lên lòng bàn tay, và đột nhiên, cụ bà sực nghĩ ra rằng cậu con trai mới của mình biết đâu đang đói.



“Con có muốn ăn chút gì không, chú bé trái đào?”

“Xin mẹ làm cho con món xúp cá béo ngậy,” chú bé trả lời ngay.

Kể từ đó, cụ bà luôn tay chuẩn bị xúp cá béo ngậy cùng món cháo thơm ngon, và chú bé trái đào cứ lớn phổng lên. Thoạt đầu, bố mẹ để chú trong một cái tách, rồi chú lớn bằng cái tách. Họ lại đổi chú sang một cái nôi, và chú lớn bằng cái nôi. Và, bởi chú vẫn còn đói ngấu, cuối cùng bà mẹ đành cho chú vào thùng nhào bột, rồi chẳng mấy chốc chú đã lớn bằng cả thùng nhào bột. Chưa hết ngạc nhiên, cặp vợ chồng già đã nhận ra, dưới túp lều tranh, họ đã có một chàng trai trẻ cao ráo và khỏe mạnh khiến ai nom thấy cũng phải trầm trồ. Tóc chàng đen như gỗ mun rủ xuống trán, cặp mắt sáng như sao và chàng khỏe đến mức tay không vỡ đá. Bởi cụ ông và cụ bà không chỉ cho chàng cái ăn, mà còn dạy dỗ chàng tử tế, nên Momotaro việc gì cũng thạo, nhưng chàng lại hết sức khiêm tốn và nói năng lễ phép với hàng xóm láng giềng. Trong nhà ngoài ngõ ai ai cũng đều quý mến và lấy làm mừng cho bố mẹ chàng vì đã có chỗ nương tựa lúc tuổi già.

Một tối nọ, như thường lệ, Momotaro theo bố từ rừng trở về và chắt đồng củi trước sân, cả ba người lại quây quần bên nhau ăn tối.

Chính lúc đó đột nhiên Momotaro đặt bát xuống rồi cất tiếng: “Thưa bố, thưa mẹ, bố mẹ đã tận tình nuôi nấng con, và con biết ơn công lao dưỡng dục của bố mẹ bằng cả tấm lòng, nhờ đó con mới trở thành người sức vóc như thế này. Nhưng bố mẹ đừng giận nếu con nói rằng, cứ sống trong làng thì sức mạnh của con cũng hao mòn đi. Đón củi và gánh củi ra chợ bán không phải việc dành cho con. Con muốn làm điều gì phù hợp hơn, điều gì giúp được nhiều người hơn.”

“Vậy con muốn làm gì Momotaro?” cụ ông hỏi. “Con muốn đi đến Đảo Quỷ và tiêu diệt lũ quỷ chuyên gieo họa cho loài người. Thưa mẹ, hãy khâu cho con một chiếc thắt lưng mới và một chiếc quần mới, hãy làm cho con vài vắt cơm đại mạch, cơm kê, cơm hạt dẻ ngon nhất toàn cõi Nhật Bản!”

Vậy là cụ bà bật khóc.

“Con trai trái đào, con trông mà xem, chúng ta đều đã già cả rồi và chúng ta chẳng còn ai thân thích trên đời ngoài con. Chúng ta sẽ ra sao nếu có điều gì bất trắc xảy ra với con? Đảo Quỷ là chốn muôn vàn nguy hiểm, chẳng ai sống sót mà trở về được; con rồi cũng sẽ chẳng về đâu. Đừng đi con ơi!” cụ bà khẩn nài, và không ngừng van vỉ.

Còn cụ ông giữ vẻ mặt nghiêm nghị và buồn bã nói: “Con trai yêu quý của ta, mẹ

con nói đúng đó. Tốt hơn hết là con nên nghe lời mẹ. Con còn chưa biết hiểm nguy nào đang đợi mình ở đó đâu. Bầy quỷ muôn phần độc ác và thù dai, chúng chẳng biết xót thương ai đâu. Ta muốn kể cho con vài điều ta còn chưa kể cho ai, mà tốt hơn hết là chớ có nghĩ tới chuyện đó!

“Chúng ta, cả ta và mẹ con đều không phải người vùng này. Trước đây, chúng ta sống trong vùng mà giờ người ta gọi là Đảo Quỷ. Đó từng là vùng đất tươi đẹp, khắp nơi đều là những cánh đồng phì nhiêu, những khu rừng trù phú. Làng mạc thời sung túc, người dân tứ đời ấm no, cho đến ngày bọn quỷ tràn lên đảo. Chúng bắt được ai là hè nhau giết thịt, đất đai dần dần cằn cỗi, và muôn thú bỏ rừng đi hết. Chúng ta còn giữ được mạng chẳng qua cũng chỉ nhờ may mắn mà thôi. Chúng ta đã chạy trốn đến đây và được mọi người dang tay đón nhận. Đừng đến Đảo Quỷ con ơi! Ở đây cũng cần con mà!”

Nhưng con trai của trái đào lòng đã quyết. Giờ khi đã biết rằng bầy quỷ từng gây ra biết bao tai ương, ngay cả với những con người già cả hiền hậu như thế này, chàng lại càng hạ quyết tâm bắt chúng phải trả giá.

“Con sẽ dùng sức mạnh của mình cùng tất cả những gì bố mẹ đã dạy con, rồi bố mẹ xem, con sẽ đánh bại lũ quỷ.”

Thấy chàng quyết tâm vậy, đôi vợ chồng già đành nhượng bộ. Bà mẹ khâu một cái thắt lưng và một chiếc quần cho Momotaro, và trong khi cụ bà chuẩn bị những vật cơm đại mạch, cơm kê, cơm hạt dẻ, những thứ ngon nhất toàn cõi Nhật Bản, thì cụ ông rút trong hòm ra một chiếc ấm cũ, và một thanh gươm nạm tuyết đẹp, rèn từ thứ thép tốt nhất.

“Thanh gươm và chiếc ấm này là những vật duy nhất chúng ta mang từ quê đi được. Con hãy cầm lấy thanh gươm gia truyền, nó sẽ giúp con chiến đấu với lũ quỷ.”

Thế rồi, ông cầm lấy nắp ấm đưa cho Momotaro và bảo: “Cái nắp này rồi cũng sẽ hữu ích cho con. Đường tới đảo đã được khắc rõ trên đây. Con hãy xem cho kỹ. Giữa đồng bằng rộng lớn con sẽ thấy một tảng đá to màu đen. Dưới tảng đá có một cái hố và trong hố có một sợi dây. Con cứ theo dây tuột xuống là tới Đảo Quỷ.”

Momotaro cảm ơn cụ ông, giắt gươm vào thắt lưng, khoác lên vai chiếc tay nải đựng mấy nắm cơm đại mạch, cơm kê, cơm hạt dẻ, những thứ ngon nhất toàn cõi Nhật Bản, mang theo cái nắp ấm rồi chào từ biệt cụ ông và cụ bà. Họ chúc chàng may mắn rồi tiễn chàng ra tới sân, và dõi theo chàng cho tới khi khuất bóng.

Momotaro vui vẻ cất bước. Chàng vui sướng nghĩ đến nhiệm vụ khó khăn đang chờ mình phía trước, nhiệm vụ sẽ thử thách sức mạnh cũng như sự thông thái của

chàng.

Một ngày, vừa đi tới cổng làng nọ thì chàng bắt gặp một con chó trắng chạy lại phía mình và cất tiếng chào thân thiện: “Chào Momotaro, cậu đi đâu thế?”

“Tôi đi tới Đảo Quỷ để diệt hết lũ quỷ đây!”

“Cậu mang gì trong tay nải thế?”

“Những nắm cơm đại mạch, cơm kê và cơm hạt dẻ mẹ tôi làm, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản.”

“Cho tôi thử những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản với,” con chó trắng nài nỉ.

“Sẵn lòng thôi, nhưng đổi lại, cậu phải đi theo tôi đây!”

Con chó đồng ý ngay, và Momotaro cho nó một nắm cơm đại mạch, một trong những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản.

Rồi cả hai lên đường.

Một ngày nọ, họ tới cửa rừng, một con chim trĩ từ đâu sà xuống đón họ và niềm nở: “Xin chào chàng trai, xin chào cậu chó, các bạn là ai, các bạn đi đâu đây?”

“Tôi là Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản, và đây là lính của tôi, chú chó Shiro. Chúng tôi tới Đảo Quỷ để diệt hết lũ quỷ.”

“Thế bạn mang gì trong tay nải kia?”

“Những nắm cơm đại mạch, cơm kê và cơm hạt dẻ mẹ tôi làm, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản.”

“Ồ, vậy cho tôi một trong những thức ấy đi,” chim trĩ thềm thường xin.

“Sẵn lòng thôi, nhưng đổi lại, bạn phải đi theo tôi đây.”

Chim trĩ đồng ý ngay, nhận một nắm cơm, một trong những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản, và gia nhập đoàn. Đi miết vào trong rừng rậm, họ gặp một con khỉ.

“Các bạn đi đâu đây?” trông thấy họ từ xa, con khỉ đã hét lên gọi, “và các bạn là ai thế?”

“Tôi là Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản, còn đây là lính

của tôi, chó Shiro, và chim trĩ. Chúng tôi đến Đảo Quỷ để diệt hết lũ quỷ.”

“Thế bạn mang gì trong tay nải thế?”

“Những nắm cơm đại mạch, cơm kê và cơm hạt dẻ mẹ tôi làm, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản.”

“Ồ, giá như tôi được một lần trong đời nếm thử những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản kia,” con khi thở dài. “Cho tôi nếm thử một miếng đi.”

“Sẵn lòng thôi, nhưng đổi lại, bạn phải đi theo tôi đây.”

Con khi đồng ý ngay, nhận một nắm cơm đại mạch, một trong những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản, và nhập hội.

“Giờ chúng ta đã đông thế này rồi,” Momotaro nói, “chúng ta sẽ phân công nhiệm vụ. Tôi sẽ là chỉ huy và chú chó Shiro sẽ là phó cho tôi. Còn các bạn, chim trĩ và khi, các bạn là lính.”

Ai nấy đều hài lòng, và bởi cả bốn giờ đã mệt phờ, họ tới nghỉ dưới gốc cây và ăn những nắm cơm đại mạch. Chao ơi là ngon lành! - nhưng chẳng có gì phải ngạc nhiên, bởi đó thực là những nắm cơm đại mạch ngon nhất toàn cõi Nhật Bản. Họ đã lấy lại sức lực, nghỉ ngơi rồi lại tiếp tục lên đường.

Bốn bề rừng rậm rì rậm rịt, không trông thấy dù chỉ một vuông trời xanh. Họ hết leo lên rồi lại trèo xuống những thung dốc đứng, và giữa lúc tưởng chừng không cát nổi bước vì mệt thì rừng đột ngột mở ra, và họ thấy mình đang đứng trước đồng bằng mênh mông. Đó quả thật là một hoang mạc đá, khắp nơi chỉ thấy đá là đá, không có lấy một bụi cây xanh.

Momotaro dừng lại, lấy nắp ấm ra khỏi túi và nói: “Đây chắc là đồng bằng mà bố đã nói với mình. Ở giữa nhất định sẽ có một tảng đá to màu đen, đó chính là đích đến sắp tới của mình. Chỉ có điều, mình không biết làm sao có thể tìm ra nó. Đồng bằng quá lớn, đứng từ đây không trông thấy giữa, và nếu chúng ta cứ tiến thẳng về phía trước, dễ thường lại lạc đường rồi không có cách gì thoát ra được. Tốt hơn hết là để chim trĩ bay tít lên cao cho đến khi trông thấy hòn đá và rồi sẽ dẫn đường cho chúng ta. Nhưng, trước hết, chúng ta cần lấy lại sức cái đã.”

Vậy là cả bốn lại ngồi dưới bóng rừng và ăn những nắm cơm hạt dẻ, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản. Rồi họ lại lên đường, tràn trề sinh lực. Chim trĩ bay phía trước dẫn đường.

Họ đi mãi, đi mãi, mặt trời gay gắt nung đốt đồng đá cằn cỗi, và không tìm đâu

ra một chút bóng râm. Chim trĩ đập cánh chậm dần, và phải chật vật lắm mới bay lên đủ cao hòng trông thấy tảng đá. Chú chó Shiro cũng lè lưỡi thở dốc. Còn con khi? Từ lâu rồi nó không còn nhảy nhót vui sướng nữa, mà chỉ lê bước nặng nhọc, đến nỗi thi thoảng, cả đoàn phải dừng lại chờ nó. Momotaro thắt một chiếc khăn quanh trán để ngăn mồ hôi chảy xuống mắt và chăm chú dõi mắt ra xa mong trông thấy đích đến. Cuối cùng, họ cũng trông thấy từ đằng xa, một tảng đá to màu đen sừng sững giữa đồng đá. Vừa trông thấy, cả hội như lấy lại được tất tật sức lực, và chỉ một loáng sau, họ đã ngồi dưới bóng tảng đá.

“Chúng ta tới nơi rồi,” Momotaro nói. “Dưới tảng đá này có một cửa hang, và trong cửa hang có một sợi dây. Nhưng trước khi theo dây tuột xuống Đảo Quỷ, chúng ta hãy nghỉ lấy sức cái đã và ăn những nắm cơm kê của mẹ tôi, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản.”

Chàng mở tay nải và cả hội chén no nê. Thế rồi, lại tràn trề sinh lực, họ bầy hòn đá đi. Dưới đó quả thật mở ra một miệng hang đen ngòm. Trèo xuống trước tiên là khi, rồi đến Momotaro, với chú chó Shiro nằm trong tay nải khoác trên vai. Xuống cuối cùng là chim trĩ. Họ cứ xuống mãi, xuống mãi, bao quanh chỉ là bóng tối đen ngòm, tưởng như sợi dây dài bất tận. Cuối cùng, họ cũng cảm thấy mặt đất rắn chắc dưới chân mình; họ đã tới Đảo Quỷ. Trước mắt họ hiện ra một pháo đài đồ sộ được dựng toàn bằng gỗ sồi. Cả pháo đài kiên cố ấy rung lên bần bật giữa tiếng hò hét của bầy quỷ. Momotaro và các bạn chuẩn bị tinh thần chiến đấu, rồi khi tiến tới gõ vào cánh cổng sắt lừng lừng.

“Đưa nào cả gan gõ cửa nhà quỷ đây?” một giọng từ phía trong rít lên, và liền lúc ấy, cả bốn người bạn của chúng ta đã bị cả một bầy quỷ nhỏ đồ tía tai bao vây.

“Là ta, Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản. Ta cùng bạn bè đến Đảo Quỷ để diệt hết lũ quỷ đây!” Momotaro hét lớn, thế rồi chàng rút gươm và tả xung hữu đột giữa bầy quỷ. Chim trĩ lao vào mổ mắt lũ quỷ, còn chó Shiro thì cứ nhằm ông quyền mà cắn. Bầy quỷ đỏ sợ hãi chạy tán loạn. Khi còn rượt theo lũ bại quân, xé xác những kẻ chú tóm được. Chỉ có vài tên là chạy được vào bên trong pháo đài và lao tới đại điện, báo tin về kẻ thù khủng khiếp.

Trong pháo đài, những tên quỷ lớn xanh lét đang mở tiệc chè chén. Chúng ngả ngón trên những manh chiếu, đứng đầu là Chúa quỷ đen; chúng thi nhau đảo đôi mắt xanh lập lè trên cái mũi dài lòng thòng chằm cả tới cái lỗ miệng rộng ngoác đang nhồm nhoàm nhai, rồi nhổ xương người ra phía sau. Trong phòng huyền ảo không khác gì chiến trường, bầy quỷ quá chén chẳng hề nhận ra đã có một cuộc chiến ở ngoài kia. Thế cho nên khi đám quỷ đỏ hốt hoảng chạy vào điện, phải mất một hồi đám quỷ xanh mới nhận ra.

“Sao chúng mày dám to gan phá rối bữa tiệc của bọn tao, lũ lâu nhâu vô lại kia!” Chúa quỷ đen thét lên. “Cút mau!”

“Có tên Momotaro nào đó đã mang vũ khí tới công pháo đài; hắn muốn diệt hết loài quỷ chúng ta!” đám quỷ đỏ vừa khóc vừa rên rỉ.

“Diệt hết chúng ta sao? Chúng ta, những con quỷ khét tiếng nhất loài quỷ ư? Ha ha, đúng là nực cười! Lâu lắm rồi ta mới nghe thấy chuyện nực cười đến thế! Thế nó đâu rồi, cái tên trâng tráo ấy? Nó đến vừa hay, chúng ta đang cần đồ tráng miệng!” đám quỷ xanh nhao nhao vừa nói vừa cười phá lên.

“Ta ở đây!” thành linh một giọng nói chắc nịch, sang sảng vang lên. Hiên ngang đứng giữa cửa là Momotaro với bằng hữu xung quanh, và chàng hét to: “Ta là Momotaro, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản, được nuôi lớn bằng xúp cá béo ngậy và cháo thơm ngon. Ta đem quân tới đây để diệt trừ các người và trả thù cho tất cả những người các người đã giết. Chúng ta đã cùng nhau ăn những nắm cơm đại mạch, cơm kê và cơm hạt dẻ mẹ ta nấu, những thức ngon nhất toàn cõi Nhật Bản; chúng giúp chúng ta có sức địch vạn người. Ta tuyên chiến với các người!”

Vậy là, đám quỷ xanh chùn bước e dè. Lượng sức mình không đo nổi một anh hùng như vậy, chúng nài xin chàng rủ lòng thương. Chúng hứa sẽ nộp cống vật cho cả bốn, và đổi bất cứ thứ gì họ muốn miễn là họ rút êm và để cho chúng được yên.

“Chỉ cần bọn chúng đi khỏi, chúng ta sẽ vơ vét bù lại chẳng mấy hồi,” lũ quỷ bảo nhau.

Nhưng Momotaro nhìn thấu tâm can chúng và không mấy may động lòng trước lời cầu xin, van vỉ của lũ quỷ. Chàng tuốt gươm và cùng quân lính lao vào tấn công.

Cuộc chiến mới thư hùng làm sao! Hề tên quỷ xanh nào thoát khỏi lưỡi gươm của chàng Momotaro, thì lập tức không bị chó cắn cũng bị chim trĩ mổ mất, hay mổ trúng mặt, chim trĩ vỗ cánh làm lũ quỷ tối tăm mặt mũi; mà muốn bỏ chạy cũng không xong bởi đã có khi ném tới tập hũ lọ theo sau. Đừng hòng có kẻ nào thoát được. Cả pháo đài vang vọng âm thanh cuộc chiến, và lũ quỷ tuyệt vọng không còn biết nương náu vào đâu; chúng cảm tưởng như bị cả nghìn cả vạn lưỡi gươm tấn công, bị cả nghìn cả vạn hàm chó cắn, bị cả nghìn cả vạn mỏ chim trĩ mổ; và những kẻ may mắn lọt khỏi cuộc chiến kinh hoàng này thì cũng bị cả nghìn cả vạn con khỉ đuổi theo xé xác. Cuối cùng, Momotaro lấy được đầu Chúa quỷ đen và cuộc chiến kết thúc.

Kiệt sức sau cuộc chiến, những người bạn vẫn sục sạo khắp các góc ngách pháo

đài, mang ra nào vàng bạc, châu báu, chất đầy lên một cỗ xe rồi lên đường trở về. Nhưng trước khi rời khỏi đảo, họ châm lửa đốt pháo đài để không gì còn gợi nhắc về bày quỷ tàn ác nữa.

Một ngày nọ, dân làng trông thấy một bầu đoàn kỳ lạ. Kéo đằng trước cỗ xe chất cao ngạo nghễ là một chú chó và một con chim trĩ; đẩy phía sau là một chú khi, và đi bên cạnh cỗ xe, một chàng trai tướng mạo oai phong tay mang gươm và nở nụ cười thân thiện với khắp mọi người.

“Ồ, chẳng phải Momotaro đó sao!” những người hàng xóm ngạc nhiên thốt lên và vội vàng về báo cho cụ ông, cụ bà biết cái tin tốt lành này: chú bé trái đào đã trở về.

Niềm vui nào sánh bằng niềm vui của cụ ông và cụ bà khi đứng trong sân nhà chào đón con trai, chú bé trái đào vĩ đại nhất toàn cõi Nhật Bản! Họ không thể rời mắt khỏi cậu con trai và chàng phải kể không biết bao nhiêu lần câu chuyện diệt quỷ của mình.

Hành động anh hùng của Momotaro đến tai của lãnh chúa trong vùng, và ngài đã phong cho Momotaro làm chúa của hòn đảo đã được giải thoát khỏi tay lũ quỷ. Không lâu sau, Momotaro lấy vợ, cô gái đẹp nhất toàn cõi Nhật Bản, và họ sống hạnh phúc bên nhau trọn đời cùng cụ ông và cụ bà. Chú chó Shiro, chim trĩ và khi cũng thường xuyên tới thăm họ, và mỗi dịp này, cụ bà lại không quên khoản đãi các chú những nắm cơm ngon nhất toàn cõi Nhật Bản tự tay cụ làm.

Truyện con lửng, con cáo thách đố

Ngày xưa, trên hòn đảo Sado hẻo lánh, có một con lửng tên là Densabouro. Muông thú khắp hòn đảo tất thấy đều kính nể nó, bởi không chỉ oai phong và khéo léo, nó còn rất thông thái. Chưa hết, nó còn có tài biến hóa thần thông, và về khoản này, nó là thiên hạ đệ nhất. Densabouro sống hạnh phúc trên đảo; nó lấy làm hài lòng vì khắp đảo Sado này không ai địch nổi nó; nhưng dần dà, sống thế mãi nó cũng đâm buồn, và đến một ngày, nó tự nhủ: “Mình nổi tiếng thật đấy, và người khắp đảo này chẳng ai sánh được với mình, nhưng biết đâu ngoài kia, trong vương quốc rộng lớn này lại có ai đó có thứ gì giỏi hơn mình chẳng. Mình hẳn còn trẻ, ra ngoài học lấy sàng khôn chẳng phải là rất đáng sao.”

Nghĩ thế, nó quyết định sửa soạn lên đường. Và lại dù cho chẳng học được thêm cái gì mới, thì ít ra nó cũng biết người xứ khác sinh sống thế nào. Không lâu sau, nó lên đường thật, và người ta cũng sớm nhìn thấy chú lửng yêu mến của chúng ta chu du qua vương quốc. Hiển nhiên, nó cũng nghe đây đó được nhiều điều thú vị, nhưng còn tìm ra một bậc thầy cả thế giới phải nói đến thì mãi chưa thấy đâu.

Một ngày nọ, nó đang lững thững đi trong rừng sâu, lòng băn khoăn chưa biết đi lối nào, thì bất gặp một con cáo. Con cáo lịch thiệp chào nó, rồi cứ chuyện này bắt chuyện kia, cuối cùng con cáo hỏi con lửng về mục đích chuyến đi.

“Tôi là lửng Densabouro ở đảo Sado, tôi đi thì chẳng có mục đích gì rõ ràng, chỉ là cứ đi quanh vương quốc, nhặt nhạnh chút trí khôn mà thôi.”

“Ồ, vậy ra là ngài Densabouro, chú lửng lừng danh đảo Sado!” con cáo phấn khích reo lên. “Tôi đã nghe nói nhiều về ngài rồi.” Và nó cung kính phủ phục.

Được khen, con lửng cũng theo phép hỏi nguyên do và mục đích chuyến đi của con cáo.

“Tôi là cáo Hansabouro ở tỉnh Eha, tôi cũng đang trên đường vì cùng lý do như ngài. Ở quê tôi, thật khó tìm thấy đối thủ ngang tầm với mình, và chính thế tôi quyết định đi tìm bậc thầy nổi danh trong giống loài mình, để xin học lấy điều gì mới. Và tôi biết ơn số phận đã run rủi cho chúng ta gặp nhau ở đây.”

“Ồ, ra là ngài Hansabouro ở tỉnh Eha đấy ư,” đến lượt mình lửng cũng cung kính cúi rạp. “Ngài nổi tiếng không chỉ trong họ tộc mình, nhà lửng chúng tôi cũng hay tán tụng tên tuổi ngài. Trên đường ngao du, tôi cũng thường nghe nói về ngài, nên

tôi lấy làm sung sướng được gặp ngài ở đây.”

Lũng và cáo cứ thế tán tụng nhau một hồi, trao đổi học hỏi về đủ thứ chuyện trên đời và cuối cùng nhất trí biểu diễn chút ít tài năng của mình. Làm vậy, chúng không chỉ có cơ hội tận mắt chiêm ngưỡng những ngón nghề tuyệt vời nhất của kẻ kia, mà còn có thể so tài xem ai trong chúng là bậc thần thông hơn. Con nào có thể biến hóa khôn lường đến mức con kia không nhận ra thì sẽ thắng cuộc. Và đó cũng chính là bậc thần thông quảng đại nhất vương quốc.

“Ngài trông thấy ngôi chùa đằng kia không?” cáo hỏi. “Trên đường từ đây tới đó chúng ta sẽ tìm cách đánh lừa người còn lại, để xem ai đóng giả tài tình nhất.”

Dứt lời, chúng chào từ biệt nhau. Cáo co cẳng chạy và chỉ loáng sau đã mất hút. Lũng khoác lại tay nai và từ tốn theo sau. Một lát sau, nó cũng ra khỏi rừng và dậm chân bước vào con đường vắt qua ruộng lúa tiến về phía ngôi chùa. Nó cẩn thận nhìn xung quanh, nhưng chẳng phát hiện ra điều gì đáng ngờ.

“Cáo kiêu gì cũng đến thẳng ngôi chùa. Ở đó, lúc nào cũng có người qua kẻ lại và sẽ dễ dàng ăn cắp hơn.”

Đột nhiên, nó trông thấy bên vệ đường có pho tượng gỗ tạc Địa Tạng bồ tát. Ngài đang tọa thiền, chân khoanh lại, tay đặt trên gối, đầu cạo nhẵn, đôi mắt hiền từ bao quát xung quanh.

“Chà, thực là một pho tượng đẹp, hẳn là được tạc nhờ bàn tay của bậc nghệ nhân,” lũng trầm trồ. “Lâu lắm rồi mình mới trông thấy một tác phẩm tinh xảo đến thế - chẳng nhìn đâu ra dấu tích vết đục đẽo nào. Mình nên tới cúng nắm cơm mong ngài phù hộ.”

Nghĩ sao làm vậy, nó mở tay nai, lấy ra một nắm cơm và đặt dưới chân bức tượng. Thế rồi, nó kính cẩn phủ phục và bắt đầu lầm rầm khấn. Nhưng, nó ngạc nhiên xiết bao khi ngẩng đầu lên thì nắm cơm đã biến mất.



“Kỳ lạ quá,” nó sừng sốt tự nhủ. Đức bồ tát hưởng đồ cúng lúc nào mà nhanh thế nhỉ? Mà có khi tại gió đã cuốn nắm cơm đi mất.”

Nhưng nó hoài công tìm, sục sạo khắp xung quanh, nắm cơm vẫn mất dạng.

“Khéo nó lăn xuống khe nào rồi, nếu mình muốn bồ tát phù hộ độ trì cho mình, thì mình cứ nên cúng thêm một nắm nữa.”

Nó bèn mở tay nải lấy nắm cơm thứ hai ra, đặt dưới bệ thờ đức bồ tát và lại thành tâm cầu khẩn. Nhưng đến lúc ngẩng lên, thì nắm cơm thứ hai cũng chẳng thấy đâu.

“Đúng là kỳ lạ,” con lửng lăm bẫm, và vì muốn tường tận sự thể - chuyện chẳng có gì lạ với các bậc thầy tinh thông - nó quyết định hy sinh nắm cơm thứ ba. Nhưng lần này nó sẽ để ý thật kỹ!

Nó lại đặt nắm cơm dưới chân pho tượng, rồi cúi đầu khẩn vái. Nhưng thực chất

chỉ đóng kịch thể thôi; trông thì có vẻ sùng kính chứ nó không giây nào rời mắt khỏi bức tượng. Và thỉnh thoảng, nó ngẩng phắt lên, bắt quả tang bức tượng giả danh kia đang chén nắm cơm. Con lửng đớp ngay lấy tay bức tượng và tức khắc, bức tượng hóa ra thành cáo.

“Làm khéo lắm ngài Cáo,” lửng ngưỡng mộ. “Tôi mất ba nắm cơm, nhưng cuối cùng, chính bởi cái thói tham ăn mà ngài đã lộ tẩy.”

Chính thế, nên cả hai chưa thể nhất trí xem ai mới là người thắng cuộc. Quả là ban đầu, lửng đã bị cáo đánh lừa thật và thậm chí đã mất không cả ba nắm cơm, nhưng sau đó nó lại lật tẩy được ngón lừa, dù cho nguyên do chỉ tại con cáo tham ăn.

Cuối cùng, cáo mới bảo: “Ngài Densabouro ạ, chuyện bức tượng chỉ là trò trẻ con với tôi. Tôi sẽ cho ngài thấy màn biến hóa khôn lường hơn nhiều. Ngài thấy ngôi làng đằng trước chứ? Đúng thế, ngài cứ tới đó rồi sẽ thấy!”

Dứt lời, nó biến mất. Vậy là lửng cứ theo hướng ngôi làng kia đi tới, từ xa nó đã nhận ra hẻm làng đang có việc gì nhộn nhịp lắm, bởi tất cả dân làng đều đang lũ lượt kéo nhau đi đâu đó.

“Chuyện gì thế nhỉ? Dân làng kéo nhau đi đâu không biết? Mình phải tới xem mới được!” Thế rồi nó theo gót dân làng; nhưng để không ai nhận ra, nó biến thành hòa thượng khát thực.

Cả làng đổ ra đứng hai bên đường vào chùa, thì ra đang có đám rước! Là một đám cưới! Trên kiệu phủ vải điều, có cô dâu trẻ đang được cha mẹ dẫn đi, tất cả đều vận những bộ kimono đen tuyệt đẹp may bằng vải lụa nhẹ, gấu tay và ngực áo có thêu gia huy tinh tế. Một đám đông không kể xiết người hầu kẻ hạ tay cầm bát dâng đồ cúng.

Ai cũng háo hức, bởi lâu lắm rồi trong làng không có cô dâu nào đẹp nhường ấy, cũng chẳng có đám cưới nào xa hoa đến vậy. Chắc là cưới con gái lãnh chúa giàu có đây.

Trong đoàn người hiếu kỳ đi theo cũng có ngài Densabouro của chúng ta, cải trang thành một hòa thượng. Đột nhiên, một hòa thượng trẻ kéo tay và lễ phép nói: “Ngài hẳn là từ xa tới đây, bởi tôi chưa từng nhìn thấy ngài trong chùa. Ngài có muốn nghỉ lại chùa không?” Nói rồi vị này dẫn hòa thượng giả kia vào chùa.

Trong lúc đó, đám rước đã tới trước cửa chùa. Cô dâu bước xuống kiệu, và đúng lúc cô bước qua bậc thềm vào chùa, một nắm cơm đồ cúng lăn đến trước chân cô.

Cô dâu vội cúi xuống nhặt và vừa lúc cô đưa lên miệng cắn, thì nắm cơm thót lên: “Chính tôi đã thắng nhé!”

Đúng lúc đó, cả đám rước lẫn hòa thượng đều biến mất: chỉ còn con cáo và con lửng đang đứng trước cửa chùa; chúng vội ba chân bốn cẳng chạy cho mau, sợ rằng, nguyên hình nguyên trạng thế, chúng sẽ bị dân làng tóm gọn bởi trò bịp bợm này. Chúng chỉ dừng lại khi đã đến bìa rừng, không còn thở ra hơi được nữa.

Sau khi đã hoàn hồn, con lửng mới nói: “Đám rước không phải là ngón tôi, nhưng ngài tự tin với sức mạnh của ngài quá, ngài Hansabouro! Ngài chỉ là một con thú nhỏ chẳng mấy sức vóc, lại muốn biến thành cả một đám rước chùng nẩy người, ngài tất sẽ phạm sai lầm thôi. Chắc chắn ngài không ngờ được rằng trang phục của những người hầu đi sau rốt đã để lộ ra cái đuôi cáo. Chính thứ đó đã phản lại ngài. Ngày mai, đến lượt tôi trở tài. Để làm việc ấy, tôi đã nhắm ngôi chùa cách đây hai ngôi làng, bởi dân làng lân cận đã biết chúng ta rồi và họ sẽ chẳng để chúng ta yên đâu. Ngày mai, ngài hãy lên đường thẳng tiến đến ngôi chùa trong làng đã định và ngài sẽ thấy một đám rước hoàng gia mà chưa bao giờ ngài từng thấy. Hãy chú ý nhé; tôi cá rằng ngài sẽ không nhận ra tôi đâu!”

Ngài Hansabouro thấy khó mà tin được con lửng. Cả một đám rước hoàng gia! Biến thành một đám đông nho nhỏ thì còn được chứ thành cả một đám rước hoàng gia ư? Đồng ý là lửng thì to hơn cáo một chút. Nhưng, cả một đám rước hoàng gia ư? Không thể nào, chỉ có thể là nói khoác!

Con lửng khinh khỉnh khoát tay xua đi mọi hoài nghi đó và nói: “Ngài cứ tới chỗ hẹn, rồi sẽ thấy!”

Cả đêm hôm đó cáo trần trọc suy nghĩ. Dù nó thấy khó mà tin được lửng, nhưng nó vẫn muốn chắc chắn. Cuối cùng, nó tự nhủ: “Đám rước hoàng gia sẽ lửng tung và con lửng, trong lột giả trang ấy khó lòng đi được lâu. Chắc chắn trên đường đi nó sẽ vẫn ở nguyên dạng và tới nơi mới biến hóa. Mình mà đến chỗ hẹn sớm, nó sẽ không qua mắt được mình.”

Thế là cả đêm ấy cáo ngủ chập chờn, lo dấy muộn thì lỡ hết việc. Trời vừa sáng, nó đã vội vàng lên đường thẳng tới ngôi chùa ở cách hai ngôi làng. Nó ẩn mình trong bụi rậm và quan sát xung quanh chờ con lửng tới. Nhưng mặt trời đã lên cao, chim đã hót líu lo, lác đác cũng có những người nông dân đeo gùi đi qua, chỉ có con lửng là vẫn không thấy đâu cả. Đã quá trưa, mặt trời chói chang, chim cũng ngưng hót từ lâu và muông thú đều đã tìm đến bóng râm để nghỉ thì cuối cùng con cáo cũng nghe thấy đằng xa có tiếng vó ngựa vọng lại. Rồi từ phía chân trời một đám rước linh đình đang tiến lại chỗ cáo.

“Là con lũng ư?” cáo bắn khoắn nghĩ thầm. “Dầu sao thì nó cũng không thể đi cả một chặng đường dài trong tiết trời nóng nực thế này, và lại còn dưới cái lốt giả trang khó nhường ấy?”

Nó vội biến thành một anh nông dân để tiện quan sát mọi thứ kỹ hơn. Đó quả là một đám rước ngoạn mục và tráng lệ. Gia nhân chạy phía trước hồng đẹp đường, theo sau là bốn con ngựa lồng lẩy cưỡi trên là bốn vị samurai tướng mạo oai vệ, trang bị từ đầu tới chân, khuôn mặt nghiêm nghị và lạnh lùng.

“Đó đúng là lãnh chúa và đoàn tùy tùng của ông ta rồi,” cáo nhủ thầm. “Một con lũng thì sao biến ra được đám rước lồng lẩy thế này.” Và nó ngưỡng mộ quá đến mức cúi rạp cả người cung kính nhường đường cho lãnh chúa qua như bốn phận của mọi anh nông dân. Nó cứ đứng nguyên như thế và đợi đám rước lại gần.

Chẳng mấy chốc, kiệu sơn son của lãnh chúa đã tới, trong kiệu là lãnh chúa đang dựa người trên những chiếc gối êm ái. Đám phu khiêng kiệu thận trọng tiến bước để kiệu không lắc lư. Phía sau chiếc kiệu lại có bốn vị samurai cũng nghiêm nghị, nai nịt gọn gàng, theo sau lãnh chúa, sắp thành hàng ngũ chỉnh tề, mỗi samurai mang bên mình hai thanh kiếm. Tóm lại, đó đúng là một đám rước uy nghiêm và ấn tượng đến nỗi cáo chẳng dám thở nữa. Đầu cúi rạp xuống đất, nó chờ vị samurai cuối cùng đi qua.

Đột nhiên, cả đám rước biến mất. Trước mặt cáo là ngài Densabouro đang cả cười: “Ngài đứng dậy mà phui bụi được rồi đó, ngài Cáo! Sao ngài lại phải kính cẩn đến thế trước chỉ một con lũng hèn mọn!”

Cáo thẹn vì bị lũng chơi một vố. Thế mà, lũng lại còn nói trước nó sẽ biến thành thứ gì rồi đấy. Hồ thẹn làm sao!

“Ngài biết đấy, ngài Densabouro,” cuối cùng, nó giận dữ nói, “tôi sẽ chứng tỏ cho ngài thấy tôi chẳng kém tài gì ngài. Nếu ngày mai ngài đến đúng nơi này, ngài sẽ thấy một đám rước hoàng gia còn hoàn hảo hơn thế này. Và cả phần đời còn lại ngài cũng sẽ không thể quên được tài biến hóa của Hansabouro đâu!”

Ngày hôm sau, lũng dậy đúng giờ, đến nơi đã hẹn, trèo lên cây và đợi đám rước. Nó đinh ninh rằng cáo giỏi lắm thì cũng chỉ có thể biến ra nổi một đám rước nho nhỏ và còn xa mới không sơ hở. Chắc chẳng khó gì mà không lật tẩy được. Vậy là, nó vô tư đợi cho đến khi cuối cùng cũng nghe thấy, từ đằng xa, tiếng vó ngựa. Nhưng từ phía chân trời kia hiện ra không phải chỉ một đám rước nho nhỏ. Dẫn đầu là đoàn thị nữ, gia nhân, rồi uy nghi và đỉnh đặc là những samurai, tất thảy mười sáu vị, sóng đôi nhau cưỡi trên những con ngựa tuyệt đẹp. Họ khiêng một chiếc kiệu thếp vàng, phủ lụa thêu; bên trong lãnh chúa đang ngự trên những chiếc

gối mềm mại. Phía sau lãnh chúa lại có mười sáu samurai cưỡi trên những con ngựa ô tuyệt đẹp, theo sau là một đám rước đông không kể xiết những samurai hoàng gia, mỗi vị mang theo một cặp kiếm báu.

“Đây là tác phẩm của cáo ư? Mình phải lại xem cho chắc mới được,” nói rồi trước khi đám rước lên đến nơi, lưng liền biến thành samurai và kính cẩn đứng bên vệ đường. Nó nghiêng đầu nhưng vẫn cẩn trọng quan sát để không điều gì lọt qua mắt được. Ngay khi đoàn tùy tùng của lãnh chúa đi ngang qua, nó bèn mím cười chạy đuôi theo kiệu. Đến nơi, nó vạch tấm rèm lụa nặng trĩu ra và nói: “Ngài Cáo ạ, có vẻ nhiệm vụ này đã vượt quá sức ngài; dù cho đám rước không tệ, nhưng vị samurai cuối cùng đã thò đuôi cáo ra dưới lớp áo!”

Giá như nó không làm thế! Lãnh chúa giận tím mặt, và tất cả samurai đều vung kiếm về phía nó. Họ suýt giết chết nó nếu nó không mau chóng biến trở lại thành lưng và chạy trốn chết.

Định ninh rằng cáo không thể biến thành một đám rước như vậy, nó đã nhăm mũi kiếm lộ ra dưới áo vị samurai là đuôi cáo. Bởi đám rước này quả thật là đám rước của lãnh chúa. Chính hôm qua, trong lúc chờ mãi mới thấy lưng đến, cáo đã nghe lỏm được cuộc nói chuyện của những người nông dân, rằng ngày mai sẽ có một buổi lễ lớn ở ngôi chùa trong làng, buổi lễ ấy chắc chắn sẽ có sự tham gia của lãnh chúa. Và để trả thù, cáo đã giăng bẫy con lưng ngây thơ.

Giờ đã vào được đến rừng, lưng hét lên điên dại vì đã trở thành nạn nhân của một vố lừa đau đớn. May cho cáo, nó đã lẩn đi kịp thời; nếu chúng còn chạm mặt nhau, chắc hẳn chẳng còn sự thân ái như lần đầu gặp gỡ nữa.

Vài ngày sau, khi vết thương lòng đã nguôi, lưng liền trở lại đảo Sado, bởi chuyện với cáo đã làm nó chẳng còn lòng dạ nào ngao du thiên hạ nữa. Nhưng, để trả thù ngón chơi khăm của Hansabouro, nó đã đuổi hết lũ cáo khỏi hòn đảo. Và đó là lý do tại sao chúng ta không bao giờ trông thấy con cáo nào trên đảo Sado, dù có tìm đở mắt.

Những cuộn kinh linh ứng

Ngày xưa, có một người nông dân nghèo có sáu đứa con. Sào ruộng nhỏ của gia đình họ, sau này sẽ thuộc về Taro, cậu con trai cả, chắt vật lắm cũng không nuôi nổi từng ấy miệng ăn; bố mẹ bèn quyết định cho cậu con trai thứ hai, Djiro, vừa mới lên mười, đi tu. Như thế, cậu sẽ được nuôi, mà gia đình cũng đỡ một miệng ăn. Họ tìm được vị sư thầy, trụ trì ngôi chùa nhỏ ở rìa làng bên, bằng lòng thu nhận Djiro làm đồ đệ.

Đó quả là một ngôi chùa nhỏ, nghèo y như mọi nhà trong vùng, và hòa thượng đáng kính sống cũng chẳng sung túc gì; tuy nhiên, ngài muốn giúp đỡ cha mẹ Djiro, vả lại, ngài cũng già rồi, cần một người phụ việc vặt và quán xuyến chùa, chưa nói đến việc ngài cũng phải dần tính đến chuyện tìm người kế tục.

Vậy là, một ngày nọ, chú bé Djiro cạo đầu, mặc áo chùng và bái sư học đạo.

Ngôi chùa nhỏ bằng gỗ nằm tách biệt với làng xóm, ngay cạnh cái ao ở bìa rừng, muốn vào đây người ta phải men theo một con đường mòn băng qua cánh đồng. Ngôi chùa đã cổ lắm rồi, gió mưa đã làm lở hết các bức tường và xóa dần xóa mòn những hình thù khắc trên cổng. Djiro thích nơi này lắm, nhưng chú còn thích cánh rừng ngoài kia hơn. Sẻnh ra là chú lại tót vào rừng, hái hoa hay ngả lưng trên cỏ, dõi mắt nhìn mặt trời qua những tán lá dày rậm.

Vì vị hòa thượng đáng kính sống rất giản dị, nên Djiro chẳng có mấy việc phải làm. Chú kiếm củi, gánh nước, quét dọn chùa, phủ bụi những bức tượng Phật bằng gỗ trong chính điện và những cuộn kinh trong thư phòng, và thắng hoặc mới phụ giúp việc trong bếp. Việc nặng nhọc nhất, ấy là học kinh. Djiro chẳng những thấy rằng viết chữ là việc quá khó, và dù đã rất thành tâm, chú cũng chẳng thể thuộc nổi những bài kinh khó hiểu, mà nói chung, cứ động đến học là chú thấy phiền lòng. Lúc hòa thượng ngồi đọc kinh với chú hay muốn dạy chú đọc, thì chú chẳng nghe, còn khi phải học một mình, thì chú lại thích vào rừng chơi hơn.

Hòa thượng có khuyên giải hay mắng mỏ, thì chú vẫn chứng nào tật nấy. Với Djiro, hễ cầm sách lên là chú thấy cây cối ngoài kia đang vẫy gọi, là chú cảm thấy hương gỗ mới mọc và chú nghe thấy tiếng chim hót líu lo. Vậy là, chẳng học hành gì nữa, chú chỉ mắt trước mắt sau là lĩnh ra ngoài.

Cả mùa hè chú cứ thế, đến lúc cuối cùng, hòa thượng cũng hết kiên nhẫn. Một ngày nọ, Djiro lại bỏ kinh lên cỏ, trốn học và chạy vào rừng chơi.

Hòa thượng mới gọi chú lên và kinh hãi nhận ra rằng Djiro vẫn chẳng thể đọc hết dù chỉ một bài kinh, trong khi ngày lễ “cầu phúc” đã tới gần, ngài mới bảo: “Ta rất tiếc, chú bé ạ, nhưng con chẳng bao giờ có thể trở thành hòa thượng tốt. Bởi một hòa thượng không trọng sự học, và không thuộc kinh kệ thì chẳng thể giúp người mà chỉ là gánh nặng với họ mà thôi. Dù rất đau lòng, nhưng ta chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài gửi con về lại cho cha mẹ con. Con hãy đi ngay, kéo mát thì giờ!”

Djiro nghe như sét đánh ngang tai liền nước mắt lưng tròng. Chú thực lòng muốn trở thành hòa thượng nếu như không có những buổi học kinh chán ngắt kia.

Vị hòa thượng, trông chú bé khổ não nhường ấy, thì động lòng thương hại. Ngài mở tráp sơn son, lấy ra bốn cuộn kinh, đưa cho Djiro và bảo: “Ta buộc phải làm thế, nhưng để cho con thấy là ta không giận gì con, ta cho con bốn cuộn kinh này. Trên mỗi cuộn kinh con sẽ thấy dấu hiệu của chùa ta và một đoạn kinh linh nghiệm. Đó là lời của Phật; chúng sẽ giúp con khi con gặp chuyện hiểm nghèo. Hãy giữ cho kỹ và đi đi!”

Djiro không dám cãi lời. Chú cho những cuộn kinh vào áo chùng, cúi người cảm tạ sư thầy rồi, nước mắt đầm đìa, chú quay người và xỏ đôi dép cỏ trước cửa.

Djiro khổ tâm nghĩ: “Mình biết nói gì với cha mẹ khi họ trông thấy mình bất ngờ trở về như thế này?” Nghĩ thế, chú lại không cảm được nước mắt.

Nhưng mới đi được vài bước, rừng đã hiện ra và tỏa hương thơm như thôi thúc chú, khiến chú tức thì quên sạch mọi sầu muộn. Và lẽ ra phải đi về nhà thì chú lại chạy vào khu rừng yêu quý. Bởi giờ đây chú được thỏa thích ở lại bao lâu thì ở, nên cuối cùng chú cũng có thể tiến sâu vào rừng, tới những nơi chú chưa đặt chân đến bao giờ.

Djiro rượt theo những cánh bướm, náu mình sau bụi rậm ngấm con thằn lằn đang sưởi nắng trên một tảng đá, và nghe tiếng chim riu rít. Đến lúc chú sực nhớ ra hẳn là trưa rồi, và đã đến lúc tìm đường ra khỏi khu rừng, thì đột nhiên trời đất tối sầm lại, cứ như thể có cơn dông nổi lên từ phía chân trời. Chim chóc bỗng ngưng bật, cảnh tượng này khiến chú hãi hùng.

Chú nhìn trước ngó sau, và khó khăn lắm mới trông thấy khoảng rừng trống. “Đã muộn thế rồi sao? Ôi, giá như có người sống gần đây!” chú nhủ thầm.

Đột nhiên, chú nhận ra bên kia khoảng rừng trống, có một bà cụ già đang tập tễnh lại gần. Bà phải già lắm rồi, bởi lưng bà còng gập. Bà đội một cái mũ to sụ và mặc bộ quần áo vá chằng vá đụp được buộc ngang lưng bằng một sợi dây nhỏ.

Bà cụ móm mém cười với chú và bảo: “Quý hóa quá lại gặp chú ở đây! Cứ trông bộ áo chùng với cái đầu trọc của chú là bà biết chú trước sau gì cũng sẽ là hòa thượng đây; gặp chú thực may quá. Quả là, đôi chân già khốn khổ của bà chẳng thể đưa bà đến chỗ vị hòa thượng đáng kính. Hôm nay là ngày giỗ đầu chồng bà và bà muốn mời hòa thượng khả kính tới cầu kinh cho ông lão. Nhưng gặp được chú tiểu ở đây rồi, nhờ chú tới đọc kinh trước bàn thờ nhà bà là được. Chú sẽ không từ chối lời nhờ vả của bà lão già nghèo khổ này chứ?”

Djiro không biết phải làm sao. Chú mừng vì không phải cô độc trong cánh rừng tối tăm này, nhưng làm sao có thể thú nhận là chú không biết cầu kinh? Chưa kể chú có nói ra thì bà cũng chẳng tin, khéo khi lại còn nghĩ chú không muốn chấp thuận lời thỉnh cầu của bà. Vậy là chú đồng ý và đi cùng bà qua chỗ rừng trồng, lại gần một túp lều, lạ làm sao, chú chẳng nhớ đã từng thấy túp lều ấy trước đây. Túp lều này bé đến nỗi chỉ vừa đủ cho hai người; một góc kê một tấm ván, trên tường có bàn thờ người xấu số còn một góc khác có bếp lò. Djiro quỳ trước bàn thờ và khó nhọc đọc một bài kinh cầu siêu được chấp nhật từ mỗi bài một ít. Chú toát mồ hôi và đỏ mặt tía tai, nhưng bà lão đang lắng nghe chăm chú thì chẳng có vẻ gì là nhận ra bài kinh không đúng như phải thế.

Khi Djiro đọc xong, bà cụ mới cúi đầu bảo: “Chú thật là cậu bé hào hiệp; bà rất cảm ơn chú. Ông chồng xấu số của bà hẳn sẽ mừng vì vẫn được nhớ tới. Nhưng trời tối rồi, mà làng còn xa lắm; chú sẽ lạc mất thôi. Tốt nhất là cứ ở lại đây đêm nay. Bà chẳng có gì mời chú ngoài chút cháo yến mạch, nhưng bà nghĩ chú sẽ thích.”

Djiro đói lắm rồi và được một bát cháo yến mạch thì còn gì bằng. Ăn xong, bà lão trải chăn ra đất - vừa đủ hai người nằm - và chẳng mấy Djiro đã thiếp đi. Nhưng chú ngủ chập chờn, có khi tại chú đã ăn nhiều cháo yến mạch quá, mà cũng có khi tại trong lều ngột ngạt quá, chú hết lăn bên này, lại lăn bên nọ, lúc tỉnh, lúc thức, cho đến khi đột nhiên chú choàng tỉnh hẳn. Vừa nãy khi trở mình, chú đã chạm tay vào bàn chân của một con thú; chú cảm giác rõ ràng rằng đó là móng vuốt và da thú. Nhưng khi cố nhìn xem bàn chân ấy là của ai, nhờ ánh sáng lờ mờ từ bếp lò, chú nhận ra đó là bàn chân của bà cụ.



Djiro sống người kinh hãi, bởi chú thầm nhủ bà lão đây hẳn chẳng phải là một bà lão thực, mà có khi lại là một con lửng, con cáo nào đó đã dụ chú vào hang để ăn thịt. Chú phải chạy trốn cho mau.

Chú khẽ khàng đứng dậy, nhưng vừa định bước qua bà cụ thì bà ta tỉnh giấc và hỏi: “Chú đi đâu thế, chú bé, muện thế này rồi?”

“Bà ơi, cháu muốn ra ngoài,” Djiro nhanh trí đáp.

“Nhưng ngoài kia tối lắm, chú dễ bị lạc đấy, khéo lại ngã xuống thung sâu, quanh nhà bà nhiều thung lắm. Để bà buộc cháu vào sợi dây thì sẽ không sợ lạc nữa!”

Bà cụ buộc Djiro vào một đầu dây và để chú đi. Djiro vừa mới tới trắng rừng trông, thì bà lão đã giật một đầu dây và hét lên: “Chú đừng đi lâu đấy!”

“Không, không đâu bà ạ, cháu sẽ trở lại ngay,” Djiro đáp, cuống cuống suy nghĩ xem nên làm gì. Đột nhiên, chú nhớ ra những cuộn kinh mà hòa thượng đã đưa

cho mình. Biết đâu chúng giúp chú thoát khỏi cảnh nguy khốn này.

Giữa lúc đó, bà lão lại giật sợi dây và gọi chú.

“Cháu về đây bà ạ,” Djiro vừa đáp vừa tháo sợi dây ra. Thế rồi chú buộc đầu dây vào một trong mấy cuộn kinh và ba chân bốn cẳng chạy vào rừng.

Chú chạy chưa xa thì bà lão lại giật đầu dây gọi. Và kỳ diệu thay, cuộn kinh cứ trì lại, như thể Djiro vẫn còn bị buộc ở đó và còn giả giọng chú bé đáp: “Cháu về đây bà ạ!” Djiro mừng quá, cắm cổ chạy miết.

Thấy mãi một lúc lâu Djiro vẫn chưa trở vào, mỗi lần gọi cũng chỉ đáp: “Cháu về đây, bà ạ!”, bà già sinh nghi. Bà ta thức dậy để xem chú bé làm gì bên ngoài mà lâu thế.

Thấy chú bé đã đi mất, bà ta giận dữ giẫm nát cuộn giấy, rồi đánh hơi xung quanh để xem nạn nhân của mình chạy về phía nào; ngửi ra rồi, bà ta tức tốc đuổi theo chú bé, nhanh đến nỗi cả rừng cây chỉ nghe tiếng rào rào lướt đi.

Trong bóng tối, Djiro chưa chạy được bao xa đã nghe thấy phía sau mình tiếng hỗn hển và gầm gừ đáng sợ. Chú quay lại và suýt chút nữa thì lăn ra vì kinh hãi. Ngay phía sau, chú trông rõ thứ gì đang đuổi theo mình; nhưng đó chẳng phải là bà cụ già tập tễnh, mà là con quỷ đáng sợ của khu rừng, Quỷ Dạ Xoa. Bên dưới cái mũi khủng khiếp với hai lỗ mũi nở to, đôi mắt vằn tia máu long lên như hai bánh xe lửa, là cái miệng gớm ghiếc, cái lưỡi đỏ rực lũng lảng đến tận thất lưng và mái tóc xám phất phơ trong gió như cỏ bồng. Cánh tay xương xẩu dài lồng thòng những móng vuốt, còn chân thì lông lá, đích xác như Djiro đã cảm thấy ở trong lều, đang nện xuống đất thành thịch. Djiro chạy được một bước, thì Quỷ Dạ Xoa đã sải đến hai bước khổng lồ; chả mấy mụ đã ở ngay sát chú và giương nanh giơ vuốt, nhưng đúng lúc hiểm nghèo đó, chú nắm lấy cuộn kinh thứ hai và ném nó lại ngay trước chân Quỷ Dạ Xoa.

Tức thì, một dòng sông cuồn cuộn sóng hiện ra chắn ngang giữa Djiro và mụ Quỷ Dạ Xoa. Djiro thở phào, nhưng chẳng chút chậm trễ, chú lao ra khỏi khu rừng, và vì trời lúc này đã hừng sáng, chú chạy tiếp trên những bờ ruộng.

Thấy dòng sông cuồn cuộn khó có thể vượt qua, còn Djiro ở bờ bên kia đang chạy trốn chết, mụ Quỷ Dạ Xoa hét lên giận dữ và giậm chân bình bịch. Nhưng mụ trấn tĩnh lại ngay, mụ vén tay áo, cúi xuống dòng sông và bắt đầu uống ồm ộp. Nước vào bụng mụ bao nhiêu thì sông cạn dần đi bấy nhiêu. Sau một hồi, Djiro quay lại nhìn thì thấy con sông đã hẹp lại một nửa và cạn đi thấy rõ, và loáng sau, chỉ còn là một cái lạch nhỏ, rồi sau nữa, thì hoàn toàn chui hết vào bụng Quỷ Dạ Xoa.

Quý Dạ Xoa lại tiếp tục đuổi theo, nhưng không còn nhanh như trước, bởi mụ đã ướt nhẹp, đã thế còn phải bê theo cả một bụng lặc lè nước. Nhưng chạy thêm một bước, mụ lại nhanh hơn một chút, nước từ trong cái miệng khủng khiếp của mụ nhiều ra thành dòng. Nhưng có chậm thì mụ vẫn nhanh hơn Djiro nên chẳng mấy chốc mà đã sắp bắt kịp.

Djiro cố tình chạy ngoắt ngoéo trên đồng lúa để mụ Quý Dạ Xoa phải mất thời gian dừng lại mỗi khi muốn đổi hướng, bởi cái bụng anh ách nước thế kia khiến mụ xoay xở có vẻ khó khăn hơn. Nhưng có thế, cũng chẳng giúp ích cho Djiro mấy, và chẳng mấy chốc, hơi thở và tiếng gầm gừ của mụ lại ngay sát sạt. Vậy là chú lại rút ra cuộn kinh thứ ba ném về phía mụ. Loáng cái, nơi đây trở thành một biển lửa. Những ngọn lửa nổ lét đét rồi đồm độp và bùng lên, che lấp cả Quý Dạ Xoa.

Djiro thở phào và co cẳng chạy nhanh hơn, bởi dường như chú đã thấy những mái nhà trong làng thấp thoáng phía xa. Chú lấy hết sức mà chạy, nhưng lên đến đỉnh đồi, chú nghe thấy có tiếng xì xì đáng nghi phía sau. Chú quay lại và thấy phía trên biển lửa có một đám hơi nước còn ngọn lửa thì đang lui dần. Quý Dạ Xoa đứng bên cạnh đám lửa và ép chặt bụng lại; vậy là, hai dòng nước phun ra như suối từ hai lỗ mũi, còn từ miệng là một dòng thác trút xuống đám lửa và dập tắt nó tức thì.

Nhưng Djiro không mất thì giờ chờ xem lửa tắt; chú mau chóng lao xuống đồi; nhưng chẳng mấy mà Quý Dạ Xoa đã ở ngay sau lưng chú, thở phì phò và toàn thân đen sì ám khói. Mụ đã chực giờ móng vuốt ra tóm lấy con mồi thì Djiro rút ra cuộn kinh cuối cùng và ném lại phía sau.

Cuộn kinh vừa chạm đất thì một tia chớp bạc lóe lên, rồi một ngọn núi gيوم sắc bén hiện ra.

“Chớ ngại vật như thế này thì Quý Dạ Xoa tài cách mấy cũng không vượt qua được,” Djiro thầm nghĩ, nhưng để cho chắc, chú không giảm tốc độ và chẳng mấy chốc, ngay trước mắt chú, trong màn sương sớm bảng lảng, chú đã trông thấy ngôi chùa xám ngay cạnh cái ao. Chú chỉ còn cách nửa đoạn đường thì nghe thấy tiếng lách cách khủng khiếp phía sau, kèm theo đó là tiếng gầm gừ gào thét. Quý Dạ Xoa chỉ chăm chăm nuốt chửng chú bé, mụ không ngại ngần đạp lên cả núi gيوم. Mụ tay trần vạch ra, bứt lên, nhổ đi từng lưỡi gيوم cứ như thể nhổ cỏ. Mụ bao phen đứt tay, nhưng cuối cùng cũng mở được đường qua ngọn núi.

Trong lúc ấy, Djiro đã tới gần ngôi chùa vẫn đang im lìm say giấc mà chú đã tạm biệt ngày hôm qua và tuyệt vọng đập cửa gian nhà nơi vị hòa thượng ở. Nhưng hòa thượng có vẻ vẫn đang ngủ rất say, bởi chẳng có động tĩnh gì cả. Thế mà, xa xa, người ta đã có thể nghe thấy tiếng thở hỏn hển và tiếng gầm gừ của Quý Dạ Xoa.

Djiro lấy hết sức đập cửa và tuyệt vọng hét lên: “Thưa thầy, thưa thầy!”

Cuối cùng bên trong cũng nghe tiếng động và giọng gái ngủ phát ra: “Chuyện gì thế?”



“Thưa thầy, mau mở cửa cho con vào với!” Djiro khẩn nài, mắt đảo dác nhìn quanh. Xa xa, lẫn trong màn sương, chú nhìn thấy Quý Dạ Xoa đang bưng bưng thịnh nộ càng lúc càng tiến lại gần, áo quần tả toí, tóc tai cháy sém, chỉ cặp mắt đỏ ngầu là càng dữ tợn hơn và cái lưỡi háu đói như càng đỏ lên thêm.

Từ trong chùa, vị hòa thượng ngáp và nói vọng ra: “Là con đấy ư Djiro? Con muốn gì? Không phải ta đã gửi con lại nhà hôm qua rồi sao? Con biết rõ là con sẽ không bao giờ trở thành một hòa thượng tốt được rồi mà!”

“Con xin thầy, xin thầy hãy độ lượng với con và hãy mau cho con vào, Quý Dạ Xoa đang ở ngay sau con,” Djiro hoảng loạn hét lên.

“Rõ ngớ ngẩn, vùng này làm gì có Quý Dạ Xoa? Thôi ngoan ngoãn về nhà đi, ta thực là không cần con nữa!”

“Thưa thầy! Thưa thầy! Nó tới ngay sau con rồi, thầy mau cho con vào với!” Djiro khẩn nài và chú nép sát vào cánh cửa bởi đôi mắt đỏ rực của Quý Dạ Xoa đã long lên ngay phía bờ ao còn móng vuốt sắc nhọn của nó đã cào lên mặt sỏi trong sân.

Những lời khẩn nài của chú bé đã làm hòa thượng động lòng, và đúng lúc con quỷ suýt tóm được Djiro, ngài rút then và mở cửa. Djiro nhào vào trong, theo ngay sau là cái lưỡi lòng thông của Quý Dạ Xoa quyết không để sống mất con mồi. Nhưng hòa thượng đã kịp sập cửa. Vậy là chỉ còn nghe thấy một tiếng thét khủng khiếp vang động không trung và con quỷ biến mất.

Tất cả lại giống như trước kia. Mặt trời từ từ nhô lên từ phía chân trời, rọi nắng vào trong nhà, và nhà sư khả kính xoa đầu Djiro, nói với chú rằng ngài muốn thử chú. Và ngài đã không phải thất vọng vì làm thế. Từ đó, Djiro trở nên chăm chỉ nhất trong các cậu bé chăm chỉ và không gì trên đời lại có thể kéo chú vào trong khu rừng được, kể cả có là hương thơm mời gọi của cỏ cây.

Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba hạt sỏi

Ngày xưa ngày xưa, trong một ngôi làng nọ, có một người cha có ba cậu con trai. Người anh cả và anh thứ đều khôi ngô tuấn tú; lại siêng năng và nhanh nhẹn, họ cứ luôn tay luôn chân, chẳng ngơi nghỉ phút nào. Bởi thế, dân làng ai ai cũng hết lòng khen ngợi và nắc nỏm rồi đây hai cậu sẽ trở thành những nông dân tốt biết chắt chiu dè sẻn. Ấy thế mà người em út, chú Djinrokou, thì lại thật trái tính trái nết. Chú cũng chẳng phải hạng lười biếng hay xấu tính gì, không hề; nhưng chú có cái tật mê nghe chuyện, và chú đặt hết lòng dạ vào những gì người ta kể đến mức quên khuấy cả công việc. Tai hại nhất là khi có gánh hát về làng. Lúc ấy, chú sẵn sàng vét đến đồng các cuối cùng trong nhà hòng kiếm được một chỗ ngồi xem, và lỡ vào lúc đương thiếu tiền thì có gì vào tay là chú bán hết. Cha có tìm cách nhốt chú vào đâu cũng vô ích mà thôi; trăm lần như một, Djinrokou vẫn trốn được và lại mò ra ven sông cạnh nơi gánh hát dựng rạp. Một khi đã đến, chú mê mãi ngồi xem người ta diễn đến quên cả thờ. Đến khi quay về nhà rồi, chú vẫn còn trầm trồ ngưỡng mộ, dẫu cha với các anh có quở mắng, chế nhạo, thì chú cũng chỉ ôn tồn: “Giá như cả nhà biết được câu chuyện đó hấp dẫn đến thế nào! Phải để con kể cho nghe cơ. Nhưng mà tiếc quá, con lại không tài kể chuyện bằng những người ở gánh hát.” Dứt lời, chú lại cười hiên lành với tất cả mọi người, chẳng hề bận tâm mình đã làm cả nhà phiền muộn.

“Ta thật không biết rồi mai này tương lai cái thằng Djinrokou rồi sẽ ra sao,” người cha thường tự nhủ. “Nó hảo tâm thật đấy, có cái gì cũng sẵn lòng cho, và để được nghe những câu chuyện hay, thì kể cả cái áo cuối cùng nó cũng đem cho được.”

Thời gian thấm thoát trôi đi, người cha mỗi ngày thêm già yếu, và rồi một hôm ông cho gọi các con lại căn dặn: “Các con yêu quý, giờ các con đã đến cái tuổi cần phải đi xem thiên hạ thế nào, trước khi yên tâm lập thân. Hãy nghĩ xem các con muốn đi đâu và hãy tìm con đường có vẻ tốt nhất với các con. Ta chẳng có gì nhiều nhận, nhưng ta sẽ chia đều mỗi con vài đồng vàng mà ta đã dành dụm bấy lâu để ít ra các con cũng có chút phòng thân mà lên đường. Ta thực lòng mong mỗi các con sẽ gặp vận may và bằng an trở về với ta.”

Sau đó ông chia cho mỗi người ba đồng vàng và để họ đi. Ba anh em gói ghém đồ đạc, xỏ những đôi giày chắc chắn nhất và rời làng ra đi. Họ vui vẻ tiến bước dưới

mây trắng, cho đến khi tới một ngã rẽ. Tại đây, anh cả bảo: “Này các em, dù gì cũng phải chia tay, thế sao chúng ta không nhân lúc này mà tạm biệt. Kể từ đây, mỗi chúng ta đi theo con đường riêng của mình, giống như cha đã dặn dò.”

Hai người em đồng ý liền. Họ chúc nhau gặp nhiều may mắn, cúi chào nhau rồi, anh cả theo con đường bên trái, anh thứ men theo đường bên phải còn cậu út cứ thẳng đường mà tiến. Chú hát khe khẽ và khoan khoái nghĩ tới những ngạc nhiên mà thiên hạ sắp dành cho mình, và đặc biệt là những câu chuyện thú vị mà chắc chắn mình sẽ được nghe. Con đường ngày càng khó đi, mặt trời đã xuống dần nơi đường chân trời, và cuối cùng lặn hẳn. Djinrokou lúc ấy đã vào tới trong rừng, và để tới được ngôi làng gần nhất thì hẳn còn xa lắm, phải băng qua một ngọn núi cao.

Vì chưa mấy trải đời nên chú tự nhủ: “Ngủ trong rừng thì đã làm sao, mình sẽ kiếm bãi cỏ nào làm chỗ ngả lưng và cứ thế đánh thẳng một giấc dưới gốc cây.”

Vừa đặt lưng xuống đám lá khô được vun vào thành đống cho đỡ lạnh, chú đã thiếp đi ngay và chỉ thức dậy khi những tia nắng đầu tiên của mặt trời lọt qua kẽ lá.

Chú vẫn còn mắt nhắm mắt mở thì nghe thấy ai đó ở bên cạnh mình đang nói: “Cuối cùng cũng dậy rồi; cậu dùng một chút đồ ăn rồi lên đường chứ!”

Djinrokou nhồm dậy và trông thấy phía chân mình có hai người ăn mày đang ngồi cạnh đống lửa.

Một trong hai người quay sang bảo với Djinrokou: “Hôm qua, chúng tôi vào rừng thì trời đã tối và đang lúc tìm một chỗ tạm để ngủ qua đêm thì thấy cậu vô tư đánh giấc trên cỏ. Cậu hẳn là chẳng có kinh nghiệm gì mới đại dột ngủ một mình trong rừng mà không mấy may nghĩ rằng lũ thú hoang có thể đến xé xác cậu ra. Chúng tôi ở lại đây để trông cậu. Cậu ngủ say như chết và chẳng hề biết chúng tôi đã nhóm lửa.”

Người thứ hai thêm vào: “Phải đấy, và rồi chúng tôi bảo nhau là một chàng trai trẻ như cậu chắc là đói lắm sau một đêm lạnh như thế trong rừng, và chúng tôi đã nấu sẵn ít cơm đây. Hãy đến ăn với chúng tôi. May cho cậu là chúng tôi chú không phải lũ thú hoang đã tìm thấy cậu.” Nói xong, anh ta đưa cho Djinrokou một nắm cơm.

Djinrokou không biết làm sao để đền ơn những người ăn xin. “Các anh tử tế quá,” cuối cùng chú cũng lên tiếng. “Các anh biết không, cha tôi đã cho tôi ba đồng vàng lúc ra đi; bởi chúng ta có ba người, nên chúng ta chia đều thôi, mỗi người một đồng. Phải đó, đúng là ý hay,” chú vui vẻ vừa nói vừa mở bị và lấy ra chiếc khăn tay trong đó gói cẩn thận những đồng vàng. Những người ăn mày nhìn nhau ngạc

nhiên, và khi thấy cậu trai trẻ này quả không đùa, thì họ vui sướng quá.

Người ăn mày đầu tiên bảo: “Cậu thật là hảo tâm, cậu trai trẻ xa lạ ạ; món tiền mà cậu biếu chắc chắn sẽ khiến chúng tôi vô cùng sung sướng. Nhưng chúng tôi chẳng thể nhận không của cậu được. Chúng tôi cũng có thứ này biếu cậu đây; dù cho chẳng phải nhiều nhận gì, tuy nhiên có thể hữu ích với cậu một ngày nào đó.”

Nói rồi, anh ta đưa cho Djinrokou một cây kim; người ăn mày thứ hai cho chú một cuộn chỉ.

“Đừng cho đó là kim thường,” người ăn mày đầu tiên còn dặn thêm. “Cây kim này có thể khâu tất tật những gì cậu muốn.”

“Còn chỉ này cũng chẳng phải tầm thường,” người ăn mày thứ hai nói thêm. “Cậu có thể khâu đến khi nào tùy thích, sẽ chẳng bao giờ hết chỉ.”

Djinrokou cảm ơn hai người ăn mày, cúi chào họ rồi tiếp tục lên đường.

Con đường đưa chú trèo bao núi cao, lội bao thung sâu, rồi một ngày, tại một thung lũng hẹp, chú gặp một cụ ông lưng đã còng. Cụ đội một cái mũ dẹt từ chỉ vàng, mình vận áo dài thêu những bông hoa lớn sắc sỡ, và chân đi đôi dép sợi bện. Nhưng thứ lạ lùng nhất chính là khuôn mặt của ông cụ, chẳng chút nào hòa hợp với bộ dạng lòng không và chòm râu dài bạc phơ kia, bởi nó hồng hào và láng mịn.

Ông cụ mang theo một cái túi to đã sờn trên lưng và đi lại nhanh nhẹn hơn là người ta có thể tưởng tượng ở độ tuổi của ông. Trông thấy Djinrokou khoan thai lại gần, ông dừng lại có ý chờ. Đợi cậu trai trẻ bắt kịp mình, ông cụ mới liếc sang dò xét và từ tốn bảo: “Này cậu, ta có cảm tưởng cậu thích nghe những câu chuyện hấp dẫn.”

“Ồ vâng, cụ ơi, cháu thích nhất trên đời là được nghe chuyện hay,” Djinrokou mừng rỡ đáp, bụng bảo dạ chắc sẽ học được điều gì hay đây.



“Nếu thế, hẳn là cậu cũng biết kể những câu chuyện hấp dẫn chứ?” ông cụ hỏi tiếp.

Thế là, Djinrokou trở nên buồn rười rượi, bởi tiếc làm sao, chú chẳng có tài này.

“Cụ nhầm rồi cụ ạ, cháu chẳng biết kể chuyện. Cháu đã nghe không biết bao nhiêu là chuyện hay, ấy vậy mà, hễ định cất lời kể lại, là y như rằng, chuyện thành ra tẻ ngắt.”

Ông cụ lắc đầu tiếc nuối nói: “Thế thì tiếc thật, bởi đi hết khu rừng này là đến vùng đất của một lãnh chúa say mê nghe kể những câu chuyện kỳ lạ và hấp dẫn. Đến nỗi ngài đã hứa sẽ gả con gái cho ai kể được chuyện nào độc nhất vô nhị. Mà thôi, đừng buồn, ta cho cậu một lời khuyên. Ta bán những câu chuyện; cậu có muốn mua một chuyện không?”

“Cháu sẵn lòng thừa cụ, nhưng một chuyện thì giá bao nhiêu?”

“Chà, tiếc thay, những chuyện rẻ ta bán hết rồi. Giờ ta chỉ còn duy nhất một

chuyện trong túi; đó là câu chuyện đắt nhất. Nó trị giá một đồng vàng. Nhưng cũng bỏ, đó thực là câu chuyện hay nhất trong tất cả các câu chuyện.”

Djinrokou vui mừng nói: “Thế cháu gặp may rồi. Cháu vẫn còn một đồng vàng bố cháu cho đây.” Nhưng vừa dứt lời chú lại do dự: “Nếu cháu đưa cụ rồi, cháu chẳng còn đồng nào nữa. Cụ nghĩ là chuyện này có mang lại may mắn cho cháu không?”

Ông cụ trấn an cậu trai trẻ và giải thích rằng không việc gì phải lo lắng, bởi một câu chuyện trị giá cả một đồng vàng thì chắc chắn sẽ không làm ai thất vọng. Vậy là, việc mua bán xong xuôi.

Djinrokou đưa ông cụ đồng vàng cuối cùng; ông liền mở cái túi, ghé nó sát vào tai Djinrokou và bóp khẽ. Vậy là, một tiếng thì thầm nổi lên và câu chuyện bắt đầu trườn từ đáy túi sang tai của Djinrokou.

Sau đó, ông cụ thất miệng túi lại và hỏi: “Thế nào, câu chuyện hay chứ?”

Djinrokou gật đầu ngạc nhiên và đáp: “Đó thực là một câu chuyện lạ.”

Thế rồi, chú lễ phép cúi chào ông cụ rồi tức tốc chạy tới thành có dinh thự của lãnh chúa. Trên đường chú cứ vấp ngã liên tục đến sưng cả đầu bởi chẳng chú ý gì đến đường sá, mà chỉ mãi lắng nghe câu chuyện lạ đang ong ong trong đầu. Cuối cùng, chú cũng tới nơi.

“Ai đến đây?” lính gác quát hỏi khi Djinrokou đập cổng.

“Tôi là Djinrokou và tôi biết câu chuyện tuyệt vời nhất toàn cõi Nhật Bản; tôi muốn kể nó cho lãnh chúa!”

Djinrokou được đưa vào gặp lãnh chúa.

Ngài chào người lạ thế này: “Nghe nói ngươi biết một câu chuyện kỳ lạ. Vậy hãy mau kể cho ta để ta xem có thật thế không, hay ngươi chỉ là phường bịp bợm. Phần thưởng thì ngươi biết rồi đấy. Có điều ngươi nên nhớ, nếu làm ta phát chán, ta sẽ cho chặt đầu ngươi! Nào kể đi!”

Nghe những lời này, Djinrokou chột dạ, nhưng chuyện đã đến nước này thì chẳng còn đường rút, vậy là chú đánh liều kể lại câu chuyện đã mua của ông cụ: “Ngày xưa ngày xưa, cách đây rất lâu rồi, có một cây sồi. Đó là cây sồi đặc biệt cao lớn mà ngày nay không đâu còn thấy lại nữa. Cành của nó vươn từ tỉnh Etchigo tới tận đảo Sado, còn thân cây đường kính tới ba trăm ba mươi ba nghìn thước, ba bước và ba tấc...”

Lãnh chúa gật gù thốt lên: “Quả là một cây sồi không bình thường.”

Djinrokou không bị sao lãng mà vẫn tiếp tục: “Nhưng, cây sồi này không chỉ đặc biệt lớn, mà nó còn đặc biệt cao, cao tới ba trăm ba mươi ba dặm...”

Một lần nữa, lãnh chúa lại ngắt lời: “Làm sao người biết được chiều cao của cái cây; nhà người đã đo à?”

“Thần không tự đo, mà ngọn cây mất hút ở vùng đất lảng giềng. Và ở đó, có một cậu cực kỳ tò mò. Cậu này rất thắc mắc về cái cây và một ngày nọ, đã nhảy lên cành cây rồi tụt xuống xem sao. Phải mất nhiều năm ròng cậu mới có thể xuống được hết cành cây; và lúc đó trời đã sang thu.

Khi trèo xuống như vậy, cậu ta đã làm rụng hết hạt sồi này đến hạt sồi khác. Một hạt rơi xuống mái đền Senkodji, ở phía Bắc; hạt thứ hai rơi xuống miệng núi lửa trứ danh của chúng ta, đỉnh Phú Sỹ; hạt thứ ba rơi xuống hồ Biwa, ở phương Nam...”

“Rồi, rồi, ta hiểu rồi; thế rồi sao?”

“Thế rồi, một hạt sồi khác rơi xuống đảo Shikokou, trúng cái chuông nhỏ của người hành hương đang đi từ đền này sang đền khác. Cái chuông đánh tiếng làm chàng hành hương sợ chết khiếp. Hạt thứ năm...”

Lại lần nữa, lãnh chúa sốt ruột cắt ngang câu chuyện: “Thế có bao nhiêu hạt sồi tất cả?”

“Ồ, có nhiều lắm,” Djinrokou mát bình tĩnh. “Có cả thảy là ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba hạt sồi. Và mỗi một trong số ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba hạt sồi này lại có câu chuyện riêng.”

Vậy là, lãnh chúa hỏi, giọng hoài nghi: “Làm sao người có thể đếm được số hạt sồi nhiều đến như thế?”

Bị hỏi vặn, Djinrokou khựng lại, bối rối. Chú có thể kể tốt từng câu chuyện của từng hạt sồi, nhưng trong số tất cả những câu chuyện mà cái túi đã thì thầm vào tai chú chẳng có chuyện nào giải thích làm sao người ta đếm được chừng ấy hạt sồi cả. Chú chắc mẩm phen này thì mất đầu thật rồi, chột may sao, chú nhớ đến món đồ những người ăn mây tặng.

“Ồ, dễ thôi, thưa lãnh chúa đáng kính; thần xỏ kim khâu thành một chuỗi, vừa xỏ vừa đếm.”

Thế này thì quá lắm, kể cả với lãnh chúa. Ngài quát lên giận dữ: “Chuyện ngu

xuân gì thế, chẳng có sợi chỉ nào trên đời này đủ dài mà khâu được cả triệu hạt sỏi.”

Djinrokou không hề nao núng, rút từ trong túi ra cây kim và sợi chỉ rồi dâng nó cho lãnh chúa: “Thưa lãnh chúa, đây chính là kim và chỉ, nếu ngài không tin, thần sẽ đếm tất tậ số hoa trong vườn của ngài!”

Đoạn chú ném cây kim cùng sợi chỉ qua cửa sổ lên ngọn cây anh đào đang nở hoa. Liên đó, người ta nghe thấy trong vườn có tiếng thét khủng khiếp rồi nghe ạch một tiếng như thể có vật gì nặng rơi xuống đất. Bá quan nháo nhác nhào ra cửa sổ để xem có chuyện gì.

Dưới gốc cây đương hoa, một tên trộm ác ôn nằm chết giắc. Hóa ra cây kim Djinrokou lẳng qua cửa sổ đã xuyên thấu tim hắn, làm hắn bổ nhào khỏi ngọn cây đang ả nấu. Đó chính là tên trộm khét tiếng hoành hành bấy lâu, cả đến lãnh chúa cũng luôn nơm nớp lo sợ. Và dù có ráo riết truy đuổi, người ta vẫn chưa thể tóm nổi hắn. Tình cờ thế nào, hôm nay hắn lén vào dinh thự âm mưu ám sát lãnh chúa cùng cả gia tộc. Ấy vậy mà, cây kim của chàng trai trẻ đã chấm dứt mãi mãi hành động bất lương của hắn.

Để tỏ lòng biết ơn, lãnh chúa gả con gái cho Djinrokou. Vậy là, chính trái tim nhân hậu và niềm đam mê các câu chuyện hay đã mang lại may mắn cho người em út trong ba anh em.

Thần nghèo

Ở ngay ngoại thành Osaka xưa kia có một túp lều tồi tàn, là nơi ở của Gohei, chàng lượm giẻ. Túp lều cũ kỹ rách nát ấy, sang đông thì gió bắc cầm cầm lửa thông thống qua những nan phen, cùng một nhúm giẻ bỏ đi - là tất cả của nả của chàng lượm giẻ. Cả đời, anh chẳng làm gì mà thành, từ việc nhỏ nhất trở đi; hễ động đâu là hỏng đấy, có thể là bởi anh chậm chạp rồi lại luôn sợ sệt, mà cũng có thể bởi anh cả tin nên lúc nào cũng dễ bị lừa. Anh thậm chí chẳng thể cưới nổi một cô vợ - mà thử hỏi ai bằng lòng lấy một người chồng đã nghèo lại còn đen đui như ông kia chứ?

Lại một lần nữa, năm hết, Tết đến, mà Gohei thậm chí chẳng có lấy nổi một nhúm giẻ rách trong nhà, nói gì đến đồ ăn thức uống, một chút củi khô để nhóm lửa cũng không. Gió lạnh buốt thổi ào ào qua khe hở và tuyết chẳng mấy mà rơi dày. Lần này, cũng lại như mọi lần, Tết nhất chắc chẳng có gì vui vẻ. Anh chẳng dám mơ mâm cao cỗ đầy, chỉ ước giá như có thể thắp chút lửa sưởi hòng làm dịu đi cái rét cũng như cơn đói đang giày vò.

Vậy là, anh nảy ra ý dỡ phen trong lều để nhóm lửa. Mới nghĩ đến ngọn lửa ấm áp nhảy nhót anh đã thấy ấm lòng hơn, anh liền bắt tay ngay vào việc. Anh chẳng khó nhọc gì mà không rút được mấy phen tre, bởi túp lều đã xập xệ lắm rồi. Anh rút thanh thứ nhất, rồi chuẩn bị đến thanh thứ hai, thì đột nhiên khựng lại. Anh dụi dụi mắt, cứ nghĩ mình đang mơ. Trong cái hốc để lại sau khi anh rút phen thứ nhất mái đầu hoa râm của một ông lão nhỏ thó lộ ra. Ông chỉ cao ngang thắt lưng Gohei. Râu tóc ông đều lốm đốm bạc quanh khuôn mặt nom đến là khắc khổ. Ông lão vận bộ đồ màu xám rách rưới, chân xỏ đôi dép cói đã sờn và trên vai khoác một tay nải màu xám vá chằng vá đụp.



Gohei há hốc miệng kinh ngạc. Nhưng ông lão đã ôn tồn bảo: “Thật lạ là nhà anh không biết ta. Ta sống dưới túp lều của anh lâu lắm rồi, và ta luôn nghĩ rằng ta là bạn đồng hành của anh. Bởi, ta chính là Thần nghèo, nói thế để phòng trường hợp anh chưa nhận ra ta, và ta rất thoải mái khi ở nhà anh. Nhưng độ gần đây, anh đã đến mức khôn khổ quá sức chịu đựng, ngay cả với ta, và bởi giờ đây anh thậm chí còn phá cả mái ấm của mình, nên ta sẽ đi tìm chỗ trú thân mới. Năm mới vừa tới, cũng là dịp tốt. Ta hy vọng rằng anh không giận gì khi ta bỏ đi và hãy ngồi uống với ta một chén coi như tạm biệt.”

Gohei, bối rối, im lặng mãi rồi mới thú thực: “Thần thứ lỗi cho con, con rất áy

náy vì bất lịch sự, nhưng con chẳng thể uống với thần bởi con chẳng có lấy một giọt rượu hay thứ gì để mời thần.” Và lòng xót xa vô hạn, anh bật khóc.

Vị thần cúi đầu thương xót, rồi lục tay nải của mình.

“Ta chẳng bao giờ tin được anh lại nghèo đến không có nổi một giọt rượu đón Tết,” ngài nói, đoạn lấy từ trong túi ra vài đồng xu được xâu vào một sợi dây và đưa cho Gohei. “Đây, cầm lấy tiền rồi vào thành mua chai rượu, một túi gạo và chút than hoa về đây!”

Gohei đi một lát là trở lại ngay; với số tiền đó, anh sắm đầy đủ, lại còn mang về được một con cá rồi họ đánh chén. Ăn uống xong đầu đầy, anh rót rượu và họ ôn lại chuyện xưa năm cũ. Đã lâu lắm rồi, mới có một ngày cuối năm tuyệt vời như vậy.

Vừa uống hết chai rượu, Thần nghèo bảo: “Thấy anh thực thà, tốt bụng, nói chuyện với anh rất thoải mái, thế nên, ta quyết giúp anh. Có vẻ anh chẳng có cách gì đỡ nghèo, vậy thì ta sẽ giúp anh có những ngày tháng sung túc hơn. Hãy nghe kỹ điều ta sắp nói với anh đây. Đúng giao thừa, ngay khi năm mới bắt đầu, hãy đến đứng trước đền thờ bốn vị thần trời. Ngay khi tiếng chuông đầu tiên cất lên báo hiệu năm mới, sẽ có ba kỵ sĩ cưỡi ngựa chạy qua trước đền. Người thứ nhất vận toàn đồ vàng, người thứ hai đồ trắng và người thứ ba đồ đen. Cả ba người trông rất dữ dằn nhưng anh đừng sợ. Hãy can đảm lại gần người thứ nhất, tóm lấy cương ngựa và nắm cho chắc. Nếu người thứ nhất không được, thì gắng mà tóm được một trong hai người kia, và nhớ là đừng có lỏng cương. Còn hồi sau, rồi anh sẽ biết. Anh sẽ không phải hối hận đâu, và đến cuối đời, anh sẽ không còn phải chịu cảnh nghèo khổ nữa.”

Dứt lời, Thần nghèo chào tạm biệt và biến mất nhanh đến nỗi Gohei còn chưa kịp cảm ơn. Gohei tức tốc lên đường vào thành, tới đền thờ bốn vị thần trời, cho kịp giao thừa. Ngoài trời tuyết bắt đầu rơi và khi Gohei tới ngôi đền, khắp nơi đã trắng xóa một màu. Trắng ló ra sau những đám mây và soi rạng khoảng trống trước đền nơi Gohei đang đứng, người run lên vì lạnh và phấn khích. Anh nhịp chân cho ấm người, chỉ mong sao chóng đến giao thừa.

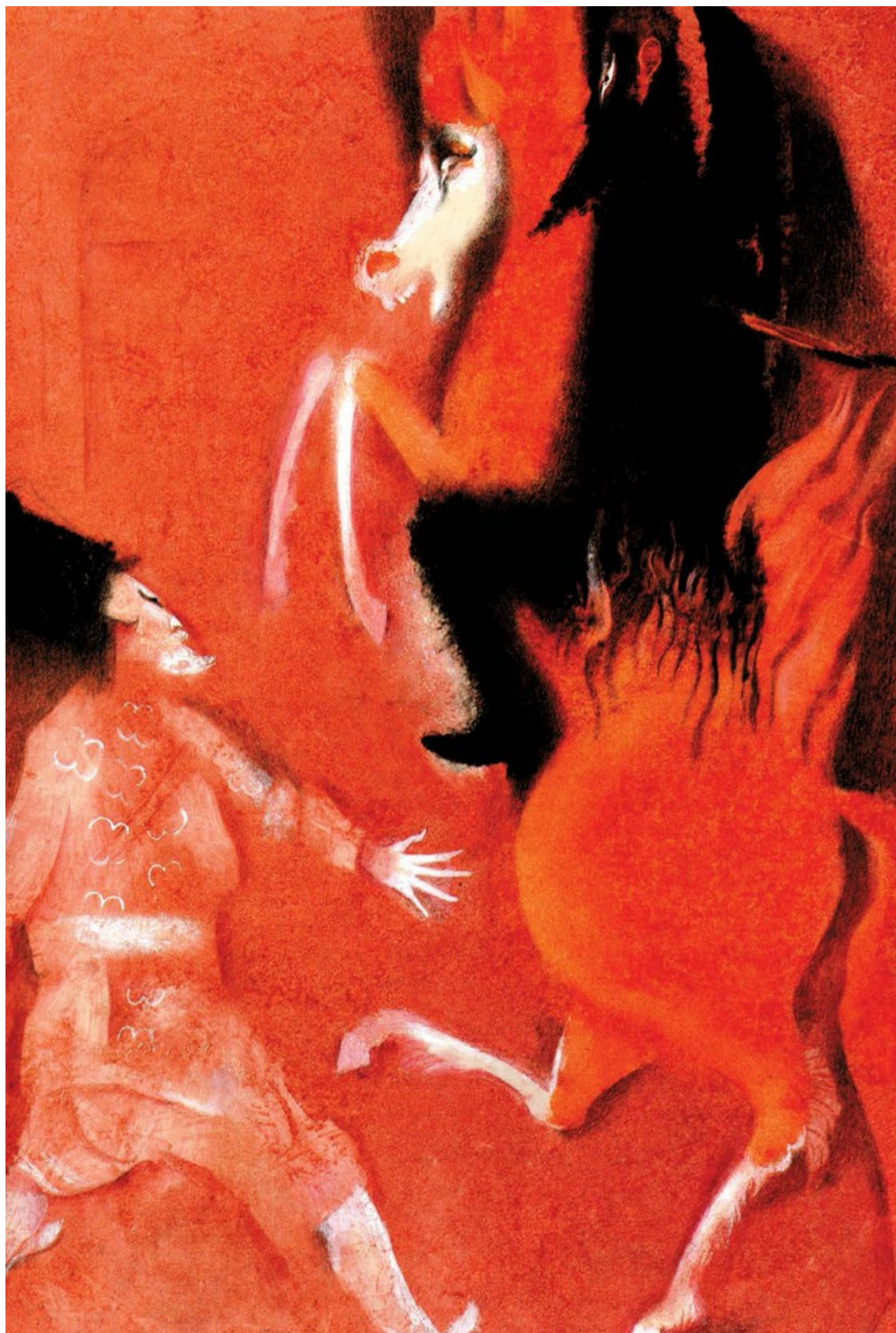
Cuối cùng, tiếng chuông đầu tiên báo hiệu năm mới sang cũng vẳng đến. Đúng lúc đó, Gohei nghe thấy từ xa có tiếng vó ngựa, và rồi từ trong bóng tối, anh thấy hiện ra ba kỵ sĩ. Người đầu tiên cưỡi ngựa vàng, mình vận áo lụa vàng, đầu đội mũ dát vàng và thắt lưng đeo gươm dài dựng trong bao cũng màu vàng. Người thứ hai cưỡi trên lưng một chú ngựa bạch lông lẩy và bộ đồ sáng dưới ánh trăng cũng một màu trắng còn trong trẻo hơn cả tuyết mới rơi. Trái lại, đi cuối, kỵ sĩ thứ ba chìm lẫn trong màn đêm, bởi người này cưỡi một con ngựa ô và bận tuyền đồ đen, ngay cả bộ râu cũng đen nốt.

Cả ba người đều toát lên vẻ đáng sợ đến nỗi Gohei run lấy bầy và cố lắm mới nhúc nhích nổi. Trước khi anh kịp trấn tĩnh lại, thì kỵ sĩ vàng đã lướt qua và kỵ sĩ trắng đang lại gần. Vậy là Gohei thu hết can đảm. Anh không dám nhìn kỵ sĩ mà tập trung vào con ngựa; anh giờ tay định nắm lấy dây cương nhưng con ngựa khịt mạnh và dữ dội đến nỗi Gohei hoảng hốt để tuột tay. Và kỵ sĩ trắng cũng đi qua. Gohei thở dài, bởi một lần nữa anh lại thất bại; nhưng anh lấy lại tinh thần ngay, đứng chắn đường con ngựa ô và giờ tay tính tóm lấy dây cương. Con ngựa lồng lên, rồi biến mất vào trong bóng đêm.

Gohei nước mắt lưng tròng. Giờ thì anh sẽ phải sống khôn khó đến cuối đời, và hơn nữa, anh lại còn khiến vị thần tốt bụng đã muốn giúp đỡ mình phải thất vọng. Thế rồi, đột nhiên, anh lại nghe thấy từ xa có tiếng vó ngựa và trông thấy kỵ sĩ thứ tư lại gần. Anh có tính nhảm không nhỉ? Hay khi này chỉ là mơ và giờ những kỵ sĩ thật mới đến? Thu hết can đảm, anh ra đứng chắn ngang đường và nắm chặt lấy dây cương. Lần này con ngựa ngoan ngoãn nghe lời, và khi mở mắt ra anh thấy con ngựa màu xám còn kỵ sĩ kia không ai khác chính là Thần nghèo.

“Gohei ơi là Gohei, việc này khó đến thế với anh sao,” sau một hồi, Thần nghèo nói. “Ta đã nói phải nắm và giữ lấy một trong ba kỵ sĩ kia. Đó là các vị thần tài. Vị thứ nhất là Thần tài vàng, vị thứ hai là Thần tài bạc, còn vị thứ ba, màu đen là Thần tài đồng. Giá như anh tóm được người đầu tiên, anh sẽ có đủ vàng cho tới tận cuối đời và trở nên giàu có. Còn nếu tóm được hai người kia, cũng không đến nỗi tồi. Nhưng lại lần nữa, anh làm hỏng cả và chỉ tóm được ta, Thần nghèo. Tuy nhiên, ta đã quyết từ biệt anh, nên ta sẽ giúp anh một lần nữa. Hãy nghe kỹ đây: ngày hôm nay, lúc nửa đêm, bốn chúng ta sẽ lại theo con đường này trở về từ hướng ngược lại. Hãy thử vận may của mình một lần nữa, nhưng lần này hãy cẩn trọng hơn. Ta sẽ không giúp anh thêm lần nào nữa đâu. Còn giờ, để ta đi!”

Gohei vâng lời và loáng cái cả người cả ngựa đã biến mất. Mặc dù rất buồn bởi bị thần quở mắng, nhưng Gohei vẫn còn hy vọng, vì mọi thứ vẫn chưa mất hẳn. Cả ngày đầu năm, anh chỉ nghĩ đến buổi đêm rồi hạ quyết tâm sẽ tóm cho được chú ngựa vàng và sẽ không buông tay ra dù có bất cứ chuyện gì xảy ra chẳng nữa, ngay cả khi phải vận hết sức lực.



Đêm đến, anh trở lại đứng trước ngôi đền thờ bốn vị thần trời. Tuyết đã tan và mặt đất nhóp nhép. Tuy nhiên, cũng không vì thế mà ấm hơn đêm trước là mấy, và bởi Gohei nôn nóng đã tới ngôi đền từ trước nửa đêm rất lâu nên anh lạnh cóng cả người, rồi cuối cùng mặt trắng cũng lộ ra khỏi những đám mây và tiếng chuông báo nửa đêm bắt đầu vang lên. Đúng lúc ấy, các kỵ sĩ lại xuất hiện. Gohei giạng chân ra, chặn đường kỵ sĩ vàng, thu hết cam đảm lao vào con ngựa. Nhưng con này chỉ nhún một cái đã dễ dàng vọt qua đầu Gohei. “Nếu đã không bắt được kỵ sĩ vàng ròng, thì ta nhất định phải tóm được kỵ sĩ bạc trắng!” Gohei nhủ thầm, lòng vẫn không nao núng. Và anh tóm được dây cương con bạch mã. Tuy nhiên, con ngựa vùng lên, cương tuột khỏi tay Gohei và kỵ sĩ bạc lại biến mất trong màn đêm. Nước mắt lưng tròng, Gohei thấy tuyệt vọng quá. Nhưng vẫn còn kỵ sĩ đen, Thần tài đồng. Vậy là, Gohei vận hết sức bình sinh tóm lấy dây cương con ngựa ô, nhắm chặt mắt và không buông tay dù con ngựa chống cự dữ dội. Cuối cùng, nó đuối dần, và khi Gohei mở mắt ra, kỵ sĩ đen đã biến mất, nhưng thay vì dây cương, trong tay anh là một túi tiền đồng nặng trĩu. Đúng lúc đó, ngựa xám phi qua. Thần nghèo chào thân ái Gohei và theo gót ba vị Thần tài.

Gohei hài lòng trở lại nhà. Mặc dù anh không giàu có nhưng lúc nào cũng có tiền trong túi. Dần dà, anh sửa lại túp lều, và vì không còn nghèo nữa, anh đã cưới được vợ và sống hạnh phúc đến cuối đời.

Thiên đường của loài mèo

Ngày xưa, cách đây lâu lắm rồi, trong một ngôi làng nọ, có một mục đàn bà con nhà quyền quý nhưng tính tình kiêu căng, độc địa. Mục sống trong nhung lụa, nhưng tâm can lúc nào cũng bị giày vò bởi lòng đố kỵ. Hết ganh ghét người này vì lắm tiền, nhiều của, mục lại ghen với người nọ vì đẹp hơn, trẻ hơn. Hễ thấy người xung quanh tươi tỉnh hay thân thiết với nhau thôi là mục cũng thấy sôi gan. Nhắc thấy khuôn mặt người nghèo dẫn ra vì một nụ cười, là mục cũng đủ ứa mật, giậm chân thét lác: “Trông cái lũ nghèo xác nghèo xơ kia, chúng nghèo mà sao vẫn sượng! Còn ta? Ta danh giá hơn chúng, thế mà ta chỉ rặt những muộn phiền. Sao lại thế được?” Và, tức tối ra mặt, mục chỉ chăm chăm suy tính làm thế nào tước hết niềm vui của người nghèo.

Trong số những người giúp việc nhà mục đàn bà nọ có cô gái nhỏ Youkiko. Bố mẹ mất sớm nên cô lớn lên trong tiếng quát mắng và đòn roi của mục chủ giàu có. Dù phải chịu hành hạ, cô vẫn giữ được trái tim thánh thiện và đối đãi với ai cũng ôn hòa, thân ái. Vật duy nhất trong nhà gắn bó với cô là một con mèo nhỏ màu đen, và chính nó là nguồn vui của cô gái nhỏ. Hằng đêm, con mèo đều đến bên giường cô, còn ban ngày nó thường quần quanh, cọ cọ cái lưng vào chân cô. Những lúc ấy, cô gái nhỏ lại bế con mèo lên, vuốt ve dịu dàng và quên hết mọi nhọc nhằn, phiền muộn. Nhờ vậy cô cũng vui đi nổi cô độc, bởi ít nhất trên đời, cô còn có người bạn để thủ thỉ tâm tình.

Hiển nhiên, mục chủ nhà biết tình bạn này, và mỗi khi bắt gặp cô gái đang chơi đùa cùng con mèo, mục lập tức giao thêm cả đồng việc cho Youkiko.

“Mày có thì giờ chơi với con mèo, thì cũng có thì giờ làm thêm cái này cái nọ cho bà chủ đã nuôi ăn mày chứ!” mục thường viện cớ đó và Youkiko khốn khổ chẳng dám cãi lời.

Con mèo cũng chẳng sung sướng gì hơn. Mục chủ hét đánh lại kéo râu nó hay thô bạo vuốt lông nó dựng đứng lên rồi cả cười bảo nó: “Xem nào, thế không làm mày vui à? Phải chăng tao vuốt ve không được nhẹ nhàng bằng con Youkiko?”

Cô đầy tớ chỉ còn dám lén vuốt ve con mèo, nhưng cô vẫn sẻ cơm cho nó, và bữa nào mà tiệc tùng còn thừa cá, cô lại mang cho con mèo. Chỉ những lúc hiếm hoi được ở cạnh người bạn nhỏ thân thiết là cô còn vui sướng. Được thủ thỉ với con mèo nỗi phiền muộn trong lòng và cả chuyện mục chủ bạc đãi mình - dù chỉ là lén lút và lúc nào cũng lo bị phát hiện - cô cũng thấy nhẹ lòng hơn nhiều.

Nhưng rồi, một ngày kia, Youkiko tìm mãi không thấy con mèo nhỏ. Dù đã kiểm soát chốc lát lại chạy ra sân cố tìm người bạn thân thiết, cô vẫn chẳng thấy bóng dáng nó đâu.

“Chắc là nó đi đâu đó, đến tối là về thôi,” cô tự an ủi. Nhưng, ngày đã không thấy, tối đến con mèo cũng không đến giường cô như lệ thường. Youkiko thức tới tận sáng. Hễ nghe thấy tiếng động nào, cô lại bật dậy, ngỡ rằng đó là con mèo đang cào cửa.

Sớm hôm sau, cô trở dậy, xanh xao, mắt đỏ mọng vì khóc và mệt mỏi làm việc. Con mèo đã biến mất và không trở lại. Youkiko bé nhỏ khóc vì mất đi người bạn thân thiết duy nhất mà không hề biết chuyện gì đã xảy ra với nó.

Người duy nhất vui mừng vì con mèo biến mất là mẹ chủ hẻm mình. Nỗi buồn của cô đầy tớ làm mẹ hả dạ, và trong thâm tâm mẹ chẳng trách cứ gì con mèo đã bỏ đi. Mỗi khi nhìn thấy khuôn mặt buồn bã của cô gái nhỏ, mẹ lại ra vẻ đắc thắng bảo: “Mày thấy chưa, sáng mắt ra chưa, đây là phần thưởng của mày đấy. Cứ cật công chăm bẵm con mèo, giờ đáng ra phải trả ơn, nó lại bỏ đi không báo mày lấy một tiếng. Tao thì tao tưởng nó báo mày trước đấy, thế ra nó chỉ nghĩ sao cho thoát được thân nó. Ở cái đời này, rất một phường xấu xa tệ bạc, người cũng như thú.”

Vậy là, mẹ cố dùng lời lẽ độc địa hòng xoáy sâu vào nỗi buồn của cô gái. Nhưng Youkiko không để ký ức về con mèo bị vấy bẩn. Ngoài mặt, cô không dám cãi lời chủ, nhưng thâm tâm cô không tin dù chỉ một lời một chữ mẹ nói ra và cô nhủ thầm: “Con mèo nhỏ của mình chắc hẳn gặp điều bất hạnh gì, còn mình thì thậm chí không thể tới giúp nó được bởi mình chẳng biết nó ở đâu.” Và, ngày cũng như đêm, cô lo lắng cho số phận người bạn nhỏ.

Thời gian thấm thoát qua đi, đến một ngày, có một thầy tướng số đi qua làng. Ông thông tuệ đến nỗi không chỉ tiết lộ được những bí mật trong tương lai mà còn có lời giải cho những vấn đề hóc búa của hiện tại. Người ta thì nhau mời ông và mẹ chủ nhà kiêu căng cũng mời ông về nhà, rồi hỏi bao nhiêu câu hỏi cho tới tận khuya - bởi, rốt cuộc có giỏi tướng số đến đâu thì ông cũng phải kiếm sống nhờ tiền người ta cho.

Youkiko rất muốn hỏi chuyện con mèo; nhưng mẹ chủ độc ác đời nào cho phép. Vậy là, cô gái nhỏ nấp sau cánh cửa đợi thầy tướng số rời khỏi nhà bà chủ rồi mới hỏi. Cô sợ mẹ ta sẽ bắt gặp cô ở đây và quở mắng cô vì lười là công việc, nhưng mong muốn biết được điều gì đó về bạn mình còn mạnh hơn cả nỗi sợ bà chủ.

Youkiko đợi rất lâu thì mới thấy thầy tướng số rời khỏi ngôi nhà. Ông vừa ra đến cổng, Youkiko đứng bật dậy, cúi rạp người và kể cho ông nghe nỗi sầu muộn của

mình. Thế rồi, cô van vi: “Thưa ngài đáng kính, ngài biết đủ mọi thứ kỳ lạ trên đời, có thể ngài cũng biết chuyện xảy ra với người bạn duy nhất của tôi, bạn mèo đen chẳng?”

Thầy tướng số suy nghĩ một lát rồi trả lời: “Con mèo của cô chắc chắn đang ở trên núi của loài mèo, trên đỉnh Inaba, ở đảo Kiouchou. Nếu thực sự cô muốn gặp nó, hãy tới đó. Nhưng nghĩ cho kỹ đi, việc đó rất nguy hiểm và cô không biết điều gì đang đợi mình ở đó đâu.”

Biết được có một nơi trong thiên hạ có thể gặp lại bạn mèo yêu quý, Youkiko không do dự lấy một giây. Không có nguy hiểm nào, không có trở ngại nào có thể ngăn cô đến đó. Cô nài nỉ mục chủ cho tới khi mục chấp thuận cho cô nghỉ vài ngày.

“Nhưng lúc nào về, mày phải làm không công thêm hai ngày cho mỗi ngày mày vắng nhà,” mục chủ đáp, lòng dạ đen tối của mục hả hê vì ý nghĩ hiểm nguy đang chờ cô gái nhỏ cùng những hy sinh của cô. Và tất cả chỉ bởi một con mèo!

Youkiko gói ghém tay nải; chẳng nhiều nhận gì, chỉ vài mẫu bánh khô cô để dành trong bếp. Thế rồi cô bắt đầu một chuyến đi dài và cực nhọc. Suốt những đêm trường lạnh lẽo, cô ngủ trong bụi rậm ven đường, bởi cô sợ lạc đường, mà ngủ trong nhà trọ thì cô chẳng có tiền. Tờ mờ sớm, ngay khi trời đủ sáng để nhìn thấy đường, cô lại vội vã lên đường. Đôi dép sợi bện chẳng mấy đã rách bươm, và đá sỏi cửa vào gan bàn chân cô ứa máu.

Cuối cùng, cô cũng tới được đảo Kiouchou. Trời đã tối khi cô tới được làng đầu tiên và hỏi thăm về đỉnh Inaba.

“Đỉnh Inaba ở ngay kia, phía bên kia sông,” những người nông dân chỉ. “Nhưng đừng cả gan tới đó làm gì; nguy hiểm lắm. Chỉ có những thợ săn can trường nhất mới dám vượt sông, và nếu có thể, họ cũng chẳng bao giờ đi quá xa bờ và chẳng bao giờ ở lại qua đêm. Đó là xứ mèo và chưa có người nào đặt chân vào được.”

Youkiko lễ phép cảm ơn những người nông dân vì đã khuyên bảo, và cũng lễ phép từ chối lời mời cho cô ngủ lại qua đêm của những người nông dân tốt bụng.

“Cháu biết phòng thân mà,” cô đáp lại trước những lời cảnh báo. “Cháu đã vượt cả chặng đường dài như vậy chỉ với mục đích duy nhất là tìm tới vương quốc mèo!”

Thấy cô cương quyết vậy, những người nông dân đành để cô đi. “Chúng ta đã cảnh báo cháu về những hiểm nguy rồi đấy,” họ nói. “Nếu cháu không nghe chúng ta, thì đó là việc của cháu.”

Rời khỏi làng, Youkiko phăm phăm lại gần con sông và tìm chỗ lội qua. Bờ bên

kia là cánh rừng rậm rịt thoải thoải chạy dần đến đỉnh dốc. Youkiko thu hết can đảm bước vào rừng. Cô thận trọng tiến lên, không ngừng ngoái lại phía sau, nhưng bốn bề đều yên tĩnh, không một nhánh cây cử động. Con đường đột ngột dốc đứng khiến Youkiko vốn có quen đi đường chẳng nữa, thì chẳng mấy chốc cũng thấm mệt. Cô chắc mẩm đêm nay đành phải ở lại rừng thì đột ngột những thân cây rẽ ra, để lộ một khoảng rừng trống lớn thấp thoáng những dãy nhà mái đỏ.

“Chắc chắn đây là nhà của những người giàu có; chỗ nào nom cũng đều sạch sẽ tinh tươm và khang trang quá!”

Cô lại gần một hàng rào và cất tiếng gọi. Chỉ lát sau, một cô gái trẻ dáng người mảnh dẻ bước ra, khẽ cúi người chào Youkiko và hỏi cô cần gì.

“Tôi là cô hầu Youkiko,” cô đáp. “Tôi chỉ có một người bạn, một con mèo đen, một ngày đẹp trời bạn mèo đã biến mất. Tôi đã khóc thương mãi; rồi một ngày, một thầy tướng số khuyên tôi nên đi tìm bạn mình trên đỉnh Inaba tại đảo Kiouchou. Tôi đã phải đi bộ rất lâu mới tới được đảo vào hôm nay. Nhưng giờ tôi mệt quá, không thể đi tiếp được. Cô làm ơn cho tôi nghỉ tạm qua đêm trước khi bắt đầu leo lên đỉnh núi của mèo được không? Tôi sẽ không gây phiền hà gì đâu.”

Cô gái trẻ chăm chú lắng nghe rồi cười hiền lành và nghiêng người đáp: “Vậy là cô tới đây để được ăn thịt à?”

Nghe những lời này, Youkiko thấy sợ hãi và muốn bỏ chạy; nhưng từ căn nhà bên cạnh một bà cụ già lưng còng đã lại gần, quả mắng cô gái trẻ và xua đi.

“Cháu thứ lỗi, chắc chắn là con bé đã nói điều gì không phải rồi,” bà cụ cúi rạp người nói với Youkiko. “Nó còn chưa biết cư xử sao cho phải phép. Bà có mắng mỗ dạy dỗ cũng hoài công. Nó hẳn đã nói điều gì đó thất thố, bởi trông cháu tái nhợt thế kia. Nhưng cháu đừng giận nó mà làm gì; nó còn chưa biết cung cách đón khách. Nói cho bà nghe, cô gái nhỏ, cháu đến đây có việc gì?”

Lời bà cụ thân thiện quá khiến Youkiko trấn tĩnh lại, và cô kể rành rọt cho bà nghe câu chuyện.

Bà cụ lắng nghe chăm chú, rồi mỉm cười với Youkiko và nói: “Cô gái nhỏ, cháu cứ ở đây nghỉ cho lại sức. Đừng sợ sệt gì; nếu cháu đã đi cả chặng đường dài đến thế ể...” phần sau thì Youkiko không nghe rõ. Bà cụ cứ như thì thầm cho mình mình nghe nhưng bà không thôi mỉm cười. Bà cúi chào nhiều lần, dẫn cô gái nhỏ vào trong nhà và chuẩn bị nước tắm cho cô. Sau khi Youkiko tắm xong, bà dẫn cô vào một căn phòng sạch sẽ và ấm cúng, mỉm cười khích lệ cô rồi lui ra, nói rằng sẽ tìm cái gì đó cho cô ăn.

Youkiko ngồi xuống chiếu và tò mò ngắm căn phòng. Được tắm sạch sẽ làm cô thấy khoan khoái và tươi tắn trở lại.

“Thật là một ngôi nhà kỳ lạ,” sau một lúc cô nhủ thầm. “Có bao nhiêu là phòng, là ốc, mà chỗ nào cũng sạch sẽ, gọn gàng. Chủ nhà hẳn phải có nhiều tiền lắm đây. Và, hẳn là tất cả đều sống ở đây chứ! Nhưng họ ở đâu không biết? Mình chẳng nhìn thấy ai cả. Mà thực là, chỗ này yên ắng quá.”

Bầu không khí yên tĩnh ấy thực làm Youkiko thấy bất an. Đột nhiên, cô có cảm giác như nghe thấy có tiếng nói ở phòng bên. Tính hiếu kỳ nổi lên, vậy là khẽ khàng, cô đứng dậy hé cửa phòng. Trong phòng bên, hai cô gái trẻ đẹp rạng rỡ đang nằm trên chiếu. Mái tóc các cô được búi cầu kỳ, cài những cây trâm ngà chạm khắc tỉ mỉ. Khuôn mặt trắng sứ, mịn màng, cặp lông mày thanh tú cong cong trên đôi mắt đen lay láy, và những bộ kimono các cô đang vận dệt từ thứ lụa dày tuyệt hảo càng tôn lên vẻ đẹp của các cô. Hai cô này thì thảo rất khẽ và rất nhẹ đến nỗi nghe cứ tưởng tiếng gừ gừ của lũ mèo.

Youkiko đóng cửa lại và mở cửa thứ hai. Ở đây cũng thế, cô nhìn thấy hai cô gái rất đẹp. Họ đang quỳ trước một tấm gương và trang điểm. Youkiko lại đóng cửa vào mà không gây ra tiếng động nào rồi quay về chỗ ngồi. Một lần nữa, cô lại bị bầu không khí yên lặng nặng nề bủa vây; giá như cô có thể nói chuyện với ai đó. Sau một lúc, cô lại đứng dậy áp tai vào cánh cửa thứ nhất cố nghe cho ra những tiếng rì rầm của hai cô gái trẻ.

Cô phải cố mãi mới nghe ra họ nói gì, nhưng những gì nghe được lại khiến cô rung mình khiếp hãi. Một trong hai cô đang nói: “Chị biết không, cô gái mới đến muốn thăm bạn cô ta, một con mèo mà cô ta yêu hơn hết thảy mọi thứ. Tốt hơn hết là không ăn thịt cô ta.”

Youkiko sợ hãi, run lẩy bẩy từ đầu đến chân. Cô ngồi lại xuống chiếu và suy nghĩ rất lung xem phải làm gì. Đúng lúc đó, cửa mở ra, đi vào là một cô gái trẻ đẹp tuyệt trần, vận bộ kimono màu nâu bằng lụa dày thêu những bông cúc trắng và thắt một chiếc đai to bản bằng gấm. Cô gái bước đi rất khẽ và khi Youkiko đã trấn tĩnh lại, ngẩng đầu lên để nhìn cô gái trẻ, cô nhận ra người bạn của mình, con mèo đen, giờ mang hình hài của một cô gái trẻ chỉ trừ cái đầu vẫn là của mèo.



“Thấy chị đến em mừng quá, Youkiko yêu quý. Chị không thể biết em biết ơn tình yêu của chị đến thế nào đâu, đó là nguồn an ủi duy nhất của em trong căn nhà của mẹ chủ kiêu ngạo. Và cả những nhọc nhằn gian khổ chị đã gặp khi tới thăm em.” Con mèo đen cười dịu dàng và tiếp tục: “Em đã già rồi, sống dở chết dở vì đói và đau ốm. Vậy nên em không thể ở lại phục vụ lâu hơn nữa. Chắc chắn chị đã nhận ra, Youkiko yêu quý, chị đang ở cung điện của loài mèo. Ở đây trú ngụ tất cả những con mèo đã bị loài người xua đuổi, hoặc những con mèo già cả, ốm o. Cả đời chúng em luôn khao khát có ngày được đến cung điện của loài mèo - đây đích thị là thiên đường của loài mèo, nơi chúng em được bù đắp hậu hĩ sau bao khó khăn mà loài người đã bắt chúng em phải chịu đựng. Nhưng với con người thì ở đây không có chỗ. Loài mèo trên khắp Nhật Bản tề tựu ở đây và nếu họ phát hiện ra chị, chị sẽ

nguy mất. Chị hãy nghỉ ngơi đi rồi quay trở lại với con người. Bây giờ thì chỉ có bạn bè của em trong nhà, họ sẽ không làm hại chị đâu. Nhưng sớm muộn gì những con mèo khác sẽ đi săn về và em không thể bảo vệ được chị trước đám mèo đó. Em sẽ mang cho chị thứ gì đó để ăn cho lại sức, rồi chị phải mau chóng đi thôi.”

Con mèo cười với Youkiko rồi đi mất. Lát sau, nó trở lại mang theo một bát cơm trắng nóng hổi, một bát rau và cá tươi cùng một tách trà tuyệt hảo. Con mèo đặt cái bàn nhỏ xuống trước mặt Youkiko, quỳ gối phục vụ người bạn cũ. Youkiko rất vui; chưa bao giờ cô lại ăn ngon miệng đến thế. Cô kể cho con mèo những thay đổi ở ngôi làng, và cả chuyện ông thầy tướng số đã chỉ cho cô đường tới thiên đường của loài mèo. Và họ cùng cười vui vẻ, trò chuyện như những người bạn thân thiết. Đôi má Youkiko hồng hào trở lại nhờ niềm vui và một bữa ngon miệng, mọi mệt nhọc dường như bay biến hết. Nhưng cuộc vui nào cũng đến lúc tàn. Con mèo mang bàn ăn đi và trở lại với một cái túi nhỏ.

“Chị cầm lấy cái túi này để nhớ về em,” nó nói với Youkiko. “Nó cũng sẽ bảo vệ chị trên đường. Rủi có gặp đám mèo hoang, chị chỉ cần giơ cái túi ra trước mặt chị và lắc thật mạnh, thì chúng sẽ không làm gì chị. Đừng sợ!”

“Cảm ơn em về tất cả những gì em đã làm, mèo yêu quý. Giờ đã biết rằng em khỏe mạnh và chẳng thiếu thốn thứ gì, chị sẽ an tâm sống vui vẻ. Tạm biệt,” Youkiko nói. Con mèo tiến cô ra tới hàng rào và dõi mắt nhìn theo cho tới khi Youkiko khuất dần trong rừng.

Youkiko mới đi được vài bước giữa rừng thì lũ mèo hoang đã nhảy xổ vào cô. Từ mọi phía, chúng dõi đôi mắt xanh ve, và gầm gừ những tiếng đe dọa chẳng báo hiệu điều gì tốt lành. Giữa lúc hiểm nghèo, Youkiko chợt nhớ tới cái túi nhỏ. Cô lấy nó ra khỏi tay nải, giơ lên phía trước và lắc mạnh. Vậy là những đôi mắt xanh rút lui, và lũ mèo vừa tránh đường cho cô, vừa kêu meo meo tức tối. Vậy là Youkiko tiếp tục xuống núi, tay giữ chặt cái túi nhỏ phía trước, và cứ trông thấy cô, lũ mèo lại tản ra. Cuối cùng, cô cũng tới được dòng sông và tìm chỗ cạn lội qua. Vì lũ mèo không thể theo cô sang bờ bên kia nên cô cất cái túi vào tay nải và thẳng hướng về nhà. Cô đi vội vã bởi mỗi ngày vắng mặt, cô sẽ phải làm không công thêm hai ngày cho mụ chủ kiêu căng.

Mụ ta rất bất ngờ khi thấy cô đầy tớ trở về.

“Vậy không ai ăn thịt mày trên đường à? Còn con mèo biết trước biết sau của mày, gặp mày nó bảo gì?”

Youkiko thuật lại cho mụ chủ kiêu căng những gì đã trải qua, cô kể về cung điện sạch sẽ và gọn gàng của loài mèo, về những cô gái trẻ xinh đẹp và đặc biệt là về bạn

mèo của mình. Cuối cùng, cô lấy ra cái túi mà con mèo đã đưa cho và mở ra trước mắt chủ hẻm hính. Cả hai há hốc miệng ngạc nhiên khi Youkiko lấy từ cái túi ra hình một con chó răng nanh dữ tợn đang quắp trong chân mười thỏi vàng ròng.

Youkiko sung sướng vô cùng. Nhiều tiền quá! Vậy là cô không còn là một đứa trẻ mồ côi nghèo khó bị phó mặc cho thói xấu của chủ hẻm căng nữa. Cô mua lại tự do cho mình và mở một cửa tiệm trên phố bán bánh gạo và những món đồ ngọt khác. Từ đó, cô sống hạnh phúc và lòng thầm biết ơn bạn của mình, con mèo đen.

Trong khi Youkiko vui sướng với cuộc sống khiêm nhường của mình, thì lòng ghen tị lại làm chủ hẻm hính mất ăn mất ngủ. “Nếu một đứa hầu gái còn có nhiều tiền thế chỉ vì chuyến đi thăm con mèo, thì ta, đường đường là một bà chủ, còn nhận được những gì chứ; ắt hẳn là phải hậu hĩ hơn nhiều!” chủ nghĩ thế và ý nghĩ này hành hạ chủ mãi cho đến một ngày chủ nhủ thầm: “Mình không thể để tuột mất nhiều tiền như vậy được!”

Mụ bèn thuê người khiêng kiệu, gói ghém những thứ đồ có giá trị nhất đóng vào thùng, và không nói với một ai trong nhà hay trong làng về mục đích chuyến đi, mụ lẳng lặng lên đường tới đỉnh Inaba, đảo Kiouchou. Mụ đi rất nhanh - bởi mụ không phải đi bộ như Youkiko tội nghiệp, mà ngược lại, mụ ngồi trên kiệu, luôn miệng thúc giục đám phu khiêng. Rót cuộc mụ cũng tới được ngôi làng đầu tiên trên đảo Kiouchou và mau chóng men theo con đường dẫn lên đỉnh núi mèo.

“Đỉnh núi mèo nằm ở bên kia sông, chỗ đó,” những người nông dân lại nhiệt tình chỉ dẫn. “Nhưng chốn đó nguy hiểm lắm, ngay cả những thợ săn can trường nhất cũng không dám đi quá xa bờ. Tốt hơn hết là bà đừng đi tới đó làm gì.”

Mụ chủ hẻm hính chỉ cười cợt trước những lời can ngăn này và ra lệnh gọi người lái đò đến chở mình qua sông. “Nhanh lên đây,” mụ còn nói với những người nông dân. “Ta chẳng có thì giờ đâu mà ở lại cái làng khôn khổ này của các người!”

“Mỗi người một cách hạnh phúc,” người dân bảo nhau. “Chúng ta đã cảnh báo bà ta rồi. Nói cho cùng thì bà ta đang mạo hiểm tính mạng của bà ta chứ chẳng phải chúng ta.” Và họ để mặc chủ hẻm hính ra đi.

Vừa tới bờ bên kia, mụ đã lệnh cho đám phu khiêng kiệu trở lại làng.

“Giờ ta tự đi, đợi ta ở làng đây!” mụ ra lệnh.

Còn lại một mình, mụ mới tự nhủ: “Các người không cần biết những món của cải nào đang chờ ta.”

Mụ leo núi thoăn thoắt, vì đã biết đường theo chỉ dẫn của Youkiko. Nhưng chẳng

mấy mụ cũng thấy hụt hơi, kiệt sức, vì không quen đi bộ. Mụ lau mồ hôi đang túa ra trên trán và lấy làm vui mừng bởi cuối cùng cũng thấy những mái nhà đỏ tươi sáng lên trong khoảng rừng trống.

“Đó hẳn là thiên đường của loài mèo rồi,” mụ nhủ thầm. “Chẳng có gì đặc biệt; chỉ có lũ tôi tớ mới thấy chốn này là đẹp”.

Mụ lại gần hàng rào và gọi: “Có ai ở đây không? Mau mở cửa cho ta vào!”

Một cô gái trẻ đẹp bước ra từ toà nhà lớn nhất và cúi rạp người.



“Bẩm bà, bà cần gì?” cô gái hỏi bằng giọng êm dịu như nhung.

“Ta muốn tới thăm con mèo đã phục vụ ở nhà ta mà một ngày kia đã ra đi không trở về. Chắc chắn là các người hiếu hân hạnh đến đường nào cho con mèo khi ta, bà chủ cũ của nó, đã không ngần ngại vượt cả chặng đường dài tới thăm nó. Ta đang mệt đứt hơi rồi, và cần ghé nhà các người nghỉ ngơi chút,” mụ chủ cao giọng.

Cô gái trẻ cười và suýt nói ra những câu vô lễ như thường lệ thì từ căn nhà bên cạnh, một bà cụ già lưng còng bước thoăn thoắt lại gần xua cô gái trẻ đi.

“Mời vào thưa bà. Chắc bà đã mệt lắm sau chuyến đi dài và cần nghỉ ngơi.” Bà lại cúi chào nhiều lần, mở cửa và mời mụ chủ hẻm hĩnh đi vào.

“Bà già này ít nhất cũng biết cư xử và biết tiếp đón một vị khách cao quý,” mụ chủ hẻm hĩnh tự nhủ và theo bà cụ vào nhà.

Bà cụ mau chóng chuẩn bị nước tắm và rồi, bà dẫn mụ ta vào căn phòng đẹp nơi những tấm nệm dày đã được trải ra làm thành một chiếc giường êm ái.

“Ta đói rồi,” khi ấy mụ chủ hẻm hĩnh lại lên tiếng hách dịch.

“Có ngay, có ngay đây thưa bà, xin hãy đợi một chút,” bà cụ đáp; và thực vậy, chỉ loáng sau một cô hầu gái đã xuất hiện mang theo một khay đồ ăn thức uống ngon lành. Mụ chủ hẻm hĩnh ăn ngấu ăn nghiền và vì không quen lao động, nên sau một ngày như thế mụ mệt phờ ra - bởi cả đời mụ đã bao giờ đi bộ nhiều đến thế đâu - mụ nằm lăn ra đánh một giấc.

Nhưng đến nửa đêm, mụ bị tiếng cào kỳ lạ đánh thức. Mụ nhồm dậy và nhìn quanh xem tiếng động phát ra từ đâu. Qua khe cửa, mụ trông thấy ánh đèn. Mụ đứng dậy mở cửa. Trong phòng bên cạnh, hai con mèo mướp đang nằm trên chiếu, mắt chúng quắc lên dữ tợn.

Mụ chủ hẻm hĩnh vội đóng cửa lại và nhón chân tới cửa trông ra phòng thứ hai. Mụ cũng mở cửa này, nhưng cũng chỉ thấy hai con mèo đốm.

Vậy là mụ chủ hẻm hĩnh lo lắng. “Youkiko chẳng nói với ta rằng có những cô gái đẹp ngủ trong các phòng sao? Vậy mà ở đây ta chỉ thấy những con mèo khổng lồ kinh tởm!”

Đúng lúc đó, cửa mở ra và con mèo cũ của mụ bước vào.

Mụ giận dữ nhấc móc: “Mày đến đúng lúc phỗng! Tao chán ngấy chỗ này rồi.

Mau đưa cho tao cái túi nhỏ đựng tiền vàng và để ta đi!”

Nghe thấy những lời này, con mèo đen nhận ra rằng mục chủ cũ chẳng thay đổi gì. Nó quắc mắt nhìn mục chủ, kêu meo lên một tiếng lớn - và thế là, những con mèo to từ bốn phía nhào đến xé xác mục chủ hồm hĩnh.

Hãy lấy tôi đi!

Ngày xưa ngày xưa, rất rất xưa rồi, có ba anh em nọ sống trong một ngôi làng heo lánh. Có mảnh đất bố mẹ để lại, họ bảo ban nhau làm lụng, thế nhưng của làm ra cũng chỉ vừa đủ sống khiêm nhường; ba anh em mạnh chân khỏe tay còn chịu khó đan thêm sọt rơm, sọt mây mang ra chợ bán kiếm đồng ra đồng vào. Vậy mà có làm việc quần quật, và sống tần tiện thì họ vẫn không sao dành dụm được đồng nào. Lẽ thường, cứ nhằm lúc nhà không còn một đồng, thì mắm muối cũng vừa cạn, và cái ấm nước cũ kỹ cũng lặn ra hỏng. Khổ sở nhất là đến năm cùng tháng tận, khi đến kỳ đóng thuế.

“Không thể để thế này mãi được,” một ngày người anh cả Sabouro cương quyết. “Anh sẽ thử kiếm chỗ nào đó làm mướn. Không có anh, các em vẫn sẽ xoay xở tốt thôi, bao giờ đủ tiền đóng thuế, anh mới về.”

Mấy anh em đồng tình và thế là Sabouro quyết chí tìm chỗ làm thuê. Ở thành bên, có người lái buôn đã bằng lòng thuê anh đánh xe. Ròng rã suốt sáu tháng trời, Sabouro đánh xe chở trà, muối và những vật phẩm khác, rong ruổi hết chợ này, chợ kia. Người lái buôn rất đổi hài lòng và muốn giữ Sabouro ở lại làm lâu hơn.

Nhưng anh này chỉ nhã nhận từ chối và bảo: “Cháu lấy làm vui sướng vì được ông tin cậy; nhưng cháu phải về nhà thôi; lại sắp năm mới rồi và các em đang trông cháu mang tiền về đóng thuế từng ngày.”

Vậy là người lái buôn đành trả công rồi cho anh về; Sabouro lặn tiền vào túi rồi lập tức lên đường về nhà. Anh đi vội vàng, nhưng trời đã tối mà để về được làng anh cần phải vượt qua một khu rừng rậm. Dù có chút sợ hãi, Sabouro vẫn dần bước bởi các em anh đang chờ, chẳng gì mai đã là ngày cuối cùng của năm. Các em sẽ ngạc nhiên biết bao khi anh đặt tiền lên bàn! Và, dù họ có không chờ anh, thì vẫn phải đi tiếp thôi, bởi quanh đây chẳng có ngôi nhà nào mà tá túc qua đêm. Vậy là anh đành gạt đi nỗi sợ và dần bước vào rừng. Anh cảm cúi đi, không dám ngó nghiêng, chỉ lăm lăm ngược nhìn khoảng trời hẹp giữa những tán cây. Khu rừng hoàn toàn tĩnh mịch và dần dà Sabouro thấy vững dạ hơn.

“Mình đã đi được hơn nửa đường rồi, còn chuyện gì có thể xảy ra với mình chứ. Quanh đây bốn bề đều tĩnh mịch và mình thực sự chẳng có lý gì phải sợ,” anh nhủ thầm. Nhưng đột nhiên, một đốm sáng lơ lửng bay tới trước mặt anh.

“Gì thế kia?” Anh hoảng hồn, nhưng mau chóng bình tĩnh lại. “Mình không nên

tin vào ma quỷ chứ; ai biết trí tưởng tượng đã khiến mình trông ra những thứ gì.”

Tuy thế anh vẫn đi chậm lại, cảnh giác quan sát con đường phía trước và trên đường càng lúc càng có nhiều đóm sáng nhỏ nhảy múa.

Những đóm nhỏ sắp thành vòng tròn lơ lửng giữa những thân cây và đang tiến lại càng lúc càng gần hơn, chậm rãi và yên lặng. Chẳng mấy chốc Sabouro nghe thấy có tiếng rì rào khe khẽ dường như phát ra từ những đóm sáng kia và dần chuyển thành tiếng thì thầm lạ lùng.

Sabouro tái mặt, dừng phắt lại và nghe rõ ràng những giọng nói phát ra từ vòng ánh sáng lấp lánh đang nhảy nhót kia bảo rằng: “Nếu anh muốn tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không muốn, hãy để tôi yên! Nếu anh muốn tôi, hãy mang tôi đi; nếu anh không muốn, hãy để tôi yên!” Và những đóm sáng xấp lại gần hơn.

“Người muốn ta làm gì cho người! Tốt hơn hết là để ta yên!” Sabouro hoảng hốt hét lên rồi vất chân lên cổ mà chạy.

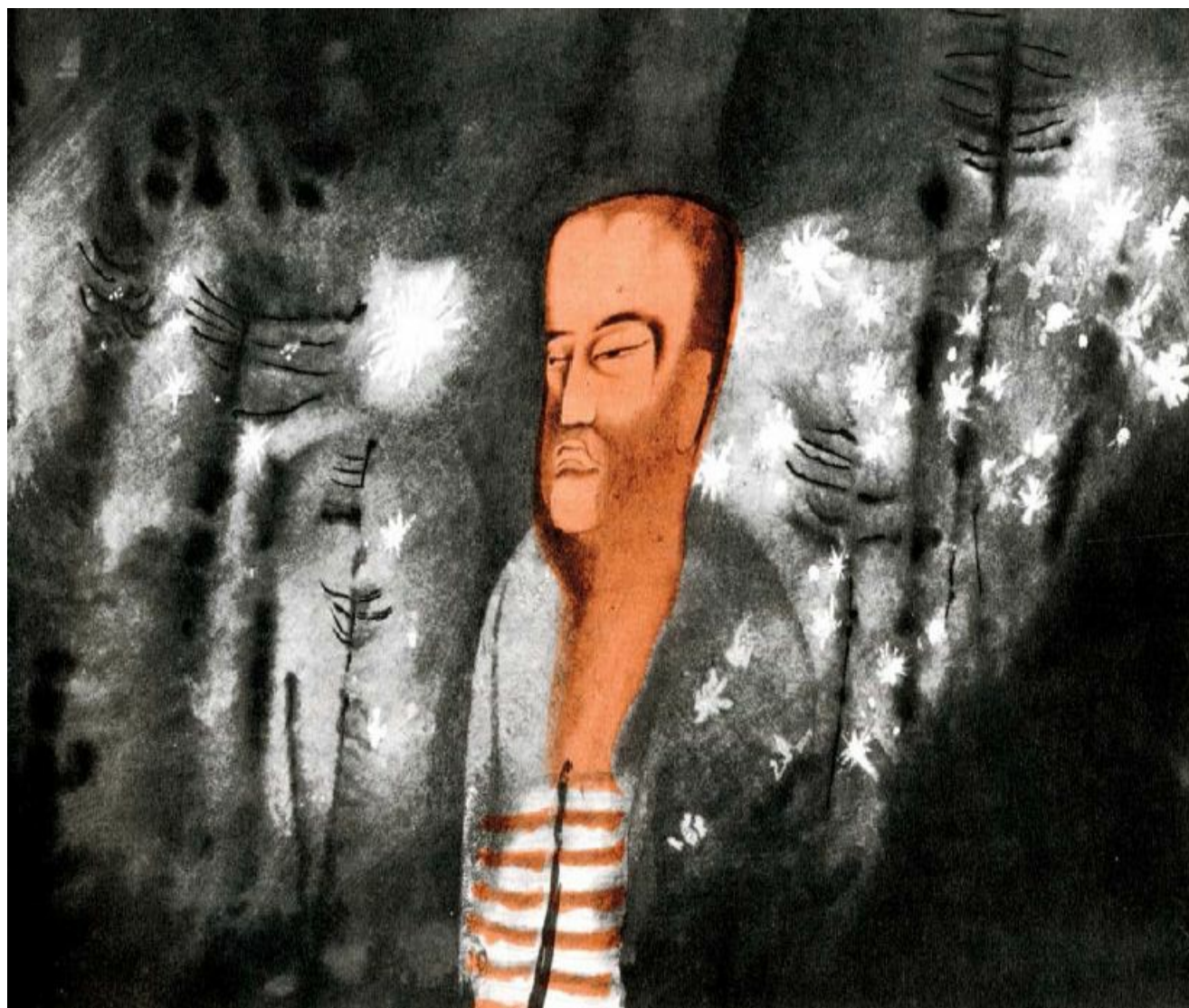
Anh chạy một mạch, đến hụt cả hơi, tóc tai dựng ngược lên, rồi cuối cùng cũng về tới nhà. Và cứ như thể những cái bóng vẫn còn theo sát gót, anh lao vào nhà, không cả cởi dép và kiệt sức nằm vật ra chiếu.

Các em anh đang dùng bữa tối, trên mỗi chiếc bàn nhỏ chỉ có độc một bát cơm.

“Chuyện gì mà anh phải chạy hốt hải thế, lại còn không chào chúng em một tiếng. Mà nhìn xem, anh làm bẩn hết chiếu rồi kìa!”

Sabouro vội bỏ dép ra và cẩn thận đóng cửa lại.

“Các em yêu quý, các em không thể tưởng tượng được anh vừa thoát khỏi hiểm nguy nào đâu,” cuối cùng anh cũng nói sau khi đã hoàn hồn. “Trong rừng, ở giữa đường từ đây đi, có những đóm sáng đã tấn công anh. Anh đơn độc mỗi mình và chẳng có nơi nào để trốn. Chúng nhảy nhót xung quanh anh và hò hét không ngừng: ‘Hãy lấy tôi đi! Hãy lấy tôi đi!’ Anh thoát được là nhờ đôi chân nhanh nhẹn này đây.”



“Thế chúng không nói điều gì khác nữa à?” Hatchiro, cậu em út cất tiếng hỏi, cậu vốn nổi tiếng trong làng vì sức vóc hơn người lại can trường dũng cảm.

“Anh chẳng đợi để nghe hết; anh mừng là thoát được!” Sabouro trả lời.

“Đó thực là những bóng ma lạ lùng,” Rokouro, người anh thứ, ra chiều ngẫm nghĩ. “Lẽ ra anh nên lấy chúng về; thế thì chúng mới thôi quấy nhiễu khu rừng. Chắc anh sợ thế là bởi anh bị bất ngờ. Anh nói rằng chúng xuất hiện ở giữa đường từ đây vào thành ư? Anh biết không, em sẽ tới đây và xem cái lũ ma đó là cái giống gì!”

Nói rồi cậu phăm phăm ra đi. Trời tối đen, và trong bóng tối, cậu khó khăn lắm mới dò được đường. Đi được nửa đường thì đột nhiên, cậu nhìn thấy thứ gì đó lấp lờ sáng trong bóng tối của khu rừng. Rokouro dừng lại, nhưng có căng mắt nhìn xuyên bóng đêm, cậu cũng chẳng thể nhìn ra được thứ gì khác ngoài những đốm sáng lơ lờ. Tiến lại gần, cậu mới nghe thấy tiếng ào ào và dần thêm vài bước nữa, thì cậu nghe thấy rõ mồn một: “Nếu anh muốn tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh

không muốn, hãy để tôi yên! Nếu anh muốn tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không muốn, hãy để tôi yên!” Và những đốm sáng cứ ngày một lại gần hơn rồi nhảy nhót quanh chàng trai.

Lúc ấy thì Rokouro thấy rợn cả người; cậu có cảm tưởng những đốm sáng chỉ chực nhảy lên người mình. Cậu bèn quay ngược trở lại và ba chân bốn cẳng chạy khỏi khu rừng.

Nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch của anh thứ, Hatchiro nói: “Các anh thật là nhát gan. Mới nghe tiếng thì thâm thối mà đã run như cây sậy, chứ thứ ánh sáng đó đâu đã chạm vào các anh. Thôi để em đi dò xem bóng ma đấy thế nào!”

Cậu kiếm trong nhà được một sợi thừng và bảo: “Để xem thứ ánh sáng đó còn hét lên ‘Hãy lấy tôi đi!’ khi em trói chúng bằng sợi thừng này không!”

Càng về khuya trời càng tối đen. Nhưng Hatchiro thường qua lại con đường này nên không lo bị lạc, dù có đi trong bóng tối. Gần được nửa đường vào thành, đến lượt mình cậu cũng trông thấy những ánh sáng lập lờ nhảy múa xung quanh. Và, bởi cậu chẳng chút sợ sệt, phẩm phẩm tiến về phía trước nên chẳng mấy chốc đã đi thẳng vào giữa những đốm sáng. Vây quanh cậu là tiếng thì thầm: “Nếu anh muốn tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không muốn, hãy để tôi yên!”

Cả khu rừng dường như vang vọng tiếng thì thảo kỳ lạ ấy. “Nếu anh muốn tôi...”

“Tất nhiên là ta muốn!” Hatchiro hét lên và khom lưng. “Đây, nhảy lên cho ta xem ngươi là ai nào!”

Dứt lời, những đốm sáng biến mất và tiếng thì thầm cũng tắt ngấm; nhưng Hatchiro cảm thấy trên lưng mình có thứ gì nặng khủng khiếp. Cậu vốn khỏe là thế mà cũng phải khụy xuống vì nặng.

Cậu vận hết sức mình, đứng thẳng dậy.

“Mi nhảm rồi, ma ạ!” cậu hét lên. “Ta rất khỏe; độ với ta nào dễ thế!”

Cậu tháo sợi thừng mang sẵn theo mình, chẳng thật chặt cái vật kỳ lạ đang chêm chệ trên lưng kia. Thế rồi, cậu thận trọng quay bước lặc lè trở về làng. Đang giữa đêm, nhưng bóng ma trên lưng cậu phát sáng khiến con đường phía trước cứ sáng rõ như giữa ban ngày.

Cứ mỗi bước cậu lại thấy lưng mình sụn xuống vì nặng thêm, thành thử phải cố lắm cậu mới mang được về đến nhà. Thế mà cậu có tiếng là khỏe mạnh nhất vùng cơ đấy! Cậu thở phào khi cuối cùng cũng vào được đến sân nhà mình, và muốn trút

ngay gánh nặng trên lưng xuống. Nhưng cậu hoài công hát bên này, rồi bên kia, cái thứ kỳ lạ kia như thể đã gắn chặt vào lưng cậu.

“Chúng ta có thỏa thuận thế đâu,” Hatchiro giận dữ hét lên. “Ta muốn mi, đúng thế, nhưng không phải trên lưng ta. Đừng tưởng ta sẽ cống mi suốt đời nhé!” Cậu lao vào trong bếp, và đập lưng vào tường. Tiếng gì nghe chói tai vang lên, nhưng gánh nặng không rơi xuống.

“Để xem cuối cùng thì ai cười ai nhé!” Hatchiro thét lên rồi giật lùi vào phòng. Cậu lấy đà, húc vào cây cột chống xà mạnh đến loạng choạng cả người và ngã lăn ra đất. Thế rồi, khắp nơi bỗng nghe tiếng leng keng vui tai và những đồng vàng tuôn ra như suối. Vàng nhiều đến nổi lăn cả ra sân; và mãi lâu sau, anh em họ vẫn còn tìm thấy vài đồng lọt trong kẽ nào đó. Các anh trai vốc đầy tay tiền vàng và ca ngợi lòng dũng cảm của cậu em út.

“Ha ha, hóa ra là ma tốt,” cả ba phá lên cười vui vẻ. “Là vàng muốn về ở với người đây mà.”

Từ đó, họ không còn phải chịu cảnh nghèo khổ mà sống hạnh phúc, sung sướng đến cuối đời.

Cây dễ trả ơn

Ngày xưa, ở một làng chài nọ, có một bà góa nghèo sống cùng cô con gái độc nhất. Họ mới dọn về làng này vài năm trước. Hồi còn mồ ma chồng bà, một nhà buôn lớn nhất nhì thành, cả gia đình sống rất sung túc và hạnh phúc. Nhưng người đời chẳng bao sao, hạnh phúc ngắn chẳng tày gang...

Một ngày, người lái buôn đổ bệnh và chỉ ít lâu sau thì qua đời, được chôn cất trọng thể. Còn lại bà góa sống cô quạnh cùng cô con gái. Có khi do bà không có tài buôn bán, cũng có khi bà không gặp may, dù là gì thì khách mua cứ ngày một thưa thớt, mà nợ lại ngày một chất chồng, rồi đến một ngày bà góa chẳng còn cách nào khác là bán hết của nả trong nhà để trang trải nợ nần, và khăn gói rời thành. Về làng, bà sống tần tặn và dồn hết tâm huyết chăm lo bảo ban cô con gái, càng lớn cô gái lại càng dành hết tình yêu cũng như sự ân cần cho mẹ. Cô con gái có tấm lòng thơm thảo và thương người; cô đối đãi với ai cũng dịu dàng, nhân hậu. Nhìn cô, ai cũng mến. Bà góa vui mừng vì có cô con gái như vậy và trông cô chăm sóc mẹ, vun vén việc nhà, quét sân, mang nước thôi là bà cũng quên hết muộn phiền. Nhưng bà góa đã già, tiền bạc ngày một túng thiếu và cô con gái nhỏ Hanako quyết định đi làm để đỡ đần mẹ. Vì hiền hòa, tốt bụng, nên chẳng bao lâu cô đã tìm được một chỗ làm tốt trong thành gần làng. Dù phải cất công ngày ngày đi cả giờ đồng hồ mới vào đến thành, nhưng Hanako không muốn để mẹ già một mình, thế là sáng nào cũng như sáng nào, mới tờ mờ, cô đã rời nhà để kịp trở về trước khi đêm xuống. Mỗi lần về, cô lại mang theo một nửa khẩu phần ăn mà người trong thành trả công cô.

Đường rất khó đi, đặc biệt là vào mùa đông, hay những hôm gặp bão mùa thu, nhưng Hanako không quản ngại gì. Cô vui tươi nhảy nhót, tâm hồn rộng mở với vạn vật trong rừng. Hanako thuộc từng tổ chim và biết từng đóa hoa mới chớm nở. Nhưng cô thích hơn cả là cây dễ lớn, cành nhánh tỏa rộng nằm giữa con đường từ làng vào thành. Thân cây cao lớn từ đằng xa đã trông thấy rõ và Hanako luôn chào cây từ xa, bởi nó nhắc cô đã đi được nửa đoạn đường. Chẳng mấy chốc cô đã thấy gần bó với cái cây và có thói quen dễ chịu là dừng lại bên cây - bất kể nắng nôi hay tuyết rơi - để kể cho cây nghe những gì cô đã thấy trong ngày, từ những tin mới trong thành mà cái cây, dù cao hơn cô gái nhỏ Hanako, cũng không thể thấy, đến chuyện bông hoa nào đã nở trong vườn nhà. Nhưng cô hay kể nhất là về người mẹ giờ chân đã mỏi, đi lại khó khăn và cô chỉ ước ao sao giúp mẹ có được cuộc sống đầy đủ. Và cứ vừa kể chuyện, cô lại dịu dàng vuốt ve vỏ cây già nua xù xì, nhặt đi những chiếc lá khô, cành nõ mà gió đã thổi rơi rụng xuống rễ cây.

Đằng đẳng ba năm trời, ngày nào cũng như ngày nào, Hanako đều trò chuyện cùng cái cây, và dần dà cô quên phát đi rằng đó là một thực thể hoàn toàn khác mình. Cái cây đã trở thành người bạn tâm giao, nơi trú bầu tâm sự của cô lúc nào không hay.

Một tối nọ, như thường lệ, cô lại mang thức ăn về cho mẹ. Ngày hôm đó, cô phải làm muộn hơn, và cô vội vã về mong kịp mang thức ăn cho mẹ để bà khỏi lo lắng. Từ xa, cô đã dõi mắt tìm cái cây đứng giữa chặng đường, dù cho lần này cô không có thời gian trò chuyện với nó. Nhưng cô vẫn có thể dừng lại chốc lát và vuốt ve thân cây. Vậy là, cô cứ mãi nhìn phía trước, vui mừng nghĩ đến lúc được gặp bạn mình mà không hề hay biết những đám mây đen đã ùn ùn kéo đến phủ kín bầu trời. Khi những hạt mưa đầu tiên rơi xuống, cô chỉ kịp chạy tới cái cây để được che chở dưới vòm lá dày rậm. Mưa rơi như trút trên tán lá và Hanako ôm chặt lấy thân cây lắng nghe tiếng nước chảy.

Đột nhiên, cô có cảm tưởng mình nghe thấy một giọng nói khe khẽ lẫn với tiếng mưa rơi: “Hanako thương mến, đã đến lúc chúng ta từ biệt rồi. Ba ngày nữa, thợ mộc của lãnh chúa sẽ tới đây đón hạ tôi. Người ta sẽ lấy thân tôi đóng thành một con thuyền. Rất nhiều thợ thuyền đã tụ tập trong làng và sẽ đóng thuyền tại đây. Ba tháng nữa, con thuyền sẽ hoàn thành và viên thợ cả sẽ tổ chức một buổi lễ linh đình chào đón sự kiện này. Lãnh chúa sẽ đích thân tham dự. Trong giờ khắc từ biệt này, tôi muốn cảm ơn tình bạn của bạn và sự ân cần của bạn. Trái tim thuần khiết của bạn đã làm tôi vô cùng cảm động. Nhưng điều làm tôi cảm động hơn, ấy là bạn hết mực quan tâm chăm sóc người mẹ già, đến quên cả thân mình. Bạn thực xứng đáng có một số phận tốt đẹp hơn, và bởi vì tôi có quyền năng, tôi muốn giúp bạn đạt được điều đó. Hãy nghe kỹ những lời tôi sắp nói: khi viên thợ cả ra lệnh hạ thủy con thuyền, sẽ không một sức mạnh nào trên thế gian này có thể khiến tôi suy suyển. Cuối cùng, lãnh chúa sẽ hứa ban tặng hậu hĩ cho người nào đẩy được thuyền xuống dòng nước. Nhưng sẽ chẳng ai làm được. Chỉ đến khi nào bạn lại gần tôi và thì thầm: ‘Là tôi, Hanako đây, tôi đến với bạn đây’ thì con thuyền sẽ nhẹ nhàng trượt xuống nước. Xin tạm biệt, Hanako thương mến, mong bạn mãi nhân hậu và hiền từ như thế!”



Cây dẻ vừa dứt lời thì mưa cũng tạnh và trời quang đãng trở lại. Hanako sững sốt tột độ. “Hẳn là mình đang mơ; cây làm sao có thể nói được, dù cây dẻ là người bạn thân thiết nhất của mình,” cuối cùng cô nhủ thầm, rồi cô lại dịu dàng vuốt ve thân cây, cầm tay nải lên và chạy về nhà.

Tối hôm sau, cô lại dừng chân bên cái cây.

“Bạn tưởng tượng được không,” cô hực hơi nói, “hôm qua tôi đã gặp một giấc mơ tồi tệ. Tôi mơ thấy người ta chặt bạn đi. Nhưng đó chỉ là một giấc mơ thôi; tôi chắc chắn, chắc như đinh đóng cột, là sẽ chẳng có điều gì xảy ra đâu. Lỡ thật thì tôi biết nói chuyện với ai đây?”

Nhưng ngày thứ ba, khi Hanako trở về nhà, dù có cố dỗi mắt nhìn bạn mình từ xa, thì cô cũng không còn trông thấy thân cây cao lớn đâu nữa. Hoảng hốt, cô chạy ào tới, nhưng những gì cây tiên đoán đã thành hiện thực. Giờ đây, nơi thân cây từng kiêu hãnh vươn lên, những người thợ mộc đang chặt những cành cuối cùng của cây để không lồi. Buồn bã, Hanako vuốt ve lần cuối vỏ cây rồi chậm rãi quay về nhà.

Tối hôm đó, ngôi nhà không còn tiếng hát ca. Hanako lặng lẽ chăm sóc mẹ, không ngừng nghĩ về cái cây khôn khổ. Giờ đây con đường đi không có người bạn thân thương mới buồn làm sao!

Tất cả những gì cây tiên đoán đã thành hiện thực. Cả ngôi làng thốt nhiên đông đúc những thợ thuyền tới ngày cưa thân, bào lán, tiện cột rồi bắt đầu dựng một con thuyền lớn ở ngay rìa làng, chỗ bãi sông.

Đúng ba tháng sau, ngay gần con nước, một con thuyền tuyệt đẹp thơm mùi gỗ và mùi nắng đã sừng sững hiện ra.

Thế rồi, cũng đến ngày hạ thủy. Đó thực sự là một lễ hội! Đám đông tề tựu. Ai nấy đều vận những bộ đồ đẹp nhất. Có không biết bao nhiêu là nhà buôn, và la liệt bánh gạo, bánh kẹo, cá tươi và món ăn vặt được bày bán. Có cả gánh hát đến dựng rạp bên bờ sông khô ráo. Người ta chỉ còn chờ lãnh chúa, cuối cùng ngài cũng tới cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Người ta đổ ra bãi sông, người người chen chúc đến nỗi một hạt gạo cũng khó lòng lọt qua.

Nhưng chuyện gì thế này? Thợ thuyền hoài công đẩy, dây thừng kéo đến đứt cả ra, con thuyền vẫn oai vệ nằm đó. Một con thuyền đẹp nhường ấy mà làm gì nếu không thể cho xuống nước? Người thợ cả tái mặt vì tức giận. Chuyện đáng xấu hổ làm sao, lại còn ngay trước mắt lãnh chúa nữa! Nhưng mặc ông thét lác, động viên, nhấc móc thợ thuyền, chẳng có gì suy chuyển; con thuyền không nhúc nhích lấy một phân. Cả đám đông đứng xem cũng lao vào giúp sức nhưng vô ích vẫn hoàn vô ích.

Cuối cùng, lãnh chúa thông báo sẽ trọng thưởng cho ai giải được bùa phép này và hạ thủy được con thuyền. Nhiều trai tráng nổi danh lực lưỡng trong cả vùng kéo đến thi nhau trở tài; rồi cả đến những vị thầy tu quyền phép, những thầy lang xảo quyệt; ai nấy đều ra sức thử, nhưng chẳng ai thành công. Con thuyền vẫn ngự trên bãi sông, thơm mùi gỗ và mùi nắng, nhưng không ai có thể đẩy xuống nước.

Cô gái nhỏ Hanako cũng đứng giữa đám dân làng, và suy nghĩ hồi lâu sau khi quan sát mọi chuyện, xem có nên nghe theo lời khuyên của cây để hay không. Nhưng có bao nhiêu người lạ, bao nhiêu trai tráng sức vóc tráng kiện đã thử. Tất cả

mọi người chắc chắn sẽ cười nhạo cô, một cô gái mảnh mai yếu ớt mà lại muốn so tài với con thuyền lớn. Và ai biết được, nếu ngày xa xôi đó, chỉ là cô mơ thôi? Nhưng nghĩ về lời của người bạn cũ và thấy mọi chuyện diễn ra đúng như cây đã nói, cuối cùng cô cũng lấy hết dũng khí, tiến lại bãi đất trống ngay trước con thuyền, cúi rạp người và bảo: “Nếu ngài cho phép, tôi sẽ thử phá tan bùa phép đã giữ con thuyền.”

Điều cô sợ đã xảy ra; tất cả đều cười nhạo cô; đã biết bao người thử vận may, những người khỏe mạnh và những người quyền phép. Còn đây là một cô gái yếu ớt mà lại muốn tỏ ra hơn người sao. “Về nhà đi và cẩn thận đấy. Ở đây cô chỉ làm quần chân người khác mà thôi!”

Nhưng những người hàng xóm cũng có mặt trong số khán giả thì lên tiếng bênh vực: “Đó là Hanako bé nhỏ. Cứ để cô ấy thử. Đó là một cô gái tử tế, nhân hậu và cô ấy không ngu ngốc chút nào đâu. Ai mà biết được, biết đâu chỉ có cô ấy mới được việc.”

Cuối cùng, người thợ cả ra dấu khích lệ cô, bởi ông không muốn bỏ qua dù chỉ một cơ may nhỏ.

Hanako ngượng ngùng lại gần con thuyền, dang tay ra và thì thầm khe khẽ: “Là tôi, Hanako bé nhỏ đây.”

Vì xúc động, cô nói bé quá đến nỗi chẳng nghe thấy gì. Đám đông chăm chú theo dõi cảnh tượng này để xem điều gì xảy ra. Vậy là Hanako im lặng một lát, rồi tiến lại gần hơn, vượt ve thành thuyền tron nhẵn và nói: “Là tôi, Hanako đây. Tôi đến với bạn đây!”

Cô vừa dứt lời thì con thuyền tự mình trượt êm ái xuống dòng nước.

Vậy là niềm vui vỡ òa. Tất cả mọi người đều thán phục cô gái nhỏ Hanako và lãnh chúa gọi cô lại gần để hỏi xem cô muốn được thưởng gì.

Hanako kể lại cho lãnh chúa nghe tình bạn của cô và cây dẻ, cả chuyện cây dẻ muốn giúp đỡ cô như thế nào, cô và bà mẹ già. Cô gái nhỏ đáng mến và khiêm nhường đã làm lãnh chúa hài lòng, và ngài ban thưởng cho cô hậu hĩ, đến nỗi, kể từ đó cô sống hạnh phúc và không phiền muộn gì bên mẹ của mình.



Quỷ Dạ Xoa

Ngày xưa, trong một ngôi làng hẻo lánh cheo leo mãi trên núi cao có một chàng trai trẻ sinh sống, tất cả gia tài thừa hưởng từ cha mẹ anh chỉ độc có một túp lều nhỏ và một con ngựa tốt. Thảng hoặc anh lại đánh ngựa xuống núi vào thành nằm bên bờ biển mua hàng, thường nhất là muối và trà, đôi khi là vài con cá biển béo ngậy về bán lại cho dân làng kiếm kế sinh nhai.

Một ngày, anh lại trên đường trở về với một chuyến hàng thô nặng cá thu và cá ngừ cùng một bao muối. Anh đánh ngựa đi suốt buổi sáng, và trưa đến, đường lên núi gập ghềnh làm cả người cả ngựa mệt nhoài, nên anh quyết định nghỉ ngơi chốc lát. Thật may, anh gặp được một khoảng rừng trống nhỏ có cỏ xanh và suối trong; anh dỡ hàng, thả ngựa dưới tán cây cho gặm cỏ. Rồi anh lượm chút củ, nhóm lửa nấu một nồi cháo cá thu hồng lấy lại sức tiếp tục lên đường.

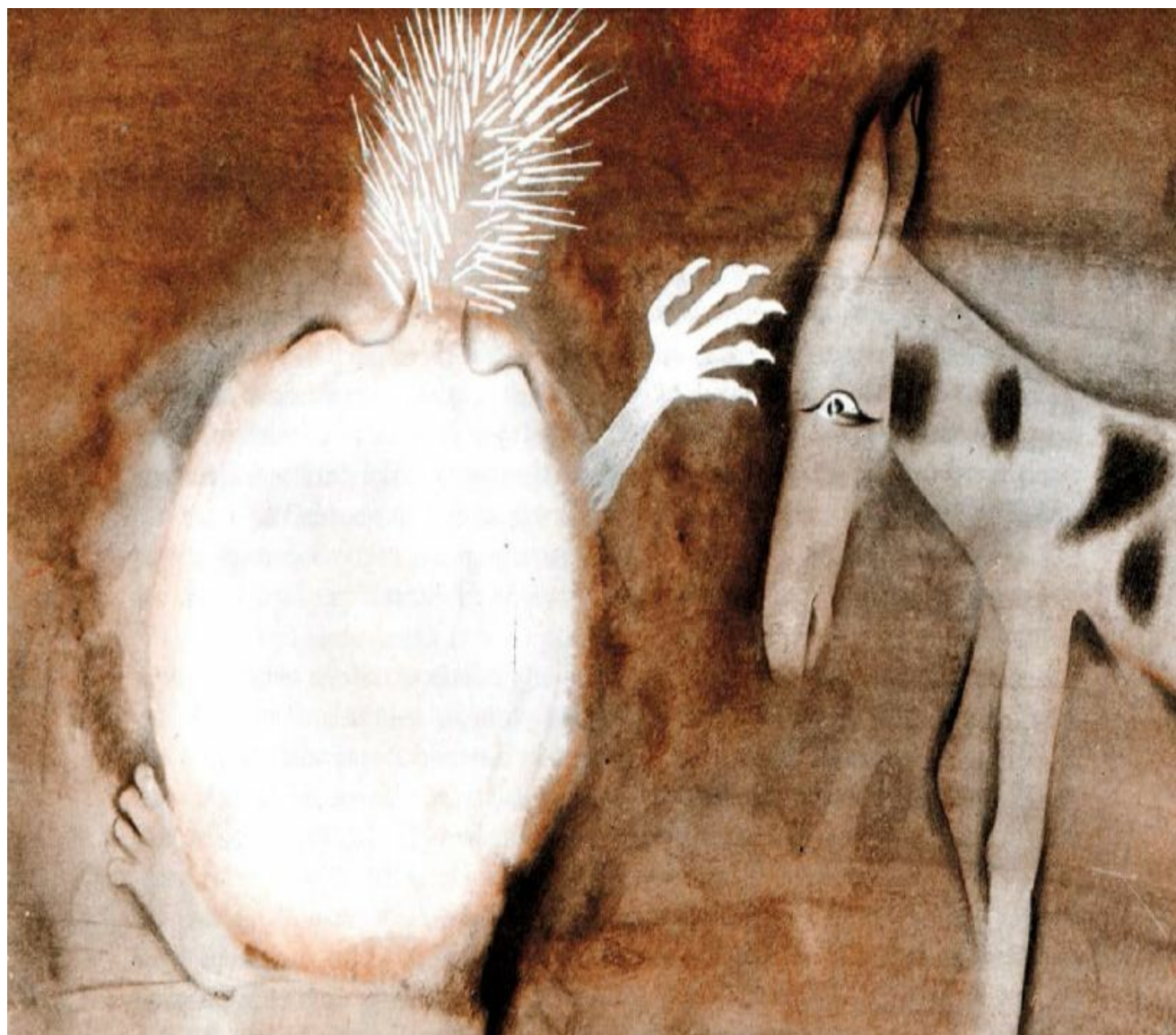
“Mình sẽ nướng thêm hai con cá ngừ và uống nước suối cho đỡ khát. Rồi mình sẽ khỏe khoắn lại, và chẳng mấy là về đến nhà.”

Nồi cháo bắt đầu sôi tỏa mùi thơm hấp dẫn khắp khoảng rừng thì đột nhiên, một cậu thanh niên lạ mặt vóc người to lớn từ trên núi đi xuống.

Cậu ta lại gần cái nồi, hít hà mùi cháo béo ngậy, và mắt thì lộ rõ cơn đói.

“Ôi, ông làm phúc, cho tôi chút cháo, chỉ một chút thôi. Sáng giờ tôi chưa có gì bỏ bụng và tôi đói lắm,” cậu ta khẩn nài, mắt vẫn thèm thuồng dán chặt vào cái nồi.

“Ngồi xuống đi anh bạn, tôi biết thế nào là đói mà; nồi cháo này đủ cho cả hai ta và tôi cũng sẵn lòng nhường anh một khúc cá nướng,” chàng trai trẻ tốt bụng đáp và múc cho kẻ lạ mặt một bát cháo nóng hổi. Rồi anh múc cho mình bát khác và xì xụp húp mà không ngẩng đầu lên lấy một lần. Cháo quả là ngon, lại còn mùi cá nướng ngon lành tỏa ra. Nhưng khi ngẩng lên lấy cá, anh chỉ kịp nhìn thấy cậu trai kia vừa bỏ mẩu cá cuối cùng vào miệng.



“Thật là tham vô độ,” anh tính bảo cậu trai kia thế, nhưng khi thấy ánh mắt đói khát của cậu, anh lại tặc lưỡi bỏ qua.

“Khô, chắc hẳn là đã lâu anh chưa được ăn gì; cho nên mới không cưỡng lại được như thế. Nhưng chẳng sao; có miếng cháo ngon là đủ ấm bụng rồi còn cá để lúc nào về đến làng, tôi nướng mẻ khác là được thôi mà.”

Anh đứng dậy đi lừa ngựa về, chú ngựa này nhân lúc nghỉ đã chạy tuốt vào rừng. Tìm được rồi, anh dắt ngựa về khoảnh rừng trống nơi đã dỡ hàng để chắt lại lên ngựa. Nhưng trời đất quý thần ơi, hàng hóa đã đi đường nào hết. Anh quay lại dò xét khắp khoảnh rừng xem thứ gì mang cá đi được, thì tóc tai anh dựng đứng hết cả lên vì kinh hãi. Ở chỗ cậu trai to lớn lúc này, giờ là con Quỷ Dạ Xoa khủng khiếp. Mắt nó đỏ quạch long lên như hai vòng lửa, còn trên cái đầu góm ghiếc, tóc tai tua tủa dựng lên như kim nhọn hoắt. Và từ cái miệng ghê rợn, cái lưỡi đỏ lòm lũng lảng sát đất đang vục vào món hàng duy nhất còn lại, bao muối. Cá thì đã không còn dấu tích gì.

Trông thấy chàng trai trẻ, Quỷ Dạ Xoa nuốt vôi nuốt vàng bao muối rồi lao tới con mồi mới. Trong cơn nguy cấp, chàng trai trẻ nhảy ra phía sau con ngựa. Vậy là Quỷ Dạ Xoa tóm lấy con ngựa, xé xác nó ra và nuốt chửng từng miếng một. Chàng trai trẻ nhân lúc Quỷ Dạ Xoa đang mải ăn thịt con ngựa, đã tức tốc vắt giò lên cổ chạy khỏi khoảnh rừng trống, tìm đường lên núi. Anh chạy hết tốc lực mà đôi chân mình cho phép. Nhưng anh đuổi sức dần, và thường vấp vấp, lắm lúc còn ngã nhào, thế nhưng từ xa anh đã nghe thấy tiếng gầm gừ khủng khiếp.

“Quỷ Dạ Xoa đang đuổi theo mình chứ không sai,” anh nhủ thầm và nghĩ đến đây, tim anh như ngừng đập. Anh chẳng thể chạy nhanh hơn nữa mà Quỷ Dạ Xoa thì sớm muộn gì cũng bắt kịp. Vậy là, anh dao dác kiếm một chỗ trốn thật kỹ. Đột nhiên, phía trước, anh thấy có một cái ao và ngay bên bờ là một cái cây lớn, cành lá rậm rịt. Anh tức tốc trèo lên cây - vừa kịp lúc con quỷ nhào tới. Nó thở phì phò, đến nỗi cây cối xung quanh cũng nghiêng ngả như thể gặp trận gió lớn.

Quỷ Dạ Xoa trông thấy cái ao thì tự nhủ: “May cho mình; muối làm mình khát khô họng.”

Nó quỳ bên bờ ao và cúi xuống mặt nước. Nhưng gì thế này? Dưới nước nó trông thấy hình ảnh phản chiếu của chàng trai trẻ đang ngồi trên một cành cây.

Thế là Quỷ Dạ Xoa hớn hờ: “À, cuối cùng ta cũng tìm thấy mây, cậu bé của ta! Hóa ra mây trốn ở đây.” Và nó giương vuốt, ra sức vục xuống nước hòng bắt lấy hình phản chiếu. Chưa bao giờ chàng trai trẻ lại gặp ai ngớ ngẩn đến thế, và anh không nhịn được cười khi trông thấy cảnh tượng này.

“À, ra là mây ở trên ấy,” con Quỷ Dạ Xoa ngạc nhiên. “Nhưng cũng thế thôi, mây có chạy đằng trời. Nói mau, làm sao tao lên bắt mây được!”

Chàng trai trẻ sợ thì vẫn sợ, nhưng giờ anh đã biết con quỷ này ngu ngốc còn quá cả tham ăn. Vậy nên biết đâu anh lại bịp được nó.

“Phải đội một tảng đá lớn lên đầu, rồi trèo lên cái cành khô kia kìa, nếu không, người chẳng đời nào lên đây được,” anh nói nhanh.

“A ha,” con quỷ reo lên rồi đi kiếm ngay một tảng đá thật lớn. Cuối cùng nó cũng tìm được một tảng ưng ý.

“Với tảng đá này ta leo tốt đây,” nó tự nhủ rồi nhấc khối đá, đội lên đầu, và thận trọng trèo lên cành cây khô mà chàng trai trẻ đã chỉ. Dĩ nhiên, cành nào chịu được sức nặng ngàn ấy, nó gãy rạp và kéo theo con quỷ rơi tùm giữa ao. Nước ao bắn lên thành cột và anh thanh niên thừa cơ tụt xuống chạy trời chết.

Chẳng mấy, đêm đã buông xuống và nỗi sợ đã khiến anh kiệt sức đến mức không đứng vững được nữa. Thế nên, anh mừng quỳnh khi thấy từ xa có ánh đèn.

“Đó chắc là nhà dân rồi, và ở bên con người thì mình chẳng lo gì hiểm nguy nữa,” anh vui vẻ nghĩ thầm và nhắm thẳng hướng ánh đèn đi tới.

Loáng sau, anh đã tới trước một túp lều nhỏ và bởi anh gọi mãi không có người đáp nên cứ qua cánh cửa để mở mà bước vào. Căn lều trông trái, chỉ có một ngọn lửa nỏ lét đét trong lò; vậy là chủ nhà hẳn không đi đâu xa. Chàng trai trẻ ngồi bên cạnh bếp lửa chờ họ. Anh ngồi một lúc lâu và mắt đã sắp nhắm nghiền thì chợt nghe thấy trước lều có tiếng chân ì ạch, theo sau là tiếng thở hồn hển quen quen và giọng của Quý Dạ Xoa làm bầm: “Cuối cùng cũng về tới nhà; mình phải sưởi cho khô người đã. Cái thằng nhóc kia đã thoát được, nhưng ít ra mình cũng kiếm được chút thức ăn bỏ bụng. Cháo không tệ còn cá thì tuyệt hảo. Chưa kể đến con ngựa! Thịt thế mới gọi là thịt chứ! Chắc là ngựa non đây. Mỗi tội là cái món muối, lẽ ra mình cứ nên để yên đấy thì hơn.”

Chàng trai trẻ tỉnh ngay và cuống cuống tìm chỗ nấp. Bởi giờ thì đã quá muộn để có thể chạy trốn, Quý Dạ Xoa đã ở ngay cửa vào. Bí quá, anh đánh liều leo lên xà nhà ngay phía trên bếp lửa và thu mình lại sau xà gỗ để không ai nhận ra. Vừa kịp lúc, bởi Quý Dạ Xoa đã bước vào và phăm phăm lại gần bếp lửa để sưởi ấm sau trận tắm bắt đắc dĩ. Nó ướt nhẹp từ đầu tới chân và run cầm cập vì lạnh. Nó ngồi sát bếp sưởi và hơ móng vuốt trên lửa.

Được một lúc, nó lẩm bẩm thành tiếng: “Dù sao thì mình vẫn tiếc thằng ấy. Có nó có phải được bữa tráng miệng ngon lành rồi không. Mà, nghĩ đi nghĩ lại thì mình hẳn còn đói. Giá như có cái gì bỏ bụng bây giờ nhỉ.”

Nói đến đây, nó đảo đôi mắt rực lửa nhìn quanh lều một lượt.

“A, mình có ý này; mình sẽ nướng vài cái bánh gạo.”

Rên rỉ, nó đứng dậy, lại gần chạn thức ăn và mang ra mấy cái bánh gạo. Nó đặt bánh lên vỉ, nướng vàng một mặt rồi lật lên, nướng vàng mặt kia, xong đầu đấy đặt sang bên cạnh.

Ngọn lửa tỏa ra hơi ấm dễ chịu và Quý Dạ Xoa lật bánh chậm dần; càng lúc đầu nó càng gật gù như bỏ củi cho tới khi cuối cùng nó ngủ thật, ngáy pho pho.

Mùi bánh bốc lên trần nhà cù vào mũi chàng trai trẻ đang đói mềm. Anh thèm thuồng được ném dù chỉ một cái bánh thôi, nhưng làm thế nào đây? Cuối cùng, anh trông thấy cây gậy dài dựng vào xà ngay bên cạnh.

“Đúng thứ mình cần đây rồi,” anh nhủ thầm và thận trọng thò tay ra. Quý Dạ Xoa vẫn ngáy đều và không động cựa gì. Anh cầm lấy cây gậy và chọc vào một trong những cái bánh đặt cạnh bếp, cái ở xa con quỷ nhất. Rồi, anh từ từ kéo lên. A, ngon làm sao! Nhưng, một cái bánh thì làm sao đủ xoa dịu con đỏi. Chàng trai trẻ thử vận may lần nữa rồi lại lần nữa - và loáng cái, đến cái bánh cuối cùng cũng sạch nhẵn.

Mãi một lúc sau Quý Dạ Xoa mới tỉnh dậy. Nó cúi kinh nhìn quanh và lầm bầm: “Mình định làm gì nhỉ? À phải, mình nhớ rồi; mình muốn lấy mấy cái bánh gạo trong chạn bếp!”

Nó đứng dậy, lại mang ra một núi bánh và bắt đầu nướng. Nó thận trọng trở bánh, và đặt bánh đã chín sang cạnh bếp. Thế rồi, lại một lần nữa, mùi thơm của bánh và hơi ấm từ bếp lửa lại khiến Quý Dạ Xoa ngủ gật, nó ngáy pho pho. Chàng trai trẻ nhìn những chiếc bánh thơm phức mà không cầm lòng được. Anh lại cầm gậy chọc hết chiếc này đến chiếc nọ. Anh tự tin đến nỗi chẳng buồn bận tâm đến con quỷ; nhưng con này vẫn còn ngáy đều mãi một hồi lâu sau khi chiếc bánh cuối cùng không cánh mà bay.

Một lúc sau, nó cũng thức dậy và lại lầm bầm: “Mình đang định làm gì nhỉ? À phải, mình nhớ rồi, mình muốn lấy mấy cái bánh trong chạn đem đi nướng.”

Nó đứng dậy, nhưng đi được nửa đường, nó bất thần khựng lại và trở lại bếp lò, ngạc nhiên. “Nhưng mình đã nướng bánh rồi mà, mùi bánh vẫn còn trong lều đây mà!”

Nó bới khắp bếp lò, nhưng chẳng thấy dù chỉ một vụn bánh. Trong lúc đó, chàng trai trẻ thì lo toát mồ hôi; thế nhưng, Quý Dạ Xoa đột nhiên hét lên vui sướng. “Chỉ có thể là thần Fukurokuju, thần Phúc Lộc Thọ, thần vốn thích bánh gạo. Miễn là thần thấy ngon miệng, thần sẽ mang lại hạnh phúc cho mình; nếu muốn thì lúc nào mình cũng có thể nướng thêm những chiếc bánh khác!”

Nó dợm bước tiếp lại chạn thì chợt đổi ý: “Mình mệt rồi; mình chẳng muốn làm gì nữa; tốt hơn hết là mình đi ngủ!”

Thế rồi, nó nảy ra ý hỏi thần Fukurokuju, chắc hẳn đang ở đâu đó trong nhà, xem nên ngủ trong nôi hay trên xà nhà để có những giấc mơ đẹp.

Đứng ở giữa nhà, nó hét to: “Hỡi thần Fukurokuju, tôi muốn có giấc mơ đẹp; tôi phải ngủ ở đâu, trên xà hay trong nôi?”

“Trong nôi!” chàng trai trẻ giả giọng đáp chắc nịch.

“Tốt thôi; vậy thì tôi sẽ ngủ trong nôi.” Quý Dạ Xoa chui vào trong nôi, lựa thế nằm cho thoải mái, ngáp dài rồi đập vung lên.

Chàng trai trẻ chờ đến khi nghe thấy tiếng ngáy đều đều từ trong nôi, rồi mới khê khàng trườn xuống và ra cửa. Khi Quý Dạ Xoa thức giấc, anh hẳn đã cao chạy xa bay rồi.

Nhưng mới đi được vài bước, anh đã khựng lại và nhủ thầm: “Mình không thể cứ thế bỏ đi và để Quý Dạ Xoa tiếp tục hoành hành được!”

Anh bước ra ngoài, tìm trong bóng tối một tảng đá nặng, mang vào chặn lên vung.

Lúc chạm vào vung nôi, anh đánh thức Quý Dạ Xoa. Con quỷ trở mình, vẫn ngái ngủ làu nhàu: “Con gà trống ngu ngốc, đang đêm sao đã gáy!”

Chàng trai trẻ chờ đến khi con quỷ ngủ lại thì nhóm củi dưới nôi và châm lửa.

Tiếng đánh lửa lại khiến con quỷ thức giấc. Nó phẫn nộ: “Mày có để tao yên không hả con gà trống đáng ghét kia? Mày định gáy cả đêm đây hả?” Thế rồi nó lại trở mình ngủ tiếp.

Bên ngoài, bình minh ló rạng và căn lều ngày một sáng, ánh lửa hòa cùng ánh nắng ban ngày. Ngọn lửa giờ đã bốc lên cao.

Tiếng lửa nổ lách tách lại đánh thức con quỷ. “Cái giống ngu ngốc kia, nếu mày không im miệng, tao sẽ ăn thịt mày!”

“Mày sẽ không còn ăn thịt ai được nữa!” chàng trai trẻ vui sướng nói và luôn tay tiếp thêm củi, cho tới khi con quỷ chết hẳn.

Khi lửa đã tắt, và chàng trai trẻ sửa soạn về nhà, anh đột nhiên nghĩ tới con ngựa khôn khỏ và buồn bã nói: “Mình đã thắng Quý Dạ Xoa và thoát thân. Con quỷ góm ghiếc đó giờ chẳng hại được ai nữa. Nhưng con ngựa khôn khỏ của mình thì chẳng còn. Giờ mình phải làm gì? Mình biết làm gì để sống, vì mình chẳng thể đi xuống thành mua hàng hóa chở về cho dân làng nữa? Và lấy đâu ra cá mà bán cho họ khi Quý Dạ Xoa đã nuốt hết rồi?”

Lòng đầy ủ ê, anh bước khỏi căn lều, nhưng vừa ra đến ngoài anh liền khựng lại. Giờ giữa ban ngày, anh nhận ra bao quanh căn lều toàn là xương, không chỉ xương động vật mà còn cả sọ người nữa.

“Những con người khôn khỏ! Mình cũng suýt thành mồi ngon của Quý Dạ Xoa

như họ. Họ thậm chí chẳng có lấy nổi một nắm mồ!”

Anh trở lại căn lều, tìm một cái xẻng và đào một cái hố sâu. Đến khi hố đã ngang thắt lưng, anh đào được một thùng đầy vàng.

“Vậy là thoải mái bù đắp cho những gì con quỷ đã lấy của mình,” anh vui sướng nói. Rồi, anh chôn hết xương người xuống đó, vác thùng vàng lên vai, và hài lòng trở về nhà.

Con mèo và nhà sư

Ngày xưa ngày xưa, có một nhà sư khát thực, mùa xuân cũng như mùa đông, ông đi khắp đất nước, hái lá thuốc trong rừng, cầu nguyện cho người chết và trị thương cho người ốm, và đều rất thành công. Mỗi một người bệnh được chữa khỏi đều mời ông lưu lại nhà, nhưng ông không lợi dụng lòng mến khách của chủ nhà mà nán lại lâu. Được vài ngày ông lại vui vẻ cáo từ, sửa soạn tay nải và lên đường. Sống như vậy thì đặc biệt cực nhọc vào mùa đông, nhưng ông luôn tìm một ngôi chùa nào đó để tá túc trong thời gian khó khăn này. Ngay khi mặt trời vừa sưởi ấm, người ta lại thấy ông rong ruổi qua các vùng miền với chiếc áo chùng đen, đôi dép mòn vẹt và tay nải rách bươm trên vai. Nhưng vì ông chẳng lưu lại ở đâu lâu nên người ta cũng chóng quên ông, chẳng ai thực sự biết rõ ông, cho nên đến lúc tuổi cao, sức yếu, ông lại càng khó bề lo toan được cuộc sống. Chỗ ngủ lúc nào cũng tồi tàn hơn người khác và ông còn chẳng nhớ lần cuối được ăn no là khi nào. Thế nhưng, những sự này với ông chẳng hề gì. Ông lấy làm hoan hỉ khi trông thấy những dãy núi cao và những thác nước trong treo, ông đặc biệt hòa hợp với chim chóc cùng muông thú và chẳng hay trên đời có gì tuyệt diệu hơn là đi dạo dưới bầu trời xanh bông bành mây trắng.

Một ngày, ông tới thành Fukujima. Ông vào chợ và đang phân vân suy tính xem nên hỏi ai xin trú lại đêm nay, thì một người đàn ông luống tuổi lại gần bảo: “Chắc là ông từ xa đến đây, bởi tôi trông ông lạ lắm.”

“Đây là lần đầu tiên tôi tới thành này và tôi chỉ vừa đang tự hỏi có thể trú ở đâu đêm nay. Ngài có thể cho tôi lời khuyên không, thưa ngài hết mực tốt bụng.”

“Ồ, ở thành chúng tôi thì ông chẳng phải lo việc đó. Nhưng bởi đây là lần đầu tiên ông đến đây, chắc ông chưa biết chuyện gì vừa xảy ra. Quan đứng đầu ở đây vừa gặp tai ương khủng khiếp. Cô con gái độc nhất của ngài ngã bệnh nặng và không ai chữa được. Nhiều thầy lang đã đến đây - thậm chí mời cả từ kinh đô về - nhưng bệnh tình cô gái chẳng hề thuyên giảm. Nhiều nhà sư cũng đã tới cầu kinh bên giường người bệnh, nhưng người ốm vẫn hoàn ốm. Cô gái nằm liệt giường liệt chiếu, chẳng nói chẳng rằng, cũng chẳng thiết ăn uống, và ngày một héo hon. Quan đã khấn nài hàng xóm hãy có ai lạ mặt tới đây thì chỉ đến nhà ngài. Biết đâu trong số những người ấy lại chẳng có người có thể cho một bài thuốc hoặc một lời khuyên hữu ích. Tôi trông ông là nhà sư đáng kính, ắt ông biết rõ nhiều chứng bệnh; chỉ bằng ông tới đó thử vận may xem sao?”

Nhà sư chăm chú lắng nghe, rồi ông hứa sẽ tới thăm bệnh cô gái con quan, tuy nhiên cũng chưa hứa trước được điều gì.

Nhà sư hỏi thăm nhà quan ở đâu, ông kia bèn đáp: “Ông cứ đi thẳng. Nhà quan là nhà cuối cùng bên trái ở phố chính.”

Nhà sư theo chỉ dẫn xuôi xuống phố chính. Gần tới nhà, thì bỗng một con mèo nhỏ lông đốm từ cái hốc ở bờ tường nhảy ra chắn đường và kêu:

“Xin đợi một chút, nhà sư đáng kính, tôi có đôi điều cần nói với ông!”

Nhà sư dừng lại, ngạc nhiên nhìn con mèo.

“Meo, tôi cảm thấy ông là một người nhân hậu và thương người. Tôi không biết làm sao với bất hạnh của mình và tôi cầu xin ông cho lời khuyên. Nếu ông hứa giúp đỡ tôi, tôi sẽ tiết lộ cho ông một điều quan trọng. Tôi sống đã lâu trong ngôi nhà này và tôi biết ông đến đây làm gì. Chỉ tôi mới giúp được ông chữa nỗi bệnh cho cô gái.”

Nhà sư vuốt ve con mèo và hứa sẽ giúp đỡ nó trong khả năng của mình.

Vậy là, con mèo nói tiếp: “Bệnh của cô con gái quan không phải là bệnh thường. Chính tôi đã làm cô gái bị bệnh, để trừng phạt những điều xấu xa họ đã làm với tôi trong căn nhà này. Tôi đã sống ở đây mười hai năm rồi, và năm nào, viên quan cũng cho dìm chết lứa mèo con của tôi. Thế mà tôi ao ước biết bao được có con, nuôi nấng chúng. Tôi lại sắp có con đây và tôi quyết định trả thù. Nếu như ông cứu được những đứa nhỏ của tôi và dẫn tôi ra khỏi đây, con gái chủ nhà sẽ lành bệnh, bằng không cô ta sẽ chết.”

Và đôi mắt xanh của con mèo cái ánh lên nhìn nhà sư.

Nhà sư có phần ngạc nhiên, nhưng ông thấu hiểu nỗi đau của con mèo, và ông hứa sẽ giúp nó. Vậy là, ông bước lại gần ngôi nhà của viên quan cất tiếng gọi: “Có ai ở nhà không? Tôi tới thăm bệnh!”

Đám người hầu chạy ra, kể cả người cha lo âu và bà mẹ xanh xao đau khổ. Họ dẫn ông vào ngay phòng cô gái.

Cô gái nằm trên giường. Khuôn mặt xanh xao đến nỗi chỉ có mái tóc đen là nổi bật trên tấm nệm trắng. Cô nằm im, hờ hững và dường như còn chẳng hề nhận ra có người tới thăm.

“Con bé bị thế này lâu rồi; và cho tới giờ không thầy thuốc nào chữa được bệnh.

Hãy cứu giúp chúng tôi, nhà sư khả kính; đây là đứa con độc nhất của chúng tôi,” hai vợ chồng bất hạnh khẩn nài.

Nhà sư chỉ gật đầu, mang tràng hạt ra và bắt đầu tụng kinh.

“BO-RON, BO-RON, MIO-KO TEN-TCHI KIOU-TAI SA-HO SO-BI-NEN SHO-TEY KOUSAN...” Những tiếng tụng kinh rì rào vang khắp căn phòng; người cha và người mẹ chăm chú nhìn gương mặt con gái. Đột nhiên, một nụ cười khe khẽ nở trên khuôn mặt tái xanh và vì nhà sư vẫn tiếp tục tụng kinh, cô gái liền nhồm dậy, và nói nhỏ, nhưng rõ ràng: “Con đói quá!”

Khỏi phải nói cha mẹ cô gái vui sướng đến nhường nào. Họ ôm chầm lấy con gái, sai người cho cô ăn, cho cô uống, và nước mắt lưng tròng, rung rung cảm ơn nhà sư. Họ dành cho ông căn phòng đẹp nhất trong nhà và khoản đãi ông những món thượng hạng. Họ còn sẵn lòng dành tặng ông mọi thứ bởi ông đã cứu được đứa con độc nhất của họ, niềm vui sống của họ.

“Hãy cho tôi con mèo đốm,” đáp lại những lời khẩn nài, nhà sư chỉ trả lời vậy. “Tôi chẳng mong thứ gì khác.”

Viên quan lấy làm ngạc nhiên trước yêu cầu nhỏ nhen của nhà sư, nhưng bởi ông thực sự không nhận bất cứ thứ gì khác, nên cũng đành thuận theo, chỉ sai người xếp thêm đầy tay nải bánh gạo và thịt viên. Nhà sư lấy con mèo, khoác tay nải lên vai và rời đi.

“Nếu ông không muốn điều tương tự lại xảy tới trong tương lai, thì xin đừng dìm chết những con mèo con trong nhà,” ông khuyên vợ chồng viên quan trước khi từ biệt.

Từ đó, con mèo theo nhà sư rong ruổi khắp nơi. Không phải lúc nào họ cũng gặp may, nhưng nhà sư luôn chia sẻ mọi thứ ông có với con mèo, và khi con mèo sinh ra mèo con, ông tìm một ngôi chùa cũ bỏ hoang gần một ngôi làng và cùng con mèo cái tá túc lại, giúp nó chăm sóc lũ mèo con. Trong vùng này cũng có nhiều chùa nổi tiếng và đông sư sãi tiếng tăm; nhưng chỉ có những người nghèo khổ hơn nhà sư mới tới thăm ông. Mùa đông tới gần và nhà sư hiếm hoi lắm mới kiếm được chút thức ăn cho mình và cho con mèo. Không chỉ phải lo chuyện ăn uống. Họ còn không có củ để sưởi ấm.



Nhà sư suy nghĩ rất lâu, rồi một ngày, ông nói với con mèo: “Mèo yêu quý, mi cũng thấy chúng ta khổ cực thế nào rồi đây; mùa đông đang tới gần và thời tiết vùng này khắc nghiệt lắm. Ta đã nghĩ mãi mà cũng không ra cách thoát khỏi tình cảnh này. Mi phải đi thôi, bởi ở với ta chỉ có đói rách và khổ nhọc. Hãy tìm lấy một ông chủ tốt cho mi và các con. Quanh đây cũng nhiều ngôi chùa giàu có; chắc hẳn mi cũng không khó kiếm được một nhà sư tốt chăm sóc cho mi. Còn ta, ta cũng sẽ xoay sở được bằng cách này hay cách khác.”

Con mèo cong lưng, gù gù khe khẽ trong cổ họng và hé mắt ngắm đàn con nhỏ đang nằm trong giỏ.

“Meo!” nó đáp khẽ. “Ông không cần phải lo lắng cho tôi, hay cho ông đâu, vả lại, ông đã giúp đám nhỏ nhà tôi thoát cảnh bị chìm nước, cũng như giúp tôi đạt được ý nguyện cao cả nhất của mình. Ông đã rộng lượng chia sẻ với tôi từng mẩu đồ ăn nhỏ nhoi, trong khi đến mình cũng không có gì bỏ bụng. Từ lâu tôi đã có ý đền đáp lòng tốt của ông, nhưng tôi chưa biết làm thế nào. Mới đây, tôi đã nảy ra một ý. Ông hãy nghe tôi nói. Ở dạ vũ của loài mèo, nơi mà mọi con mèo trong vùng đều được mời, tôi đã nghe được tin rằng, trong vài ngày tới, bà của người đàn ông giàu nhất vùng, chính là thương nhân buôn tương, sẽ qua đời. Đây là cơ hội tốt tôi có thể giúp ông. Chắc chắn ông nhà giàu sẽ cho vơi mọi sự sôi tiếng tăm tới để lễ tang của người bà được trang nghiêm. Khi những nhà sư tụng kinh xong, đến lúc khiêng quan tài đi, tôi sẽ làm quan tài lơ lửng trên không trung rồi giữ nguyên như vậy trong khi không ai thấy tôi. Không sức mạnh nào trên đời có thể làm cỗ quan tài di chuyển, không hạ xuống, không tiến lên, không lùi lại được. Những nhà sư ấy, ngay cả những người có tiếng nhất đi chăng nữa cũng không thể làm gì được. Mọi chuyện chỉ có thể được giải khi ông đích thân cầu nguyện. Nhưng khi ông cầu nguyện, hãy ám chỉ gì đó đến loài mèo, để tôi có thể nhận ra ông giữa các nhà sư và thả quan tài xuống. Bởi những bài kinh cầu thường khó hiểu, nên không ai để ý đâu. Nếu ông là người duy nhất hạ được quan tài xuống, ông sẽ nổi tiếng khắp nước và ông chẳng cần khát thực vẫn có cái ăn. Ông không còn trẻ nữa và cứ nay đây mai đó thì không tốt cho ông.”

Nhà sư lắc đầu, ra chiều nghi ngại, bởi ông không thực tin vào tài phép của con mèo; song không muốn làm nó phật lòng, ông không phản đối gì, mà ngược lại còn hứa sẽ theo lời nó.

Quả thật, năm ngày sau, bà của thương nhân buôn tương giàu có qua đời. Đám ma cần làm rình rang bởi thế mới chứng tỏ một người cháu hiếu nghĩa, ngoan ngoãn, và quan trọng là, giàu có nhất vùng. Không sao đếm xuể có bao nhiêu sư sãi và nhân vật quan trọng trong giới tăng lữ đến dự. Quan tài được chạm trổ tỉ mỉ, đặt

trên bậc cao và từ sáng tới tối, người ta nghe thấy tiếng tụng kinh, lần tràng hạt quanh bàn thờ sáng rực. Đám tang sắp kết thúc, và khi những nhà sư chuẩn bị nâng cỗ quan tài lên để mang đi thì đột ngột, cỗ quan tài bay bổng lên không trung và lơ lửng ở đó, như thể được níu giữ bởi sức mạnh vô hình. Các nhà sư có cố công kéo xuống, nó vẫn không hề dịch chuyển, người ta đâm kết luận chắc phải có trò bùa chú gì ở đây.

Vị thương nhân giàu có và gia đình kinh hãi. Chẳng lẽ họ chưa đủ thành tâm? Chẳng lẽ họ đã làm sai điều gì? Trò phù phép như vậy chắc chắn chỉ được xóa tan nhờ những lời cầu nguyện; và họ hứa sẽ trả hậu cho nhà sư nào có thể hạ được quan tài xuống và kết thúc tang lễ đúng theo tập tục.

Các nhà sư bắt đầu tụng kinh, lần tràng hạt bằng gỗ nhanh đến nỗi chúng lóe lên khi chạm vào nhau, nhưng những lời tụng hân chưa phù hợp, bởi quan tài vẫn lơ lửng. Vậy là, từng nhà sư một lần lượt thử nhảm kinh. Ai cũng khẳng định chỉ có bài cầu kinh của mình là hiệu quả. Cuối cùng, ngôi nhà rộn lên tiếng cự cãi, sém chút nữa thành đánh lộn; nhưng cảnh hỗn loạn ấy hiển nhiên là không thể đưa quan tài xuống.

Dân làng kéo đến chế nhạo các nhà sư: “Phải rồi, dĩ nhiên rồi, thế này khác hẳn với ăn cơm ngon và lén ních đầy bụng cá béo! Chậc, khoản đấy thì các ngài giỏi lắm! Nhưng giờ, hãy thể hiện chút tài năng của các ngài đi và hãy hạ chiếc quan tài xuống đi!”

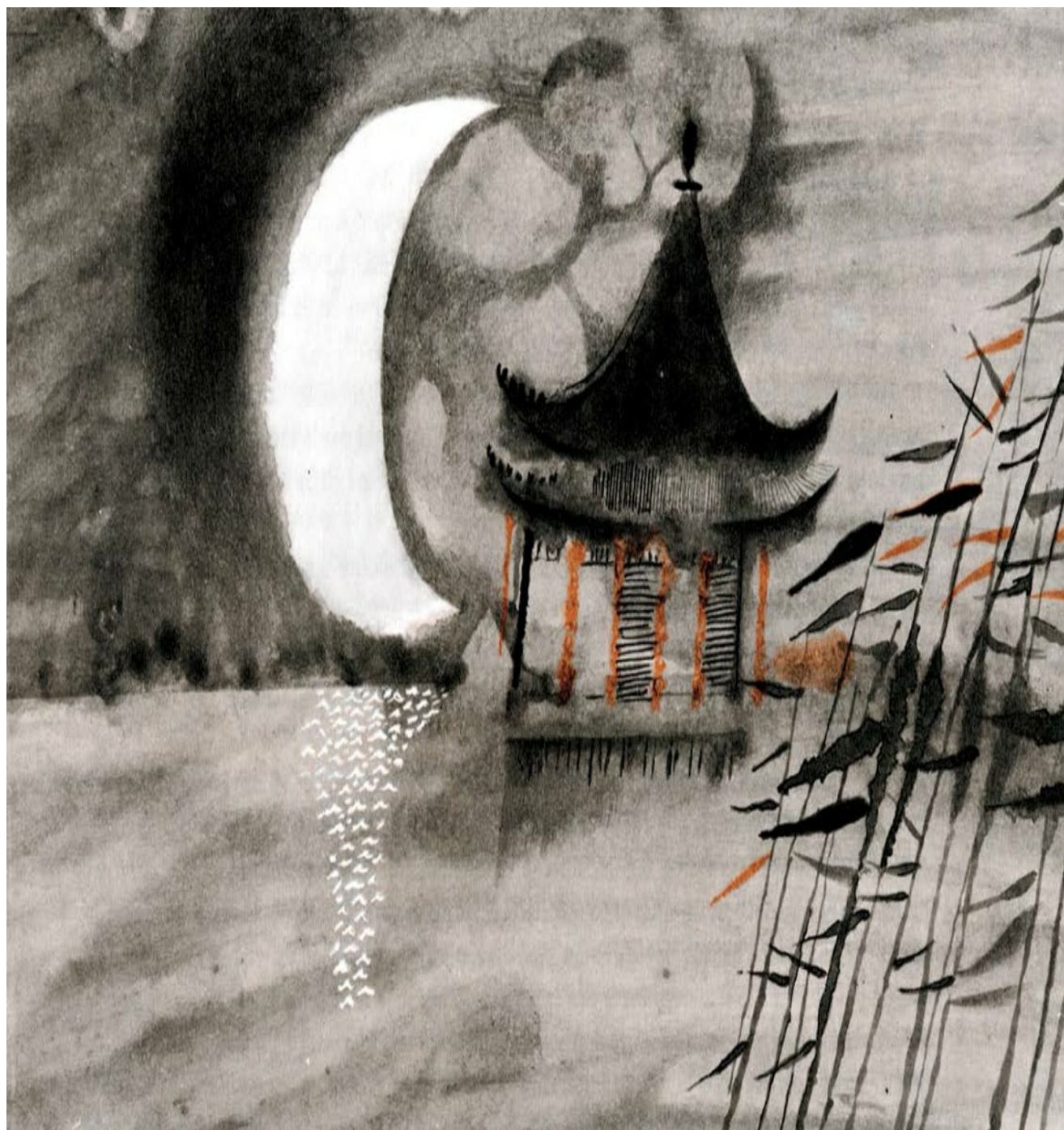
“Trông các nhà sư kia! Họ tấn nhau chỉ để biết ai giỏi bùa phép nhất; nhưng cũng chẳng thể hạ chiếc quan tài xuống!” những người khác cũng họa theo.

Tuy nhiên, các nhà sư đã làm hết sức; và rõ ràng ràng là chẳng vui vẻ gì phải thú nhận mình đã thất bại; chiếc quan tài vẫn lơ lửng trên không, mặc cho họ đã hết lời cầu nguyện.

Cuối cùng, vị thương nhân giàu có cũng hết kiên nhẫn. “Thật xấu hổ! Đám tang người bà đáng kính của tôi vậy là hỏng bét, mà tôi lại là người giàu nhất vùng này đây. Các ngài đã thấy điều gì tương tự thế chưa?” ông hét lên và sai gia nhân đi kiểm tất cả những nhà sư trong vùng. Ông hứa sẽ cho họ bất cứ thứ gì họ muốn miễn là họ hạ được chiếc quan tài xuống.

Các bậc tu hành từ khắp chùa chiền, miếu mạo trong vùng đều lũ lượt kéo tới cầu may. Nhưng không ai thành công.

“Các người thực là đã mời tất cả các nhà sư chưa đấy?” vị thương nhân giàu có hỏi đám gia nhân.



“Bẩm ông, chẳng chữa một ai!” mọi người đồng thanh đáp lại.

“Không thể có chuyện không nhà sư nào giúp được chúng ta,” vị thương nhân tốt cùng thất vọng than vãn. “Nghĩ cho kỹ đi, xem có đúng là các người thực không bỏ sót ai không.”

“Thực ra thì chúng tôi đã bỏ qua một người,” cuối cùng một trong số các gia nhân nói sau một hồi suy nghĩ. “Không xa đây lắm, trong ngôi chùa cũ kỹ bỏ hoang và đổ nát có một nhà sư sống cùng một con mèo và đàn mèo con. Nhưng chắc cũng chẳng ăn thua gì đâu bởi dù lớn tuổi rồi, ông ta vẫn chẳng có tiếng tăm gì và sống rất kham khổ. Làm sao ông ta có thể làm được nếu ngay cả những nhà sư nổi danh

nhất cũng không biết cách.”

“Hãy mời ông ta về đây. Không được bỏ qua bất kỳ cơ may nào,” vị thương nhân ra lệnh và đám gia nhân chạy đến ngôi chùa để tìm nhà sư.

“Chắc ngài đã hay biết chuyện gì xảy ra với nhà tôi,” vị thương nhân giàu có nói khi gặp ông. “Xin thứ lỗi vì đám gia nhân của tôi không nghĩ tới ngài sớm hơn, nhưng trong vùng này cũng chưa mấy ai biết tiếng ngài. Tôi xin ngài hãy thả hạ cổ quan tài xuống, để chúng tôi có thể chôn cất người chết cho đúng nghi thức. Ngài là hy vọng cuối cùng của tôi, bởi cho tới giờ vẫn chưa ai thành công, dù những nhà sư nổi tiếng nhất cũng đã thả tài. Tôi sẽ ban thưởng hậu hĩ và nếu ngài có thể hạ cổ quan tài xuống tôi sẽ cho xây một ngôi chùa mới tặng ngài.”

Nhà sư nghiêng mình, không nói một lời và đi vào trong sân nơi cổ quan tài vẫn còn treo lơ lửng trên không trung như thể bị giữ lại bởi thế lực vô hình.

Những nhà sư khác chen chúc xung quanh và chế nhạo người tu hành khốn khổ: “Nhìn xem, ông già tội nghiệp, ông ta lại muốn làm được trong khi cả đến chúng ta cũng đã thất bại. Chúng ta đang tò mò chóng mặt lên xem đây!”

Và dân làng cũng chỉ trỏ: “Trông kia; đó là nhà sư ở ngôi chùa cũ đổ nát. Không biết ông ta còn biết làm gì khác ngoài ăn thịt viên?”

“Sao kia, ông ấy chẳng có vẻ gì là được ăn thịt viên cả. Nom ông ấy gầy gò thế kia, còn quần áo thì cũ kỹ. Ai biết được, biết đâu nhà sư nghèo khó này lại chẳng giỏi giang hơn những vị sư béo múp ăn sung mặc sướng kia.”

Nhà sư không để ý gì tới những lời bình phẩm, như thể chúng chẳng liên quan gì tới ông; ông lại gần cổ quan tài đang lơ lửng trong không trung và cầu nguyện: “BO-RON, BO-RON, MIO-KO TEN-TCHI...” nhưng cổ quan tài vẫn không hề di chuyển, “KIOU-TAI SA-HO MEO-MEO...” và đúng lúc ấy, cổ quan tài hạ xuống.

Tất cả thở phào nhẹ nhõm và vị thương nhân giàu có hạ lệnh mang cổ quan tài đi để tiếp tục đám tang. Ông sợ rằng trò phù phép biết đâu lại tiếp diễn.

Nhưng cổ quan tài đã thực trở lại là một cổ quan tài bình thường; những nhà sư đi trước, thân nhân cùng quan khách xếp thành hàng dài theo sau và người bà được chôn cất trang trọng như phải thể đối với gia thế của thương nhân giàu có nhất vùng.

Sau buổi lễ, vị thương nhân giàu có cho gọi nhà sư tới và hỏi xem ông muốn dựng ngôi chùa mới ở đâu. Nhưng nhà sư không muốn một ngôi chùa mới, tất cả những gì ông muốn chỉ là ngôi chùa cũ, hoang tàn, đổ nát được sửa chữa lại. Và ước

nguyện của ông đã thành sự thực. Vị thương nhân cho gọi thợ thuyền tới: nào thợ mộc, thợ khắc, họa sĩ, cùng nhiều người khác nữa và chẳng mấy chốc ngôi chùa cũ đã nhường chỗ cho một ngôi chùa bằng gỗ chạm khắc tinh tế, cột kèo sơn son, lại có không biết bao nhiêu mà kể xiết tượng phật được điêu khắc rất khéo.

Ngôi chùa mới thu hút rất nhiều người tu hành tới dựng lều quanh đó và chỉ ít lâu sau đã trở thành một ngôi chùa lớn. Còn nhà sư già, đã trở thành sư trụ trì, được cả nước biết tới vì tài năng thể hiện trong đám tang năm nào, ngôi chùa đã trở thành điểm đến của đông đảo người hành hương, cùng các thương nhân và thợ thuyền. Vậy là chẳng bao lâu, cả một thành mới đã mọc lên ngay cạnh ngôi chùa. Thành ra, sáng kiến của con mèo không chỉ giúp nhà sư, mà còn giúp nhiều người khác trong thành này tìm được một ngôi nhà và kế sinh nhai.

Nhà sư già sống hạnh phúc với con mèo; chỉ vào mùa xuân, ông mới từ biệt chùa một khoảng thời gian để đi vui thú thiên nhiên, tận hưởng màu xanh của núi đồi và tiếng chim ca. Nhưng ông lại mau chóng trở về, bởi đôi chân già cả của ông không còn dẻo dai như những ngày trước; mà thực ra thì nay đây mai đó là việc quá sức với một người già cả.

Và mỗi khi tham dự đám tang nào, ông lại khuyên gia chủ chạm hình đầu rồng trên cỗ quan tài.

“Phòng khi một con mèo cái có lòng tốt lại muốn cản trở tang lễ, vì thiện ý!” ông lắm bả rất khế để không ai nghe thấy.

Có sứ giả tốt cũng lợi lộc gì

Thuở xưa, rất xa xôi về trước, vạn vật trên đời đều có diện mạo khác hẳn bây giờ. Cỏ vươn lên đến tận trời còn cây cối chỉ cao là ngang đầu gối. Rắn chưa có mắt, nhưng đôi lại, có giọng nam trung tuyệt vời. Đã thế, nó không lấy làm tự mãn, mà đêm ngày chăm chỉ luyện tập; không một ca sĩ nào có thể sánh bằng. Lòng đầy bi thương, nó hát ca ngợi những tia nắng mặt trời, những giọt sương lấp lánh, nét quyến rũ của những bông hoa tuyệt diệu đầy màu sắc và những ngôi sao thấp sáng bầu trời đêm xanh thẳm, tóm lại, nó hát về mọi thứ nó chưa từng được nhìn thấy; nên bài hát nào của nó cũng ai oán và cảm động đến nỗi muôn thú đâu đâu cũng tìm tới nghe. Đó đúng là ca sĩ độc nhất vô nhị. Thính giả của nó thường thờ dài mà nói: “Không có những điệu hát xúc động của rắn, chúng ta thậm chí chẳng thể biết thế giới này đẹp đến thế.” Chỉ có rắn là chẳng hề biết; nó chỉ có thể tưởng tượng mà cũng có thể vì thế, thế giới này mới đẹp làm vậy trong tưởng tượng của nó. Vậy là, nó cất giọng nam trung thổ lộ nỗi niềm với khu rừng và cả thế giới.

Cùng thời đó, trên một sườn dốc khác, không xa đó là mấy, có một con giun đất cũng phải hứng chịu khuyết tật khác. Nó có đôi mắt to rầu rĩ nhưng lại câm bẩm sinh. Vậy là nó nhìn thấy mặt trời lấp lánh và những cánh bướm sặc sỡ dập dờn bay lượn, nhưng chẳng có cách nào bày tỏ niềm vui hay thổ lộ nỗi buồn với người khác. Nó chỉ biết giương đôi mắt lớn ngấm nhìn thế giới, và gần như chẳng con vật nào hay biết sự tồn tại của nó trên đời. Cũng bởi nó chẳng thể hát về nỗi buồn của mình như con rắn, nên chẳng ai biết nỗi lòng đau khổ của nó.



Một ngày nọ, khi ấy là vào mùa xuân, một con đé bạo gan từ đâu bay tới khu rừng. Nó lắng nghe bài hát thê lương của con rắn, và bởi nhỏ bé, nó cũng nhận thấy nỗi buồn vô tận ánh lên trong cặp mắt to rầu rĩ của con giun đất. Vậy là nó nảy ra một ý. Nó chờ đến khi con rắn lách mình ra khỏi chỗ nấp và hát xong khúc đầu tiên thì mới cất lời: “Khúc hát hay quá, anh Rắn ạ. Chắc hẳn anh sung sướng vì được trở lại mặt đất sau giấc ngủ đông đàng đẵng.”

“Anh tưởng rằng thế thì có gì thay đổi với tôi sao, bởi lúc nào cũng chỉ là đêm đen vây quanh tôi mà thôi. Tôi nào thấy được vẻ đẹp của mùa xuân, hoa trái trên cây - tôi chẳng thấy gì.” Nói rồi rắn thở dài buồn bã.

Đé hài lòng với câu trả lời và nói: “Nghe này anh Rắn, tôi đã ngẫm nghĩ về số

phận của anh. Nỗi đau thể hiện trong các bài hát của anh đến một tâm hồn như tôi đây cũng không thể làm ngơ. Tôi có cách này giúp anh đây. Nhưng, tôi phải nói ngay với anh rằng, cách của tôi không dễ dàng đâu. Nếu anh dám hy sinh từ bỏ giọng hát tuyệt hay của mình, tôi sẽ chỉ anh cách để được tận mắt nhìn thấy vẻ đẹp của thế giới.”

“Anh nói mới lạ làm sao, anh Dế,” rắn hoài nghi đáp. “Tôi dám đánh đổi mọi thứ tôi có để lấy một đôi mắt; nhưng làm gì có ai trên đời lại muốn từ bỏ mắt của mình, thứ quý giá nhất thế gian.”

“Ai cũng có nỗi niềm riêng và ai cũng cho rằng phận mình là hẩm hiu nhất trên đời. Mới đây, trên đường đi, tôi đã gặp giun đất và thấy nỗi buồn vô hạn ánh lên trong đôi mắt biểu cảm ấy, tôi đã tự nhủ nhất định là giun đất sẽ muốn đổi chác với anh. Cách này sẽ giúp được cả hai. Anh có mắt còn giun đất có thể nói.”

“Tôi không hiểu,” rắn vừa lắc đầu nghi ngờ vừa nói, “đổi giọng hát lấy đôi mắt ư? Đôi mắt rõ là quý giá hơn. Phần tôi, thì tôi rất đổi sung sướng được tận mắt trông thấy thế giới, còn giọng nói thì tôi cũng chẳng luyện tiếc gì.”

Dế nhắc lại lần nữa rằng mỗi người đều có gánh nặng phải mang và cũng chẳng biết được cái gì là tốt hơn cho mỗi người rồi nó đề nghị được làm sứ giả tới gặp giun đất.

Rắn vừa nhận lời là dế chạy ngay tới chỗ giun đất.

“Anh Giun ơi,” nó buồn bã nói với giun đất, “nỗi buồn khôn tả trong mắt anh làm trái tim nhạy cảm của tôi xúc động sâu sắc. Tôi đã mất hàng đêm ròng để nghĩ cách giúp anh. Và tôi đã nảy ra ý này: liệu anh có sẵn lòng đổi đôi mắt để rút cuộc cũng có thể kể được nỗi thống khổ của mình cho người khác và trò chuyện với khắp thiên hạ? Nói cho cùng thì dường như anh cũng nhìn thế giới này đủ chán rồi.”

Nghe lời nói kỳ lạ của dế, toàn thân giun đất bắt đầu run lẩy bẩy, và đôi mắt u sầu của nó càng mở to hơn nữa.

Dế tiếp tục giảng giải: “Chắc hẳn là anh đã nghe thấy khúc ca sầu thảm của rắn ở trong rừng. Tôi có thể tưởng tượng anh đã ao ước được cởi tấm lòng và chia sẻ nỗi đau khổ của mình với muôn loài biết bao. Anh có muốn được hát ca như rắn không?”

Lòng đầy hứng khởi, giun đất gật đầu đồng ý.

“Cứ chờ rồi xem, chuyện chẳng khó mấy đâu. Nếu anh sẵn sàng đổi đôi mắt to lấy giọng nói của rắn, cả hai sẽ đều hạnh phúc - à, đây là nếu rắn cũng đồng ý.”

Để thể hiện sự đồng ý của mình, giun đất bèn máy mắt liên tục khiến đế đến hoa cả mắt.

“Hiển nhiên là không dễ thuyết phục ai đó chia tay giọng nói đã hay lại điều luyện như vậy, nhưng nếu anh đồng ý để tôi làm sứ giả, tôi cho là mình có thể thỏa mãn ước muốn lớn nhất của anh.”

Vậy là, ngay khi giun đất gật đầu tỏ ý tán đồng, đế lấy làm hãnh diện, nó vỗ chân trước và nói: “Xong, chúng ta đã thỏa thuận!”

Mặt giun đất ngời lên niềm vui sướng. Đế đã định đi thì đột nhiên quay lại nói thêm: “Chuyện này cũng bình thường thôi, bởi tôi là sứ giả trong một vụ khó như thế này, nên tôi muốn có một phần thưởng nho nhỏ.”

Giun đất ra hiệu bằng mắt rằng nó đồng ý, đế liền tiếp tục: “Anh biết đấy, tôi rất thích dù chỉ một lần được hát bài ca của rắn. Vậy sau khi anh đổi mắt lấy giọng ca của rắn, tôi không ước ao gì hơn thừa anh Giun là được mượn, dù chỉ chốc lát thôi, giọng ca ấy. Ngay khi anh muốn, anh chỉ việc nói với tôi và tôi sẽ trả lại anh ngay.”

Trông thấy trong mắt giun không mấy may một ý phản đối, đế vội vàng chạy tới gặp rắn và chẳng bao lâu sau, hai con vật bất hạnh đã trao đổi xong khả năng của mình. Rắn đã nhận được đôi mắt to u buồn của giun còn giun thì nhận giọng ca của rắn.

Như đã thỏa thuận, giun đất cho đế mượn giọng ca của rắn một lúc. Đã chờ được lâu như thế, thì đợi thêm một chút nữa cũng đâu sao. Đế vội vàng thử ngay giọng ca vừa mượn được. Giọng ca chao ôi là dài và đế phải nuốt vội nuốt vàng. Thành ra có mất đi đôi nốt giọng trầm, nhưng thế thì vẫn còn hay chán. Suốt cả mấy ngày, đế cất giọng cao vút và chẳng mấy chốc nó đã nổi danh là một ca sĩ tuyệt vời.

Càng lúc, nó càng không muốn chia tay giọng hát; vậy là thắng hoặc lắm nó mới chạy tới gặp giun đất một lần để cất giọng ngọt nhạt bảo: “Anh Giun ơi, cho tôi mượn thêm chút nữa nhé? Được không, anh không phải đổi chứ gì? Cảm ơn anh nhiều!” Thế rồi nó mất dạng.

Giun không có giọng nói nên chẳng thể bảo đế: “Trả lại giọng cho tôi!” Nó thậm chí còn chẳng thể cất cái nhìn trách móc bởi nó đã đổi mắt cho rắn rồi còn đâu.

Từ lúc đó, hề nghe thấy tiếng đế hát là giun đất lại bò ra chỗ có ánh sáng để đuổi theo. Nhưng ích chi, bởi nó chẳng thể cất lời đòi đế còn đế thì cứ làm như chẳng trông thấy giun. Thế là giun cứ miệt mài đào đất, từ đầu hè cho tới cuối thu, đuổi theo giọng hát của đế và chờ đợi trong những hào rãnh, ao mương, mong mỗi rằng

đế kia cuối cùng cũng trả lại giọng hát hay cho mình.

Chàng đánh cá Ourachima

Thuở trước, ở làng nhỏ nọ có chàng đánh cá trẻ tuổi tên là Ourachima sống cùng cha mẹ. Túp lều của họ tách biệt với ngôi làng, nép mình dưới vách đá ăn ra biển; với một bên là rừng thông trải dài. Những hôm trời đẹp, Ourachima ra biển từ tảng sáng và trở về sớm hay muộn tùy xem hôm ấy bắt được mẻ cá đầy hay chưa. Lắm khi tối muộn anh mới trở về, và thường những lúc ấy, bố mẹ anh ra đứng bên bãi biển, sốt ruột dõi về phía chân trời để trông bóng hình con thuyền nhỏ, lòng tự hỏi chuyến cá hôm nay có đủ ra chợ bán ngày mai hay không.

Một ngày - đó là một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp, trời quang mây tạnh và gió ấm thổi lao xao qua rừng thông - Ourachima lại ra biển sớm, lòng thầm mong bắt được mẻ cá đầy để về cho chóng, còn thời gian tán gẫu với bạn bè trong làng, chứ lâu lắm rồi, anh chưa có dịp hàn huyên với họ. Nhưng anh sớm thất vọng. Anh hoài công quăng lưới, thu về lần nào cũng chỉ lưới không. Quá trưa lâu rồi mà anh vẫn chưa bắt được con cá nào. Vậy là, anh quyết thử vận may lần cuối và nếu lại là lưới không, anh sẽ về nhà, bởi xem ra hôm nay anh gặp vận rủi rồi.

Nhưng lần này, dường như may mắn đã mỉm cười với anh. Vừa định kéo lưới lên, anh đã thấy nặng tay. Anh vận hết sức lực mà kéo cho tới khi trông thấy con mồi. Đó là một con cá vền anh chưa thấy bao giờ. Nó không những to hơn tất cả những con cá anh từng bắt được mà còn đẹp đến nỗi Ourachima cứ ngẩn ngơ nhìn. Mình nó óng ánh bạc và ánh mặt trời rơi lên lớp vảy khiến nó sáng lên đủ sắc cầu vồng. Nhưng đẹp hơn cả là đôi mắt cứ nhìn Ourachima buồn bã đến nỗi anh chẳng còn lòng dạ nào mà bắt nó. Và chẳng, mang một con cá đẹp nhường vậy ra chợ bán thì thật tiếc. Vậy là, Ourachima thận trọng gỡ con cá vền ra khỏi lưới và thả lại biển. Như một tia sáng, con cá rẽ sóng rồi lại quay nhìn Ourachima với ánh mắt biết ơn và lặn mất.



Ourachima chèo thuyền quay về bờ, nghĩ ngợi mông lung, không sao quên được ánh van lơn trong đôi mắt con cá vền. Anh quyết định không nói với ai về con cá lạ thường. Dầu sao, có nói người ta cũng khó mà tin, không khéo lại còn cười nhạo anh vì đã thả mất con cá lạ thế. Bố mẹ anh đã đứng trên bờ từ lúc nào, trông thấy con trai buồn bã và kiêu lời thế thì đoán chừng anh chẳng bắt được gì nên ra sức an ủi anh, nói rằng chuyến ngày mai ắt sẽ thuận lợi hơn.

Hôm sau, trời còn đẹp hơn nữa và Ourachima chèo thuyền đi từ bình minh. Anh vừa chèo vừa lặng nhìn bờ biển nơi vách đá, rồi túp lều dần khuất khỏi tầm mắt. Ra đến giữa vịnh, anh neo thuyền lại và chuẩn bị quăng lưới. Nhưng chưa kịp làm thì anh nghe thấy ai đó gọi tên mình: “Ourachima, Ourachima!”

Anh thắng thốt nhìn quanh, bởi ai lại có thể gọi anh ở đây cơ chứ, giữa nơi sóng nước thế này. Anh chỉ trông thấy độc một con rùa lớn đang vội vã bơi đến sát mạn thuyền mình. Chẳng có lẽ nó đã gọi anh?

Quả vậy, khi đã tới cạnh thuyền, con rùa liền ngóc đầu lên khỏi mặt nước và nói bằng tiếng người: “Ourachima này, vua thủy tề ngự trong thủy cung sâu dưới đáy đại dương cử tôi đến đây. Hôm qua, anh đã cứu con gái độc nhất của ngài; nên đức vua có nhã ý mời anh xuống thăm thủy cung, tới giờ chưa người nào có điểm phúc đó đâu. Hãy ngồi lên lưng tôi, tôi sẽ chở anh xuống đó.”

Ourachima ngạc nhiên đến nỗi mất một hồi mới hiểu lời con rùa nói; nhưng anh không biết có tin được lời rùa không.

Thấy anh có ý ngần ngại, con rùa nói thêm: “Đừng sợ; mai tôi lớn lắm, anh có thể ngồi thoải mái. Cũng không phải sợ dòng nước, nước sẽ rẽ ra cho chúng ta đi và anh thậm chí còn không bị ướt chút nào. Đi nào, vua thủy tề và công chúa đang đợi.”

Ý nghĩ mình là người đầu tiên được thăm thủy cung dưới lòng đại dương thực sự thôi thúc anh, chẳng những thế vua của bốn bể còn đích thân chờ đón anh. Vậy là anh chẳng ngần ngừ lâu hơn nữa, vội rời thuyền trèo lên lưng rùa - cái mai quả là lớn hơn anh nghĩ và anh có thể ngồi thoải mái trên ấy thật.

Con rùa bắt đầu bơi, nước rẽ ra cho họ một lối đi hẹp. Vừa lặn xuống, con rùa vừa kể với anh: “Anh cần biết rằng mỗi năm một lần, công chúa của chúng tôi được quyền đi dạo quanh cung điện. Vào hôm ấy, công chúa hóa thành con cá vền bạc và chúng tôi - bởi tôi là vú nuôi của công chúa - bơi lội trước cửa cung điện. Hôm qua cũng thế, chỉ có điều, hôm qua công chúa cứ muốn đi xa khỏi cung điện, chứ không chịu bơi quanh như lệ thường. Tôi đã cố khuyên can công chúa, nhưng vô ích. Tôi chưa kịp can, công chúa đã bơi vụt đi, nhanh đến nỗi tôi đã mất dấu. Tôi mới thất kinh làm sao chứ! Bởi công chúa nào đã có mấy kinh nghiệm và chẳng biết hiểm nguy gì đang chờ chờ ngoài xa. Quả vậy thật, khi trở lại nàng vô cùng hoảng loạn, và thực may cho nàng khi sa vào lưới một người nhân hậu như anh. Lần sau nàng sẽ biết nghe lời hơn.”

Giữa lúc đó, họ đã tới một vườn hoa thủy sinh và giữa những xoáy nước trước mắt họ đột ngột xuất hiện cổng cung điện của vua thủy tề.

Chao ôi, nó mới đẹp làm sao! Cổng làm toàn bằng san hô đỏ, loại rực rỡ nhất, mái lợp toàn xà cừ tinh khiết nhất, còn cột kèo thì dát toàn ngọc trai viên lớn và trắng nhất bốn bể. Cung điện thì phát ra thứ ánh sáng màu lam kỳ lạ mà Ourachima không sao giải thích được.

Anh quay lại; phía sau, nước đã đóng lại và từng đoàn cá phát lân tinh đang bơi qua bơi lại. Ở lối vào cung điện mới nhận nhịp làm sao; cá lớn cá nhỏ, bạch tuộc, sao biển, mực nang, cua bể và bầy tôm rồng đi ra đi vào, nhưng lạ mắt nhất ấy là qua ngưỡng cửa tất cả đều biến hình. Những con đi vào lập tức mang dạng người và vận những bộ đồ thêu, hoặc giả vờ hình những sinh vật biển là chúng lúc trước. Còn những con đi ra mất ngay hình dạng người và trở lại làm cá, sao biển...



Khi rùa và Ourachima đi tới cửa, tất cả đều nghiêng mình kính cẩn. Con rùa cũng biến hình và đột nhiên Ourachima thấy bên cạnh mình là một bà vú nuôi đang tươi cười vận váy thêu toàn hình rùa.

“Chúng ta tới nơi rồi,” con rùa, hay đúng hơn là bà vú nuôi nói. “Hôm nay ở đây náo nhiệt hơn hẳn bởi mọi sinh vật đã truyền tai nhau rằng chúng tôi sẽ đón khách quý đến từ vương quốc loài người và rằng vua thủy tề cùng công chúa sẽ mở tiệc khoản đãi. Nhanh nào, đừng để chủ nhà chúng tôi phải đợi.”

Họ đi qua sân cung điện nơi ai nấy đang đứng tụm lại thành nhóm đều nghiêng mình trước anh. Thế rồi, họ bước vào chính điện. Ở đây đẹp không thua gì bên ngoài, khắp nơi còn được dát thứ đá kỳ lạ nào đó mà Ourachima không sao nhận được hình dạng bởi chúng phát ra thứ ánh sáng màu lam chiếu rọi cả cung điện anh đã thấy từ bên ngoài. Ở lối vào có năm cung nữ vận kimono thêu hình cá vền bạc đứng sòng hàng. Thấy chàng thanh niên và bà rùa, họ xúm lại dẫn hai người đi qua hành lang dài vào đại điện. Ở đây, công chúa và các cung nữ hầu cận đang đợi sẵn. Con gái vua thủy tề là người duy nhất vận chiếc váy dài bằng lụa trắng không có hình trang trí gì; nhưng mỗi cử động của cô lại khiến những nếp váy sáng lên và lấp lánh như bọt biển. Công chúa nhiệt thành chào Ourachima và nước mắt lã chã cảm ơn anh đã tha mạng cho mình. Thế rồi, cô dẫn anh băng qua phòng tới điện kiến vua thủy tề. Vua của bốn bể uy nghiêm đến nỗi không ai có quyền trông thấy ngài; vậy nên để xuất hiện trong bữa tiệc, ngài phải giấu mình sau bức rèm ngọc trai dày. Giọng nói phát ra từ phía sau tấm rèm cảm ơn Ourachima đã cứu tính mạng công chúa, giọng nói ấy nghe trầm và điềm tĩnh, như tiếng sóng từ xa vọng lại. Cảm ơn chàng thanh niên xong, vua hạ chỉ khai tiệc.

Một hồi kèn giống giả vang lên, thế rồi trên bốn bức tường phòng những cánh cửa lập tức mở ra, và các thị tì tiến vào mang cho mỗi vị khách một bàn khảm xà cừ toàn cao lương mỹ vị. Công chúa dẫn Ourachima vào vị trí danh dự, ngay cạnh cô rồi những viên cận thần cũng như khách khứa ngồi vào chỗ của mình theo thứ bậc thành một hàng dài dọc hai bức tường. Và trong lúc tất cả đang khoan khoái thưởng thức nào tảo nào hải sản, công chúa bắt chuyện với vị khách, kể cho anh nghe thói quen của những vị khách mời và cuộc sống trong thủy cung.

“Nhu chàng thấy đấy, tất tât cư dân của biển cả đều gặp nhau ở đây và đều đối đãi với nhau thân tình, cá mập với cá tuyết và sao biển, bạch tuộc với cá trích dù cho ra ngoài đại dương họ là những kẻ thù không đội trời chung. Trong cung điện hoàng gia tất cả đều là bạn bè - đó là luật của vương quốc chúng em. Em hy vọng rằng chàng thấy vui khi ở đây,” công chúa nói để kết thúc câu chuyện.

Sau bữa tối, các nhạc công đứng vào một góc phòng và chơi nhạc, nhảy múa trên

những vở sò hết sức điêu luyện. Theo nguyện vọng của công chúa, các khách mời lần lượt đứng lên, cúi chào khán giả rồi biểu diễn điệu nhảy đặc trưng của loài mình. Những chú rùa đung đưa như ru con, cá chình uốn mình và vặn xoắn cơ thể mảnh mai, cua có bài nhảy lùi; nhưng thú nhất phải kể đến những chú cá chuồn, với điệu nhảy kỳ lạ, chúng bung mình lên không trung theo tiếng nhạc rồi lại phát mạnh hai tay áo kimono, điệu bộ thật duyên dáng.

Phải mất một hồi lâu tất cả mới hoàn thành lượt nhảy của mình; và cuối cùng khi tất cả những người tham gia đã xếp thành hàng dài và nhảy cùng nhau thì công chúa mời Ourachima đi một vòng thăm cung điện. Không để các vũ công vui vẻ nhận ra, họ rời căn phòng và công chúa đưa Ourachima đi dọc những hành lang dài, mở hết cửa này đến cửa khác. Mỗi phòng lại mang một vẻ đẹp riêng và nhìn ra một cảnh biển khác nhau. Đến phòng nào, công chúa cũng giải thích cho chàng thanh niên họ đang nhìn thấy vùng nào và ở đó thì có những sinh vật gì.

Đi hết phòng này đến phòng khác, chợt Ourachima nhớ ra rằng mình đã ở dưới lòng biển khá lâu. Bây giờ chắc hẳn đã tới trời, mà có khi đã là sáng hôm sau rồi, và bố mẹ anh chắc là đang lo lắng lắm. Nghĩ thế, anh cảm thấy nhớ làng mạc da diết; có lẽ đến lúc trở về rồi.

Công chúa nhận thấy tâm trí Ourachima đang lơ đãng và nàng hỏi anh có sao lại buồn. Khi anh nói anh muốn trở về, nàng buồn ra mặt và đôi mắt tuyệt đẹp của nàng rơm rớm khi nàng nói: “Tiếc thật, em hy vọng chàng sẽ vui khi ở nhà chúng em và sẽ ở lại vương quốc này mãi mãi. Ở đây ai cũng tốt và tiếp đãi chàng chu đáo. Chàng hãy nghĩ cho kỹ, có thể giờ quay lại đất liền chàng sẽ chẳng vui thú nữa đâu.”

Ourachima sửng sốt khi nghe những lời này; anh tiếc vì đã khiến công chúa buồn đến thế, nhưng anh quá khát khao được gặp lại cha mẹ, được thấy lại ánh mặt trời, làng quê và bạn bè. Vậy là anh lịch thiệp cảm ơn công chúa vì lời đề nghị nàng dành cho anh, nhưng xin nàng đừng giận, bởi là người, anh chỉ cảm thấy mình thuộc về xứ người mà thôi.

“Nếu chàng đã quyết chí trở lại, em cũng không giữ,” công chúa nói, “nhưng đợi một lát, em muốn tặng chàng một kỷ vật.”

Nàng nắm tay Ourachima dẫn anh tới nơi sâu nhất của cung điện, đi thẳng vào phòng cất giấu kho báu của vua thủy tề. Ở đây có vô vàn ngọc trai và đá quý; nhưng công chúa chẳng bận tâm đến số ngọc ngà châu báu ấy, mà đi thẳng vào một góc, lấy ra một hộp gỗ nhỏ giản dị và đưa cho Ourachima.

“Chàng sẽ không thể tìm thấy ở đâu trong thiên hạ nhiều báu vật như ở đây; và em có thể ban tặng cho chàng bao nhiêu ngọc ngà châu báu tùy sức chàng mang đi.

Nhưng em muốn tặng chàng thứ quý giá hơn, bởi em muốn khi ở thế giới trên kia, chàng sẽ chẳng thiếu thốn thứ gì. Hãy cầm lấy chiếc hộp này. Bên trong là viên đá quý đại dương trị giá hơn tất cả châu báu trên đời bởi nó có thể tạo ra bất cứ thứ gì. Trong đáy hộp có một lỗ nhỏ. Chỉ cần chàng thì thào vào đó điều mình muốn, rồi vỗ tay ba lần, điều chàng muốn sẽ ở ngay trước mặt. Nhưng chàng hãy nhớ kỹ một điều: nếu muốn sống hạnh phúc, đừng bao giờ mở hộp này ra!”

Ourachima cảm ơn công chúa rồi nói lời từ biệt; ra đến điện anh gặp lại bà rùa. Tất cả khách khứa đều đã xếp thành hàng ra tới tận cửa. Qua thềm cửa, bà vú nuôi đã biến lại thành rùa và Ourachima, tay cầm chiếc hộp leo lên lưng rùa.

Lại một lần nữa, nước rẽ làm đôi, để ra một khoảng ngày càng sáng hơn và cuối cùng họ cũng lên tới bờ. Ở đó, rùa chào tạm biệt: “Giã biệt Ourachima, thỉnh thoảng hãy nhớ đến công chúa của chúng tôi!” Dứt lời, nó biến mất.

Ourachima nhìn quanh quất và sửng sốt tột độ: tất cả đều vừa thân thuộc lại vừa lạ lẫm. Anh nhận ra vịnh quê hương và vách đá. Nhưng ở nơi trước kia là túp lều của cha mẹ anh, giờ chẳng có gì ngoài cát, rừng thông đã trải dài và rậm rạp hơn xưa. Không hiểu điều này nghĩa là gì, Ourachima vội rảo bước về làng; con đường dẫn tới đó giờ rậm rịt cỏ xanh cứ như thể lâu lắm rồi không ai qua lại. Ngôi làng cũng đổi thay hoàn toàn. Nhà cửa to rộng hơn, kang trang hơn và mọc lên san sát. Ourachima không nhận ra một gương mặt quen thuộc nào; tất cả những người anh gặp đều xa lạ đối với anh. Cuối cùng, một trong số họ cũng chặn anh lại và hỏi: “Cậu đến từ đâu thế chàng trai trẻ, và cậu tìm ai?”

Khi Ourachima xưng tên, người lạ trả lời: “Ourachima ư? Lạ quá nhỉ; theo như tôi nhớ thì ở làng này chưa từng có ai tên là Ourachima.”

Ngày càng nhiều người xúm lại quanh chàng thanh niên bất hạnh, tò mò nhìn anh và xì xào bàn tán: “Cậu này lạ quá nhỉ; chẳng ai biết cậu ta cả, thế mà cậu ta cứ khẳng khẳng là người làng mình.”

Cuối cùng, họ quyết định đem chuyện này đi hỏi thầy tu thông thái trong ngôi chùa phía sau làng.

Vị thầy tu ngạc nhiên khi thấy bao nhiêu là người kéo đến chỗ mình, rồi ông chăm chú nghe câu chuyện kỳ lạ.

“Ourachima ư? Ourachima nào nhỉ? Tôi không biết Ourachima nào, nhưng mà cái tên này tôi từng nghe qua rồi. Đợi đã, tôi sẽ thử nhớ lại xem sao.”

Và, ông đã nhớ ra: “Theo truyền thuyết xưa mà tổ tiên tôi kể lại, có một chàng

đánh cá tên như thế, một ngày anh ra khơi giữa hôm trời trong gió lặng và không bao giờ trở về nữa. Người ta đã tìm thấy con thuyền của anh neo giữa vịnh. Nhưng cậu chẳng thể có điểm gì chung với Ourachima này được, bởi chuyện này xảy ra có tới hơn ba trăm năm rồi.”

Vậy là Ourachima hiểu ra thời gian dưới thủy cung trôi chậm hơn trên mặt đất. Anh kể cho tất cả những người đã dẫn anh đến nhà thầy tu chuyện xảy ra với mình, anh đã bắt được rồi thả con gái vua thủy tề ra sao, làm thế nào anh tới thăm thủy cung dưới lòng đại dương và công chúa đã bị rịn chia tay, đã tặng anh hộp quà phép thuật ra sao. Nói đến đây anh chợt nghĩ hẳn không phải ý tôi nếu có bữa ăn trọng thể khoản đãi những hàng xóm mới của mình, bậc con cháu của bạn bè cũ. Anh vội xoay cái hộp và kê miệng vào cái lỗ trống ở đáy mà thì thầm: “Tôi cần một bữa ăn cho thầy tu đáng kính và bạn bè tôi!”

Rồi anh vỗ tay ba lần và ngay tức thì, trước mặt mỗi người, một bàn ăn với những món tuyệt ngon xuất hiện. Ai nấy đều sững sốt, cảm ơn Ourachima và hỏi anh kể thêm chuyện dưới lòng biển. Vị thầy tu mang giấy, mực, nghiên tới ghi lại tại chỗ câu chuyện kỳ lạ này.

Ourachima ở lại trên bãi biển nơi trước đây anh đã từng sống với cha mẹ mình. Anh hỏi xin chiếc hộp một túp lều nhỏ giống hệt như túp lều trước kia của cha mẹ anh và sống ở đó như ba trăm năm trước. Nhưng anh không còn đi biển nữa; một phần bởi anh tránh đánh bắt những người bạn dưới biển của mình, mặt khác giờ anh không cần đánh cá kiếm sống nữa: chiếc hộp cho anh mọi thứ anh cần. Và lại Ourachima cũng chẳng lầy đâu ra thời gian đi đánh cá nữa, bởi từ khắp nơi người ta đổ xô tới gặp anh để nghe kể chuyện về thủy cung dưới lòng biển. Ourachima thân thiện với tất cả mọi người và những người đặc biệt nghèo khổ đều ra về với đồ ăn thức uống và đôi khi với quần áo mới.

Chẳng mấy chốc tin tức về anh đánh cá đã tới thăm cung điện của vua thủy tề và ban phát quà cho dân nghèo tới tai lãnh chúa. Ông này cho rằng chuyện đó hết sức kỳ lạ. Biết đâu anh đánh cá lại chẳng phải là một thầy bùa độc ác? Vậy là ông cử hai viên quan tới làng chài để dò hỏi kỹ hơn và để xem anh đánh cá có phải là một tên bịp bợm, một kẻ phản loạn hay thậm chí là thầy bùa hay không.

Hai viên quan lên kiệu và đi suốt ba ngày thì tới được túp lều bên bờ biển. Ourachima kính cẩn chào họ và cũng kể cho họ nghe chuyện đã xảy ra với mình dưới thủy cung.

Hai viên quan lắng nghe nhưng lòng đầy hoài nghi, họ lắc đầu ngơ vờ rồi cuối cùng một người hỏi: “Thế cái hộp, nó làm ra bạc được à?”

“Công chúa nói rằng viên ngọc trong đây là viên ngọc quý có thể tạo ra vạn vật, kể cả bạc,” Ourachima đáp, ước có một đồng bạc trắng; rồi anh vỗ tay ba cái, và một đồng bạc đã xuất hiện trước mặt hai viên quan đang không khỏi sửng sốt.

Vậy là viên quan chức sắc cao hơn nói: “Ở đây, chỉ có lãnh chúa được quyền làm ra bạc thôi. Người đã vi phạm luật đó, vậy nên ta tịch thu chiếc hộp! Chúng ta sẽ lập tức xem người giấu viên đá biến gì hay bất kể trò phù phép nào trong đó!”

Ourachima sợ hãi can ngăn hai viên quan đừng mở hộp, bởi công chúa đã dặn như vậy.

Nhưng hai vị này đáp: “Lãnh chúa đã giao quyền cho chúng ta phải kiểm tra cẩn thận; nên chỉ có lời của ngài là trọng chứ không phải lời của một công chúa cá kiếc gì khác!”

Họ vận hết sức để mở hộp. Cuối cùng khi nắp hộp mở ra, họ thấy một chiếc hộp thứ hai, khảm đầy ngọc trai. Các quan lấy nó ra và xem xét khắp các mặt. Thấy thế, Ourachima quỳ sụp xuống trước mặt họ và van vi: “Xin đừng mở nó ra! Xin đừng mở ra!”

Nhưng hai viên quan không cần mở, nắp hộp đã tự bật ra, chỉ thấy một luồng ánh sáng xanh, rồi một làn khói trắng thoát ra từ chiếc hộp. Đúng lúc đó, những đồng bạc bốc hơi và khi làn khói chạm vào Ourachima, anh bỗng biến hình kỳ lạ: khuôn mặt anh phút chốc đầy nếp nhăn, mái tóc bạc trắng, da tay nhăn nheo. Và phút chốc, anh trở thành một ông già ốm yếu, anh ngã lảo ra và tắt thở.

Hoảng sợ, hai viên quan nhảy sang bên và đánh rơi chiếc hộp. Từ đó cát ào ào tuôn ra, tuôn ra mãi, ngày một nhanh và nhiều hơn cho đến khi chiếc hộp, xác của Ourachima, tụp lều, bờ biển, vách đá, rừng thông và cả hai viên quan đều bị cát chôn vùi.

Chuyến phiêu lưu của anh thợ dệt chiếu

Xa xưa trở về trước, có một thành, trong thành này có bao nhiêu người sinh sống, người giàu, kẻ nghèo, thợ thuyền khéo léo, thương nhân tháo vát, và cả những kẻ lười biếng, lang thang lêu lổng như mọi thành khác. Đa dạng là thế, nhưng hết thấy dân trong thành từ giàu chí nghèo, những người sớm khuya làm lụng không ngơi tay cũng như những kẻ chỉ làm được chẳng hay chớ đều nhất trí rằng quanh thành có những điều đáng ngờ xảy ra.

Chẳng hiếm chuyện một thương nhân sang làng lân cận chơi thế rồi chẳng bao giờ trở về. Hoặc có người trở về thì mắt trợn ngược lên vì sợ hãi, mặt mũi tái xanh tái xám người run bần bật, và thay vì đi dạo ngắm cảnh hay hành hương tới ba mươi ba ngôi chùa thờ bà thánh Canh nông như đã định, thì chỉ ở rịt trong nhà mặc hàng xóm cây lờ cũng chỉ một mực lắc đầu. Người này hẳn phải trải qua chuyện gì đó khủng khiếp lắm mới không ai, không gì có thể cạy miệng ra được.

Từ đó, hễ chập tối, hàng xóm láng giềng lại tụ tập quanh bàn trà hút thuốc, suy đoán. Không có chuyện có băng cướp nào quanh vùng, bởi nếu có người ta đã phải nghe nói đến, và rồi cũng chẳng có ai bị cướp bóc gì hết; đề tài này vẫn mãi là một thứ chuyện kỳ lạ, khủng khiếp. Mà những người chứng kiến những thứ kỳ lạ như thế cũng chẳng ra mà làm chứng được, bởi họ chẳng bao giờ trở về.

Dân trong thành thì nhau đoán già đoán non, song họ chẳng bao giờ đoán được chân tướng sự việc. Dần dà họ quen với ý nghĩ có ma trong vùng và thôi thì để cho chắc, thà cứ ở nhà còn hơn là mạo hiểm ra ngoài cổng thành. Hiển nhiên là cứ thế mãi thì chẳng lợi lộc gì cho việc buôn bán.

Thời đó, có một anh thợ dệt chiếu sống ở trong thành. Đó là một người thợ khéo tay, lại còn thông minh, nhanh trí. Anh đi từ nhà này sang nhà khác, chữa những chiếc chiếu. Nhưng anh thích hơn cả là được đi xa để dệt chiếu cho người nào đặt hàng. Khi có ai đó trở nên khâm khá và muốn khoe khoang về ngôi nhà mới của mình hoặc khi một cặp vợ chồng mới cưới dọn về ở chung, người ta sẽ gọi ngay chàng thợ dệt chiếu trẻ tuổi. Không ai có đôi tay khéo léo như anh và cũng không ai mang lại nhiều niềm vui, tiếng cười cho gia chủ như anh. Anh thuộc tất cả những bài hát mới, biết tất cả những tin tức thú vị. Và phải nghe anh diễn kịch mới thực là thú! Anh có biệt tài bắt chước rất tài tình các đào kép, giống đến nỗi khán giả có cảm tưởng như đang xem chính họ diễn trên sân khấu. Chẳng mấy chốc anh thợ dệt chiếu đã nổi danh đến nỗi tất bật từ sáng tới khuya không hết việc. Anh không chỉ

có tiếng khắp thành, và cả những làng xa xôi khác trong vùng cũng mời đến anh.

Thế cho nên, anh thợ dệt chiếu trẻ tuổi là một trong số những người can trường hiếm hoi dám đi ra khỏi bức tường thành vững chắc. Anh thường băng qua cánh đồng, vừa đi vừa hát những bài ca vui vẻ và lúc nào cũng quảy tay nải trên vai, trong tay nải luôn sẵn kim khâu cùng dụng cụ cần thiết. Và chưa bao giờ có chuyện gì xảy đến với anh; có thể bởi anh lúc nào cũng hát văng cả lên mà cũng có thể bởi anh chưa bao giờ có ý sợ hãi.

Đôi khi anh tự nhủ: “Chắc toàn là mấy thứ bà con lối xóm tưởng tượng ra để có chuyện mà nói với nhau bên bàn trà thôi. Mà cũng có thể họ không muốn cất công đi tới những làng xa xôi hơn. Bởi mình đây, thường xuyên ra khỏi thành, mà đã gặp bóng ma nào đâu.”

Một ngày nọ, người ở làng xa lại gọi đến anh. “Việc này dễ chừng phải mất ít nhất hai ngày,” họ nhắc anh thế. Nhưng mới xế trưa thì anh đã xong việc và cáo từ chủ nhà trở về. Trời không một gợn mây và nắng gay nắng gắt. Nóng nực đến nỗi chim chóc cũng im bật; chỉ có chàng thợ trẻ là hăng hái bước đi, lòng mừng vui vì dư ra được nửa ngày.

“Ít ra mình cũng sẽ ghé vào xem kịch,” anh nhủ thầm, “đã lâu lắm rồi mình không tới đó. Và ai mà biết được, biết đâu lại chẳng còn dư thì giờ trò chuyện với hàng xóm, uống với nhau chén rượu.”

Mãi nghĩ ngợi vẩn vơ, anh không hề để tâm thấy những đám mây đen đang ùn ùn kéo đến, thoáng chốc đã che kín cả bầu trời. Thành linh, trời tối sầm lại, đến nỗi giờ bàn tay ra trước mắt cũng không thấy rõ.

“Cũng chẳng lạ, với cái tiết trời nóng nực thế này,” anh tự nhủ, “chắc là cơn dông thôi. Miễn sao mình kịp về tới thành là được!” Và anh dò dẫm đi trong bóng tối. Nhưng chuyện gì thế nhỉ - thay vì con đường quen thuộc anh lại thấy mình bỗng đâu lạc giữa một khu rừng. Màn đêm dày đặc vây quanh anh, tất cả đều tĩnh mịch tuyệt đối và bầu không khí ngọt ngào khác thường đè nặng khắp xung quanh.

“Chẳng lẽ mình lạc ư? Mọi thứ đột nhiên lạ quá.” Anh thợ dệt chiếu hốt hoảng. Anh dè dặt đi theo hướng này một chút, rồi hướng kia một chút, nhưng vẫn không tìm thấy đường. Bỗng, anh như thấy đằng xa có ánh sáng.

“Mình phải tới phía có ánh sáng kia và hỏi đường mới được,” anh tự nhủ rồi rảo bước. Loáng chốc anh đã tới được ngôi chùa nhỏ. Dù rõ ràng anh như nghe thấy có tiếng nói khe khẽ ở bên trong, nhưng khi gọi thì chẳng thấy ai đáp lời. Vậy là anh đẩy cửa bước vào. Giữa ngôi chùa, có một bà sư đầu cạo trọc ngồi trước một cái bàn

trên đặt một cuốn kinh đang mở sẵn. Dường như bà không nghe thấy anh vào bởi bà chẳng hề quay lại. Anh đợi một lát rồi bối rối húng hắng ho.

“Bạch thầy, xin thứ lỗi cho con vì đã quấy rầy. Con đang trên đường về thành thì cơn dông ập đến. Tôi quá, con mất phương hướng, giờ đâm lạc đường. Xin thầy cho con trú nhờ ở đây cho hết cơn dông và hừng trời lên với nhé.”

Bà sư gật đầu ra hiệu đồng ý; vậy là anh thợ dệt chiếu bỏ dép, cầm tay nải đi vào, ngồi xuống một góc chiếu. Sự tĩnh mịch khiến anh thấy ngọt ngào. Có điều gì đó kỳ lạ, đáng sợ như rình rập quanh anh.

Bà sư lầm rầm cầu kinh. Anh thanh niên nhìn quanh, muốn được bắt chuyện để xua đi nỗi lo đang đè nặng trong lòng; nhưng bà sư dường như chỉ chú tâm vào cuốn kinh. Vậy là, được một lúc, thì anh bỏ ống điếu ra, nhồi thuốc và bắt đầu hút.

“Dẫu sao, chân tay bận bịu một tí thì đầu óc mới thư thái được,” anh nghĩ thầm và, trong phút lơ đãng, đánh rơi một ít tàn thuốc cháy dở xuống chiếu.

Bà sư tỏ vẻ giận dữ và ngẩng phắt đầu lên.

“Con xin lỗi,” chàng thợ chiếu cẩn thận thu tàn thuốc và cất lời. “Con không định làm hỏng chiếu. Đó là tại cơn dông; nó làm con thấy lo lắng đâm bất cẩn quá. Nhưng thầy đừng lo, giờ con không làm rơi nữa đâu.”

Vậy là anh ngồi yên không nhúc nhích, chốc chốc mới rít ống điếu thật cẩn thận. Cuối cùng anh cũng hút xong mà không làm rớt thêm gì nữa, thế nhưng màn đêm vẫn chưa tan. Anh đành ngó quanh và để ý thấy cái chiếu bị sòn một chỗ.

“Mình đã ở đây thì nên sửa nó giúp; dù gì mình cũng phải thể hiện chút lòng biết ơn đối với bà sư.”

Anh mở tay nải, mang ra một nắm dây và rút. Lúc bấy giờ, bà sư ngừng lầm bầm và liếc về phía anh cái nhìn ác ý.



“Chẳng việc gì đâu thầy ơi, thầy đừng bận tâm,” chàng thanh niên lễ phép nói. “Chỉ là con không thích ăn không ngồi rồi, vậy nên con mới bảo, có khi sẵn đây sửa lại cho thầy chiếc chiếu.”

Bà sư lại liếc nhìn anh đầy dửng dưng, nhưng không nói năng gì và lại bắt đầu cầu kinh. Vậy là anh thợ tiếp tục công việc. Anh túm lấy một nắm nan chiếu chìa ra và kéo. Đúng lúc đó, cả ngôi chùa chao đảo như bị động đất và bà sư thét lên đau đớn: “Á, khủng khiếp quá!”

“Ôi, thầy đừng sợ,” anh thanh niên nói hòng trấn an bà lão. “Chỉ là cơn bão thôi mà, dường như đông gió ngày càng khủng khiếp. Nhưng thầy không cần phải lo lắng đâu, ngôi chùa này có thể chịu được bão lớn hơn nhiều. Thầy đừng sợ!”

Ngay khi bà sư bình tĩnh lại, anh thợ trẻ nhìn lại nắm xơ chiếu trong tay. Anh hoảng hốt và nhớ lại những tin đồn trong thành. Trên tay anh là một nắm lông dài, màu xám đốm trắng.

“Mình không thích điều này,” anh tự nhủ. “Đây là lông lửng; sao nó lại ở chiếc

chiếu được nhỉ?”

Anh vội vàng lấy từ trong tay nải một chiếc kim khâu thật dài, lấy đà và dùng hết sức bình sinh đâm vào chiếc chiếu. Chiếc kim xuyên từ bên này sang bên kia chiếc chiếu và một tiếng thét khủng khiếp vang động không gian. Ngôi chùa cùng bà sư tức thì biến mất và anh thợ dệt chiếu thấy mình đang ngồi ở bờ ruộng, chân trần, tay cầm kim. Mặt trời thiêu đốt và trời không một gợn mây. Sững sốt, anh nhìn quanh. Nhưng ở chỗ trước đây là ngôi chùa, anh chỉ thấy một vũng máu, từ đó kéo dài một vệt. Anh lần theo vệt máu và tới trước một cái hang sâu. Ngay lối vào, có một con lửng không lồ nằm chết ở đó.

“Chà, đây chính là bóng ma đã khiến cả vùng không yên,” anh tự nhủ. “Hóa ra đó chẳng phải chỉ là tin đồn.” Và chỉ đến lúc đó anh mới nhận ra mình vừa thoát khỏi hiểm nguy.

Từ đó về sau, khu vực quanh thành lại được yên ổn và mọi người có thể thoải mái làm việc của mình. Trước họ hay ở nhà bao nhiêu, thì giờ họ lại năng đi bấy nhiêu, đến nỗi chẳng có thành nào mà người dân lại ít ở nhà như dân thành chúng tôi.

Lấy oán trả ơn

C hàng thanh niên Morosouke đang trên đường tới những vùng miền xa xôi của nước Nhật. Anh tứ cố vô thân, cha mẹ không có, bằng hữu cũng không, chẳng ai dúi dất anh hòa nhập cuộc sống nơi kinh kỳ hay giúp anh gây dựng cơ nghiệp. Anh đã theo những danh y tâm sư học đạo, thuần thực được cái nghề cứu người và với tay nghề vững vàng, lại thêm lòng bác ái, nhất định chẳng mấy mà anh sẽ được người người tín nhiệm. Thế nhưng trong một thành lớn đến chừng này thì một kẻ đơn thương độc mã như anh sao trụ được. Giữa bao kẻ, bất luận giàu nghèo, khôn ngoan hay ngu dốt, bậc anh tài hay phường xảo trá, chỉ có những kẻ lắm tiền hay quyền thế mới hòng tiến thân. Và bởi Morosouke không có tiền, cũng chẳng có người đỡ, nên anh đã quyết định đến thành khác, nơi chưa có ai hành nghề thầy thuốc để lập nghiệp; bởi chỉ có ở đó, người ta mới trọng tài.

Trời đang tiết xuân. Những dòng sông cuộn cuộn chảy xuống từ núi gập gào, ào ạt tung bọt; thỉnh thoảng một cơn lũ khủng khiếp ập đến dâng nước thành những cuộn sóng cao bằng nhà, nhấn chìm mọi thứ trên đường đi. Giữa lúc nguy nan, Morosouke bám được vào cánh cửa gỗ hắt đã bị lũ giạt phăng và nước cuốn trôi đi. Ép mình trên cánh cửa, người thầy thuốc để mình bị cuốn trôi đi, mắt nhìn những điều khủng khiếp đang diễn ra quanh mình.

Bỗng anh nghe thấy tiếng kêu cứu tuyệt vọng vang đến: “Cứu tôi với, cứu tôi với! Tôi sắp chết đuối rồi! Cứu với, tôi sắp chết đuối rồi!” Gần cánh cửa có người đàn ông nọ đang gom chút sức lực cuối cùng để vật lộn chống lại những con sóng đục ngầu chỉ chực dìm anh ta xuống đáy. Không chút đắn đo lo cho an nguy của bản thân, Morosouke túm lấy người đàn ông đã sắp chìm ngấm và kéo anh ta lên cùng mình.

Vừa lên đến nơi, người này đã rớt rít cảm ơn ân nhân cứu mạng: “Ôi, ân nhân đáng kính, tôi nợ ngài cả mạng sống; từ nay về sau tôi nguyện làm tôi tớ cho ngài. Xin hãy coi tôi là tên hầu trung thành; tôi sẽ theo ngài tới cùng trời cuối đất và đến chết tôi vẫn hàm ơn lòng dưỡng cảm cùng sự tử tế của ngài. Tôi chỉ là một thợ đóng thùng nghèo khổ; nhưng bàn tay tôi, nhờ ơn ngài mà còn, nguyện từ rày về sau chỉ phục vụ ngài mà thôi!”

Anh ta không ngớt lời cảm ơn và trong khi miệng vẫn ca tụng ân nhân cứu mạng mình, anh ta khiếp sợ ôm cứng lấy tấm gỗ, kinh hãi trông những xoáy nước. Người thầy thuốc, tế nhị giả như không hề nghe thấy những lời cảm ơn ấy, mà chỉ chăm

chú trông theo hướng mảng bè bắt đắc dĩ này đang xuôi. Lúc này dường như mảng bè đang trôi trên một khu rừng bởi đây đó có những ngọn cây vượt lên khỏi mặt nước và trong xoáy nước có con cáo đang vùng vẫy tuyệt vọng mong thoát ra. Người thầy thuốc không chần chừ lâu. Anh ngả người, vươn ra xa hết mức khỏi chiếc bè và chìa tay cho con cáo.

“Trời ơi, ngài làm gì thế!” người thợ đóng thùng kinh hãi hét lên. “Cứ để mặc con cáo, cánh cửa này sẽ lật mất thôi và cả hai ta sẽ rơi cả xuống nước. Đánh liều hai mạng sống chỉ để cứu một con cáo thì mới vô lý làm sao chứ!”

Người thầy thuốc lờ những lời này đi và kéo con cáo lên. Vậy là có ba mạng trên cánh cửa và xem ra nó khó bè chở nổi. May thay, cánh cửa được làm từ gỗ tốt, chứ nếu không dưới sức nặng như thế nó có lẽ đã đắm rồi.

Nước càng lúc càng dâng cao và chẳng mấy chốc người ta chỉ còn nhìn thấy bọt sóng ngàu lên. Chợt có những xoáy nước ngay bên cạnh cái bè. Một con rắn lớn đang xoay tít trong dòng nước và sắp bị nuốt chửng. Lại một lần nữa, người thầy thuốc, chẳng phút lưỡng lự, kéo con rắn lên cùng mình. Mặc người thợ đóng thùng cầu nhàu, than vãn, nói trước rằng rồi tất cả sẽ chết hết vì con rắn này.

“Nếu đã có đủ chỗ cho cả ba thế này, chúng ta cũng sẽ tìm được một chỗ nhỏ cho con rắn!” người thầy thuốc kiên quyết đáp. “Con rắn cũng là vật sống và tôi không thể thấy chết mà không cứu được.”

Nước mấp mé bề mặt cánh cửa nhưng nó không chìm và con rắn cũng có được một chỗ tạm trên đó.



Đoàn người và thú kỳ lạ này xoay sở ngồi chật chội trên tấm gỗ cứu nạn và cứ mặc dòng nước cuốn đi. Mãi rồi con bão cũng tan và nước bắt đầu rút. Cuối cùng, cánh cửa chở người thầy thuốc, người thợ đóng thùng, con cáo và con rắn mắc lại giữa đường chạy qua cánh đồng. Họ nán lại thêm một chốc để nước rút hết khỏi đường, rồi nhằm thẳng hướng thành phía trước đi tới. Riêng con rắn và con cáo đi theo ân nhân cứu mạng một quãng ngắn rồi chia tay, chúng bày tỏ lòng biết ơn: “Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ơn ngài; nếu có dịp, chúng tôi sẽ đền đáp ơn này.”

Suốt đường tới thành, người thợ đóng thùng cũng cam đoan với người thầy thuốc rằng anh ta sẽ biết ơn người thầy thuốc cả phần đời còn lại và sẽ dùng những ngày còn lại ấy để làm lụng hồng đền ơn.

Đêm ấy, họ xin trú nhờ tại nhà của một người giàu có trong vùng, và hay tin quanh đây không có lấy một thầy thuốc nào cả.

“Vậy tôi sẽ ở lại đây, trong thành này, và tôi sẽ trị bệnh cho người dân,” người thầy thuốc quyết định. “Sao phải đi xa nữa làm gì?”

Chủ nhà giàu có mời anh ở lại nhà mình: “Nhà tôi rất rộng và gia đình tôi chẳng đông đến mức ở hết phòng. Vậy các anh cứ ở lại đây. Khi nào kiếm khá thì trả tiền thuê nhà, cứ xem như tôi cho nợ. Còn nếu anh không muốn nợ nần phiền phức thì hãy chăm bệnh cho gia đình tôi không công để đổi lại.”

Morosouke vui lòng chấp thuận lời đề nghị. Anh làm một tấm biển và thông báo khắp thành là kể từ ngày này, thầy thuốc Morosouke sẽ ở tại nhà ngài Hatchiemon. Người ôm khắp cả thành ùn ùn kéo đến nhà anh. Morosouke thân thiện với mọi người và chịu khó lắng nghe những lời phàn nàn. Vả chăng, anh rất thạo nghề - chẳng gì anh cũng đã theo học toàn những danh y - nên tên tuổi anh lan sang tới cả những vùng lân cận và người bệnh ở những làng xa xôi nhất cũng kéo đến thăm khám.

Morosouke chẳng mấy mà giàu, anh trả tiền thuê nhà, cho xây một ngôi nhà lớn ở giữa thành và sống sung sướng nhờ nghề của mình.

Người thợ đóng thùng cũng theo Morosouke ở lại thành này. Người thầy thuốc không muốn chuyện đền ơn, nói rằng không cần anh ta làm tội lỗi cho mình, nên anh ta cũng hành nghề trở lại. Vận may cũng mỉm cười với anh ta. Chẳng mấy chốc anh ta đã mở được xưởng riêng và xây được ở ngoại ô một căn nhà nhỏ xinh. Nhưng, không giống Morosouke, anh ta không thỏa mãn với cuộc sống của mình. Anh ta bị lòng đố kỵ giày vò thành thử không sao vui lên được. Thành công của ân

nhân không để anh ta yên, và anh ta hay hăn học nói: “Cả hai ta đều đến đây không có lấy một xu dính túi và xem giờ thì tay thầy thuốc thế nào kìa. Hăn ta chắc chắn là rùng rinh tiền bạc đến không biết tiêu sao cho hết. Chưa kể lại còn nhà cao cửa rộng ở ngay giữa thành nữa!”

Và lòng đố kị dần vật anh ta cho tới khi nó lấp hết lòng biết ơn. Người thợ đóng thùng không ăn không ngủ, công việc thì trì trệ cho tới một ngày, không chịu được nữa, anh ta tới gặp quan quan tỉnh.

“Thưa ngài,” anh ta nói, “thứ lỗi cho tôi nếu tôi dám quấy rầy ngài, nhưng tôi thấy có trách nhiệm phải lưu ý ngài về tên thầy thuốc Morosouke. Đó là một tên nguy hiểm sẽ khiến không chỉ người bệnh mà cả thành này gặp tai họa. Những trò bùa chú chẳng có gì tốt đẹp mà hăn, thưa ngài, lại chữa trị bằng những trò đó. Ngài không thấy lạ sao khi giữa trận lụt lớn đã cướp đi sinh mạng chừng ấy người, thì lại có cánh cửa một ngôi chùa nào đó đến với hăn vừa kịp lúc. Còn tiền mà hăn kiếm được nữa; chắc chắn cũng từ nguồn gốc mờ ám mà ra. Không có những trò xảo thuật ấy, chắc chắn hăn chẳng thể nào giàu nhanh đến thế được.”

Viên quan tỉnh hoảng sợ, bởi quả thật, tốt nhất là nên tránh xa các trò bùa chú cho lành. Nếu có điều gì xảy ra cho thành, lãnh chúa sẽ không trách phạt tên thầy thuốc vô danh kia mà trách chính ông, đường đường một quan tỉnh. Ông vội cử ngay lính đến nhà người thầy thuốc và tống anh vào ngục. Mặc cho người thầy thuốc ra sức kêu oan, không ai nghe anh cả, họ còn không cho anh biết anh bị bắt vì tội gì.

Tin tức về cuộc bắt bớ người thầy thuốc danh tiếng và được yêu mến lan nhanh, nhưng cũng phải mất vài tuần mới đến được tai con cáo. Ngay khi biết tin ân nhân gặp chuyện chẳng lành, nó vội vàng tìm đến rấn bàn bạc.

“Ân nhân của chúng ta đã gặp họa lớn, rấn ạ,” cáo nói. “Chúng ta phải giúp ngài thôi.”

Chúng suy nghĩ rất lung, rồi cũng tìm ra được một cách. Rấn sẽ đi nghe ngóng xem người ta nói gì về Morosouke và tại sao anh bị tống vào ngục. Ngay sau khi biết được câu trả lời, chúng sẽ lại hội ý với nhau.

Bí mật giữa con người thì chẳng mấy mà lộ và rấn dễ dàng tìm hiểu được ngọn ngành, chuyện trò bùa chú.

“Thực là trả ơn hay chưa!” hai con vật nói với nhau khi biết tên kẻ đã vu khống người thầy thuốc. “Nhưng làm thế nào chúng ta báo được cho viên quan tỉnh? Mà ai lại đi thương lượng với một con rấn và một con cáo?”

Chúng suy nghĩ rất lung, đưa ra rồi lại bác bỏ không biết bao nhiêu ý, cuối cùng cũng tìm được một cách.

Đợi đến đêm, rấn tới nhà viên quan tỉnh và nấu dưới hiên nhà bằng gỗ dẫn ra vườn nơi để dép của mọi người trong nhà. Nó cuộn tròn, chờ ở đấy đến chiều hôm sau. Cuối cùng cũng đến lúc ngài tỉnh trường theo lệ thường ra vườn đi dạo. Chỉ chực ông vừa thò bàn chân đi tất mỏng xuống hiên nhà để xỏ dép thì rấn lao tới, cán phập vào bắp chân rồi lẩn đi mất.

Viên quan tỉnh hét lên một tiếng đau đớn rồi ngã lăn ra. Chân ông sưng phồng lên và ông sốt phùng phùng. Nghe tiếng hét, người ăn kẻ ở trong nhà chạy tới. Họ mang viên quan tỉnh đặt lên giường, đắp khăn ướt lên vết cắn - nhưng vô ích. Chân ông ngày càng sưng và viên quan tỉnh ngày đêm rên xiết vì đau đớn.

Giữa lúc ấy thì cáo làm gì? Theo lời khuyên của rấn, để có thể đường hoàng vào nhà con người, nó sục nhớ tới bà dì sống ở làng xa có một viên ngọc thần, có thể giúp biến hình như mong muốn.

Nhân lúc rấn trườn vào thành căn viên quan tỉnh, thì đến lượt mình, cáo chạy gấp đi tìm bà dì. Nó phải nhanh nếu muốn trở về thành trước khi viên quan tỉnh vờ đến các danh y và nhà sư thông thái từ thành lân cận tới. Nó chạy liền hai ngày hai đêm. Đến sáng ngày thứ ba, có được viên ngọc rồi nó về đến thành. Đến nơi, nó biến thành một thầy tướng số già đi ngang qua trước cửa nhà viên quan tỉnh.

Vừa hay tin có thầy tướng số đến thành, tôi tớ trong nhà viên quan tỉnh vội vàng ra phố đón ngài về thăm bệnh.

Thầy tướng số nhìn cái chân sưng phồng với vẻ nghiêm trang rồi nói: “Trông đã biết chẳng phải vết cắn của rấn thường. Tất cả chỉ ra rằng đây là hình phạt cho một quyết định bất công mà ngài đã đưa ra. Không, tôi không nghĩ rằng có cách nào cứu được ngài!”

Viên quan tỉnh hỏi thầy tướng số rằng thực không có cách nào ư. Ông sẵn sàng hủy ngay quyết định bất công kia nếu được.

Thầy tướng số ra vẻ dăm chiêu suy ngẫm lắm, rồi cuối cùng ông nói: “Tôi không biết làm thế nào, nhưng trong ngục có một người, duy nhất người ấy có thể giúp được ngài.” Đó là tất cả những gì ông tiết lộ. Rồi không quay dọc quay ngang, ông rời nhà và rời khỏi thành luôn.

Vậy là viên quan tỉnh nhớ ra mình đã bỏ tù thầy thuốc Morosouke. Có lẽ thầy tướng số đã ám chỉ anh ta khi nói về quyết định bất công. Ông vội vàng sai lính vào

ngực giải người thầy thuốc đến.

Morosouke trông thấy cửa ngực mở ra và lính ập vào, ra lệnh: “Đi mau, không chậm trễ!” thì vô cùng hoảng hốt.

Trong đầu Morosouke chỉ nghĩ tới việc họ mang mình đi hành quyết.

“Tôi vô tội! Tôi chẳng làm gì hại ai!” người thầy thuốc hét lên, nhưng chẳng ai nghe anh; họ đẩy anh về phía trước và dẫn tới gặp viên quan tỉnh.

Tới nơi, người thầy thuốc khốn khổ đứng run rẩy, đầu cúi thấp và van vãn: “Thưa ngài, mong ngài đại xá chứ thực tình tôi chẳng mắc tội gì cả.”

Nhưng thay vì kết tội, anh lại nghe thấy ngài quan tỉnh cầu xin: “Morosouke kính mến, tôi đã bắt công với anh. Hãy giúp tôi, tôi không thể chịu được đau đớn thêm nữa.”

Người thầy thuốc không đợi phải cầu xin đến lần thứ hai. Anh nhìn căng chân phù nề và anh vừa đặt tay lên vết sưng nóng đỏ thì chân liền hết sưng. Cơn sốt liền dứt ngay tức thì và đau đớn cũng hết.

Viên quan tỉnh vui sướng tột độ; ông cho thả người thầy thuốc, ban thưởng cho người này hậu hĩ và vì biết ai là kẻ xúi giục gây nên rắc rối này, nên ông tống tên thợ đóng thùng vào ngục thế chỗ cho người thầy thuốc.

“Chuyện ác từ người ác mà ra cả,” ông nhủ thầm; còn chúng tôi thì nói thêm rằng: “Làm người thì không nên vong ân bội nghĩa.”

Chuyến phiêu lưu của thầy ký Tokoubei

Ngày xưa có một lái buôn vô cùng giàu có, ông giàu đến độ các lãnh chúa thế lực nhất vương quốc cũng phải tới ông mượn tiền. Trong nhà ông, ngôi nhà lớn nhất cả thành, cất giữ những vật quý hiếm nhất và kỳ diệu nhất thế gian: những rương đầy ắp lụa là vải vóc dệt khéo đến nỗi sờ vào cứ nhẹ tựa như không; vàng thì nhiều không sao kể xiết; chẳng gì mà không có trong nhà người lái buôn. Trên bàn ăn chỉ bày toàn cao lương mỹ vị. Nước để pha trà hằng ngày cũng phải là thứ nước từ nguồn trong và sạch nhất, phải đi mất nửa ngày đường mới lấy về được.

Đồng thời, lái buôn cũng là người tử tế, vui vẻ và hạnh phúc. Việc buôn bán ngày một phát đạt, tưởng đâu không ai trên đời sung sướng bằng ông. Nhưng chuyện gì chẳng có hai mặt, và đúng vậy, người lái buôn cũng có nỗi buồn thâm kín. Con trai độc nhất của ông Kiheidji, là một trang khôi ngô, tuấn tú, lại cư xử lịch thiệp, ăn học đàng hoàng; nhưng dù có muốn gì được nấy và chẳng ốm o bệnh tật gì thì cậu cũng sống rất khép kín, chẳng giao du giao thiệp với mấy ai. Tất nhiên là cậu cũng đến đấu trường hay hí trường với cánh thanh thiên đồng trang lứa, hoặc chiều ý bố hay bị bạn bè nài nỉ quá thì cũng ra quán dùng một bữa ngon, uống chén rượu thơm; nhưng cậu chẳng bao giờ cười, còn khuôn mặt nhợt nhạt lúc nào cũng phảng phất nỗi buồn mênh mang. Cánh thanh niên thường mời cậu, bởi cậu là con trai của công dân được kính trọng nhất thành và luôn hào phóng chi tiền; nhưng nói chung, họ lấy làm mừng rỡ nếu cậu viện cớ gì đó từ chối, bởi khuôn mặt u ám của cậu khiến ai nấy đến u sầu theo.

Ông bố rất lo lắng vì tính khí khó chiều của cậu con trai. “Nó sẽ ra sao nếu ta không còn nữa và nó phải gánh vác công việc buôn bán. Kiheidji chẳng thiết tha với thứ gì và tâm trạng ủ ê của nó đến đuổi hết khách hàng đi mất thôi. Rồi nó sẽ thế nào và cả công việc kinh doanh bố nó truyền lại nữa?” Người lái buôn giàu có thường nghĩ vậy nhưng không biết làm sao đánh thức niềm vui sống trong cậu con trai. Kiheidji lễ phép lắng nghe khi cha quở mắng, cậu chiều hết ý muốn của ông, tuy nhiên vẫn chẳng vui hơn.

Trong cùng khu phố cũng có một lái buôn khác. Dù việc làm ăn không thuận lợi bằng, song ông cũng là người trung trực và khôn khéo cho nên ai ai cũng kính trọng. Thuở ông còn sống, gia đình cũng chẳng thiếu thốn gì. Họ sống khiêm nhường nhưng vui vẻ và cậu con trai độc nhất cũng được giáo dục đến nơi đến chốn. Nhưng một ngày nọ người lái buôn ngã bệnh, và chỉ ít lâu sau đã nằm dưới ba tác đất. Bà góa không thạo chuyện làm ăn, nên chẳng mấy mà cơ nghiệp tiêu tán và bà

chỉ còn cậu con trai Tokoubei. Khi Tokoubei đến tuổi khôn lớn, cậu phải kiếm việc để nuôi thân cùng mẹ mình. Trong lúc tìm việc, cậu tới cả nhà của người lái buôn giàu có kia. Cậu trai trẻ khôn khéo rất được lòng ông chủ và bởi ông này cũng biết rất rõ gia đình cậu, nên ông nhận Tokoubei về làm. Tokoubei rất chăm chỉ, tỉ mỉ và sớm chứng tỏ được tài năng đến nỗi người lái buôn giàu có giao hết việc sổ sách cho cậu và chỉ trong một thời gian ngắn, đã mang cậu về giới thiệu với gia đình. Ông càng đặc biệt thích chàng thanh niên khi thấy cậu con trai mình cũng thân thiết và quyến luyến với cậu này. Vậy là ông sẵn lòng thuận theo ý con xin cho thầy ký mới của nhà nghỉ vài ngày để dẫn cậu đi hành hương đến các ngôi chùa nổi tiếng ở Ise.

“Rốt cuộc, con trai ta cũng có hứng với việc gì đó; biết đâu sau này nó lại thay đổi?” ông khấp khởi mừng thầm.

Hai cậu thanh niên Kiheidji và Tokoubei lên đường. Con đường như ngắn lại bởi Tokoubei biết rất nhiều chuyện cười và khuôn mặt Kiheidji thường dẫn ra khi cậu rút rè mỉm cười; lắm khi cao hứng cậu còn tự mình kể chuyện. Một tối nọ - sau một ngày mệt nhoài - họ bắt gặp một quán trọ trông có vẻ khang trang nằm trên đường đi, không xa thành mấy.

“Chúng ta ở lại đây đêm nay đi,” Kiheidji đề nghị. “Quán trọ này trông có vẻ cũng hiếu khách; chắc ở đây ăn uống cũng không đến nỗi; việc gì phải cố đi tới tận thành? Tôi mệt quá rồi, không cất bước được nữa.”

Tokoubei cũng đồng ý, họ tiến vào quán trọ. Đón họ ở cửa là lão chủ quán vừa già vừa béo. Thoáng trông thấy Kiheidji vận bộ đồ đắt tiền, hắn hoan hỉ ra mặt và kính cẩn: “Các ngài đây tôi trông đích thị là trên đường đi ngao du cho thỏa chí tang bồng? Hay chuyến công cán nào đã dẫn các ngài đến vùng chúng tôi? Hân hạnh làm sao cho quán trọ tuềnh toàng của chúng tôi được tiếp đón những vị khách lừng danh như thế. Tôi sẽ chuẩn bị ngay cho các ngài những căn phòng tốt nhất. Đảm bảo các ngài sẽ hài lòng!”

Lão nói một lèo những lời này, vừa nói vừa không ngừng cúi lạy, rồi dẫn những vị khách vào nhà. Trong nhà, họ còn được tiếp đón trọng thị hơn nữa bởi bà chủ quán, bà này niềm nở dẫn họ lên lầu xem phòng. Rồi bà xin phép lui ra đi chuẩn bị bữa tối, không lúc nào thôi cúi lạy.

Tokoubei tò mò nhìn quanh và thấy trên cửa phòng có dòng chữ thế này: “Chưa từng có kẻ nghèo hèn nào ngủ ở đây.”

Cậu huých Kiheidji và nói: “Xem chúng ta đã đặt chân vào quán trọ sang trọng đến thế nào này. Chỉ dành cho người giàu thôi đấy!”

“Chà chà, lần này, họ bị lừa rồi,” Kiheidji cười đáp. “Cậu nghèo kiết xác mà vẫn được ngủ trong căn phòng đẹp nhất!”

Ăn tối xong hai người bạn còn đầu lảo một hồi nữa, rồi mới chúc nhau ngủ ngon và ai về phòng nấy. Tokoubei chui vào trong tấm chăn mỏng, nhưng dù đã mệt lử cậu vẫn không sao chợp mắt được.

Cậu trở mình trên giường không thôi, mi mắt ngày càng trĩu lại nhưng cơn buồn ngủ thì không đến.

“Chắc là xa hoa chừng này không dành cho một kẻ nghèo như mình và dòng chữ ngoài kia hóa ra chẳng sai,” Tokoubei tự nhủ.

Cứ trở mình trên giường như vậy, đột nhiên cậu có cảm giác trông thấy có thứ gì động đậy trong lò. Cậu nằm im giả đồ như đã ngủ, nhưng mắt mở to chăm chú quan sát chuyện xảy ra. Ngay cạnh lò sưởi là một bà nhỏ thó đang cúi lom khom. Mỗi một hồi, Tokoubei mới nhận ra đó là bà chủ quán và bà ta cúi mình đi đi lại lại trên bếp lò như thể đang làm việc đồng áng. Chàng thanh niên ráng nhìn kỹ hơn thì thấy bà ta gieo hạt trên tro. Vừa đếm đến năm thì hạt mầm đã nảy. Chúng lớn như thổi, chẳng mấy đã trở bông trĩu hạt. Được một chốc, trong lò chẳng có gì xảy ra, chỉ có những bông lúa bắt đầu chín và khi chúng vàng ruộm lên, bà kia đem gặt, rồi đập bằng đòn gỗ; rồi bà từ tốn, cẩn thận nhào bột. Bà ta xong việc thì trời cũng vừa sáng. Khi tiếng gà đầu tiên vừa cất lên, mọi thứ liền biến mất, trong lò lại chỉ còn mỗi tro nguội.

Tokoubei dụi mắt. “Mình hẳn đã ngủ thiếp đi và mơ rồi.” Cậu tò mò trông lại căn phòng. “Nhưng rõ ràng mình đã trông thấy chuyện đó và chuyện cứ thật rành rành ra.”

Cậu đứng dậy kiểm tra lò; nhưng chẳng tìm được gì đáng ngờ. Đó là một cái lò như mọi cái lò khác. Thế rồi Tokoubei nhìn vào trong gương. Trên khuôn mặt nhợt nhạt vì thiếu ngủ, cặp mắt đỏ ngầu đang nhìn lại cậu.

“Dù mình mơ hay không, thì cũng thế cả; có điều gì đó mờ ám ở đây,” cậu quả quyết rồi chạy sang phòng bên cạnh để cảnh báo bạn.

“Cậu tuyệt đối không được ăn thứ họ đưa cho nhé,” cậu nói. “Nhất là bánh gạo.” Và cậu kể chuyện đã nhìn thấy.

Kiheidji chế nhạo cậu: “Nhưng thật là ngốc! Trông rồi gặt lúa trong lò chỉ trong một đêm; ai đã từng nghe chuyện gì tương tự chưa. Chỉ là ác mộng thôi. Tóm lại là cậu không quen ngủ trong nhà trọ như thế này!”

Tokoubei cảm thấy tự ái: “Tôi đã nói cho cậu hay điều tôi tận mắt trông thấy. Còn nghe hay không là việc của cậu. Nhưng tôi báo trước, đừng có ăn bánh gạo đấy!” rồi cậu trở về phòng.

Một lúc sau, Kiheidji nghe thấy tiếng gõ cửa lịch sự. Cậu ra mở cửa và bà chủ quán bước vào mang theo khay đồ điểm tâm cho khách trọ. Kiheidji cả cười nghĩ lại khuôn mặt tự ái của Tokoubei. Đang đói, cậu chén luôn bánh gạo. Ăn cái đầu tiên, cậu chẳng thấy có gì xảy ra.

“Tokoubei đã mơ hão huyền rồi,” cậu tự nhủ và chén cái thứ hai. Nhưng vừa nuốt xong chiếc bánh, thay vì Kiheidji, lại có một con ngựa đen ở giữa phòng. Bà chủ quán vừa phục vụ bánh cười gian xảo và dắt con ngựa còn đang chống cự đóng vào chuồng.

Trong lúc đó, Tokoubei ngồi trong phòng mình. Cậu không động đến đồ ăn bà chủ quán mang đến và đợi Kiheidji gọi, bởi họ phải lên đường ngay.

Mãi một hồi lâu không nghe thấy gì, Tokoubei bèn đứng dậy sang phòng bạn. Nhưng Kiheidji đã biến mất; trong phòng chỉ còn lại cái bàn nhỏ với bữa sáng đã ăn dở. Đoán ngay ra cơ sự, Tokoubei lao ra khỏi nhà vừa kịp trông thấy những kẻ hầu đang dẫn một con ngựa ô đầm đìa nước mắt vào chuồng. Tokoubei ngờ ngợ đoán ra chuyện.

Tức sôi lên, cậu chạy đi tìm chủ quán. “Các người đã làm gì bạn ta? Cậu ấy đâu rồi?” Cậu vừa hét vừa lắc lảo chủ quán thật lực.

Lão ta áp ứng: “Tôi không biết, thưa ngài, tôi chẳng biết gì.”

Mụ vợ thấy thế lại gần giả lả nói cười: “Sao ngài lại thô bạo với ông nhà tôi thế ngài trẻ tuổi, tại sao ngài lại giận dữ thế? Tôi đã đích thân mang cho ngài kia bữa sáng và tôi có thể làm chứng rằng ngài ấy rất hài lòng. Chắc là bạn ngài đã đi trước rồi và đang đợi ngài đâu đó trên đường. Còn về tiền nong ư, đừng lo, thanh toán cả rồi. Chắc đó là thứ ngài muốn biết đúng không?”



Tokoubei lòng đầy giận dữ nhưng không biết đối đáp sao trước những lời giễu nhại này. Cậu đành trở về phòng và quảy tay nải lên vai. Nhưng trước khi rời khỏi nhà trọ, cậu tới chuồng ngựa và tìm giữa bao nhiêu là ngựa, một con đen bóng, cậu thấy nó bị buộc vào một máng ăn, đầy buồn bã.

Tokoubei dịu dàng vuốt ve và nói: “Cậu thấy chuyện gì xảy ra khi không nghe tôi chưa. Tôi sẽ một mình đi tiếp và tìm hỏi các bậc thông thái xem có cách nào giúp cậu không.”

Vậy là Tokoubei tiếp tục lên đường. Chẳng dễ dàng chút nào bởi tiền bạc ở hết trong hành lý của Kiheidji và đã rơi vào tay những kẻ đóng giả chủ quán kia. Cậu

tính sẽ vào các thành lớn, bởi ở đây sẽ dễ bề xoay xở kiếm sống hơn. Hơn nữa, các thành lớn đều đông đúc dân cư, thành ra dễ có cơ may gặp được người biết giải pháp thuật cho bạn cậu.

Nhưng cậu có ghé bao nhiêu chợ, nói chuyện với đủ mọi hạng người nhộm nhoạm nơi quán xá, cậu có tới những đền chùa danh tiếng cầu cạnh những thầy tu tiếng tăm hay chẳng tiếng tăm gì thì cũng vô ích. Gặp ai đoán chừng biết chuyện, cậu cũng đều hỏi xin lời khuyên biến ngựa trở lại thành người. Cậu đã đi cả nửa vương quốc, mà vẫn chưa tìm ra cách.

“Xem ra ở các thành lớn và đền chùa mình không thành công rồi; vậy thử lên núi một chuyến xem sao. Biết đâu lại chẳng gặp cao nhân ẩn dật nào đây giúp được.”

Nghĩ thế Tokoubei rời thành, tìm tới những ngôi làng hẻo lánh, nhưng vẫn vô vọng. Đã một năm tròn kể từ khi cậu với Kiheidji rời nhà đi và ngủ lại quán trọ - và Tokoubei vẫn chưa biết làm sao giải thoát cho bạn mình. Một ngày nọ, cậu lang thang mãi trên núi cao, dân làng đã chỉ cho cậu tới một làng gần đó có vị cao tăng chắc chắn sẽ giúp được. Dù Tokoubei đã sớm từ bỏ mọi hy vọng, nhưng cậu không muốn bỏ qua bất kể một cơ may nào vậy là cậu lên đường tới làng kế bên. Trên đường đến đó, cậu bị lạc trong núi và giờ đã hai ngày rồi, cậu vẫn đang loay hoay tìm đường.

Bỏ lại tay nải bên trong có chút đồ ăn cuối cùng trên cỏ, cậu leo lên một mỏm đá, nghĩ bụng đứng trên cao sẽ dễ bề tìm đường hơn. Và đúng vậy, cậu đã phát hiện ra một con đường mòn. Nhưng trước khi men theo đó, cậu muốn nghỉ ngơi một chốc và ăn cho lại sức bởi đã hai ngày rồi cậu không dám động vào chút lương thực ít ỏi mang đi, sợ rằng còn lạc lâu trên núi. Giờ đã tìm được lối ra, cậu có thể yên tâm xoa dịu cơn đói. Nhưng cậu mới kinh ngạc sao khi tìm thấy cái tay nải trống không trên bãi cỏ. Nhìn quanh, cậu thấy không xa nơi đã để tay nải lại, có một ông cụ tóc trắng như cước đang chùi những vụn bánh cuối cùng vương lại trên bộ râu.

Cụ ông chẳng chút sợ hãi khi trông thấy chàng thanh niên; cụ cười hiền hậu và nói: “Bánh của cháu ngon quá. Lâu lắm rồi ta mới ăn được thứ gì ngon đến thế. Ta hy vọng cháu không giận vì ta đã tự tiện lấy bánh mà chưa hỏi chủ nhân. Cháu biết đây ta già rồi và lại lâu rồi ta chưa được ăn gì - chỉ là ta không thể kìm lòng khi nhìn thấy tay nải với bánh trái ngon lành của cháu.”

Nghe những lời này, cơn giận của Tokoubei tiêu tan.

“Vâng, cụ thấy ngon là được rồi; làng không còn xa đây mấy, có thể tới đó cháu sẽ kiếm được cái gì ăn.”

“Cháu quả là một cậu bé rộng lượng đã không nổi giận với ông lão lạ lùng đã ăn đến miếng bánh cuối cùng của mình. Nghe này ta không biết rằng cháu chẳng còn gì. Nhưng hãy nói ta nghe điều gì đã dẫn cháu lên núi. Ta chưa từng nhìn thấy cháu bao giờ. Cháu đi tìm thứ gì à? Cứ kể ta nghe xem nào.”

“Rất cảm ơn cụ. Nhưng làm sao cụ có thể giúp cháu được khi mà ngay cả ở những thành lớn và những đền chùa nổi danh bậc nhất cháu còn chẳng gặp được ai cho cháu lời khuyên,” Tokoubei đáp.

“Hãy cứ thổ lộ với ta điều đang canh cánh trong lòng cháu. Ta có thể đền đáp cho tấm lòng thơm thảo của cháu. Bởi ta không phải là một lão già tầm thường, ta là thần núi. Vì chưa hiểu cháu là người thế nào nên ta chỉ muốn thử thách cháu mà thôi.”

Tokoubei vui sướng tột độ. Con người không giúp được cậu nhưng thần núi thì lại là chuyện khác. Vậy là cậu kể những gì đã xảy ra với bạn mình, từ hơn một năm nay bạn cậu đã phải chịu làm kiếp ngựa trong nhà những tên chủ quán trọ độc ác.

“Chà chà,” thần núi suy nghĩ. “Không dễ đâu. Ta có thể cho cháu một lời khuyên, nhưng về phần cháu, cháu cần phải hết sức kiên nhẫn và bền gan. Hãy nghe cho rõ này: cháu cứ đi tuốt về hướng Đông cho tới khi thấy một sườn núi thoải từ Tây sang Đông, trên đó có một đồng cà tím rộng lớn. Thấy đồng cà rồi, cháu phải kiểm tra từng cây một. Chỉ một cây trong số đó ra bảy trái, và đó chính là cây phải tìm. Cháu phải hái thật cẩn thận cả bảy trái và mang về cho bạn mình. Bảy trái đó, đem ăn sống, ăn hết bảy trái cà bùa phép sẽ được giải.”

Dứt lời, ông cụ biến mất cứ như thể độn thổ. Tokoubei sững sờ nhìn quanh. Chỉ có cái tay nải sạch nhẵn chứng tỏ cậu không mơ, mà đã thực sự nói chuyện với thần núi. Cậu nhặt tay nải lên và ngạc nhiên nghe tiếng leng keng. Trong tay nải hóa ra có mấy đồng vàng.

“Mấy miếng bánh mà trả thế này thực hơi quá. Ít nhất giờ mình cũng không phải lo kiếm sống nữa,” Tokoubei sung sướng nhủ thầm và bắt đầu men theo con đường dài khó đi.

Không, chuyện thực chẳng dễ dàng gì, dù giờ cậu đã biết cách giúp bạn mình. Trước tiên cậu phải tìm ra cái cây có thể xóa bùa phép đã!

Cậu đi tuốt về hướng Đông, gặp rất nhiều đồng cà tím, từ nhỏ đến lớn, trên con dốc thoải từ Tây sang Đông. Cậu quỳ xuống, cẩn thận kiểm tra hết cây này đến cây kia nhưng chẳng cây nào ra bảy trái cả. Tokoubei không nản chí. Cậu đi hết đồng cà này đến đồng cà khác. Cậu đã thấy không biết bao nhiêu cây ra bốn trái, có cả năm

trái; một lần, thậm chí cậu tưởng như đã tìm thấy rồi. Cậu đếm: một, hai, ba, bốn, năm... và liền thất vọng ngay; chỉ có sáu trái.

Cậu đã mệt lử, lưng đau như vì hay phải cúi; mắt cậu dù nhắm hay mở cũng chỉ thấy những cây cà tím, nhưng cậu vẫn nhẫn nại đi sang đồng cà tiếp theo. Cậu lại kiểm tra từng cây cà cho đến khi ở rìa một cánh đồng kia, cậu gặp một cây có vẻ rất sai quả. Cậu bắt đầu đếm... năm, sáu, bảy!

Cậu thở phào nhẹ nhõm. Cậu hái bảy trái cà bỏ vào tay nải và nhắm thẳng hướng quán trọ quay về. Cậu vui vẻ bước đi. Chẳng mấy chốc nỗi bất hạnh của bạn cậu sẽ được cất bỏ! Lòng cậu đầy biết ơn cảm tạ vị thần núi, đã đổi bữa trưa đạm bạc bằng một lời khuyên quý giá lại còn cho những đồng vàng.

Những đồng vàng khiến cậu nảy ra một ý. Trước khi về quán trọ, cậu tới thành bên cạnh dùng số tiền còn lại mua một bộ kimono sang trọng và thuê tất cả những gì một cậu thanh niên con nhà quyền quý cần để đi ngao du, rồi định đặc bước vào quán.

Vợ chồng chủ quán trông thấy chàng trai ăn vận sang trọng thì xun xoe lại gần.

“Ta vừa đi một chuyến dài về, bởi ta vừa ghé thăm các chùa ở Ise,” Tokoubei nói. “Ta mệt rã rời rồi và muốn nghỉ đêm ở đây. Ta hy vọng các người có phòng đủ tốt cho ta.”

“Ôi, thưa quý ngài, quán trọ chúng tôi chỉ tiếp những khách trọ đáng kính như ngài. Chúng tôi sẽ xếp cho ngài ở căn phòng tốt nhất và chắc chắn ngài sẽ hài lòng.”

Chúng nhanh chóng dẫn Tokoubei vào nhà, vừa đi vừa cúi đầu liên tục. Cậu trai trẻ hóm hỉnh chắc chắn là không trông thấy cái nháy mắt quỷ quyết chúng trao nhau ý bảo: “Mời ngon đây!”

Chúng dẫn Tokoubei vào phòng mà Kiheidji bất hạnh đã ở đúng một năm trước. Thế rồi chúng lui ra, lại cúi chào, nói sẽ đi chuẩn bị nước tắm cho vị khách quý.

Vợ chồng chủ quán vừa rời khỏi phòng, Tokoubei đã vội vàng lên xuống chuồng ngựa để tìm bạn. Cậu thấy bạn trong một góc, gầy gò và mình đầy những lần roi tủa máu. Ăn uống kham khổ lại làm việc cực nhọc đã khiến bạn cậu ra nông nổi đấy, bạn cậu đứng thờ ơ trước máng ăn mà không buồn quay lại xem ai đi vào. Tokoubei lại gần, vuốt ve bờm ngựa và nói. “Cậu không phải buồn nữa, tôi đã có cách biến cậu lại thành người.” Nói rồi cậu rút từ trong tay nải giấu dưới tay áo kimono ra quả cà đầu tiên và đưa cho con ngựa ô.

“Này, đây là thứ cậu phải ăn để trở lại như cũ.”

Con ngựa ăn trái đầu tiên, rồi thứ hai và thứ ba. Nó ngắc ngư nuốt trái thứ tư và đến trái thứ năm, nó từ chối.

Tokoubei nổi giận: “Cậu làm gì thế! Dường như cậu thích làm ngựa hơn đây hả. Thôi được, cứ làm như cậu muốn; nếu không ăn nữa, thì cậu cứ việc ở đây mà làm ngựa!”

Kiên trì đe dọa bỏ đi để mặc Kiheidji lại với số phận hẩm hiu, cuối cùng cậu cũng khiến Kiheidji nuốt hết bảy trái cà. Khi miếng cuối cùng vừa nuốt xong, thì thay vì con ngựa lại là Kiheidji đang đứng trước máng ăn. Nhưng cậu mới gầy và xanh làm sao!

Tokoubei lôi cậu ra ngoài và bảo: “Cậu hãy nấp tạm trong khu rừng gần đây; tôi còn phải dạy cho vợ chồng chủ quán một bài học.”

Tokoubei quay trở lại phòng và chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn. Cậu mời cả chủ quán và vợ ông ta ăn chung với mình, ném thử những chiếc bánh gạo quý mà theo cậu là được mang về từ cuộc hành hương. Cả hai nhận lời mời, cúi rạp người cảm ơn vinh hạnh lớn lao cậu ban cho. Nhân lúc đó, Tokoubei đã lén trao bánh gạo thường cậu mới mua trên phố với bánh gạo mà chủ quán vừa mang lên để cảm ơn tấm thịnh tình của người thanh niên trẻ.

Cả hai ăn ngon lành bánh gạo Tokoubei mời; nhưng vừa ăn đến cái thứ hai, thì chúng lập tức biến thành ngựa. Chúng hí rồi đá hậu nhưng ích gì. Tokoubei gọi người hầu kẻ hạ lên sai dẫn những con ngựa vào chuồng. Thế rồi cậu đi tìm Kiheidji trong rừng. Hai người bạn đã ngủ một giấc ngon lành; sớm hôm sau, họ bán hết của cải của hai vợ chồng chủ quán và cả hai con ngựa. Tokoubei trả lại đồ đã thuê rồi mua mọi thứ cần thiết cho Kiheidji và mình để lên đường trở về nhà. Giờ không gì có thể ngăn họ được nữa.

Người lái buôn giàu có vui sướng được gặp lại con trai. Ông đã vô cùng lo sợ, và không chỉ ông, cả bà góa, mẹ Tokoubei cũng thế, khi hai chàng trai trẻ mãi không trở về. Ông đã cử người đi khắp nơi dò la tin tức nhưng những người này chẳng thu lượm được gì trừ việc chắc chắn hai người đã không đến Ise, không ai trông thấy họ trong những ngôi chùa ở thành này. Người lái buôn giàu có đã khóc than cho con trai mình, còn bà góa nghèo khổ cũng đã bao đêm mất ăn mất ngủ. Giờ cả hai đã trở về, bình an vô sự, và niềm vui của các bậc sinh thành là không gì sánh nổi. Tokoubei và Kiheidji kể lại cho mọi người nghe chuyện đã xảy ra; khi người lái buôn biết được lòng trung thành của Tokoubei, ông chia gia tài làm hai phần đều nhau và giao một phần cho Tokoubei.

“Không có cậu thì giờ ta cũng không còn con trai nữa; và những gì ta có đủ cho

cả hai con.”

Từ đó về sau, họ sống hạnh phúc và thoải mái. Nhưng thay đổi lớn nhất phải là ở Kiheidji. Cậu vừa mới ngộ ra. Giờ cậu đã biết tận hưởng cuộc sống, thoải mái với sự giàu có và bạn bè mình. Nhưng cậu cũng đã biết được làm việc cực nhọc là thế nào và do đó, cha cậu chẳng có gì phải lo lắng khi giao cơ nghiệp cho cậu sau khi qua đời.



Ngài Hansaemon đã nuốt chửng một con ruồi như thế nào và chuyện xảy ra tiếp theo

Ngày xưa, trong thành Nagoya có một nhà buôn vải Hansaemon thích nhất trên đời là được một cốc rượu sa kê ngon. Ngài thích uống rượu đến nỗi mà những bát sứ bình thường không sao đủ cho ngài; mà phải thừa riêng một cái cốc sơn mài to chứa được nguyên một hũ rượu sa kê.

Một ngày nọ, như lệ thường, sau bữa trưa no nê, ngài Hansaemon rót đầy rượu sa kê vào cái cốc vại ưa thích, rồi cầm lên bằng cả hai tay, nhắm mắt lại và tu một hơi. Đúng lúc đó có một con ruồi hiếu kỳ từ đâu vo ve lại gần; tôi tớ đang định xua đi thì nó đã rơi thẳng vào cốc và đám kẻ hầu người hạ chưa kịp hô lên một tiếng cảnh báo thì ngài Hansaemon đã nuốt chửng con ruồi cùng một ngụm sa kê.

Lũ tôi tớ xin chủ nhân tha lỗi, nhưng ngài này, như mọi bận, hễ được cốc rượu ngon là vui vẻ hẳn, tha lỗi liền. Chỉ có điều con ruồi đang ở trong bụng ngài. Nó cứ bay qua bay lại trong ấy, vo vo ve ve khiến ngài Hansaemon bực mình, nhưng cũng không sao. Ngài lên kiệu ngồi rồi sai người khiêng đến nhà thầy thuốc nổi tiếng nhất, ngài Hori.

Khi thầy thuốc hỏi, ngài Hansaemon liền trình bày: “Thưa thầy, hôm nay tôi uống một cốc sa kê hảo hạng nhưng thật không may, tôi nuốt chửng luôn cả một con ruồi và giờ nó đang vo ve trong bụng tôi, bay qua bay lại, và thế chẳng dễ chịu gì. Giờ tôi phải làm sao đây?”



Người thầy thuốc suy nghĩ rất lung, rồi nghiêng đầu mà bảo: “Tốt nhất là ngài về nuốt sống lấy một con ếch; ếch thì bắt ruồi và ngài sẽ được yên thân.”

Ngài Hansaemon cảm ơn thầy thuốc, rồi mau chóng về nhà, sai ngay người ăn kẻ ở trong nhà ra vườn bắt ếch. Rồi ngài nuốt chửng con ếch, và sau một lúc thì những tiếng vo vo rù rù trong bụng ngưng bặt.

Nhưng giờ, trong bụng ngài Hansaemon thay vì có con ruồi thì lại có con ếch và con này cũng không thích ở trong đây chút nào. Nó hết nhảy, lại kêu ộp oạp đến là khó chịu.

Ngài Hansaemon lại lên kiệu cho người khiêng đến nhà thầy thuốc lấy lều, ngài Hori.

Đến nơi, ngài lại phàn nàn: “Thưa thầy, tôi đã nuốt một con ếch như thầy khuyên. Giờ khi con ruồi không vo ve nữa thì con ếch lại nhảy nhót không ngừng rồi kêu ộp oạp trong bụng tôi, mà thế thì chẳng dễ chịu chút nào. Tôi phải làm sao

đây?”

Người thầy thuốc suy nghĩ, vẽ đăm chiêu và cuối cùng cất tiếng: “Vì ngài đã có con ếch ở trong bụng, thì phải nuốt lấy một con rắn nước. Rắn ăn thịt ếch và ngài sẽ được yên thân.”

Ngài Hansaemon cảm ơn thầy thuốc, lên kiệu về nhà và sai người hầu kẻ hạ ra suối bắt rắn. Bắt được ngài nuốt chửng luôn và thế là rồi đời con ếch.

Nhưng con rắn, đến lượt mình cũng không thấy khoái chỗ ở mới lắm; nó hết vặn vẹo lại phun phì phì. Đương nhiên thế thì ngài Hansaemon chẳng thích thú gì.

Ngài còn làm gì khác được, ngoài việc lại đến nhà danh y Hori để xin lời khuyên.

“Thưa thầy, thưa thầy, tôi đã nuốt con rắn nước như thầy bảo. Giờ con ếch không làm phiền tôi nữa thì con rắn lại vặn vẹo trong bụng tôi, rồi còn phun phì phì. Thật khó chịu, tôi phải làm sao đây?”

Lần này vị thầy thuốc trầm ngâm một hồi lâu, mãi rồi mới nói: “Nếu con rắn làm phiền ngài, thì hãy nuốt một con lợn lòi; lợn sẽ ăn thịt con rắn nước và ngài sẽ được yên thân.”

Ngài Hansaemon cảm ơn thầy thuốc rồi sai ngay người hầu kẻ hạ vào rừng bắt lợn. Bắt được, ngài liền nuốt trộng và quả thật là sau một lúc tiếng phun phì phì ngưng bật.

Nhưng có một con lợn lòi trong bụng thì còn tệ hơn một con rắn nước nhiều. Giận dữ, con lợn rừng chạy tứ phía, nện móng guốc thành thịch, vừa nện vừa rống.

Thế này thì không thể chịu được và ngài Hansaemon lại phải cất công đến nhà thầy thuốc chuyên nữa để nhờ giúp đỡ: “Thưa thầy, giúp tôi với, con lợn quả đã ăn thịt con rắn, nhưng nó đang phá bụng tôi và rú rít đến không thể chịu được. Tôi phải làm sao đây?”

Lại một lần nữa, thầy thuốc trầm ngâm suy tính và cuối cùng cất tiếng: “Cách hay nhất trị một con lợn rừng là tìm một tay thợ săn. Hãy nuốt chửng một tay thợ săn, anh ta sẽ giết con lợn và ngài sẽ được yên thân!”

Ngài Hansaemon cảm ơn vị thầy thuốc thông thái và chạy về nhà. Ngài sai ngay người vào núi dẫn về một thợ săn. Sớm hôm sau, người thợ săn đến, ngài Hansaemon chẳng nói chẳng rằng nuốt chửng luôn.

Và thầy thuốc nói đúng. Một lúc sau, nghe rõ mồn một tiếng sùng từ trong bụng

ngài Hansaemon. Người thợ săn đang tìm giết con lợn lòi. Nhưng bởi trong bụng tôi quá, nên rất khó mà nhắm cho trúng, và bởi đến viên đạn cuối cùng ông mới giết được con lợn rừng, thế nên ông chẳng còn gì để mở lối thoát ra; vậy là đến giờ ông vẫn ở trong bụng ngài Hansaemon.

Chín thầy tu

Chàng Kakiemon trẻ tuổi vốn quê ở Osaka, song bởi gia cảnh sa sút, lại chỉ còn một thân một mình, nên đã quyết đến kinh đô Edo thử vận may. Đó là một chàng trai cương quyết, hễ quyết thì sẽ làm bằng được. Vậy là sáng hôm sau, chàng lên đường đến Edo.

Đến đây, chàng lang thang cả mấy ngày trời ngoài chợ và quanh các nhà cho tới khi tìm được một việc tốt ở nhà một lái buôn giàu có. Bởi chàng rất thạo việc tính toán và biết mau chóng tổng cổ những tên gian trá khỏi cửa hàng đồng thời lúc nào cũng nhã nhặn với khách, thế nên chàng sớm được ông chủ yêu mến. Vận may lại mỉm cười với chàng.

Một ngày, chàng phải tới nhà ông chủ có việc gấp. Trong vườn, chàng bắt gặp một cô gái nhan sắc kiều diễm đang đi dạo dưới hàng cây đương hoa và vẻ đẹp của nàng khiến hoa cũng phải thua sắc.

Kakiemon phải lòng người đẹp xa lạ ngay, nhưng chàng sớm thất vọng khi biết đó là con gái độc nhất của ông chủ, người lái buôn giàu có. Không bao giờ ông này lại chịu gả con gái cho một gã nghèo khổ như chàng. Kakiemon buồn bã vô hạn; chàng tránh những cuộc vui trong phố và đám bạn có rủ rê chàng vui vẻ với họ sau ngày làm việc cũng hoài công. Trái lại, chàng hay kiếm có tới nhà ông chủ. Mỗi ngày chàng qua lại đó nhiều bận chỉ để trao những cái tin mà rõ là cũng chẳng có gì gấp gáp. Và mỗi lần vậy chàng lại nấn ná ở cửa nóng lòng trông ngóng nàng Orane xinh đẹp đi ngang qua.

Cô gái cũng để mắt tới chàng trai trẻ đẹp trai và thấy quý mến chàng. Chẳng mấy chốc, hai người đã lén thư qua thư lại và suy tính cách thuyết phục người cha nghiêm khắc. Cuối cùng, Kakiemon đánh bạo tới tìm gặp cha Orane để hỏi cưới nàng.



Nhưng hãy xem chàng đã gây ra chuyện gì. Người lái buôn nổi giận đùng đùng vì sự táo tợn này và quở mắng chàng trai trẻ: “Cậu nghĩ sao thế hả, một kẻ nghèo túng như cậu, sống ngày nào xào ngày ấy, mà đòi cưới con gái ta sao? Hay cậu không biết nó là một trong những đám đất giá nhất đất kinh kỳ này? Hãy đi cho khuất mắt ta, ta không bao giờ muốn nhìn thấy mặt cậu nữa!”

Kakiemon chết lặng và không dám nói năng gì trước những lời lẽ ấy.

Khi người con giận, người lái buôn mới bình tĩnh bảo chàng: “Nhưng để cậu thấy là ta biết trọng người giỏi việc, ta muốn coi như là cậu chưa nói những điều táo tợn ấy; cậu có thể ở lại làm việc cho ta, nhưng từ giờ, tránh mặt ta ra.” Rồi ông xua

Kakiemon đi.

Khi Orane hay biết quyết định nghiêm khắc của cha mình, nàng bật khóc và than thân trách phận, không sao bình tĩnh lại được. Hơn nữa cha nàng còn cấm nàng gặp Kakiemon và sai nhốt nàng vào phòng, cho hai bà vú trông chừng. Còn về Kakiemon, ông cử chàng tới xứ khác làm việc, thế nên hai người chẳng còn dịp nào mà trao nhau nụ cười. Kakiemon cần mẫn làm việc và dành dụm từng đồng. Nhưng theo cách này thì hiển nhiên cậu cũng chẳng bao giờ có thể trở nên đủ giàu để lọt vào mắt xanh người lái buôn.

Orane đau buồn đến ngã bệnh nặng. Không một thầy thuốc nào có thể giúp nàng. Nàng ngày một xanh xao, gầy yếu, và chỉ muốn nghe nói về chàng Kakiemon của mình. Người lái buôn cho vờ những lương y giỏi nhất đến thì họ cũng chỉ nhún vai: “Chúng tôi không chữa được; đó chẳng phải bệnh thể xác mà là tâm bệnh; nếu chính cô gái không muốn khỏi bệnh, thì bệnh sẽ chỉ ngày một nặng hơn.”

Cuối cùng, người lái buôn cũng phải dần nhượng bộ. Ông chỉ có một lựa chọn: hoặc mất con gái, hoặc chấp nhận Kakiemon làm rể.

Ông bèn gọi Kakiemon đến và nói: “Cậu biết rõ ta không mong cậu làm rể ta. Nhưng con gái ta bệnh nặng và chỉ có kết hôn với cậu nó mới khỏe lên được. Chỉ có điều, cậu sẽ không được động đến một xu của ta, chắc chắn là thế. Cậu phải đón con gái ta đúng như phải làm với con gái của một nhà giàu có. Nếu cậu không thể làm được, thì...” rồi ông thở dài.

Kakiemon suy nghĩ rất lung xem nên làm gì, bởi chàng cũng thấy lo lắng cho cuộc sống của Orane. Cuối cùng, chàng nảy ra một ý. Chàng xin nghỉ phép vài ngày mà không nói đi đâu. Ông chủ chấp thuận nhưng nói với chàng vẻ đầy hoài nghi: “Chúng ta sẽ sớm biết liệu cậu có làm được gì khác ngoài thở dài buồn bã hay không.”

Kakiemon vội vã lên đường về quê hương Osaka. Chàng biết ở ngoại thành có một cung điện của lãnh chúa bị bỏ hoang. Từ nhiều năm nay nơi này chẳng có ai sinh sống bởi người ta đồn nó bị ma ám. Kakiemon không sợ ma - mà dù chàng có sợ đi chăng nữa, thì hy vọng có thể cưới Orane làm vợ cũng xua đi hết mọi do dự trong lòng. Tới Osaka, cậu xin yết kiến lãnh chúa.

“Thưa lãnh chúa, tôi hứa sẽ quét sạch bóng ma trong cung điện nếu như ngài cho phép tôi ở lại đó vài ngày.”

“Tại sao ngươi lại cần cung điện?” lãnh chúa ngạc nhiên hỏi lại.

Kakiemon giải thích với lãnh chúa rằng chàng chỉ cần cung điện cho đám cưới của mình và kể lại điều kiện của người lái buôn giàu có đất kinh kỳ. Quyết tâm của chàng thanh niên khiến lãnh chúa cảm phục và ngài hứa cho chàng mượn cung điện một thời gian.

“Nhưng đám cưới không làm ngươi quên được những bóng ma đâu!” ngài vừa cười vừa nói.

Kakiemon quay lại Edo và lập tức tới gặp người lái buôn giàu có.

“Nếu con đón con gái người, dù là con nhà giàu đi chăng nữa cũng chỉ là quý tộc, về ở cung điện lãnh chúa, thì liệu người có bằng lòng không?”

“Trong cung điện lãnh chúa? Làm sao ngươi lại có cung điện của lãnh chúa?” người lái buôn ngạc nhiên thốt lên.

“Đó là việc của con; quan trọng là con đã thỏa mãn được điều kiện của người. Người chỉ cần đưa dâu tới cung điện lãnh chúa Osaka. Con sẽ đợi con gái người ở đó.”

“Cậu chàng này rồi sẽ làm nên việc lớn đây,” người lái buôn tự nhủ. “Cậu ta không ngu ngốc mà cũng chẳng thiếu lòng can đảm.” Và ông chẳng còn gì để phản đối cuộc hôn nhân nữa.

Khi Orane hay tin cuối cùng cũng được làm vợ Kakiemon, má nàng lại ửng hồng và chỉ hai ngày sau nàng đã tung tăng khắp nhà.

Đám cưới trước tiên được tổ chức rình rang ở Edo, rồi cả đoàn đưa dâu đi tới Osaka. Ngay khi bữa tiệc ở đây cũng kết thúc, Kakiemon và Orane chỉ còn lại một mình trong cung điện cũ bị bỏ hoang, nơi mà xà cột đã mục ruỗng hết còn trong vườn cỏ mọc lút đầu người.

Giờ họ sống trong một cung điện, nhưng họ cũng cần phải kiếm cái ăn; vậy là Kakiemon bắt đầu đi bán cá. Nếu muốn kiếm được nhiều tiền, chàng phải đi trước nửa đêm để tới được chợ ở rất xa đó. Vậy là từ nửa đêm, chỉ có Orane ở lại một mình trong cung điện. Nhưng cũng như Kakiemon coi khinh con đường dài và khó nhọc mà chàng phải vượt qua với gánh nặng trên vai, Orane ở lại cung điện không chút sợ hãi. Cả hai đều lấy làm sung sướng bởi cuối cùng số phận cũng xe duyên họ với nhau.

Kakiemon và Orane đã sống trong cung điện được một thời gian và chẳng có chuyện gì xảy ra. Kakiemon mãi mê mua bán cá tươi kiếm sống đến nỗi hoàn toàn quên mất chuyện cung điện bị ma ám. Orane cũng không còn nghĩ về những bóng

ma nữa, và vậy nên nàng chẳng sợ gì cho tới một đêm, Kakiemon vừa rời nhà, thì ba vị thầy tu mặc áo chùng đen đột nhiên xuất hiện trước mặt nàng. Mỗi người cầm trong tay một cây nến ngấn màu đen phát ra ánh sáng lấp lánh. Họ không gây ra một tiếng động nào và xuyên tường đi vào trong cung điện, đến trước mặt Orane, họ bắt đầu nhảy múa, những bước chậm và cứng nhắc. Họ cứ nhảy như vậy quanh giường Orane cho đến sáng. Rồi, từng người một lại gần mạnh chiếu Orane đang ngồi, đặt tay lên miệng nàng và ra hiệu cho nàng giữ kín chuyện. Cả đêm, không thầy tu nào cất một lời.

Orane ngồi đó, im lặng và can đảm chiêm ngưỡng những thầy tu nhảy. Khi họ biến mất, nàng mới thở phào nhẹ nhõm. “Đó chắc là những bóng ma mà Kakiemon đã nói với mình trước đám cưới rồi. Chắc họ không muốn mình kể lại chuyện đêm qua; và sao mình lại làm thế chứ, sẽ chỉ khiến Kakiemon thêm lo và không muốn để mình lại một mình trong cung điện nữa. Thế nhưng, chàng còn phải ra chợ nếu không chúng ta biết sống bằng gì.”

Khi Kakiemon trở về, nàng vui vẻ chào đón chàng, chuẩn bị đồ ăn cho chàng và trò chuyện cho tới khi chàng phải quay lại chợ. Nàng không hé môi kể một lời về chuyện xảy ra ban đêm. Khi Kakiemon đi rồi, nàng nóng lòng chờ xem liệu các thầy tu có đến nữa không. Cả đêm nàng không dám chợp mắt nhưng lần này, bốn bề tĩnh mịch.

Đêm thứ ba, Orane trông thấy từ xa có những đốm sáng chậm rãi tiến lại gần và xuyên qua bức tường vào cung điện. “Đó chắc là các thầy tu rồi,” Orane nhủ thầm, và đến nàng cũng ngạc nhiên khi thấy mình thở phào nhẹ nhõm. Bởi thấp thỏm cả đêm thì còn tệ hơn nhiều.

Các thầy tu lặng lẽ lại gần, lần này họ vận áo chùng màu trắng và mỗi người mang một cây nến to màu trắng trong tay. Không cất một lời, họ bắt đầu nhảy múa, với những động tác cứng đờ quanh Orane. Chỉ có ánh nến chập chờn hắt bóng nhảy nhót. Bình minh lên, các thầy tu lại lần lượt tới gần Orane và đặt tay lên miệng nàng dặn giữ im lặng. Rồi họ biến mất mà Orane không biết là biến đi đâu. Sau ba đêm mất ngủ, cô gái trẻ đã mệt lử, nàng thiếp đi ngay. Nàng chỉ dậy khi nghe tiếng Kakiemon cười.

“Đã giữa trưa rồi mà nàng còn ngủ sao? Đêm qua đã có chuyện gì thế?” Hoảng hốt, Orane bật dậy đi chuẩn bị bữa ăn.

“Chàng xem vợ chàng hư đến thế nào! Nàng ta ngủ trong khi Kakiemon khôn khổ của nàng ta kiệt sức dưới những gánh cá nặng!”

Đêm thứ tư chẳng có chuyện gì xảy ra. Sau nửa đêm, các thầy tu vẫn không thấy

xuất hiện. Orane yên tâm ngủ tới sáng. Chỉ đến đêm thứ năm thì lại một lần nữa ba đốm sáng xuất hiện và đi xuyên qua tường. Các đốm sáng lại gần, Orane nhận ra ba vị thầy tu vận áo chùng vàng. Mũ choàng che kín nửa mặt và trên tay mỗi người đều cầm một cây nến dài màu vàng tỏa ánh sáng chói mắt. Ba vị thầy tu mặc áo vàng lại nhảy cả đêm quanh giường Orane, và sáng ra, họ lại đặt ngón tay lên miệng nàng dặn giữ im lặng.

Orane tò mò tự hỏi đêm thứ bảy ai sẽ xuất hiện. Kakiemon vừa ra chợ, nàng đã thấy bốn bề các đốm sáng tiến lại gần cung điện. Từ phía Nam ba vị thầy tu mặc áo chùng đen với những cây nến ngắn màu đen; từ phía Tây, ba vị thầy tu mặc áo trắng mang những cây nến to màu trắng và cuối cùng từ hướng Đông, ba vị thầy tu mặc áo chùng vàng đứng lại gần tay cầm những cây nến dài với ánh sáng chói lọi. Họ ngày càng lại gần, nhìn Orane chăm chăm, rồi bắt đầu điệu nhảy chậm rãi bên giường cô gái trẻ. Orane tự hỏi đêm nay chuyện gì sẽ xảy ra, bởi lần này tất cả các thầy tu đã tề tựu lại.



Đột nhiên, những vị thầy tu thôi không nhảy nữa, họ dừng lại trước manh chiếu Orane đang ngồi, và một trong các thầy tu vận áo vàng cất giọng trầm và ảo não nói: “Orane này, nàng đừng cảm lắm. Trong bảy ngày, nàng chẳng nói điều gì và cũng không sợ phải ở lại một mình với chúng ta. Để thưởng cho nàng, chúng ta sẽ nói nàng hay chúng ta là ai. Hãy nghe đây: cách đây rất lâu rồi, một cuộc chiến ác liệt đã xảy ra khắp xứ ta; thời đó, tổ tiên của lãnh chúa hiện nay đã bí mật giấu kho báu trong cung điện. Nhưng ngài đã ngã xuống trong trận chiến, mang theo bí mật xuống mồ. Từ hàng thế kỷ nay, chúng ta bị giấu ở đây, không mang lại ích lợi gì cho con người và cũng chẳng được vui sướng với quyền lực của mình. Chúng ta muốn trở lại giữa con người, nhưng tự sức mình chúng ta không thể làm được việc đó. Ai đó phải đào chúng ta lên. Nhưng cho tới giờ, những người trông thấy chúng ta đều chạy mất. Không ai dũng cảm như nàng.”

Câu chuyện vừa kết thúc, các vị thầy tu áo đen lại gần Orane, dẫn nàng ra vườn, chỉ cho nàng cây anh đào cổ thụ rồi biến mất. Rồi những thầy tu áo trắng chỉ ra thềm cung điện và cũng biến mất. Ba thầy tu cuối cùng, những thầy tu áo vàng, dẫn Orane ra một cái hầm có vòm rồi đến đây, họ biến mất.

Sau đêm đáng sợ ấy, Orane thiếp đi và ngủ mê mệt cho tới khi Kakiemon trở về. Chàng đánh thức nàng, ghẹo rằng nàng bắt đầu quen ngủ đến trưa rồi. Nhưng khi ấy Orane kể lại chuyện xảy ra trong cung điện bảy đêm qua. Rồi, họ vội vàng tới chỗ lãnh chúa cho ngài hay những bóng ma đang ám trong cung điện là ai.

Lãnh chúa cho đào ở những vị trí các thầy tu đã chỉ và tìm thấy kho báu không ngờ tới; trong vườn, dưới gốc cây, đầy những hũ xu đồng; dưới thềm, những túi đầy bạc và trong hầm là những rương đầy vàng.

Vui mừng vô hạn vì tìm thấy kho báu đã bị lãng quên, lãnh chúa ban thưởng hậu hĩ cho Kakiemon và Orane dũng cảm. Kể từ đó, người lái buôn giàu có không còn xấu hổ vì con rể của mình nữa; ngược lại, ông sung sướng đã gả con gái cho chàng. Đôi khi, Orane lại bắt chước điệu nhảy cứng đờ của các vị thầy tu cho Kakiemon xem và cả hai lại cùng nhau phá lên cười vui vẻ.

Cáo trả ơn

Ngày xưa, ở một làng nọ, có một cụ ông với một cụ bà. Cụ ông làm ruộng và vào rừng nhặt củ khô; khắp vùng ai ai cũng kính trọng người trung trực và giàu lòng nhân ái như ông, người không làm hại cả một con ruồi. Cụ bà thì lắm điều và mồm mép nhanh nhẩu; nhưng bà cũng rất siêng năng, quán xuyến việc nhà đầu ra đáy. Cả đời họ làm lụng tất bật từ sáng tới tối, nhưng chẳng bao giờ khấm khá lên được. Họ ngày càng già và chỉ sống ngày nào biết ngày đấy.

“Giờ thì cũng chẳng sao,” cụ ông mỗi khi còng lưng vì gánh củ trên vai trở về nhà thường nói. “Tôi vẫn còn sức mang củ về đem ra chợ bán. Nhưng đến lúc tôi chẳng thể làm nữa không biết chúng ta sẽ ra sao? Ai sẽ chăm sóc ta?”

Cụ bà cũng chỉ biết nhún vai đồng tình: “Phải đấy. Điều gì đang chờ chúng ta đây? Đây chẳng phải sống cho ra sống. Chúng ta làm không lúc nào ngơi tay, ấy thế mà chẳng để ra được vài đồng cho lúc tuổi già.”

Mỗi lần cụ ông mang củ ra chợ bán, họ lại hy vọng rằng lần này sẽ dành ra được vài đồng, nhưng trăm lần như một, họ chẳng thể tiết kiệm được gì. Lần thì hết muối, lần khác thì phải trả tô thuế - và chính thế, lắm khi họ phải vay mượn tiền, rồi sau lại khó nhọc trả nợ.

Một ngày, cụ ông đang trên đường đi chợ về. Lần này cụ gặp may - nợ đã trả hết mà vẫn còn dư ra được vài đồng.

“Bà nó sẽ vui lắm đây!” ông tự nhủ. “Tiền này sẽ cất vào ruộng. Cuối cùng chúng ta cũng có thể bắt đầu tích cóp được chút đỉnh phòng khi về già.”

Ông vui vẻ đi về. Gần đến làng, ông thấy ở lòng sông cạn, một đám trẻ con đang nhảy múa và ông nghe có tiếng kêu van vỉ. Đám trẻ trong làng đã bắt được một con cáo và đang thích thú hành hạ con vật khốn khổ. Đứa thì kéo đuôi, đứa thì lấy kim chọc và tất cả đều cười nhạo con cáo: “Nào, cáo lắm chiêu, giờ mày vào bẫy rồi. Nếu mày xảo quyệt như người ta bảo, thì thoát ra cho bọn tao xem nào!”

Cụ ông thấy thương con cáo. Đôi mắt nó mới buồn làm sao, mà nó cũng đang sống dở chết dở.

“Đừng có làm việc xấu hổ thế các cháu!” cụ ông quát đám trẻ. “Hành hạ một con vật khốn khổ như thế làm gì! Hãy thả ngay con cáo ra!”

Nhưng bọn trẻ lại quay sang nhạo ông: “Ông đừng xía vào chuyện của người khác. Chúng cháu đã bắt được con cáo, nó là của chúng cháu, và chúng cháu muốn làm gì nó thì làm. Nếu ông thương con cáo, thì ông mua đi! Chúng cháu để rả lại cho!”

Ông cụ đắn đo. Ông thương con cáo thực, và một mình ông thì chẳng thể làm gì được lũ trẻ. Nhưng phải từ bỏ những đồng tiền ít ỏi mới có được trong khi lần đầu ông mới để ra được như thế sao? Nhưng con cáo đang rên rĩ còn đáng thương hơn, vậy là ông bèn quyết định. Ông bỏ túi ra, lấy hết mấy đồng tiền và đưa cho bọn trẻ. “Mình vẫn còn làm việc được,” ông nhủ thầm, “và sẽ còn kiếm được.”

Đám trẻ con nhận tiền và trong nháy mắt, đã chỉ còn lại mỗi mình ông cụ cùng con cáo. Ông thả nó ra khỏi bẫy, nhưng con vật tội nghiệp yếu quá không thể nhúc nhích được. Vậy là ông đành bế nó lên và mang vào sâu trong rừng. Ở đó ông thả cáo ra và nói: “Cáo nhỏ, cứ ở trong rừng và đừng bao giờ mạo hiểm về làng. Ngày hôm nay đã dạy cho mày một bài học rồi đấy! Làng là của người, còn rừng là của động vật.”

Cáo chỉ ngược nhìn ông biết ơn rồi lẩn vào hang.

Và cụ ông tay trắng trở về nhà. Mãi lâu sau cụ bà vẫn còn phàn nàn chuyện ông xem nhẹ đồng tiền đến thế, nhưng riết rồi bà cũng quên.

Một ngày, đột nhiên một con cáo bước vào sân nhà hai ông bà. Cụ bà sợ hãi nhưng rồi bà chợt nhớ ngay ra món tiền. Vậy là bà cần nhắc: “Chỉ vì một con cáo như mi mà chúng ta đã mất số tiền duy nhất dành ra được còn chưa đủ sao, chưa kể là khi đó ta còn sợ hãi sao ông nó mãi không về; giờ cáo lại còn đến tận nhà chúng ta! Đi đi!”

Và bà kiếm một cây gậy hòng xua con cáo đi.

Nhưng con cáo không bận tâm tới lời quát mắng của bà cụ. Nó chỉ lại gần khi trông thấy cụ ông ra ngoài sân xem có chuyện gì và nói với ông: “Ông cụ, ông đã cứu mạng tôi. Tôi không bao giờ quên ơn này và tôi sẽ dùng tài phép của mình đền ơn ông. Vết thương của tôi mãi lâu mới lành, và chỉ đến hôm nay tôi mới tới gặp ông được. Hãy cho tôi biết tôi có thể trả ơn ông gì đây.”



Ông cụ chỉ bảo: “Đừng nói chuyện đó nữa. Mi hãy mau trở lại rừng trước khi đám trẻ bắt được. Lần này thì ta chẳng thể giúp được gì đâu, bởi ta chẳng còn một xu nào. Mau, đi đi!”

Nhưng con cáo lại nói: “Nếu ông không ước ao gì, thì tôi có ý này, hời còn nằm trong hang cho lại sức tôi đã nghĩ ra. Không xa đây, trong một ngôi chùa, có một thầy tu già thích sưu tầm xoong chảo cổ. Ông ta đi khắp nơi để thu thập nồi cổ, ấm nước cổ và đủ thứ loại đấy. Tôi sẽ biến thành một ấm nước đẹp và ông hãy mang đến cho thầy tu. Chắc ông ta sẽ trả giá cao đấy và ông chẳng phải lo lắng những ngày về già nữa.”

Cụ ông một mực bảo chẳng cần gì và tốt hơn là con cáo nên quay về rừng nhưng vô ích, nó đã cuộn đuôi lại quanh chân, và cúi đầu, quay vòng quanh ba lần, rồi thay vì cáo, trước mặt ông cụ hiện ra một chiếc ấm cổ bằng đồng tuyệt đẹp. Nắp ấm có hình đầu cáo, và cái vòi ấm hình mõm cáo kéo dài ra.

Cụ ông và cụ bà sững người vì kinh ngạc. Cụ bà bình tĩnh lại trước. Bà cầm ấm trong tay, gõ gõ lên thân ấm, nhưng nó phát ra tiếng như thể đồng nguyên chất.

“Chắc hẳn vị thầy tu sẽ trả nhiều tiền cho chiếc ấm này,” cụ bà nghĩ, chưa gì đã thấy tiền, và bà thúc giục cụ ông: “Ông nó cứ yên tâm tới chỗ thầy tu đi. Cáo nói đúng đấy. Nó đã tiêu hết những đồng tiền cuối cùng của chúng ta; bằng cách này, chúng ta sẽ đổi lại được chút gì đó. Chúng ta biết làm gì với cái ấm đẹp nhường này; nó quá đẹp với chúng ta. Con cáo hẳn là rất thành thực và nó sẽ không biến lại hình đầu.”

Rốt cuộc, cụ ông cũng cầm lấy cái ấm, gói vào trong giấy. Nhưng ông vẫn còn do dự: “Tôi chẳng thích việc này lắm. Tôi biết nói sao nếu thầy tu hỏi tôi ở đâu ra mà lại có cái ấm quý thế này. Ai cũng biết chúng ta rất nghèo.”

Nhưng cụ bà đã xoa dịu: “Ông chỉ cần nói rằng chúng ta tìm thấy chiếc ấm cách đây lâu rồi và rằng phải đợi đến tận hôm nay để xem có người chủ nào đến nhận không. Nhưng bởi chẳng có ai tìm chiếc ấm trong thời gian lâu như vậy, nên giờ mới bán ấm đi, bởi chẳng biết làm gì với một cái ấm đẹp như vậy.”

Không muốn rầy rà thêm, cụ ông bèn đến ngôi chùa nơi vị thầy tu già sưu tầm nôi cổ, ấm nước cổ và đủ loại như thế. Ông bước vào chùa và bỏ lớp giấy bọc ấm ra.

Vừa nhìn thấy chiếc ấm, vị thầy tu đã reo lên: “Cả đời ta chưa nhìn thấy chiếc ấm nào đẹp thế này, trong khi ta có trong tay không biết bao nhiêu là ấm rồi chứ! Ôi chà là tiếng! Đúng là đồng nguyên chất loại nhất! Hiếm thấy một thứ gì như thế này, làm sao ông có nó?”

Cụ ông trả lời như cụ bà đã khuyên và vị thầy tu hoan nghênh quyết định bán cái ấm của cụ ông. Ông trả bảy đồng vàng.

Cụ ông mừng rỡ trở về nhà. Chưa bao giờ ông có nhiều tiền đến thế, thậm chí ông còn chẳng nhớ đã bao giờ nhìn thấy một đồng vàng hay chưa.

“Cuối cùng cũng khỏi phải lo lắng chuyện tương lai,” ông hài lòng tự nhủ.

Cụ ông vừa ra về, thầy tu đã gọi các đồ đệ tới và sai ra sông cọ rửa ấm.

“Ta rất muốn biết trà pha trong ấm quý như thế thì sẽ ra sao!”

Đám đê tử cầm ấm chạy ra sông. Họ lấy vốc cát và chà xát mạnh cái ấm cho đến khi tay đỏ lên. Nhưng chuyện gì thế này? Từ cái ấm nghe như có tiếng rên rỉ. Ngạc nhiên, họ bắt đầu súc cái ấm và nhẹ nhàng cạo cho nó sáng bóng lên. Lần này, họ lại nghe như cái ấm đang cười và nói: “Ha ha ha, nhột quá!” Thế là đám đê tử hét hồn hét vía, đổ đầy nước vào ấm và chạy về báo với thầy tu.

“Có gì đó không ổn với cái ấm này,” họ kể với ông. “Trong lúc xát cát, chúng con có cảm giác như nghe thấy nó rên rỉ, rồi đến khi đánh bóng thì nó lại cười.”

“Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả,” thầy tu trấn an. “Những cái ấm quý hiếm thế này phát ra những âm thanh kỳ quặc khi bị cạo rửa là chuyện thường mà. Mà đây lại là cái ấm quý ta chưa từng thấy bao giờ.”

Ông lệnh cho đê tử nhóm bếp củi và lửa bén thì đặt cái ấm lên trên.

Nước còn chưa sôi mà cái ấm đã rất lạ. Nó nhảy trên bếp lò, vọt lên không trung và đột nhiên, nó rít lên một tiếng rồi biến lại thành cáo và chạy cật lực trên bốn cái chân đã bắt lửa chuồn mất.

Vị thầy tu cho gọi cụ ông lên và đòi hoàn lại tiền. Cụ ông thành thực xin lỗi nói rằng hắc cái ấm đã bị yểm bùa. Thầy tu nói: “Chắc là thế, nhưng tiền của ta thì là thực. Hãy trả lại ta tiền!”

Trên đường về nhà, cụ ông phàn nàn về con cáo và bà cụ: “Đấy, mất công đi đi lại lại mà rốt cuộc chỉ thêm xấu hổ!”

Vài ngày sau, con cáo lại đến nhà cụ ông. Chân nó đã lành và nó muốn xin lỗi vì chuyện phiền phức vừa rồi.

“Lửa nóng quá tôi không sao chịu được,” nó giải thích. “Khi họ xát cát vào người tôi, tôi nghĩ rằng phút lâm chung của mình đã đến. Thế rồi, họ còn chà tôi nữa! Không, đây thực chẳng phải ý hay. Nhưng khi ở trong hang, tôi đã nảy ra ý khác. Tôi sẽ biến thành một con ngựa oai vệ và ông hãy dẫn tôi vào thành bán. Dù đường vào thành thì khá xa, nhưng ở đó có nhiều nhà buôn lúc nào cũng muốn sắm ngựa tốt để thờ hàng. Chắc chắn là ông sẽ bán được giá và chẳng còn phải lo lắng lúc tuổi già nữa. Và kiếp ngựa thì cũng sung sướng với một con vật như tôi; không ai có ý chà nó bằng cát hay đun nó trên lửa.

Và trước khi cụ ông kịp phản đối, con cáo đã cuộn đuôi lại quanh chân, cúi đầu và quay ba vòng - và tức khắc một con ngựa hiện ra trước mặt ông. Nó có cái đầu cao kiêu hãnh, cổ bờm ánh lên như vàng, cùng bộ lông bóng mượt, và nó nhảy lên như thể nóng lòng chờ đến giây phút lên đường.

Sau chuyện đã xảy ra, cụ ông không còn muốn thử vận may thêm lần nào nữa, nhưng cụ bà lại nài nỉ: “Cứ nghe con cáo, ông nó ời, và dẫn con ngựa tới chợ trong thành. Chắc người ta sẽ trả nhiều tiền cho con ngựa đẹp như vậy chứ ở đây chúng ta biết làm gì với nó. Hay ông muốn đánh ngựa vào rừng? Mà chúng ta làm sao nuôi nổi nó? Tốt hơn hết là đem nó đi bán.”

Cụ ông còn biết làm gì? Cụ bà dù thế nào cũng sẽ không để ông yên. Ông đi dép, quàng dây cương qua cổ con ngựa và dắt nó vào chợ trong thành. Trên đường đi, ai nấy đều ngoái cổ lại trông con ngựa đẹp, người trầm trồ vóc dáng, kẻ tán tụng màu cổ bờm, người khác thì khen bộ lông dày dặn sáng bóng.

“Người nào mua được con ngựa thế này cũng hời lòng hời dạ!” Ai ai cũng tấm tắc vậy.

Đến thành, cụ ông hỏi đường vào ngay chợ. Ông chưa kịp ở đó lâu, chỉ vừa đứng bằng thời gian người ta và một bát cơm thì người lái buôn giàu nhất thành đã tới. Thấy con ngựa ông ưng ngay và sợ kẻ khác mua mất, ông vội trả ngay mười bốn đồng vàng.

“Vừa đúng lúc,” ông nói với cụ ông. “Ngày mai ta có chuyến hàng ra chợ, và đang cần một con ngựa hay. Không phải suy nghĩ lâu la làm gì, chẳng ai trả hậu hĩ hơn ta đâu, tiền đây!”

Cụ ông cầm mười bốn đồng vàng và hài lòng rảo bước về nhà.

Nhưng còn con cáo, chuyện gì xảy ra với nó?

Con ngựa vừa mua được đấm tôi tở trong nhà dẫn ngay vào chuồng. Ở đây nó được cho uống nước sạch và ăn no nê yến mạch loại ngon. Rồi một kẻ tôi tở đến chải lông cho nó.

“Lần này chắc ý của mình thành đây,” con cáo tỏ ý hài lòng.

Nhưng sớm hôm sau, chuyện thành ra khác hẳn. Tất cả ngựa trong chuồng được lừa ra và chất lên lưng những bao nặng muối và trà.

“Không cần nương nhẹ con ngựa mới!” từ hiên nhà, ông chủ hét lên. “Nó vạm vỡ thế nên có thể mang được gấp đôi!”

Gấp đôi! Con cáo tội nghiệp muốn khuyụ hẳn xuống. Nó dù gì cũng chỉ là một con thú nhỏ; làm sao có thể mang nặng như một con ngựa khỏe? Nhưng một khi đã quyết giúp cụ ông, nó nghiêng răng và vận hết xảo thuật để không khuyụ xuống dưới sức nặng.

Ngay khi hàng hóa được chất xong, bày ngựa lên đường. Con cáo khó nhọc cất bước; nó vất vả loạng choạng tiến từng bước và vừa ra khỏi thành nó đã khụy xuống.

“Con ngựa này lạ quá,” những người dẫn ngựa xì xào. “Trông thì khỏe vậy mà hầu như chẳng mang được gì? Chúng ta biết làm gì với nó đây? Đến trưa là phải tới chợ rồi.”

Họ bàn nhau và vì con ngựa ra chiều có thể chết ngay thôi, họ dỡ hàng chất lên những con ngựa khác và bỏ mặc nó giữa đường.

Con cáo kiệt sức ở lại đó hồi lâu; thế rồi lúc hồi lại sức đủ để biến thành cáo, nó chậm chạp bò về hang.

Một thời gian sau, con cáo trở lại nhà cụ ông. Ông bà cụ mừng rỡ đón nó, bởi từ khi ông cụ bán được ngựa ở chợ, họ sống dư dả. Họ hỏi chuyện xảy ra với con cáo và nó đã kể hết chuyện cho họ nghe.

“Ông cụ ơi, tôi muốn giúp đỡ ông bởi ông đã cứu mạng tôi. Nhưng lần này tôi cũng chẳng giúp được tới đâu tới đấy. Tôi chỉ là một con cáo ốm yếu và không có sức như ngựa. Nhưng đừng nghĩ một con thú nhỏ và yếu ớt như tôi không biết trả ơn. Hãy nghe ý tôi lần này!”

Nó không nói gì thêm nữa. Nó lại quán đuôi quanh chân, cúi đầu, quay ba vòng, và đúng lúc đó một cô gái trẻ nhan sắc lộng lẫy, tóc dài đen nhánh, da trắng như sứ hiện ra trước mặt cụ ông cụ bà đang còn sững sốt. Cô gái trẻ cười với họ và nói tiếp lời con cáo: “Tôi sẽ là cháu gái của ông bà và tôi sẽ chăm lo không để ông bà thiếu thốn gì lúc tuổi già. Ông cụ ơi, hãy dùng tiền ông đổi ngựa vào phố mua cho tôi ba bộ kimono lụa: một bộ màu trắng, một bộ màu hồng đào in hình quạt và một bộ màu tím thêu cúc trắng. Hãy mua thêm một chiếc thắt lưng lớn bằng gấm, trâm cài tóc và phấn. Tôi sẽ vận các lớp kimono vào và đánh phấn, rồi ông dẫn tôi vào phố bảo tôi là cháu gái ông. Tôi sẽ hát múa, và họ sẽ cho tôi nhiều tiền.”

Cụ ông bối rối không thốt nên lời. Nhưng cụ bà thì mau mắn hơn. Bà túm lấy tay áo cụ ông vào bảo: “Hãy vào phố và mua những gì con bé bảo đi. Một cô gái đẹp như thế phải được ăn vận chỉnh tề và đánh phấn. Nhưng nhớ hỏi ai đó trước khi mua đấy, bởi ông có biết gì về những thứ ấy đâu!”

Cụ ông ngập ngừng: “Cáo yêu quý, mày đã làm nhiều thứ cho chúng ta rồi; hãy mau quay về rừng đi!”

Nhưng cuối cùng, trước lời thuyết phục của con cáo và nhất là của cụ bà, ông đã

thuận theo ý nó.

Ít lâu sau, cô cháu gái hát hay múa dẻo của ông bà đã nổi tiếng lây lừng khắp nơi. Người ta lặn lội từ xa đến chỉ để thưởng thức tiếng hát điệu múa của cô, và những gia đình giàu có lấy làm vinh dự khi có cô đến biểu diễn tại bữa tiệc nhà mình.

Cuối cùng, con cáo cũng tìm ra cách trả ơn ông cụ mà không làm mình gặp nguy hiểm. Nó thích cuộc sống phố thị bởi lúc nào cũng đông đúc - và nó còn biết được những tin tức thú vị; khác hẳn hoi ở trong rừng tĩnh mịch. Vậy là, con cáo cứ hát, múa và dành dụm tiền. Nhưng lâu dần, nó bắt đầu chán sự ồn ào náo nhiệt nơi thành thị và nhung nhớ cuộc sống cô đơn trong rừng. Nó xin nghỉ vài ngày, chào bạn bè, thu vén đồ đạc, tiền tích cóp và trở về nhà ông bà cụ trong làng.

Khỏi phải nói niềm vui của hai vợ chồng già khi thấy những món quà và đồ ăn ngon mà con cáo mang từ trong thành về biếu. Với số tiền cáo kiếm được nhờ ca hát, họ sẽ không phải lo nghĩ gì nữa. Nhưng họ hoài công nài nỉ con cáo ở lại sống với mình.

“Cảm ơn ông, cảm ơn bà. Nhưng tôi chán ngán con người rồi. Tôi chỉ có mong muốn được tìm lại bầu không khí tĩnh mịch của khu rừng.”

Con cáo trở về hang. Và thi thoảng khi muốn gần người, nó lại tới thăm ông bà cụ khi chập tối; khi ấy họ ngồi trong vườn và nhớ lại những gì đã diễn ra. Khi con cáo chết - bởi cáo thì sống không thọ như con người - hai ông bà đã xây cho nó một ngôi mộ nhỏ trong rừng, mà ngày nay vẫn còn, để tưởng nhớ con cáo ơn nghĩa.



Quán đàn giữa rừng

Ở thành Sakai, có ba người bạn cùng hội buôn bán với nhau là Kouémon, Sasouke và Tchoube, một ngày đẹp trời họ quyết định hành hương đến Soumiyochi dự lễ hội mùa xuân hằng năm. Họ tính đi từ ngày hôm trước để không bỏ lỡ tiết mục bắt đầu lúc bình minh. Nhưng ngày nắng nực và họ đi chậm hơn dự tính. Đã thế nhiều lần phải nghỉ lại quán xá một lúc để lấy lại sức. Mặt trời đã sắp lặn mà cả ba vẫn chưa tới được Soumiyochi. Vẫn còn phải vượt qua một khu rừng rậm trước mặt nữa. Họ ngồi ở bìa rừng và Sasouke muốn các bạn khẩn trương lên. Nếu muốn đến được thành trong ngày hôm ấy, thì phải đi ngay khi trời còn sáng.

Kouemon thì lại chẳng muốn đứng dậy và anh đề nghị nên quay lại làng gần nhất nghỉ đêm rồi hôm sau lên đường.

“Nhưng chúng ta muốn xem những tiết mục khai hội cơ mà,” Sasouke phản đối. “Mà lúc mặt trời lên mới là lúc đẹp nhất bởi đoàn rước tề tựu. Mau đi thôi, trời sẽ mát dần và đường sẽ dễ đi hơn.”

Nhưng Tchoube lại đồng tình với Kouémon: “Cậu ấy nói đúng đấy, đằng nào thì cũng chẳng đến được trước khi đêm xuống đâu. Mà băng rừng ban đêm thì thực chẳng thích thú gì. Nếu mai ta đi sớm, thì vẫn thiếu gì thứ để xem.”

“Các cậu sợ cướp hay là sợ ma thế? Tớ chẳng bao giờ tin khu rừng bé tí thế này lại khiến các cậu sợ mất mật thế,” Sasouke giễu.

“Thế cậu không sợ chắc? Đừng làm như không biết trong rừng đầy rẫy những kẻ lang thang và những điều ma quái thường xuất hiện ở những nơi hẻo lánh,” Kouemon đáp.

“Chắc rồi, tớ không sợ. Tớ sẽ chứng minh cho các cậu xem. Nếu các cậu không muốn theo tớ, thì tớ sẽ đi một mình. Rừng chẳng rộng gì cho cam và nếu thực có gì xảy ra với tớ, tớ luôn biết cách bảo vệ mình,” Sasouke tuyên bố, vỗ vỗ lưỡi kiếm ngắn giắt nơi thắt lưng vẻ kiên quyết.

Các bạn có can ngăn cũng vô ích. Sasouke không muốn từ bỏ ý định. Anh cười nhạo bạn, cho họ là những kẻ hèn nhát, rồi cuối cùng, hai bên giận dữ đường ai nấy đi.

Kouemon và Tchoube quay lại làng. Sasouke xóc lại thắt lưng có thanh kiếm và phẩm phẩm tiến vào rừng, thậm chí không buồn ngoảnh lại xem các bạn đã đi chưa.

Thực vậy, đi được một lúc thì trời bớt nóng hẳn. Và chẳng mấy nắng đã không còn lọt qua được kẽ lá. Trời càng lúc càng râm mát. Bỗng, một đám mây đen từ đâu kéo đến và cơn mưa nặng hạt đổ xuống.

“Đây là bất ngờ mà mình không lường trước được,” Sasouke tự nhủ. Anh bước dưới tán cây để tránh mưa trong khi vẫn đưa mắt tìm kiếm chỗ trú.

Đúng lúc đó, rừng thưa dần và con đường mòn dẫn tới một khoảng đất trống nhỏ. Sasouke muốn ở lại chỗ trú nhưng ở bên kia khoảng rừng trống anh thấy có ánh đèn. Anh tiến lại gần hơn thì thấy có một ngôi nhà.

“Không bao giờ được đánh mất lòng can đảm,” Sasouke tự nhủ. “Mình sẽ tới nhà đó xin trú nhờ và hong khô quần áo. Khoảng rừng trống không lớn lắm. Nếu chạy nhanh, mình sẽ không bị ướt.”

Vậy là anh chạy dưới cơn mưa rào, băng qua trắng rừng trống và hướng tới ngôi nhà.

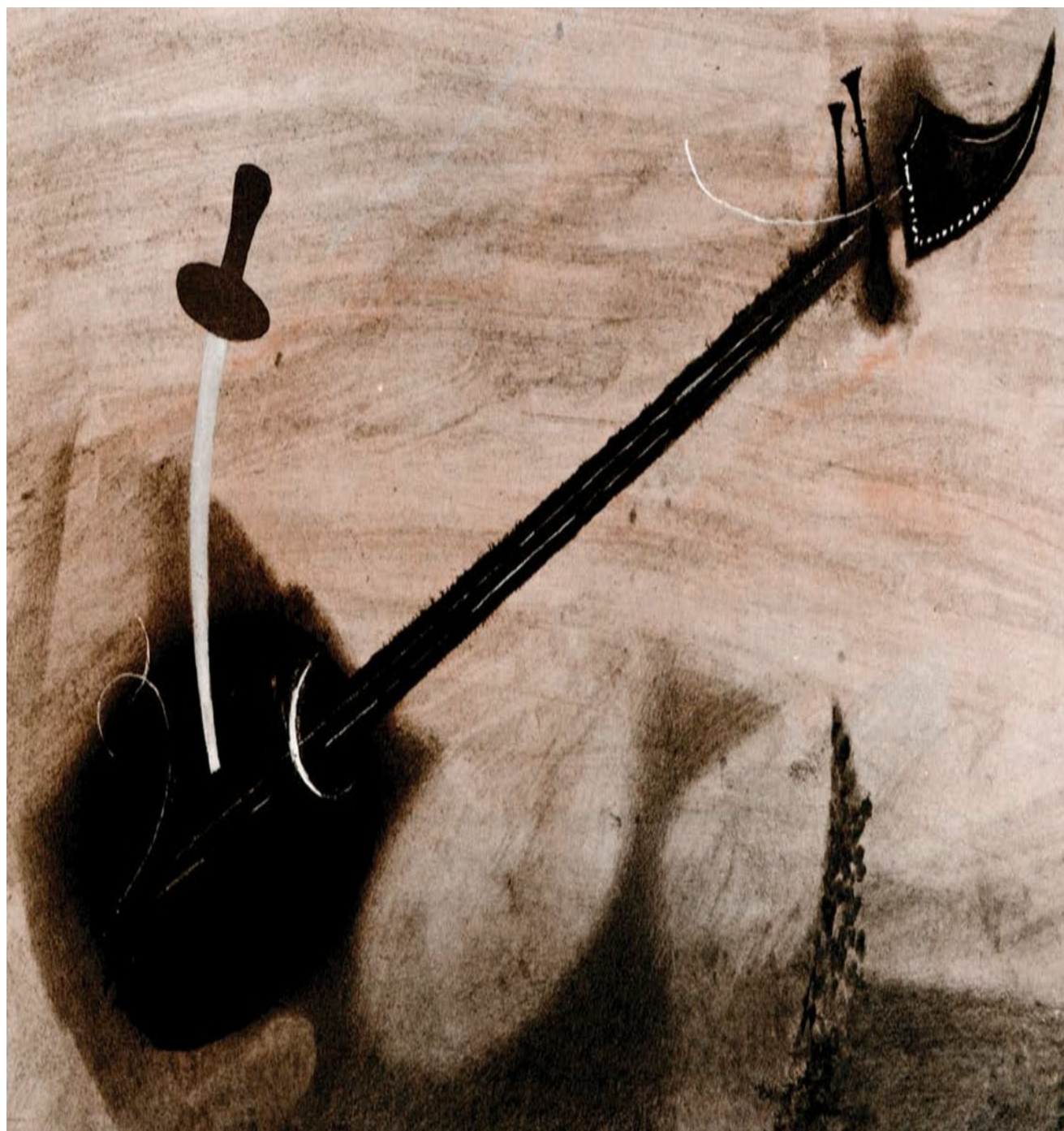
Ngôi nhà không có hàng rào bao quanh, và bởi cửa hiên nhà mở, Sasouke chẳng chần chừ gì. Anh tháo đôi dép sũng nước, đi qua hiên và vào trong một căn phòng sáng ánh đèn dầu.

Đó là một căn phòng tiện nghi. Chiều sạch sẽ trải sẵn trên sàn. Bên cạnh ngọn đèn có một lò nhỏ bằng sứ, trang trí hình nhện xinh xắn, và bên cạnh có một cái khay để sẵn một chai rượu sa kê cùng một bát nhỏ. Nhưng lạ thay phòng không có người, và cả ngôi nhà hoàn toàn im ắng. Chỉ có tiếng mưa rơi đều đều gõ ngoài kia.

Nhưng Sasouke không lo về bầu không khí yên lặng đáng ngờ này, cũng chẳng tự hỏi sao lại có một ngôi nhà tươm tất ở đây, tách biệt giữa khu rừng. Anh chỉ thấy hài lòng vì được khô ráo, vắt nước ở tay áo ướt sũng và khoan khoái hơn tay trên than ẩm.

Tuy nhiên, Sasouke vẫn thấy lạnh; quần áo ướt dính sát vào da, và nếu không uống ngay thứ gì đó nóng, thì anh dễ cảm cúm mất.

“Dù sao,” cuối cùng anh tự nhủ, “mình cũng sẽ uống chai rượu sa kê ấm nóng này, chẳng cần biết là nó dành cho ai, như thế mình sẽ không bị cúm.”



Nhưng đúng lúc giờ tay cầm lấy cái bát, anh chợt nghe có tiếng bước chân trên cầu thang gỗ chắc là dẫn lên lầu. Ở lối vào, Sasouke nghe thấy tiếng bước chân nhẹ và tiếng lụa sột soạt. Cuối cùng, cửa trượt ra và một cô gái trẻ xuất hiện. Cô đẹp đến nỗi Sasouke như ngừng thở. Anh lấy làm sung sướng vì nhờ can đảm, anh không chỉ xem được khai hội Soumiyochi mà còn có một đêm dễ chịu bên người đẹp. Cô gái thật là đẹp không ngờ, với khuôn mặt trái xoan xinh xắn, đôi môi đỏ, lông mày cân đối và mái tóc đen óng mượt được búi gọn trên đỉnh đầu cài một chiếc trâm bạc và lược ngà. Bộ kimono bằng lụa đỏ óng tay chạm đất, được thêu những bông hoa bằng chỉ vàng và thắt lưng bằng gấm ánh lên đủ sắc cầu vồng. Trên đôi tay trắng trẻo và thanh mảnh, cô cầm cây đàn ba dây shamisen, thùng đàn bọc da đen.

Cô gái bước vào, nhẹ nhàng quỳ gối giữa phòng, đặt cây đàn sang bên cạnh và kính cẩn cúi đầu chào Sasouké.

Sasouke đứng dậy, đến lượt mình cũng cúi chào và định xin lỗi vì đã tự tiện vào nhà.

Nhưng anh chưa kịp mở lời thì cô gái đã mỉm cười thân thiện và cương quyết lắc đầu, rồi mời anh một bát rượu sa kê, vẫn hoàn toàn không nói câu gì. Và đột nhiên, Sasouke nhận ra rằng cô gái chưa hề mở miệng, thậm chí để chào anh.

“Chắc hẳn nàng bị câm,” anh tự nhủ và cũng không nói năng gì. Anh mỉm cười đỡ lấy cái bát cô đưa rồi để cô rót rượu, mà bất ngờ làm sao, rượu vẫn còn nóng hổi và vị thì ngon tuyệt. Cô gái có vẻ hài lòng vì anh nhận ra rượu ngon và lại rót thêm bát nữa. Nhưng mỗi lần Sasouke muốn rót rượu mời cô thì cô lại lắc đầu ra hiệu từ chối. Cuối cùng anh uống hết bình rượu và không biết tại rượu hay tại dáng vẻ của cô gái mà anh thấy chénh choáng. Vậy là, cô gái ra hiệu cho anh cứ thoải mái, cô cầm đàn shamisen lên và lấy từ thắt lưng ra móng gảy đàn.

Bên ngoài, mưa đã tạnh từ lâu và quần áo Sasouke đã khô. Lẽ ra anh phải đi tiếp nhưng dường như anh đã quên hết mọi sự xung quanh. Anh ngả lưng vào một cây cột sơn mài, chăm chú ngắm cô chủ nhà xinh đẹp và tưởng ra vẻ ngạc nhiên của hai người bạn khi mai đến anh kể họ nghe chuyện phiêu lưu lạ lùng mà họ vì nhát gan đã không được chứng kiến.

Cô gái gảy đàn và một giai điệu kỳ lạ Sasouke chưa từng nghe bao giờ vang khắp phòng. Điệu nhạc lúc nhẹ nhàng, da diết, lúc lại dữ dội, rền rĩ, nó như thấu tâm anh, mê hoặc anh. Vừa chơi đàn, cô gái vừa không ngừng nhìn anh và đôi mắt sáng như than đỏ. Sasouke có cảm tưởng mình chìm đắm trong giai điệu ngọt ngào này và chẳng còn nhớ gì trên đời ngoài điệu nhạc và đôi mắt ấy.

Thình thoảng, cô gái lại gảy mạnh dây đàn giữa và mỗi lần thế, Sasouke lại có cảm giác lạ lùng như thể có thứ gì đó vô hình, trơn nhẵn và lạnh cóng quán lấy cổ anh. Nhưng khi anh đưa tay chạm vào cổ, cảm giác đó biến mất, như thể anh vừa xé đi vật vô hình kia. Và mỗi lần trông thấy cử chỉ ấy, cô gái lại cau mày, nhưng rồi cười ngay được và tiếp tục chơi đàn. Dây giữa càng lúc càng rung mạnh hơn và Sasouke cảm thấy bị vật vô hình kia siết nghẹn. Anh kinh hãi nhận ra mình đã rơi vào bẫy. Anh vận hết sức bình sinh và rút thanh kiếm ngắn nhưng sắc lẹm ra phòng thân. Vậy là cô gái giận dữ nhìn anh và gảy mạnh dây đàn đến nỗi dây đàn đứt phụt và lao tới trời Sasouke lại. Anh vẫn chạm được kiếm vào dây, nhưng quá muộn; anh đã bị trời nghiền vào cột nhà và kiếm tuột khỏi tay, cắm sâu vào thùng đàn bọc da đen. Thấy thế, cơn giận của cô gái đột ngột biến mất và mặt cô trở nên buồn bã, vẻ đau đớn. Cô đứng dậy, cầm lấy đàn và lặng lẽ rời phòng như lúc đến.

Bầu không khí yên lặng nặng nề bao trùm cả căn nhà. Cửa sổ mở hứng lấy cái lạnh ban đêm, và ngọn đèn dầu leo lét lần cuối rồi tắt hẳn. Chỉ còn lại mình chàng thanh niên bị trói giữ trong bóng tối đen kịt.

“Đáng đời mình,” anh kinh hãi tự nhủ. “Mình không thể động đậy được và thậm chí chẳng còn kiếm mà tự vệ.”

May làm sao, bình minh mau chóng ló rạng; và ánh sáng ban ngày dần ulla vào phòng. Anh trông thấy chiếu trải trên sàn đã rách nát, một nửa đã mục ẩm và phủ lớp bụi dày. Cửa trông ra hiên không phải đang mở mà là đã rời hẳn khỏi khung. Thay vì lò sưởi nhỏ chỉ có một đồng tro tàn còn chai rượu và bát rượu kỳ thực chỉ là hai hòn đá, một lớn một nhỏ. Sasouke thoát đầu ngỡ mình mơ, nhưng đây đang trói anh vào cột thì là thực. Và những giọt máu tươi nhỏ từ phòng dẫn ra cửa không có ở đây tối qua. Sasouke cố động não hiểu xem chuyện gì đã diễn ra nhưng lại thiếp đi lúc nào không biết.

Cuối cùng, mặt trời cũng tỏa rạng qua những khe tường bong tróc, và bên ngoài anh nghe thấy giọng của Kouémon: “Trông này Tchoube, cái biển này viết tên mới kỳ cục làm sao: Quán đàn giữa rừng. Ai lại ngớ ngẩn đến độ mở quán nước giữa rừng; chẳng lạ nếu chủ nó chẳng kiếm được gì, và nhà cửa tan hoang thế kia.”

“Kouemon ơi, Tchoube ơi, cứu tớ với!” Sasouke thức dậy vì nghe giọng bạn, và cuống quýt gọi.

“Quý thân ơi, là Sasouké,” Tchoube thốt lên, “cậu ấy làm gì ở đây, chuyện gì đã xảy ra với cậu ấy?”

Hai người bạn bước vào, cởi trói cho Sasouké, anh kể lại cho họ nghe cuộc phiêu lưu tối qua.

Thế rồi anh nói với những người bạn phải đi quanh nhà để xem biết đâu anh đã vô tình làm bị thương cô gái trong lúc giằng co tối qua. Ba người bạn lần theo dấu máu. Họ leo cầu thang đã mục, lên lầu và ở đó dưới cái mạng nhện khổng lồ bị rách, họ thấy một con nhện to nằm chết, bị thanh kiếm của Sasouke đâm trúng.

“Giờ thì cậu thấy chúng mình nói đúng chưa,” Tchoube nói, không ngăn được nụ cười nhạo báng. “Đúng là có những chuyện ma quái và đó là lý do tại sao khôn ngoan thì đừng vào rừng ban đêm một mình. Ít nhất thì cậu cũng đã rút ra kinh nghiệm.”

“Nhưng tớ không sợ,” Sasouke kiêu hãnh đáp, và lấy lại lưỡi kiếm tra vào bao.

Họ vui vẻ trở lại, cả ba lên đường tới Soumiyochi, để ít nhất cũng đến kịp buổi

trưa và không bỏ lỡ cả lễ hội.

Phật nhà khỉ

Cách đây rất lâu rồi có một cụ ông và một cụ bà. Nếu không có lũ chim thì họ cũng sống sung sướng đấy. Cụ ông hết lòng chăm chút mảnh ruộng nhỏ, nhỏ từng tùm cỏ dại, nhưng hễ cứ vừa nhú được chồi nào thì lũ chim háu đói, lại tới mổ cho bằng sạch. Chưa có vụ nào cụ ông bội thu. Đêm nào, ông cũng trở mình trên giường và mơ lũ chim không lò tới phá ruộng rồi ăn đến hạt giống cuối cùng. Sáng ra, ông tỉnh dậy mồ hôi mồ kê vã ra như tắm, người mệt bã.

“Bà nó này, chúng ta không thể mãi thế này được. Hãy gói cho tôi ít thức ăn và tìm cho tôi ít giẻ rách màu mè, tôi chắc là bà kiếm dễ thôi. Tôi sẽ ăn vận như bù nhìn để xem có đuổi được hết lũ chim đi không,” ngày nọ, sau một đêm trằn trọc không ngủ cụ ông nói với cụ bà.

Cụ bà nắm vài vắt com rồi lục khắp góc ngách hòm xiềng tìm giẻ rách cho cụ ông mặc. Ái chà, thật là một bù nhìn bảnh chọe! Trông cái mũ xanh với hàng đồng tupp len kìa, áo khoác và áo trong khâu lại từ nhiều mụn vải trắng, đen, xanh lam, hoa to hoa nhỏ nữa, cạp quần lại quần thêm cả cái khăn đỏ làm thất lung. Vận đồ xong đâu đấy, cụ ông ra giữa ruộng và hươ chân múa tay để những mảnh giẻ rách bay phấp phới. Thế rồi ông còn nhảy nhót luôn chân và quả thật không có con chim nào dám đáp xuống ruộng ăn hạt giống nữa.

“Cái lũ tham lam chúng mày, biết tay ta rồi nhé. Từ rày, đừng hòng ăn hạt của ta!”

Cụ ông hoan hỉ với sáng kiến của mình.

Mặt trời đã đứng bóng, cụ ông uể oải khua tay, và nhảy nhót cũng chậm dần.



“Dù gì,” cuối cùng ông tự nhủ, “mình cũng đã đuổi được kha khá chim nên mình có thể ngồi xuống bờ ruộng nghỉ một chốc cho lại sức.”

Đoạn ông ngồi xuống, khoan chân, lấy vắt cơm từ trong tay nải ra nhưng chưa kịp ăn thì tay ông đã thông xuống đầu gối còn đầu gục xuống ngực. Cụ ông đã ngủ ngon lành.

Đó là một ngày hè nóng bức, mặt trời chói chang, khắp nơi tĩnh mịch, đến lũ chim cũng tìm chỗ râm để trú. Cụ ông ngủ một giấc sâu.

Đột nhiên, một đàn khỉ chí chèo nhảy ra từ khu rừng. Chúng tò mò nhìn quanh

và một con khi kêu to hơn cả bọn. Bỗng một con trong bọn trông thấy cụ ông đang ngồi trên bờ ruộng, khoác trên người những túm giẻ sặc sỡ. Chúng kéo nhau lại gần ông cụ. Chúng vừa xấp tới gần vừa dè chừng sẵn sàng bỏ chạy nếu cái thứ lạ lùng kia động dấy. Nhưng cụ ông đã ngủ rất say, chẳng còn biết trời đất gì. Và bởi cụ ngồi im, nên lũ khi càng lúc càng dạn dĩ rồi một con trong đám thậm chí còn lục cả tay nải lấy vắt cơm ra. Loáng cái chúng đã nghiêng ngáu hết. Rồi một con khác đã khá già cũng lại gần ông và cẩn thận dò xét.

“Chúng bay biết đây là ai không?” cuối cùng nó nói với bọn kia. “Đây chắc là tượng một đức Phật và mấy vắt cơm là đồ quyên.”

“Có lý đấy nhỉ, chắc đó là tượng một đức Phật mới rồi. Và ngài mới đẹp làm sao! Chưa bao giờ tao nhìn thấy một đức Phật nào như thế,” một con khác vuốt vuốt đám giẻ rách sặc sỡ trầm trồ.

Thế là lũ khi không còn sợ nữa, chúng hú hét rồi hét kéo giẻ lại giật túp lên.

Cuối cùng, con khi già nhất bảo:

“Hãy mang đức Phật này để vào chùa chúng ta. Bọn thú khác sẽ tha hồ ngạc nhiên và ghen tị khi chúng biết chúng ta có một đức Phật lạ thường thế này!”

Những con khác nghe thế bằng lòng lắm. Một số con bèn đan tay làm kiệu còn những con khác cẩn thận đặt đức Phật lên. Dĩ nhiên ồn đến thế thì cụ ông phải thức dậy thôi. Ông ngạc nhiên nghe cuộc chuyện trò của lũ khi về chính mình và đâm tò mò. Ông muốn biết lũ khi mang ông đi đâu, và ông thăm nhủ: “Mình sẽ ngồi yên và giả như là bằng gỗ thật. Bà nó sẽ ngạc nhiên biết bao khi mình kể cho bà nó nghe chuyện lạ lùng này.”

Lũ khi khiêng Phật thận trọng tiến lên phía trước. Đến bờ sông, chúng mãi tìm chỗ lội qua suốt một hồi lâu, bởi chúng không muốn làm đức Phật đẹp đến vậy bị ướt. Cuối cùng chúng cũng thấy và nhẹ nhàng lội qua sông. Vui sướng vì tìm được một đức Phật đẹp đến thế, chúng bắt đầu hát vang. Thực tình thì chúng ta khó mà hiểu được bài hát trong tiếng rú rít của chúng. Mỗi con khi hát một khúc, nhưng bài hát làm chúng vui lắm:

“Cẩn thận bước chân, bạn ơi cẩn thận

để Phật nhà chúng ta khô ráo lên bờ.

Ê hê, bạn ơi cẩn thận bước chân!”

Đột ngột ngắt ngang bài hát, một con khi hét lên: “Bọn bay nâng cao Phật lên.

Đuôi bị ướt thì có sao. Miễn là đuôi Phật được khô ráo!”

Thét lác thì vậy nhưng chính nó lại giơ cao đuôi mình lên để không bị ướt.

Cụ ông phải nhin lăm mới không phá lên cười. Thật là buồn cười khi trông lũ khi lo lắng cho mình đến thế.

Cuối cùng thì cũng qua sông, chúng hò reo ào lên bờ và mang cụ ông đặt vào chùa, nằm cao tít trên núi. Thực ra mà nói, đó chẳng phải là một ngôi chùa, chỉ là một hang đá sâu, trong đó có một bụi gỗ được dùng làm bàn thờ, bụi gỗ ấy chắc hẳn lũ khi đã lấy được trong ngôi chùa hoang nào đó.

Lũ khi đặt đức Phật tuyệt đẹp của mình lên. Có lúc chúng lại gần nhìn ông, có lúc lại ra cửa hang mà kêu lên, con nọ gặng thét to hơn con kia: “Đức Phật mới đẹp làm sao! Không có đức Phật nào như thế nữa trên đời!”

Cuối cùng, chúng tự nhủ rằng muốn Phật thích nhà chúng, thì phải dâng đồ quyen. Nghĩ thế, chúng nháo nhào bỏ đi các phía tìm món gì xứng đáng dâng Phật. Vài giờ sau, lũ khi lần lượt trở lại hang, con nào con nấy mang đặt lên bàn thờ thứ tốt nhất mình tìm được. Vừa dâng đồ quyen, chúng vừa quỳ lạy và cầu nguyện bằng giọng run rẩy: “Ôi đức Phật đáng kính, ngài làm phước nhận lấy món đồ nhỏ mọn của chú khi nghèo hèn này.”

Một con đặt lên bệ thờ một nắm quả óc chó ngon lành, con khác đặt lên một đoạn rễ cây tươi còn ứa nhựa, một con thậm chí còn mang về cả một đồng vàng chắc hẳn là trộm được của một lái buôn hoặc của một người hành hương bất cẩn nào đó, con khác dâng một chiếc quạt gãy hay một mảnh thủy tinh màu; tóm lại mỗi con đều cúng Phật những thứ chúng tin là quý báu nhất. Nghi lễ thật dài và đồ quyen chất thành đống trên bệ thờ. Sau một hồi bất động, cụ ông khốn khổ giờ đã mới như người, nhưng ông không muốn để lộ bởi ai biết được thế thì chuyện gì sẽ xảy ra. Ông đành kiên nhẫn đợi xem chuyện này sẽ kết thúc ra sao. Bấy khi còn nán lại trong hang một hồi nữa, nhưng rồi chúng thôi hứng thú với đức Phật mới và tản ra ngoài rừng kiếm trò tiêu khiển khác. Vừa khi không còn nghe thấy tiếng kêu của chúng vang vọng trong rừng nữa, cụ ông vội vàng tụt xuống khỏi bệ thờ. “Thêm một lúc nữa,” ông tự nhủ, “thì mình sẽ biến thành tượng gỗ thật mất.”

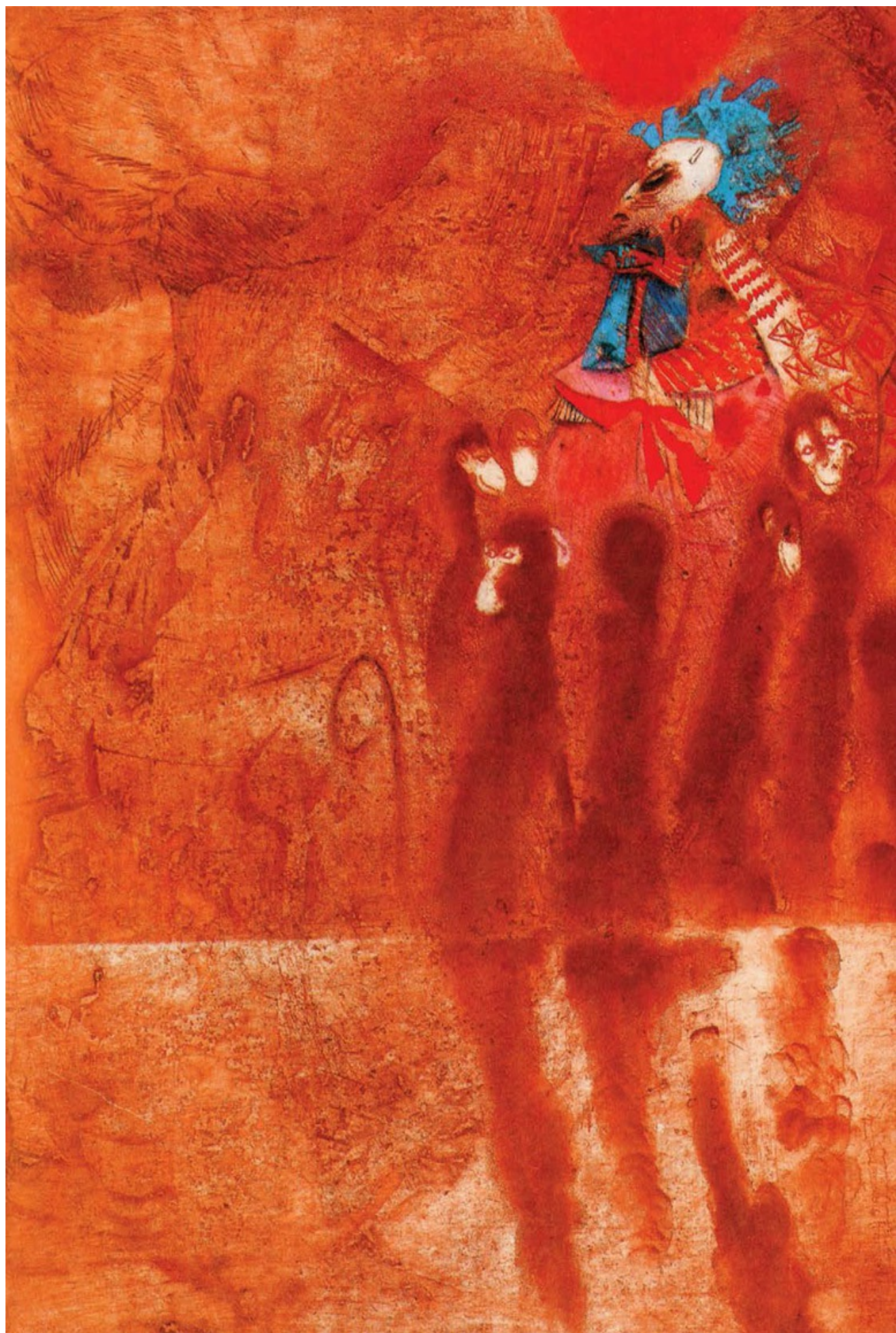
Ông gom tất cả những gì có thể hữu ích với mình, đặc biệt là đồng vàng. Cả đời, ông chưa bao giờ sở hữu món tiền nào to đến thế. Ông vội vã rời khỏi hang thật nhanh bởi ông tuyệt không muốn chạm trán với lũ khi lần nữa. Về tới thành, ông đổi đồng vàng, mua cho cụ bà và cho mình mỗi người một bộ kimono mùa đông và một bộ kimono mùa hè, số tiền còn thừa ông mua một hộp lớn toàn đồ sơn hào hải vị.

Một bữa tiệc ra trò! Và khi ông kể cho cụ bà nghe chuyện lũ khi đã khiêng ông qua sông thế nào, chúng đã sợ làm ông ướt ra sao, cụ bà cười ngất. Rồi cụ ông phải nhắc đi nhắc lại bài hát của lũ khi và tả lại bộ dạng chúng khi quỳ lạy trước “đức Phật đáng kính”.

Những tràng cười lớn khiến bà hàng xóm hay đồ kỵ sinh nghi. Bà ta sang gõ cửa và hỏi: “Ông bà có một mình thôi à?”

“Mời bà vào,” cụ ông và cụ bà mời. Và họ mời bà ta những món ngon mang từ trong thành về. “Ông bà có chuyện gì vui thế?” bà hàng xóm dò hỏi, mặt nhợt đi vì đồ kỵ nhưng vẫn giả lả cười nói.

Cụ ông bèn thuật lại chuyến phiêu lưu của mình và cho bà ta xem mấy bộ kimono mới.



Nghe hết câu chuyện, bà hàng xóm vội cáo từ về nhà. Bà ta nóng ruột chờ chồng về. Vừa thấy ông này cởi dép, bà ta đã nói ngay: “Ông nghe đây này, ngay sáng sớm mai, ông phải đóng giả thành bù nhìn và ra ruộng ngay. Ông có biết hàng xóm nhà ta đã gặp may thế nào không, thế mà ông ta lại mang về mấy thứ chẳng đáng. Còn ông, ông chắc sẽ mang về nhiều hơn thế.”

Và bà ta chỉ thôi khi đã kể hết từ đầu đến cuối câu chuyện cho ông chồng nghe. Thế rồi bà ta lấy tấm vải còn tốt dành để may kimono, xé ra làm nhiều mảnh và sớm hôm sau cải trang cho chồng thành bù nhìn. “Giờ thì mau ra ruộng mà chờ lũ khi đi!”

Ông hàng xóm ra đi, nhưng ông không đứng giữa ruộng và huơ chân múa tay để đuổi chim như cụ ông đã làm hôm trước. Ông này ngồi ngay xuống bờ ruộng, khoanh chân lại, tay đặt lên đùi và cúi đầu giả đồ như đang trầm ngâm suy ngẫm. Ông đợi lũ khi đến. Ông phải đợi một hồi lâu và chỉ đến khi sắp sửa thiếp đi thật thì đột nhiên, ông mới nghe thấy tiếng lũ khi từ trong rừng hấp tấp đi ra hét gọi nhau.

“Đây rồi, đây rồi, Phật của chúng ta trở lại rồi. Hôm nay, ngài ăn vận không đẹp bằng hôm qua, nhưng chẳng sao, dù gì chúng ta cũng phải mang ngài về chùa.”

Một lần nữa, chúng lại làm kiệu, đặt ông hàng xóm lên và cẩn thận khiêng đi. Phải nói là ông này chẳng thoải mái chút nào và khó chịu ra mặt với tiếng chí chóc của lũ khi. Nhưng ông chấp nhận cả bởi đang mong giàu lên nhanh chóng.

Tới bờ sông, lũ khi lại bắt đầu tìm chỗ lội qua và hát bài ca của chúng:

“Cẩn thận bước chân, bạn ơi cẩn thận

để Phật nhà chúng ta khô ráo lên bờ.

Ê hê, bạn ơi cẩn thận bước chân!”

“Chúng tưởng những tiếng hú hét này là hát đây,” ông hàng xóm tự nhủ và nhin lăm mới không phá ra cười. Nhưng tới giữa sông, lũ khi lại hét: “Đừng sợ đuối mình nhúng nước, miễn là đuối Phật được khô.” Thế là ông này không nhin được nữa, ông phá ra cười không ngừng được.

“Đó không phải là Phật, đó là con người, một kẻ lừa bịp,” lũ khi hét tướng lên. Giận dữ, chúng liền ném ông hàng xóm xuống nước và lẩn vào rừng, không thôi rít lên.

Dòng nước cuốn người đàn ông đi, ông này tưởng đầu mình đã đến giờ tận số.

Nhưng cuối cùng, ông cũng may mắn bám được vào một cành dương ngã xuống nước và leo lên được bờ. Ông run như cây sậy và những mảnh vải nhều nước rũ xuống, cuốn lấy chân ông, khiến ông đi cũng khó. Ăn vận như thế, ông chẳng mặt mũi nào mà về làng. Ông đành nấp trong bụi rậm, đợi đến tối. Mãi tối muộn ông mới dám về nhà. “Mong sao ta không gặp hàng xóm, không thì xấu hổ chết,” ông tự nhủ khi trông thấy ngôi làng. Ông bắt đầu chạy về nhà thật nhanh.

Đã mấy tiếng rồi, bà vợ cứ trông ngóng, đứng ngay bên cửa. Vừa trông thấy ông chạy lại, bà ta đã sung sướng nhủ thầm: “Chắc hẳn là ông nhà mình còn mang được nhiều của hơn và đang vội vã về báo cho mình biết đây. Không biết chúng ta có thể mua được những gì.” Trước khi ông chồng về tới nhà, bà đã trút hết quần áo cũ trên người và ném vào lửa cùng quần áo của ông chồng. “Mình không còn muốn trông thấy những thứ cũ rách này nữa. Chúng ta sẽ tậu những bộ đồ thật lộng lẫy.”

Và vâng, những bộ đồ lộng lẫy. Nếu hàng xóm của họ không vì thương tình mà cho lại những bộ kimono cũ thì hẳn họ đã phải ở trần rồi.

Giấc mơ đem bán

Youkitchi và Mosouke là hai người bạn tốt của nhau. Youkitchi là một chàng trai vui vẻ, tính tình phóng khoáng như lãng tử; Mosouke thì ngược lại, rất nghiêm túc và vô cùng thận trọng. Tính nết trái ngược nhau là thế nhưng họ vẫn yêu quý nhau đến mức nếu một trong hai người phải đi đánh hàng xa - thực tế thì bọn họ đều là lái buôn - thì anh chàng sẽ phải đợi cho kỳ được đến khi người kia cũng có thể đi cùng.

Thế là, một lần nọ, họ lên đường cùng nhau. Trời hôm đó nóng nực và họ mừng rỡ khi tới được bìa rừng rồi có thể nằm dài dưới bóng một cây thông. Chỉ sau có một lúc, Youkitchi đã ngủ say như chết.

Mosouke nhìn bạn ngủ và, anh vừa thở dài vừa thầm nghĩ: “Màn trời chiếu đất thế này mà huynh ấy vẫn có thể ngủ thật ngon lành, cứ như thể đây là nhà huynh ấy vậy. Mình thì chẳng thể nào như thế được, mình sợ bị trộm đồ. Nói vậy thôi, chứ chợp mắt được một chút thì cũng tốt. Khốn nỗi, mình lại chẳng thể nào ngủ được ở ngoài trời.”

Trong lúc Mosouke nghĩ ngợi như vậy, đột nhiên anh thấy một con tò vò bay ra từ lỗ mũi bên trái của bạn. Anh sững sốt nhìn nó. Nó bay lên trên ngọn một cây thông mọc trơ trọi trên một mỏm đá, bay ba vòng quanh cái cây, rồi bay trở lại phía Youkitchi và mất hút trong lỗ mũi bên phải của anh bạn. Mosouke chưa bao giờ nhìn thấy điều gì lạ đời như vậy.

Đúng lúc đó, Youkichi tỉnh giấc, ngồi dậy, vừa cười vừa nói: “Mosouke này, tôi vừa mơ một giấc hay lắm. Phải kể ngay cho huynh mới được. Hãy tưởng tượng là có một cây thông cao mọc trên một mỏm đá cao, phải rồi, y như cái cây huynh thấy đằng kia kìa; một con tò vò bay xung quanh cái cây, vừa bay vừa vo ve: ‘người phải đào ở đây; người phải đào ở đây.’ Và thế là tôi bắt tay vào đào đất và tìm thấy một chum đầy vàng là vàng. Cả đời tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhiều tiền vàng như thế, chắc chỉ có trong mơ!”



“Đúng là một giấc mơ kỳ cục,” Mosouke đáp. “Tôi mà là huynh, tôi đã lại đào quanh gốc cây thông kia.”

“Huynh định bày trò gì chứ, tôi sẽ không mệt thân chỉ vì cơn hăng máu sau cái giấc mơ ngớ ngẩn ấy đâu. Tốt hơn là cứ đi tiếp đã, để còn kịp vào thành.”

Nhưng Mosouke không muốn nghe gì hết: “Một giấc mơ như thế hẳn phải có ý nghĩa gì chứ. Huynh không muốn đào, còn tôi thì lại rất muốn. Chi bằng tôi đề nghị với huynh thế này nhé: hãy bán cho tôi giấc mơ của huynh.”

Youkitchi phá lên cười: “Hời to rồi. Tôi chưa bao giờ bán giấc mơ cả. Huynh

định trả tôi thế nào đây?”

“Huynh đã nói là ở đó có cả đồng vàng. Tôi thì không biết có thật hay không; tôi là bạn của huynh và tôi không muốn để huynh thiệt thòi. Hãy cho tôi biết huynh định giá giấc mơ của mình bao nhiêu.”

Sau một hồi bàn bạc nhanh chóng, cuối cùng hai người bạn cũng đồng ý về giá cả. Và Mosouke đã mua giấc mơ với giá ba trăm đồng bạc lớn.

“Chưa bao giờ đi buôn mà lại hời thế. Từng đấy tiền chỉ nhờ một giấc mơ,” Youkitchi cười nói. “Nhưng giờ thì nhanh chân lên thôi, chúng ta chậm phiên chợ mất.”

Hai người bạn cứ nói oang oang, vì họ tưởng chỉ có mình họ trong rừng. Họ không thể ngờ được rằng lão hà tiện Katchiemon đã nghe được cuộc trò chuyện ấy. Chính lão cũng đang trên đường vào thành và đang nghỉ chân bên bìa rừng. Lão đã ngủ say, nhưng giọng nói của hai anh lái buôn đã đánh thức lão. Giờ thì lão mỉm cười nham hiểm: “Những kẻ mới thật thà làm sao. Đi mua một giấc mơ. May mà chúng nó nói to. Giờ thì ta đã biết kho báu chôn ở đâu và ta sẽ lấy được nó mà chẳng mất gì.”

Katchiemon quyết định bỏ buổi chợ và trèo nhanh lên mỏm đá. Rồi lão đào xuống giữa đám rễ thông cho đến khi chạm phải một vật cứng. Lão cẩn thận đào tiếp và cuối cùng lôi được từ dưới đất lên một chiếc chum lớn, bên trong toàn tiền vàng. Katchiemon đập vỡ cái chum rồi cho hết tiền vàng vào cái túi to chưa bao giờ lão rời tay. Vào trong thành, lão dùng số tiền ấy mua một quán trọ và trở thành một người giàu có. Nhưng số vàng ấy chẳng mang lại phúc lành cho lão. Sau một thời gian, lão không chỉ thua lỗ hết số vàng đã đào được mà còn mất sạch mọi thứ lão từng có trước đó. Chẳng mấy chốc, lão thành kẻ ăn mày.

Còn Mosouke, khi xong xuôi công việc trong thành, anh chia tay Youkitchi và quay lại nơi đã mua giấc mơ. Anh thất vọng biết bao khi thấy bộ rễ thông bị quật lên và những mảnh sành thì vương vãi khắp nơi.

“Có kẻ đã tới trước đào mất kho báu rồi,” anh buồn bã tự nhủ. Và anh nhìn những mảnh sành vỡ. Đột nhiên anh ngừng lại, vì trên một mảnh sành anh nhìn thấy một dòng chữ. Anh đọc to nó lên: “Cái đầu tiên trong số bảy cái.”

“Cái đầu tiên trong số bảy cái, vậy có nghĩa là còn có sáu chum nữa ở bên dưới,” anh tự nhủ và bắt đầu hăng say đào bới. Và quả thế thật, anh cứ lần lượt đào được hết cả sáu chum, mỗi chum đều đầy ứ tiền vàng.

Mosouke cho xây ở trong thành một quán trọ lớn và đặt tên là “Quán Chum”. Ở đó, anh sống sung túc và vui vẻ đến ngày cuối đời.

Youkitchi thường xuyên đến thăm bạn và, thường thì anh vẫn chào bạn bằng câu: “Thế nào, Mosouke, huynh khỏe chứ? Tôi đến để xem giấc mơ của tôi thế nào rồi.”

Và hai người bạn tốt lại vừa vỗ vai nhau vừa cười. Và lần nào cũng vậy, Mosouke đều mang loại rượu hảo hạng nhất đựng trong chiếc chum lớn nhất ra thết đãi bạn.

Con sếu trắng

Ngày xưa ngày xưa, một ông già nhỏ bé và một bà già nhỏ bé có một cậu con trai độc nhất tên là Kotaro. Kotaro trồng cây trên mảnh ruộng nhỏ của nhà và, những ngày nông nhàn, chàng vào rừng kiếm củi rồi đem vào thành bán. Việc đó cũng chẳng kiếm được nhiều nhận gì, nhưng nhà chàng thì nghèo nên dù chỉ kiếm được một vài đồng xu cũng đã là đáng quý. Kotaro là một chàng trai chăm chỉ và một người con biết nghe lời; thế nhưng bố mẹ chàng vẫn cứ thường xuyên kêu ca phàn nàn về chàng. Thật ra, Kotaro rất nhân hậu và thường thì khi vào thành bán củi trở về, chàng lại chia vài đồng xu ít ỏi kiếm được cho một người ăn mày gặp dọc đường. Nhưng điều khiến ông bố không hài lòng về chàng nhất, ấy là mỗi khi dẫn chàng đi săn cùng, ông chẳng bao giờ bắt được con thú nào để còn cải thiện bữa ăn đạm bạc của gia đình. Hễ ông nhìn thấy con mồi nào là Kotaro lại ném một hòn đá, hoặc kêu toáng lên, báo động cho con mồi mỗi nguy hiểm đang rình rập và để nó kịp chạy trốn hoặc bay đi.

“Quả đúng con trai nhà ta là đứa rất chăm chỉ, phải công nhận thế, nhưng nó lại chẳng được sáng dạ cho lắm. Cả đời nó rồi sẽ phải nai lưng ra mà làm hết việc đồng áng lại kiếm củi trong rừng cho xem, vì nó chẳng may may có chút tài trí gì của kẻ biết làm việc lớn,” hai ông bà già thường tự nhủ thế và họ cũng chẳng nể nang gì mà không nói với anh con trai điều đó.

Một ngày nọ, Kotaro ra chợ và đang trên đường băng qua cánh rừng để về nhà. Chàng đang rất vui vẻ trên đường, vừa đi vừa lắng nghe chim rừng líu lo, thì đột nhiên nghe thấy tiếng sột soạt rất lạ. Chàng đi tìm xem tiếng động đó phát ra từ đâu thì nhìn thấy một con sếu trắng bị mắc trên cành một cây cổ thụ, nó đang đập cánh giãy giụa. Nó đã đuối sức vì những nỗ lực vô vọng và giờ chỉ còn khẽ nhúc nhích đôi cánh. Chẳng nghĩ ngợi gì, Kotaro leo phắt lên cái cây. Con chim nhìn thấy chàng đến thì giương to đôi mắt khiếp sợ. Kotaro cẩn thận gỡ con sếu ra khỏi cành cây và lúc ấy chàng mới nhìn thấy con sếu đang bị thương: một mũi tên dài đâm sâu vào cánh nó.



“Con vật đáng thương,” Kotaro vừa nói vừa vuốt lông nó. “Mi hẳn đã hoảng sợ lắm. Chắc gã thợ săn nào đó đã bắn trúng mi và mi đã rơi xuống tán cây này, rồi mắc vào cành cây. Nhưng mi đừng lo, vết thương này không sâu lắm, sẽ chóng lành thôi.” Chàng khẽ rút mũi tên ra khỏi vết thương và lau sạch nó. Rồi chàng mang con sếu tới một chỗ khuất nẻo tí sâu trong rừng.

“Mất vài ngày là mi sẽ lại khỏe thôi,” chàng an ủi con sếu rồi trở về nhà.

Đương buổi nông nhàn nên không có nhiều việc đồng áng phải làm, vậy nên sáng nào Kotaro cũng vào rừng và chỉ trở về khi trời đã tối đêm. Một hôm, trong lúc chàng đã ra khỏi nhà, một cô gái trẻ đẹp tới tìm cha mẹ chàng. Cô đeo trên vai một tay nải lớn cho thấy cô đã đi cả một chặng đường dài. Bằng một giọng hết sức

địu dàng và vô cùng trong trẻo, cô gái trẻ, dựa người vào hàng rào, hỏi thăm xem chàng Kotaro có nhà không. Bà mẹ đi ra, vô cùng ngạc nhiên khi thấy một cô gái trẻ đẹp nhường ấy lại đang kiếm con trai mình.

“Vào nhà đi, con gái. Con trai ta không có nhà, nó đang ở trong rừng, và đến tối mịt nó mới về nhà. Nhưng nếu con muốn thì cứ vào nhà đợi nó.”

Cô gái nhã nhặn từ chối lời mời và ngồi xuống bậc cửa để chờ Kotaro. Hai ông bà già đi đi lại lại trước mặt cô, liếc nhìn cô với ánh mắt tò mò, thử nói dăm ba câu để biết xem cô gái muốn gì ở con trai họ. Nhưng cô gái chỉ nhã nhặn mỉm cười và trả lời rằng cô muốn đợi chàng Kotaro.

Rốt cuộc, đến xế chiều, Kotaro cũng trở về nhà, cõng trên lưng một gánh củ to. Cô gái đứng dậy, cúi gập người và hỏi bằng một giọng dịu dàng dễ nghe: “Chàng là Kotaro?”

“Đúng, là tôi đây,” Kotaro đáp, vô cùng sửng sốt và chàng hỏi xem cô gái muốn gì.

“Thiếp chờ chàng từ sáng,” cô gái đáp lại với một nụ cười khiêm nhường.

“Vậy nàng vào nhà đi, chắc nàng đã mệt rồi,” Kotaro nói, lòng bối rối vì cuộc viếng thăm bất ngờ này. Chàng mời cô gái vào nhà rồi mời cô cùng ăn bữa tối đạm bạc. Lần này, cô gái không từ chối nữa, cô tháo đôi guốc và theo vào nhà để ngồi ăn cùng hai ông bà già cùng con trai họ.

Sau bữa tối, cô gái lại mỉm cười với Kotaro, then thùng nhìn xuống và hỏi xem chàng có muốn lấy mình làm vợ không.

Kotaro nín thinh vì quá sửng sốt. Một cô gái xinh đẹp nhường này lại muốn làm vợ một anh nông dân-tiểu phu nghèo khổ ư. Cũng không kém phần ngạc nhiên, bố mẹ chàng bảo rằng con trai họ không có đủ tiền để cưới một cô vợ trẻ trung xinh đẹp như thế. Hai ông bà giải thích rằng nhà họ nghèo và Kotaro chẳng thể nghĩ tới chuyện lấy vợ sớm như thế được.

Cô gái trẻ đáp: “Để sống hạnh phúc đâu cần phải giàu có; chỉ cần có một trái tim nhân hậu, và Kotaro là người như vậy. Con đảm bảo là cha mẹ sẽ không bao giờ phải hối tiếc vì đã chào đón con ở nhà mình. Con có thể làm tốt mọi việc và cuộc sống của bốn người nhà ta sẽ dễ chịu hơn nhiều.”

Khi bà mẹ già hiểu ra rằng con dâu tương lai không những đẹp người mà lại còn đẹp nết, bà lấy làm phấn khởi vì đã có người đỡ đần. Từ lúc đó, bố mẹ Kotaro không còn bác bỏ gì nữa.

Kotaro thì ngây ngất vì vui sướng. Ai dám tưởng tượng có ngày chàng lại lấy được một người vợ xinh đẹp nhường ấy. Thế nhưng, thậm chí đến tên nàng, chàng cũng chưa tỏ tường.

“Cứ gọi thiếp là Komatchi Khiêm Nường,” cô gái đáp.



Cô gái lấy từ tay nải ra một chút tiền rồi bảo Kotaro vào trong thành mua đồ ăn, rượu và những gì cần thiết cho một bữa cỗ cưới. Bữa ăn tuyệt ngon; chưa bao giờ hai vợ chồng già lại được ăn ngon như vậy và cả hai cứ mãi miết khen con dâu không ngừng.

Sau đám cưới, Kotaro vẫn ngày ngày vào rừng kiếm củi, nhưng chàng luôn mau chóng trở về nhà sớm chừng nào hay chừng ấy. Suốt cả ngày, trong lúc làm lụng, chàng luôn mong ngóng được về gặp người vợ trẻ. Bà mẹ cũng rất hài lòng. Komatchi Khiêm Nhường nhanh nhẹn đảm đương hết công việc nhà. Bà mẹ mới chỉ kịp tự nhủ phải làm việc nọ việc kia thì công việc đã tươm tất. Cả bốn người họ cứ sống hạnh phúc và hài lòng như vậy. Niềm vui của cả nhà còn được nhân lên khi Komatchi sinh được một cậu con trai cho Kotaro.

Một tối nọ, trong khi Kotaro đang nghỉ ngơi sau một ngày làm việc nặng nhọc, Komatchi bảo chàng: “Chàng cứ làm việc suốt từ sáng đến tối mà chúng ta vẫn chẳng thể sắm sửa được gì. Nếu chúng ta mở một tiệm buôn bán, thì chàng sẽ không phải suốt ngày nai lưng ra trên đồng hay trong rừng nữa. Thiếp biết dệt vải rất khéo và chúng ta có thể bắt đầu từ nghề đó.”

Rồi nàng lấy từ tay nải ra một ít tiền và bảo Kotaro vào trong thành mua tất cả những gì cần thiết để có thể dệt vải.

Ngày hôm sau, khi Kotaro đã vào thành sắm sửa xong xuôi mọi thứ, người vợ trẻ bảo chàng lắp khung cửi trên căn gác. Rồi nàng bảo chồng và bố mẹ chồng không được làm phiền trong lúc nàng dệt vải. Và nàng còn nói thêm rằng công việc của nàng sẽ mất rất nhiều thời gian.

Kể từ ngày hôm đó, Komatchi Khiêm Nhường cứ sáng sáng lại lên gác rồi mãi tới muộn mới trở xuống. Ngày qua ngày, người nàng cứ nhợt nhạt và hao mòn dần và, nàng thường xuyên đi không vững vì mệt. Rất nhiều lần, Kotaro bảo nàng hãy từ bỏ cái công việc khổ ải này, bảo nàng rằng chàng không cần giàu sang. Nhưng nàng chỉ một mực lắc đầu.

Rồi ba năm đã trôi qua, một hôm, Komatchi Khiêm Nhường bước xuống từ trên gác, mang trên tay một tấm vải dài được dệt theo kiểu cách mà cả bố mẹ chồng lẫn chồng nàng đều chưa từng nhìn thấy. Tấm vải lộng lẫy và lấp lánh đủ màu sắc rực rỡ; nó nhẹ hơn cả lông tơ nhưng lại ấm áp hơn thứ lụa dày dặn nhất. Đó đúng là tấm vải có một không hai.

Nhưng Komatchi Khiêm Nhường thì gần như không đứng vững nữa. Nàng yếu đến mức phải nằm liệt giường. Thì thào bằng giọng như sắp chết, nàng bảo Kotaro

mang tới cho nàng cái tay nải nàng đã đem theo tới nhà chàng, cách đây nhiều năm, và nàng lấy ra hai đồng tiền vàng.

“Hãy đi thật xa, cho đến tận khi nào chàng tiêu hết hai đồng tiền vàng này. Chỉ đến khi đó, chứ tuyệt đối không được trước đó, chàng mới được bán tấm vải này. Nếu chàng làm đúng những gì thiếp nói, chàng sẽ có rất nhiều tiền.”

Kotaro gấp tấm vải cho vào trong tay nải và bỏ hai đồng tiền vàng vào túi. Chàng rất buồn khi phải chia tay vợ, nàng dường như đang dần hồi phục sau một trận ốm dài.

Kotaro đi suốt nhiều ngày mà vẫn chưa tiêu hết đồng tiền vàng đầu tiên. Ấy là chàng còn chẳng có chi tiêu tần tiện gì. Cuối cùng, chàng đến một thành xa xôi. Ở chợ, một người đàn ông hỏi xem chàng mang theo thứ gì. Kotaro lấy tấm vải ra khỏi tay nải. Người lái buôn nhìn nó, dùng cả hai tay nâng nó lên rồi vừa vuốt nó vừa thốt lên: “Tấm vải này mới khác thường làm sao! Nó thật ấm mà lại còn rất nhẹ; và nó mới lộng lẫy làm sao! Trong đời tôi chưa từng nhìn thấy thứ gì tương tự. Sao anh có được tấm vải tuyệt mỹ này vậy?”

“Chính tay vợ tôi dệt nó đấy,” Kotaro hãnh diện đáp.

“Hãy bán cho tôi tấm vải này, tôi sẽ trả anh một nghìn đồng vàng.”

Khi nghe người lái buôn đề nghị cái giá đó, Kotaro mới hiểu ra Komatchi của chàng đã dệt nên cả một kho báu. Nhưng chàng cũng ngay lập tức nhớ ra lời vợ dặn, không được bán tấm vải này nếu chưa tiêu hết hai đồng vàng. Thế là, chàng xin lỗi người lái buôn, bảo rằng tấm vải này không phải để bán rồi lại tiếp tục hành trình.

Ít lâu sau, chàng tới một thành khác. Chàng đi thẳng vào chợ và, chàng vừa lấy tấm vải lộng lẫy ra khỏi tay nải thì đã có cả một đám người hồ hởi vây lấy chàng. Nhà buôn giàu có nhất đưa ra cái giá bốn nghìn đồng vàng để mua tấm vải, nhưng Kotaro vẫn nhớ lời vợ dặn và, vì chàng vẫn còn nguyên một đồng vàng chưa tiêu đến trong túi đồng thời còn chưa tiêu hết đồng thứ nhất, chàng lại tiếp tục lên đường.

Vùng đất chàng đang đi qua chẳng có mấy người sinh sống và chàng phải đi bộ rất lâu mới tới được thành tiếp theo. Tới đây, cả một đám còn đông hơn lần trước kéo đến chiêm ngưỡng tấm vải của chàng và một nhà buôn giàu có ra giá tám nghìn đồng vàng. Nhưng lại một lần nữa, Kotaro không chịu bán, vì chàng vẫn còn nguyên một đồng vàng trong túi.

Khắp cả vùng, người ta bắt đầu xì xào bàn tán về tấm vải quý tuyệt mỹ và khi

Kotaro đến thành kế tiếp, đám đầy tớ của một nhà buôn giàu có đã ở sẵn cổng thành chờ chàng để đưa chàng tới gặp ông chủ.

Và khi nhà buôn giàu có nhìn thấy tấm vải, còn nhẹ hơn lông tơ, ấm hơn thú lụa dày dặn nhất, láng bóng và lấp lánh đủ sắc màu, ông ta tuyên bố phải có được tấm vải này bằng mọi giá. Ông ta ra giá một vạn đồng vàng với Kotaro.

Nhưng Kotaro bảo tấm vải này không phải để bán, dù một vạn đồng vàng là cả gia tài chàng chưa từng mơ tới.

“Hãy bán cho ta tấm vải này,” nhà buôn giàu có nài nỉ. “Nếu giá một vạn đồng vàng vẫn là quá ít với anh thì ta sẽ trả hai vạn đồng vàng.”

Hai vạn đồng vàng! Tim Kotaro suýt thì ngừng đập. Số tiền này chắc chắn sẽ khiến Komatchi bằng lòng, dù chàng vẫn chưa tiêu hết đồng vàng thứ hai. Thế là chàng bán tấm vải.

Vậy là nhà buôn giàu có cho đem tới chỗ chàng hai vạn đồng vàng. Và Kotaro phải mất bao công sức mới đem được số tiền ấy đi.

Trong lòng vô cùng thỏa mãn, chàng trở về nhà. Chàng đi hết sức mệt nhọc bởi mang hai vạn đồng vàng thì khác xa với đeo một cái tay nải nhẹ bồng.

Cuối cùng chàng cũng về tới nhà và Komatchi Khiêm Nhường, vốn đã hồi phục sức khỏe trong thời gian chàng vắng nhà, vui mừng đón chàng về.

Khi nàng hỏi chàng đã bán tấm vải với giá bao nhiêu tiền, Kotaro hãnh diện khoe chiếc rương và nói: “Trong này có hai vạn đồng vàng. Không thiếu một đồng, chính ta đã đếm mà.”

Bố mẹ chàng sùng sốt đến đờ cả người. Hai vạn đồng vàng. Đối với họ, đó là cả một gia tài không thể nào hình dung nổi. Hai ông bà bảo chàng cho xem toàn bộ số tiền ấy.

Nhưng Komatchi thì tỏ ra hơi thất vọng: “Chàng đã không đợi được, đợi tiêu hết hai đồng vàng rồi mới bán tấm vải,” nàng nói, rồi lại tiếp: “Nếu không hành xử vội vàng như thế, chàng có thể có được ba vạn đồng vàng. Thế là, chúng ta đã mất không một vạn đồng.”

Nhưng sau một thoáng, nàng khoát tay: “Nhưng thôi, thế này là đủ tiền rồi.” Và Komatchi Khiêm Nhường bắt tay sửa soạn một mâm cỗ để chào mừng chồng trở về.

Gia đình họ cho xây dựng một ngôi nhà lớn và Kotaro trở thành một lái buôn

giàu có. Komatchi tận tụy giúp chàng, một tay nuôi dạy con trai và phụng dưỡng cả bố mẹ già. Họ chẳng thiếu thốn thứ gì và dù cho đã giàu có, Kotaro vẫn luôn giữ được con người trước đây của chàng: một người nhân từ và có trái tim bao dung.

Hắn là họ sẽ cứ sống trong hạnh phúc như vậy nếu bà mẹ Kotaro, vẫn không quên nỗi cái lần nhìn thấy toàn bộ gia tài trong rương, không ngày nào là không nhắc đi nhắc lại với con dâu: “Con nên dệt thêm một tấm vải nữa như thế đi. Cứ hình dung xem nó sẽ mang lại gì cho nhà ta. Và toàn bộ số tiền đó có thể cứ để yên trong rương, vì các con đã có hết những gì cần thiết. Các con có thể cất số tiền đó đi và, biết đâu đấy, một ngày kia nó có thể có ích. Nếu con đúng là người vợ tốt và nếu con lo nghĩ cho tương lai con trai con, thì hãy đi dệt một tấm vải nữa đi...”

Và ngày nào cũng vậy, bà mẹ cứ nhắc đi nhắc lại những lời ấy.

Komatchi Khiêm Nhường hoài công thuyết phục mẹ chồng rằng nhà họ đã có đủ tiền rồi, rằng công việc buôn bán của Kotaro đang rất phát đạt và rằng họ thật sự không cần lo lắng gì cho tương lai, nhưng lần nào bà mẹ già cũng một mực khẳng định: “Tất cả chỉ là cái có thôi. Mi là một đứa con dâu biếng nhác, có thể thôi. Nếu là người khác thì nó đã làm mọi thứ miễn là tốt cho gia đình rồi.”

Cuối cùng, Komatchi thôi không phản đối nữa và nàng cho lắp một khung cửi ở một gian phòng cách biệt. Khi Kotaro biết tin vợ chàng muốn dệt vải trở lại, chàng đã cố can ngăn. Chàng nhắc lại chuyện dệt vải đã khiến nàng suy nhược đến mức nào và bảo nàng rằng dù sao nhà họ cũng đủ giàu rồi.

Nhưng Komatchi chỉ buồn bã mỉm cười: “Ba năm sẽ chóng qua thôi. Nhưng thiếp vẫn yêu cầu chàng là không được quấy rầy thiếp trong lúc thiếp dệt vải.”

Kể từ ngày hôm đó, cũng như thuở xưa, sáng sáng nàng lại vào căn phòng đặt khung cửi rồi đóng kín cửa ở trong đó và chỉ trở ra khi trời đã tối. Mới qua có mấy ngày đầu, người ta đã thấy công việc đó khiến nàng mệt mỏi nhường nào. Đôi má hồng của nàng tái nhợt và nàng phải siết lại thắt lưng chiếc kimono.

“Nó làm bộ đấy chứ,” bà mẹ già tự nhủ. “Ta dám cá là nó chỉ gây đi vì trong lòng bực tức thôi. Dù sao thì con gái nhà người ta vẫn dệt vải mà có làm ra vẻ bí hiểm gì đâu.”

Một sáng nọ, chờ cho đến khi mọi người trong nhà đã bắt tay làm lụng, người nào việc ấy, bà mẹ mới nhón chân khễ khàng tiến lại căn phòng nơi Komatchi đang dệt vải. Bà ta quỳ xuống trước cánh cửa và mở hé cửa. Khi ấy, bà nhìn thấy một khung cửi lớn, đứng phía trước là một con sếu màu trắng, nó đang dùng mỏ nhỏ từng sợi lông trên cánh. Người nó bết vết máu và trên hai cánh lỗ chỗ những

khoảng trụ lông.

Đúng lúc đó, con sếu trắng nhìn ra phía cửa, nhận ra bà già đang tò mò nhìn qua khe cửa, và nó bật lên một tiếng kêu lớn. Rồi nó bay vụt qua cửa sổ để mở.

Kotaro cũng nghe thấy tiếng kêu đó liền vội vã lao tới căn phòng, mặt chàng tái nhợt vì sợ. Bà mẹ kể với chàng những gì nhìn thấy. Kotaro liền chạy thẳng ra vườn rồi nhìn ngó khắp các ngọn cây. Chàng thấy một con sếu trắng trên một cái cây. Đôi cánh cụt lủn khiến nó không thể bay xa được. Nó ở đó và đang sắp chết vì kiệt sức. Nước mắt dâng trào, Kotaro leo lên cây và ôm con sếu đang hấp hối vào lòng vuốt ve nó. Thế rồi, trong hơi thở cuối cùng, con sếu thều thào với chàng: “Kotaro, chàng có nhớ con sếu trắng thuở xưa chàng đã cứu mạng không? Thiếp đến bên chàng là để báo đáp tấm lòng nhân hậu của chàng. Giờ thì thiếp chẳng thể sống tiếp được nữa. Chàng hãy chăm sóc tốt con trai chúng ta nhé.”

Buồn bã vô hạn, Kotaro đem con sếu chôn trong vườn nhà. Chàng đổi tên và từ đó tự xưng là Kotaro Khiêm Nhường. Ngày ngày chàng lại ra vườn cùng cậu con trai. Hai cha con ở lại rất lâu bên nấm mồ khóc thương Komatchi Khiêm Nhường.

Năm con ma

T

Trời đã tối dần mà chàng võ sĩ trẻ, samurai Yochinari, vẫn chưa biết sẽ qua đêm nơi nào. Đơn độc giữa thiên nhiên thanh vắng, chàng đang băng ngang một vùng thảo nguyên, ánh mắt dõi khắp mọi hướng với hy vọng tìm thấy một ngôi làng nào đó và biết đâu sẽ có một chốn để chợp mắt. Nếu không có cái dáng vẻ cao lớn cùng hai thanh kiếm sáng bóng giắt ở thắt lưng, sẽ chẳng ai nghĩ đây là một samurai. Y phục của chàng trông nghèo khổ và rách rưới, mái tóc thì bù xù, và khuôn mặt gầy nhẳng cho thấy đã lâu rồi chàng chẳng được ăn uống no đủ. Chàng bị mất việc và mất chức khi chủ tướng của chàng thất bại trong một cuộc chiến giành quyền lực và buộc phải thả hồi những kẻ theo hầu. Vì thế, Yochinari - cũng như các chiến hữu - chẳng còn lựa chọn nào khác, đành rong ruổi khắp đất nước với hy vọng tìm được một chủ tướng mới. Nhưng vận rủi vẫn cứ bám theo chàng mãi. Chàng đã tiêu hết chỗ tiền giắt lưng từ lâu và giờ chỉ còn lại có hai thanh kiếm.

Vừa chậm chạp tiến lên vừa dõi mắt dăm dăm về phía chân trời, cuối cùng chàng cũng nhận ra phía xa xa có vài ngôi nhà. Chàng mừng rỡ vì sắp thoát cảnh màn trời chiếu đất bèn rào bước. Tới được ngôi làng thì trời đã tối hẳn và dân làng ai nấy đều đang sửa soạn đi ngủ. Yochinari đi hết nhà này sang nhà khác nhưng chẳng ai muốn cho chàng ngủ lại. Người ta đóng cửa đánh rầm trước mặt chàng hay thậm chí, có nhà còn không mở cửa cho chàng. Họ sợ chàng ư?

Chỉ có một ô cửa sổ duy nhất hé mở và ai đó hét lên với chàng: “Cuối làng có một cái miếu nhỏ; người có thể ngủ qua đêm ở đó đấy.” Người đó vừa dứt lời, cánh cửa đóng sập lại ngay.

Yochinari ngạc nhiên trước cách xử sự kỳ lạ của dân làng này; nhưng rồi chàng tự nhủ có lẽ các chúa đất đã cấm dân chúng cho đám lãng nhân ngủ lại nhà và chàng đi về phía ngôi miếu. Đêm đến thì quan trọng nhất là phải có một mái nhà che đầu.

Đi được chừng nửa đường, chàng gặp một cụ già đi từ trên rừng xuống, cống trên lưng một bó củi to. Cụ già lịch sự cúi chào rồi bảo chàng: “Ta hy vọng là ngài không có ý định đến ngủ trong ngôi miếu làng đấy chứ, thưa ngài võ sĩ cao quý?”

“Tôi thật chẳng còn lựa chọn nào khác, thưa cụ; trong làng hình như người ta sợ tôi nên không có ai cho tôi ngủ nhờ. Nhưng ít nhất thì cũng có người khuyên tôi đến ngủ tại ngôi miếu cuối làng,” Yochinari trả lời.

“Đừng đến ngôi miếu, thưa ngài võ sĩ cao quý,” cụ già đáp lại. “Ta thừa biết vì sao bọn họ lại bảo ngài đến đây. Ngôi miếu đó bị bỏ hoang lâu lắm rồi và đêm đến trong đó còn có ma ám. Ở đó toàn xảy ra những chuyện kỳ quái và chưa bao giờ có ai qua được trọn một đêm ở đó. Có thể là dân làng ta hy vọng ngài sẽ đuổi được lũ ma đó đi giúp chúng ta đây, thưa ngài võ sĩ cao quý. Nhưng ngài đừng đến đó. Nếu ngài không chê túp lều lụp xụp của ta, xin được mời ngài ngủ lại nhà.”

Ban đầu, Yochinari tức anh ách khi nghĩ đến chuyện người làng này muốn chơi mình một võ; nhưng sau nghĩ lại, chàng đổi ý và bảo cụ già: “Cảm ơn tấm lòng của cụ; nhưng thế thì tôi lại càng phải tới đó. Nếu không người ta lại tưởng tôi sợ ma. Mà một samurai chân chính thì không sợ gì trên đời!”

“Hãy cứ làm điều ngài cho là đúng, thưa ngài võ sĩ cao quý; ta cứ báo trước với ngài như thế; giờ thì ta chúc ngài may mắn trong trận đấu đó!” Nói xong là cụ già cố gắng chạy thẳng về nhà.

Con đường dẫn tới ngôi miếu đã lâu không có người qua lại. Đi được một lúc, ngôi miếu đồ nát hiện ra trong bóng tối trước mắt Yochinari. Trên mái nhà toang hoang một lỗ thủng còn những kẽ nứt trên tường thì to đến độ mèo dễ dàng chui qua. Khi Yochinari trèo lên hiên, một mẫu lan can bị một đực ruỗng còn võ ra trên tay chàng và mặt sàn rung lên kêu kệt dưới bước chân chàng. Đằng sau cánh cửa, một mạng nhện khổng lồ bện lấy lối vào như một tấm rèm nặng nề. Ngôi miếu trông trơn nếu không tính vô số mạng nhện giăng mắc, vài manh chiếu cũ và một cái trap phủ kín bụi.

Yochinari sửa soạn một chỗ nằm ở gian trước miếu rồi ngồi xuống. Chàng đặt hai thanh kiếm ngay tầm tay, dù chàng vẫn hồ nghi không biết chúng có ích lợi gì không khi đánh nhau với lũ ma; rồi chàng nóng lòng chờ đợi xem điều gì sẽ diễn ra. Trong lúc đó, đêm đã vào khuya. Nhưng chỉ ít lâu sau, trăng đã lên và rọi ánh sáng vào bên trong miếu qua lỗ thủng trên mái và những kẽ nứt trên tường. Thảng hoặc có tiếng cọt kệt từ một thanh xà nào đó, còn lại chỉ là thỉnh thoảng. Yochinari tự nhủ không được ngủ quên và không để bất cứ thứ gì khiến chàng giật mình; nhưng vừa phải trải qua một hành trình mệt mỏi, dạ dày thì rỗng không, nên cũng chẳng có gì ngạc nhiên khi rốt cuộc chàng cũng thiếp đi.

Đến nửa đêm, chàng bị thức giấc bởi có ai đó đang gõ rất mạnh lên mặt phía Bắc ngôi miếu. Cùng lúc đó chàng nghe thấy một giọng quang quác như tiếng quạ kêu: “Có ai không?”

Nhanh như chớp, Yochinari chộp lấy hai thanh kiếm và suy tính xem có nên trả lời hay không; nhưng trước khi chàng kịp đi đến quyết định thì một tia sáng lóe lên ở gian bên cạnh, sau tấm màn tre mỏng manh và có tiếng ai đó kêu lên: “Là tôi

đây, mình dài thông, gầy nhảnh, kẻ vô có bị giam hãm đây. Hôm nay tôi ở nhà và tôi đón khách. Ai ngoài đó vậy?”

Bên ngoài, có một giọng đáp lại: “Tôi đây, mình rục rờ, cong cong, kẻ mất hút trong bụi rậm đây. Tôi tới thăm anh; tôi vào được chứ?”

“Vào đi, chào mừng anh,” chủ nhà đáp lại; nhưng chẳng hề nghe thấy tiếng bước chân nào và cũng chẳng có tiếng động nào khác. Sau một lúc, ánh sáng trong gian bên cạnh tắt ngấm và tất cả lại trở về như lúc trước.

Yochinari nghĩ vừa rồi chỉ là mình mơ thôi; nhưng đột nhiên, lại có người gõ; lần này là ở mặt phía Nam của miếu; và một giọng mơ hồ, lạnh lút cất lên: “Có ai không?”

Cũng như lần trước, ánh sáng lại lóe lên và, từ gian kế bên, có ai đó đáp lại: “Là tôi đây, mình dài thông, gầy nhảnh, kẻ vô có bị giam hãm đây. Hôm nay tôi ở nhà và tôi đón khách. Ai tới vậy?”

Và vị khách mới đáp lời: “Tôi đây, mình mảnh khảnh, móm răng, kẻ bị treo trên một cành cây đây. Tôi tới thăm anh; tôi vào được chứ?”

“Vào đi, chào mừng anh,” chủ nhà đáp; ánh sáng tắt ngấm và im lặng bao trùm. Giờ thì Yochinari chắc chắn là mình không mơ; và chàng chờ đợi những sự việc tiếp theo.

Chàng chẳng phải đợi lâu. Có tiếng gõ ở mạn Đông ngôi miếu và một giọng trầm, sâu cất lên: “Có ai không?”

Khi ánh sáng lóe lên và khi kẻ dài thông, gầy nhảnh đáp lời xong, vị khách mới nói: “Tôi đây, mình trần trụi, nói không ra hơi, kẻ chỉ được chôn có một nửa đây. Tôi tới thăm anh; tôi vào được chứ?”

Có tiếng mời vào, nhưng Yochinari không biết liệu kẻ kia có làm theo lời mời hay không, vì bốn bề vẫn lặng ngắt như tờ.

Trước khi ánh sáng tắt lịm, lại có người gõ cửa, lần này là ở mạn Tây ngôi miếu, và vị khách mới cũng nhanh chóng tự giới thiệu: “Tôi đây, kẻ bụng phệ, tham ăn vô độ, kẻ chết chìm dưới ao đây. Tôi tới thăm anh; tôi vào được chứ?”



Sau cái lúc dường như vị khách đã bước vào, ánh sáng không tắt nữa; ngược lại, nó bùng lên sáng rõ hơn trước. Chủ nhà dường như không còn phải chờ ai nữa. Yochinari, lòng đầy phấn khích nhưng cũng rất gan dạ, chờ xem cái bầu đoàn kỳ cục này định làm gì tiếp theo.

Suốt một lúc lâu, chẳng có gì xảy ra; chỉ nghe thấy từ gian kế bên những tiếng rì rầm và những tiếng cười tắc nghẹn cũng như tiếng lanh canh của bát đĩa, không khác gì khi người ta mời ai đó tới dùng bữa và đang có một cuộc trò chuyện thoải mái.

Nhưng có ai đó cất cao giọng; dựa vào tông giọng thì có lẽ đó là chủ nhà; những kẻ khác nín thinh và dường như đều đang chăm chú lắng nghe.

“Hôm nay tôi có một bất ngờ cho các vị. Ở gian bên, trong gian trước miếu, có võ sĩ Yochinari đang ngủ, anh ta không hề biết điều gì đang chờ đợi mình. Nhưng tôi thì tôi biết. Ngay sau đây chúng ta sẽ...” Khốn thay, những lời sau đó cứ lí nha lí nhí khiến Yochinari không tài nào nghe được. Tiếng thì thầm được nối tiếp bằng một tràng cười và những tiếng kêu phấn khích: “Cần phải làm như thế! Tôi rất vui lòng!” và “Chúng ta sẽ được một trận vui ra trò!”

Yochinari toát mồ hôi lạnh. Một võ sĩ ít can đảm hơn hẳn đã bỏ chạy thoát thân, nhưng Yochinari vẫn không hề mất tỉnh táo. Trong lúc chờ đợi lũ ma tiên lại gần, chàng đứng dậy, xắn hai tay áo lên, dang rộng hai chân và chờ đợi, kiếm trên tay, giương cao.

Đúng lúc đó, có một tiếng rít chói tai và một vệt sáng đỏ như lửa lướt vào gian trước miếu. Nó trượt trên nền miếu, xoay vòng tròn và những đường vòng cung, càng lúc càng tiến lại gần Yochinari bằng cách xoáy những vòng tròn quanh chàng.

Yochinari vung kiếm về phía nó, nhưng cái vệt đó chỉ cất tiếng cười khoái trá và tiếp tục múa lượn.

Yochinari biết rằng cách duy nhất để áp chế được một kẻ thù hung hiểm là lòng can đảm; thế là chàng hét lên bằng một giọng rần rỏi: “Dừng lại!”

Và quả thật cái vệt đỏ ngừng ngay điệu múa lượn và trở nên chập chờn, lúc tỏ lúc mờ; nhưng nó nhanh chóng hồi lại và cất cái giọng lanh lảnh: “Hãy nói ta là ai nếu không ta sẽ bóp cổ mi!”

Yochinari không phải suy nghĩ lâu la gì, chàng đáp luôn: “Ngươi là ai ư? Đương nhiên là tên dài thông, gầy nhằng,” và cái vệt đỏ kia vẫn không động đậy, chàng nói thêm: “Kẻ vô cơ bị giam hãm.”

Chàng võ sĩ vừa nói dứt câu, cái vệt đỏ liền run rẩy rồi tan biến.

Ngay sau đó người ta nghe thấy một tiếng ầm ầm ghê sợ như thể cả một đàn ngựa vừa chạy vào gian trước miếu và có gì đó dài, trắng và sáng loáng bắt đầu nhảy nhót xung quanh Yochinari; và mỗi lần cái thứ đó xấp lại gần chàng, chàng lại nghe thấy có tiếng ư ừ. Cuối cùng, cái thứ màu trắng đó dừng lại trước chàng võ sĩ và bảo chàng: “Hãy nói ta là ai nếu không ta xé xác ngươi thành nghìn mảnh!”

Yochinari đáp nhanh: “Ngươi chắc chắn là kẻ trần trụi, nói không ra hơi,” và chàng nói thêm luôn: “Kẻ chỉ được chôn có một nửa.” Thế là, cái vệt sáng màu trắng thuần dài đó nhảy lên một lần cuối trong không khí rồi tan biến.

Yochinari cố gắng động não để xem còn những kẻ nào tới thăm nhà tên dài thòng, gầy nhẳng nữa. Nhưng chàng chẳng kịp nghĩ ngợi gì nhiều, vì chàng đã nghe thấy một âm thanh trầm sâu, như tiếng chuông và trong gian trước của miếu xuất hiện một đốm sáng tròn, xanh lét, nó cứ xoay tròn, càng lúc càng nhanh. Càng xoay, đốm sáng ấy càng phình ra, đến mức gần chiếm hết cả gian miếu; Yochinari phải nép sát vào tường để không bị cái vòng xoáy đó cuốn theo. Thế rồi, thứ ma quỷ hiện hình ấy ngừng lại và cười rúc rích: “Hãy nói ta là ai nếu không ta sẽ ăn thịt nhà ngươi!”

Đúng khoảnh khắc đó, Yochinari nhận ra danh tính của cái thứ này và chàng đáp: “Không ai khác ngươi chính là kẻ bụng phệ, tham ăn vô độ, rõ ràng chính là kẻ chết chìm dưới ao!”

Và cái đốm màu xanh tan biến.

Trước khi chàng võ sĩ kịp thở lại một cách thoải mái, có gì đó dường như vô hình bắt đầu lướt trên nền miếu và làm bắn lên những tia sáng. Rốt cuộc, nó di chuyển thẳng tới chỗ Yochinari; chàng nhảy tót sang bên cạnh. Rồi cái thứ vô hình kia dừng lại và rít lên bằng giọng mũi: “Hãy nói ta là ai, nếu không ta nghiền nát ngươi ra!”

“A ha,” Yochinari tự nhủ, “ngươi đâu có biết cần chứ.” Và chàng nhanh nhẩu trả lời con ma: “Ngươi chắc chắn là tên mảnh khảnh, móm răng, kẻ bị treo trên một cành cây.” Và con ma vụt tan biến cũng như ba con trước.

Yochinari biết vẫn còn một vị khách nữa; nhưng dù đã có hết sức, chàng vẫn không tài nào nhớ ra nổi kẻ đó là ai. Trong lúc ngẫm nghĩ như vậy, chàng nghe thấy một tiếng đập cánh như thể có cả một đàn chim đang đập cánh trong miếu; và trong không khí chàng nhận ra có gì đó trong suốt, lấp lánh đủ sắc màu. Nó càng lúc càng tiến lại gần, cuối cùng thì dừng lại ngay trước Yochinari và cất tiếng nói như quạ

kêu: “Hãy nói ta là ai nếu không ta thọc lét ngươi cho đến chết!”

“May mà đây là tên cuối cùng rồi,” Yochinari nghĩ bụng vì chàng đã quá mệt với cái màn nhảy múa đêm hôm như thế này, và chàng nói: “Ồ thì, ngươi, ngươi chính là kẻ tới đầu tiên, kẻ...” Thế là có gì đó cù vào mũi chàng và chàng nhảy dựng lên. May mà đúng khoảnh khắc đó, chàng nhớ ra danh tính của kẻ viếng thăm. “Ngươi là kẻ rục rờ, cong cong, kẻ mát hút trong bụi rậm. Và giờ thì biến đi, ta chán ngấy với cả lũ các ngươi rồi!” chàng hét to lên; và cái thứ trong suốt đó thật sự đã biến mất và tất cả trở lại thanh lặng.

Nhưng ở gian kê bên, ánh sáng vẫn le lói và Yochinari vì không biết lũ ma định giờ trò gì nữa nên không dám đi ngủ.

May thay, chẳng mấy chốc bình minh đã ló rạng và khi tiếng gà gáy đầu tiên cất lên từ ngôi làng bên cạnh, cái ánh sáng kia liền tắt ngấm; những vị khách sâu thẳm kia hẳn cũng đã đi khỏi.

Lúc ấy chỉ có Yochinari là không trụ nổi vì quá mệt, chàng nằm xuống thiếp đi ngay. Khi chàng tỉnh giấc, dạ dày rỗng không, ánh nắng đã chiếu sáng xuyên qua các kẽ nứt. Yochinari bắt đầu dò xét ngôi miếu. Nó hoàn toàn trống trơn, chỉ toàn mạng nhện, mấy manh chiếu cũ và cái tráp phủ kín bụi.

Yochinari tra kiếm vào bao rồi bước ra hiên. Từ chỗ này, chàng nhận ra không xa ngôi miếu có vài người dân đang tụ tập, họ câm lặng nhìn về phía chàng. Chàng nhớ lại màn chào đón không mấy dễ chịu hôm trước, liền bắc loa tay trước miệng và hét lên với họ: “Các người xua tôi đến ngủ ở chỗ lũ ma; nhưng các người thấy chưa, tôi chẳng hề hấn gì hết; ngược lại, tôi đã có một khoảng thời gian dễ chịu với mấy con ma hiện hồn! Và các người có biết thứ gì ám ngôi miếu này không? Hãy nghe cho rõ nhé! Đây là nơi trú ngụ của kẻ dài thông, gầy nhẳng, kẻ vô cơ bị giam hãm; hấn đón tiếp kẻ rục rờ, cong cong, mát hút trong bụi rậm; kẻ bụng phệ, tham ăn vô độ, kẻ bị chết chìm dưới ao; kẻ trần trụi, nói không ra hơi, được chôn có một nửa; và kẻ mảnh khảnh, móm rãnh, bị treo trên một cành cây. Chúng là năm bạn bè tốt của nhau, chúng không thể tụ họp vào ban ngày, thế nên đêm đêm mới đến ám ngôi miếu. Nếu chúng ta tìm thấy được cả năm thứ đó và để chúng lại với nhau, thì những trò kia sẽ chấm dứt ngay. Thế nên, đừng tỏ ra hoảng sợ như thế nữa; tốt hơn là hãy giúp tôi đi tìm chúng. Đây, ở hướng Tây tôi có thấy một cái ao; chắc chắn ta sẽ tìm được tên bụng phệ tham ăn dưới đó.”

Và trước cả khi dân làng kịp phản ứng, Yochinari đã tới được chỗ cái ao và bắt đầu tìm kiếm. Suốt cả một lúc lâu, chàng vẫn không thu được gì; nhưng đột nhiên, chàng nhận thấy ngay rìa nước có một chiếc hũ không đáy.

“Nó đây rồi!” Yochinari nói. “Hãy nhìn xem nó có cái bụng phệ làm sao; và nó cũng tham ăn vô độ vì nó làm gì có đấy. Hãy lôi nó lên khỏi nước rồi chúng ta sẽ đi tìm tiếp.”

Khi chiếc hũ được kéo lên, Yochinari chỉ về phía Bắc, nói: “Ở đằng kia, tôi thấy có mấy bụi rậm; chúng ta có thể sẽ tìm thấy tên rục rở, cong cong ở đó!”

Tất cả dân làng đều tham gia cùng Yochinari tìm kiếm rất lâu trong bụi rậm. Cuối cùng chàng võ sĩ cũng tìm được thứ rục rở. Chàng cúi xuống và nhặt lên một chiếc lông đuôi gà trống rất đẹp.



“Tôi thấy đây rồi!” chàng mừng rỡ kêu lên. “Nó rục rở đủ màu sắc, nó cong cong,

và chủ nhân của nó hẳn đã đánh mất nó, nếu không nó sẽ không thể có ở đây được. Và bây giờ thì hãy tiến về phía Nam; đó là nơi có tên mảnh khánh, móm răng bị treo trên một cành cây.”

Ở phía Nam, nằm tách hẳn ra là một cái cây, họ bắt đầu xem xét nó từ khắp mọi phía. Suốt bao lâu họ không tìm được gì; nhưng rốt cuộc một cô bé đã nhìn thấy tí tặn trên các cành cao có một chiếc lược cũ bị gãy răng.

“Đúng nó rồi, cô bé con, chính là nó đấy,” Yochinari chúc mừng cô bé. “Nó không thể mảnh khánh hơn được nữa, còn răng thì gãy hết rồi. Hãy cầm lấy nó; và giờ thì chúng ta đi về phía Đông; hòn đá phía đó có vẻ là một bia mộ; chắc chắn chúng ta sẽ tìm thấy được tên trần trụi, nói không ra hơi, kẻ được chôn có một nửa ở đó.”

Họ làm cho thứ mảnh khánh đã gãy hết răng đó rơi xuống khỏi cái cây rồi đi về phía hòn đá. Tới đó, họ chẳng mất quá nhiều thời gian tìm kiếm. Phía sau tấm bia mộ, người ta nhìn thấy nhô lên khỏi mặt đất một chiếc sọ ngựa đã bị gió mưa mài cho trắng xóa.

“Chắc chắn là nó rồi. Nó làm sao mà trần trụi hơn được nữa, nó vẫn còn vài cái răng để ngoạm, và thực tế là nó chỉ được chôn có một nửa. Hãy cầm cái sọ này lên và chúng ta tới ngôi miếu nào. Chúng ta còn phải đi tìm tên chủ nhà, kẻ dài thông, gầy nhẳng, kẻ vô có bị giam cầm.”

Họ đi tới ngôi miếu và lục tung mọi xó xỉnh trong miếu. Nhưng ngôi miếu vẫn hoàn toàn trống trơn như lúc trước.

“Liệu có phải là cái tráp không nhỉ?” Yochinari tự nhủ. “Nó được khóa kín - không tài nào mở nó ra được, quả là vậy - nhưng thứ đó đâu có dài thông, lại càng không gầy nhẳng. Nhưng nó có thể là một nơi giam cầm. Và cái thứ dài thông, gầy nhẳng kia chắc chắn có ở trong đó.”

Chàng lấy hết sức bình sinh đập mạnh lên cái tráp và dùng một con dao cổ nạy ô khóa. Cuối cùng, cái nắp tráp phải chịu thua và Yochinari thấy bên trong một loạt ngăn kéo. Ở ngăn cuối cùng, tí bên dưới, có một sợi dây sòn rách.

Yochinari lôi nó ra rồi nói: “Nó đây, chính thứ này đã bị giam cầm một cách vô có, vì nó thường chỉ được để trong hộp dành để đặt các cuộn văn thư. Mà nó cũng gầy nhẳng. Đương nhiên, nó không quá dài, nhưng cũng vẫn là dài chứ không phải rộng và chúng ta hãy bỏ quá cho nó vì đã phóng đại lên một chút. Vậy đây chính là năm kẻ đã tụ họp. Hãy chôn tất cả chúng xuống cùng một nơi để chúng không cần phải dọa cho ai khiếp sợ nữa.”

Dân làng làm theo lời khuyên của Yochinari. Họ chôn thật sâu chiếc hũ không đáy, chiếc lông đuôi gà trống bị đánh mất, chiếc lược gãy răng, cái sọ ngựa và dải dây buộc sờn rách, kẻ chủ nhà; rồi họ cảm ơn Yochinari đã giải thoát cho họ khỏi lũ ma ám ngôi miếu và xin lỗi chàng vì thái độ lỗ mãng ngày hôm trước.

Và dù các bạn có tin hay không thì kể từ hôm đó, không còn kẻ nào ám ngôi miếu làng nữa; không còn kẻ rục rờ, cong cong; không còn kẻ bụng phệ, tham ăn vô độ; không còn kẻ trần trụi, nói không ra hơi; không còn kẻ mảnh khảnh, móm răng. Thậm chí cả tên dài thông, gầy nhẳng cũng không.

Lông mi chó sói

Thuở xưa, trong một ngôi làng có một thợ rèn giàu có sống cùng cô con gái duy nhất, tiểu thư Akiko. Vợ của người thợ rèn đã qua đời không lâu sau khi cô gái nhỏ chào đời và người chồng đã đi bước nữa, vì ông cần người coi sóc chuyện nhà cửa. Nhưng lựa chọn của ông không đem lại hạnh phúc. Bà vợ hai là một kẻ hà tiện và độc ác, không gì có thể làm bà ta vui lòng và nhất là đối với Akiko, bà ta luôn đổ ky vì, dù cho có bị mẹ kế nhục mạ thế nào, Akiko vẫn luôn vui vẻ và tươi cười. Cô gái trẻ càng lớn, bà mẹ kế lại càng giao cho cô nhiều việc hơn, đến nỗi cô gái trẻ Akiko chẳng mấy chốc đã thành người duy nhất coi sóc việc nhà cửa. Bà mẹ kế cả ngày chỉ biết biếng nhác và ra đũa mệnh lệnh rồi tới tới lại thủ thi với ông bố rằng Akiko không làm việc này hay làm hỏng việc nọ. Nghe thấy những lời buộc tội ấy, Akiko bật khóc, nhưng đến hôm sau cô gái lại quên hết và lại vui vẻ mải miết lo cho những bận bịu của mình. Cô luôn làm mọi việc nhẹ nhàng như không, và các bà các chị người hầu chưa bao giờ nghe thấy lời lẽ khó nghe nào từ cô. Akiko tỏ ra đáng mến với tất cả mọi người, vì từ chính những gì mình phải nếm trải, cô hiểu thế nào là bất công. Cô cũng rất tử tế với các thầy tu, những người ăn mày lang thang có thể bắt gặp ở mọi ngôi làng: chưa có người nào ra khỏi nhà cô mà lại đi tay không. Thỉnh thoảng cô còn dúi cho đám thợ học việc một đồng bạc cô tiết kiệm được từ tiền chợ búa. Ai nấy đều yêu mến Akiko. Khi những lời ca tràn đầy niềm vui của cô cất lên trong nhà, tất cả đều cảm thấy trong lòng tươi vui và nhanh tay làm việc hơn; và của cải nhà người thợ rèn càng thêm sung túc.

Tuy nhiên, cư xử như thế thì hoàn toàn chẳng vừa mắt bà mẹ kế chút nào; chẳng có tới nào bà ta không phàn nàn: “Ai nó cũng giao du, cứ như thế thế là tốt với một cô con gái nhà lành ấy. Rồi có ngày nó sẽ đuổi hết khách của ông đi đấy!”

Hay lại còn: “Nếu nhà ta cứ tiếp tục thế này thì có ngày phải ra ngủ ở đồng rơm mát thôi. Tôi mà không để mắt từng giây từng phút thì nó sẽ phân phát hết những gì rơi vào tay nó mất. Tiêu tiền thì nó biết cân nhắc đấy, nhưng kiếm tiền về cho gia đình thì nó lại khác hẳn. Nhà ta mà cứ thế này thì chẳng chóng thì chày cũng ra đường mà ăn mày thôi; lúc ấy ông mới sáng mắt ra xem lòng tốt của con gái ông dẫn chúng ta tới đâu.”

Ngày qua ngày, cứ nghe mãi những điều bà mẹ kế đơm đặt cho Akiko, ông bố rồi cũng tin lời bà ta. Ông đã rất khó nhọc mới kiếm ra tiền, thế nên ông không thích có người tiêu bừa bãi tiền của ông. Chưa bao giờ Akiko biện hộ trước những lời buộc tội của bà mẹ kế. Cô chỉ buồn bã cúi đầu rồi lau những giọt lệ trào dâng trong mắt.

Nhưng ngày hôm sau, căn nhà lại lạnh lót vang lên giọng hát vui tươi của cô.

“Con bé không coi trọng những lời chỉ bảo đầy thiện chí đó,” ông bố tự nhủ khi nghe thấy tiếng hát của con gái, và thời gian trôi đi, trái tim ông cứ chai sạn dần. Và vào ngày giáp Tết, khi bà mẹ kế kêu la phàn nàn rằng Akiko định xúi vận rủi vào nhà khi đem gạo cũ ra làm bánh truyền thống, chứ không phải loại gạo ngon nhất, làm như thế khác nào là để xua đuổi thần Tài, ông bố liền nổi giận đuổi Akiko ra khỏi nhà.

Akiko buồn bã đi khắp làng. Đâu đâu người ta cũng đang chuẩn bị đón Tết và chẳng ai mảy may để ý đến chuyện xảy ra với cô con gái người thợ rèn, cô gái lúc nào cũng vui vẻ thế cơ mà. Akiko cứ đi mãi theo đường cái và tới được làng bên. Cô đang đói và lạnh; cô chỉ ao ước tìm được chỗ nào đó vào làm mượn tạm để kiếm chút thức ăn và một chỗ ngủ qua đêm - nhưng ai nấy đều lạnh lùng đóng sập cửa trước mặt cô.

Akiko đã gần như là đi, khó nhọc lắm cô mới cất bước nổi; thế rồi cuối cùng cô gõ cửa một quán trọ hỏi xin một chút trà ấm.

“Ông chủ quán ơi, cháu không có tiền, nhưng cháu có thể gán cho ông chiếc áo khoác chần bông của cháu. Hãy cho cháu xin chút đồ ăn nóng.”

“Chuyện này dễ thế sao,” chủ quán trọ đáp. “Bất cứ ai cũng có thể đến làm thế sao? Ta cho mi ăn rồi sau đó ta chẳng kiếm nổi đồng nào từ cái áo khoác này. Không đâu, hãy đưa cái áo khoác đây, ta sẽ đem bán nó rồi chúng ta xem nó đáng giá bao nhiêu.”

Akiko cởi áo khoác ra và đợi trước quán trọ, trên người cô giờ chỉ mặc độc chiếc kimono mỏng manh. Chủ quán sai đầy tớ đi bán chiếc áo khoác còn Akiko thì đứng chờ anh đầy tớ mang tiền về, người cô run lên vì lạnh.

Cô gái ở lại đó rất lâu, chịu đựng cái đói và cái lạnh. “Khi nào anh ta đem tiền về, mình sẽ được ăn chút đồ nóng, rồi vẫn sẽ còn dư ít đồng bạc để đi tiếp. Biết đâu mình cũng sẽ tìm được ai đó tốt bụng thuê mình làm việc và cho mình chỗ qua đêm,” cô gái tự an ủi bản thân. “Mình sẽ chẳng phải đi khỏi nhà lâu đâu; chắc chắn bố sẽ sớm nhận ra là ông đã sai và sẽ cho gọi mình về, vì trên đời này làm gì có chuyện gì bất công đến thế được.”

Akiko chờ đã rất lâu. Khách trọ cứ đến rồi đi, đám kẻ hầu người hạ cứ vào rồi lại ra, nhưng chẳng ai mảy may để mắt đến cô gái trẻ đang ngồi co ro trên bậc cửa. Cuối cùng, không thể chịu đựng thêm cái đói và cái rét đang giày vò, Akiko khẽ cất tiếng gọi chủ quán.

“Đừng có quấy rầy ta, đồ khó rách áo ôm! Còn bé tí mà đã lang thang đầu đường xó chợ! Xéo khỏi đây ngay, mi đang đuổi khách nhà ta đi đấy!” chủ quán mắng mỏ cô.

Akiko, giọng đã run lẩy bẩy, nhắc lại với ông ta về cái áo khoác mà cô đã đưa để ông ta đem bán: “Đây là một cái áo loại tốt; chắc chắn tiền bán nó đủ để ông đổi cho cháu chút cơm, chút cá và một tách trà nóng.”

“Ha ha, nó bảo là nó đã đưa cho ta một cái áo khoác cơ đấy,” lão chủ quán tro kêu toáng lên cùng tiếng cười khinh miệt. “Một cái áo khoác quý giá, đáng cả một gia tài! Ha ha, không phải mi còn giao cho ta cả một túi đầy tiền đấy chứ? Có vẻ mi vẫn còn nhớ nhỉ! Các người đã bao giờ nghe thấy chuyện gì láo lếu thế chưa? Ta mà lại đem áo khoác của một con ăn mày đi bán ư! Cái ngữ như mi mà có áo khoác loại tốt thì đã yên vị ở nhà chứ chẳng phải lang thang hết từ làng nọ sang làng kia đâu!” Lão chủ quán hét to đến nỗi hết thấy khách trong quán đều bước ra dè bủ cô gái trẻ nghèo khó.

Akiko bật khóc. Cái đói và cái lạnh thật khủng khiếp, nhưng chẳng gì khiến cô tổn thương bằng cái chuyện bắt công rành rành này.

“Đây, cho mi cái này!” lão chủ quán vừa nói vừa lẳng cho cô một viên thịt khô cong và một chiếc túi vá chằng vá đụp. “Để cho mi thấy là ta đã rủ lòng thương và Tết nhất như thế này, ta cũng chẳng để ai tay không đi khỏi đây, kể cả với một con ăn mày láo lếu như mi. Còn giờ thì xéo ngay đi, không là ta sẽ thả chó ra!”

Akiko đeo chiếc túi vá lên và, mặt đỏ bừng bừng vì nhục nhã, cô bỏ chạy khỏi những tiếng cười cợt và chế nhạo của đám khách đang ăn tối. Trong đầu cô chỉ có một ý nghĩ là đi khỏi đây! Chỉ khi tới bìa rừng cô mới dừng lại. Tuyết đã bắt đầu rơi và Akiko không biết mình đang ở đâu cũng chẳng biết mình sẽ đi đâu. Giữa lúc tuyệt vọng, cô tự nhủ: “Thế giới này chẳng dành cho mình điều gì tốt đẹp. Nếu phải chết vì đói hay vì lạnh dọc đường và trở thành thứ đàm tiếu của người đời thì chi bằng chính mình hãy tự kết thúc cuộc đời. Mình sẽ đi vào rừng và để lũ sói ăn thịt!”

Vừa ra cái quyết định khủng khiếp đó, cô gái trẻ liền thực hiện ngay, cô rời khỏi con đường tiến vào bóng tối của cánh rừng.



“Trên núi này có rất nhiều chó sói mà mùa đông thì chúng đều đói cả. Chắc hẳn là chúng sẽ nhanh chóng hết đói luôn cùng nỗi đau của mình,” cô vừa bước vừa tự nhủ.

Trong đầu cứ miên man toàn những ý nghĩ như thế, cô đến được một khoảnh rừng thưa nhỏ, cô ngồi xuống một tảng đá ở đó và chờ lũ sói tới. Hoàng hôn cứ xuống dần, tuyết rơi mỗi lúc một dày thêm, cánh rừng im ắng, không một chiếc lá nào rung rinh.

“Chắc đây không phải nơi người ta thường nói đến,” rớt cuộc Akiko tự nhủ khi mãi chẳng thấy con sói nào. “Mình chưa từng vào rừng lần nào và mình cũng không biết sói thường trú ở đâu. Phải đi tìm chúng mới được.”

Cô gái đứng dậy đi tiếp. Cô mở lối đi xuyên những bờ bụi rậm rạp, đi dọc những con đường mòn heo hút, vừa đi vừa gọi: “Sói ơi, sói à, hãy đến đây mau, đến ăn thịt ta; ta không muốn sống nữa!”

Cô gái cứ đi lang thang như thế rất lâu thì bất chợt, có tiếng cành cây gãy trong một bụi rậm gần đường mòn. Cành cây bị dạt sang hai bên và một con sói khổng lồ màu tím với đôi mắt to đỏ ngầu nhảy xổ ra giữa đường. Nó áp sát mình xuống như thể chực nhảy lên, nhe những chiếc nanh sắc nhọn ra và hướng ánh mắt hau háu về phía Akiko.

Cô gái dừng sững lại, câm lặng. Giờ khi được thấy những chiếc răng nhọn hoắt và cảm nhận hơi thở nóng hổi của chó sói, cô bắt đầu thấy sợ; nhưng ngay lập tức cô nhớ đến những nhục nhã mà người đời bắt cô hứng chịu cùng những bất công cô đã phải chịu đựng, cô nghĩ tới cái chết đói đang rình rập mình, và cô vẫn giữ vững quyết tâm.

Cô nhìn con sói, lòng đầy sợ sệt, nhưng cô vẫn nói với nó bằng giọng đanh thép: “Ăn thịt ta đi, chó sói! Thế giới này chẳng còn gì tốt đẹp dành cho ta!”

Con sói càng áp sát mình xuống mặt đường, nó chớp mắt và nhìn Akiko với ánh mắt dò xét. Rồi nó ngồi thẳng trên hai chân sau và vô cùng bất ngờ, nói bằng một giọng tử tế: “Không, ta sẽ không ăn thịt người. Ta không ăn thịt con người, ít nhất là không ăn thịt những con người đích thực. Và người là một con người đích thực. Tất cả bất hạnh xảy đến với người đều xuất phát từ việc người không biết cách nhận ra những con người đích thực. Người quá cả tin. Nhưng ta muốn giúp người!”

Nói xong, nó khẽ nhô hai hàng lông mi, chìa cho Akiko và nói: “Khi nào người muốn biết kẻ ở trước mặt người có phải con người đích thực không, hãy đưa đôi

hàng mi này lên trước mắt ngươi và nhìn cho kỹ. Ngươi sẽ lập tức biết mình đứng trước loại người nào. Hãy đặt niềm tin vào người không hề thay đổi gì dù bị sẫm soi qua hàng mi. Ngươi sẽ được hạnh phúc với một người đàn ông như thế. Còn những người khác, đừng có tin họ, dù họ có bày ra với ngươi gương mặt hiền hậu thế nào!”



Sửng sốt, Akiko cảm ơn con sói rồi quay trở lại. Và trong niềm ngạc nhiên tột độ, cô gái quên luôn cả cái đói và cái lạnh. Chẳng mấy chốc cô gái đã ra khỏi khu rừng và tới một thành nhỏ.

Akiko đứng giữa một ngã tư đường; xung quanh cô có rất nhiều người. Có nhiều người đeo gùi hoặc cõng những bó củ trên lưng; một số khác thì đánh ngựa ra chợ,

số khác nữa thì trở về với đồ dự trữ. Có nhiều phụ nữ trang điểm rất đẹp và nhiều đàn ông có điệu bộ quyền quý. Tất cả đều có vẻ tử tế và trung thực. Làm sao cô có thể không tin tưởng những con người kia? Thế là Akiko quyết định thử làm theo lời khuyên của con sói. Cô đưa đôi hàng mi lên trước mắt và quan sát dòng người qua lại. Cô mới kinh ngạc làm sao khi thấy sự biến đổi ở những thị dân mang dáng vẻ trung thực và cao quý kia! Giả như người phụ nữ giàu có đầy phẩm hạnh, người mặc bộ đồ lụa dày dặn đang đi dạo, xung quanh là đám hầu gái và một bà vú đang dắt tay một cậu bé: nhô lên khỏi bộ kimono lụa là một cái đầu gà trống đang thềm thường mỗ trộm tứ phía. Bà vú thì mang cái đầu cá, còn đám hầu gái - chỉ là lũ chuột và gà mái. Hay ở phía xa hơn, một viên quan đi cùng đám tùy tùng: phía trên cổ bộ kimono lễ phục kiêu ngạo vươn lên cái đầu lợn. Trên con phố kè bên, một lái buôn đang đi tới ngã tư; ông ta mang cái đầu cáo và đôi mắt nhỏ tí hướng ánh mắt ranh mãnh ra khắp nơi. Akiko nhìn bốn phía quanh mình nhưng vô ích, đâu đâu cô cũng chỉ thấy những khuôn mặt thú, nhô lên khỏi những thân hình bận lụa là, găm vóc hay cả những bộ đồ rách rưới vá chằng vá đụp. Không nơi đâu có lấy một khuôn mặt người!

Khi ấy Akiko trở nên vô cùng buồn bã. Vậy thế gian này là như thế sao? Cả thành này không có lấy một con người đích thực sao?

Cô đã sắp từ bỏ mọi hy vọng thì thấy một anh chàng bán than, ăn mặc rách rưới, lưng gù một gù than củi lớn, anh chàng đang chậm chậm tiến về phía ngã tư. Có thể thấy là anh chàng đã phải trải qua cả chặng đường dài mới tới được đây. Trong lòng do dự, Akiko đeo đôi mi lên mắt một lần nữa. Lần này sẽ là cái đầu thú nào thế vào chỗ khuôn mặt đã gọi cho cô niềm tin tưởng kia?

Cô nhìn chăm chú, nhưng anh chàng bán than vẫn không thay hình đổi dạng. Cô có đặt lên hạ xuống đôi hàng mi, nhìn thật kỹ thế nào thì anh chàng bán than vẫn giữ nguyên khuôn mặt khô ngô tuấn tú.

Akiko mừng rỡ; nhưng cô biết tiếp cận con người xa lạ ấy thế nào đây? Chàng sẽ nghĩ gì về cô? Thế là cô quyết định lên đi theo anh chàng bán than. Như thế cô sẽ biết chàng sống ở đâu và, dọc đường đi biết đâu cô sẽ nghĩ ra cách bắt chuyện với chàng.

Đến chợ, anh chàng bán than đổi gùi than lấy trà, gạo và muối; rồi không hề dừng lại, anh chàng đi về phía núi. Akiko đi sau chàng một đoạn khá xa, cố gắng không để mất dấu. Chàng trai trẻ rảo bước và Akiko phải khó nhọc mới theo kịp chàng. Họ đi con đường kè bên cánh đồng lúa, rồi tiến vào một con đường mòn trong rừng. Tới đó, anh chàng bán than mất hút, chàng ta còn trẻ lại khỏe mạnh trong khi Akiko vốn đã yếu đi rất nhiều vì đói và chặng đường dài cô đã đi. Nhưng

may mắn làm sao cô đã thấy, phía xa xa, có làn khói bay lên. Hẳn đó là khói bay lên từ lò đốt than của chàng trai. Thế là cô đi tiếp về phía có khói bốc lên và, giữa một khoảnh rừng thưa, cô nhận thấy kế bên lò đốt than là một túp lều nhỏ.

Akiko đi thẳng tới túp lều và đưa mắt nhòm vào bên trong. Chẳng có ai ở trong nhà, nhưng trên bếp lửa có đặt một nồi nước. Anh chàng bán than hẳn đang ở không xa đây. Một mối, Akiko ngồi xuống bậc cửa và đợi.

Một lúc sau, anh chàng bán than đi từ trong rừng ra, dừng lại một lát trước cô gái trẻ rồi kêu lên: “Ra là mi theo ta tới tận đây hả, ma nữ! Hãy đi đường của mi đi, mi chẳng tìm thấy thứ gì ở nhà ta đâu!”

Akiko đứng dậy, ý tứ chào anh chàng bán than và cam đoan với chàng rằng mình không phải ma nữ, mà là người thật. Rốt cuộc, chàng bán than cũng tin cô.

“Đương nhiên là ta đã nhận ra nàng đi theo ta từ trong thành. Vì thế ta mới đi nhanh hơn; nhưng nàng vẫn cứ theo sau ta. Ta nghĩ nàng là ma nữ, vì một tiểu thư trẻ tuổi sẽ không dạo chơi một mình trong rừng như vậy. Thế nên ta mới không ở trong lều, vì ta tự nhủ rằng nếu ma nữ không thấy ta ở trong nhà thì nó sẽ bỏ đi. Nhưng thôi, hãy cho ta biết nàng làm gì trong rừng này vậy? Trông nàng không có vẻ là một người ăn mày; như ta thấy thì hình như ít ra nàng cũng đã biết đến những ngày tháng an nhàn, cách đây chưa lâu.”

Akiko kể cho anh chàng nghe chuyện về bà mẹ kế độc ác và sự bất công của người cha khi đuổi cô ra khỏi nhà, đúng ngày giáp Tết. Cô cũng kể cho chàng nghe chuyện cô muốn để cho lũ sói ăn thịt mình; cuối cùng, cô gái hỏi anh chàng bán than phải chăng không muốn giữ mình lại.

“Em biết nấu ăn và có thể dọn dẹp nhà cửa cho chàng. Chắc chắn chàng sẽ hài lòng về em.”

“Ta chắc chắn sẽ hài lòng thôi, nhưng ta không biết là nàng, nàng có bằng lòng ở lại nhà ta không. Ta chỉ là một người bán than, khó nhọc kiếm sống từ đôi bàn tay. Ở nhà ta sẽ không giống như ở nhà giàu.”

Akiko chẳng cần gì giàu sang phú quý; cô hạnh phúc khi tìm được một mái nhà và mong mỏi lớn nhất của cô là có thể ở lại nhà chàng bán than. Trước khi bước vào trong lều, cô nhìn xuống chân mình, đôi bàn chân đã lấm lem vì chặng đường dài. Không, cô không thể vào trong với đôi chân dơ dáy như thế được, cô bèn hỏi chàng bán than xem có thể rửa ráy ở đâu.

“Phía sau lều, ngoài bìa rừng, có một dòng suối đấy.”

Đoạn suối được kè quanh bằng nhiều cọc gỗ. Akiko cúi xuống và mặt nước lấp lánh như thể có ánh nắng phản chiếu trên đó.

“Nhưng trời đã tối rồi, lấy đâu ra những tia nắng ấy chứ?” Akiko tự nhủ và cô nhìn sát xuống mặt nước hơn. Dưới đáy nước có nhiều viên đá và đó chính là thứ phát ra những ánh lấp lánh. Akiko nhặt một viên đá lên và nhìn kỹ. Rồi cô rửa sạch hai bàn chân, dù cô có chút ngại ngùng khi nhúng đôi chân xuống làn nước lấp lánh ánh vàng. Cuối cùng, cô cúi xuống uống dòng nước chảy ra từ một ống tre bắc vào vách đá.

“Đây chắc chắn là nơi chàng bán than thường đến lấy nước để nấu nướng,” cô tự nhủ; nhưng đột nhiên, cô ngừng uống, vẻ sững sốt. Cái thứ chảy ra từ ống tre không phải là nước, mà là thứ rượu sa kê tuyệt hảo nhất. Akiko nhặt lấy một viên đá lấp lánh ánh vàng rồi chạy thẳng về lều.

“Chàng có biết viên đá này là gì không?” cô hỏi chàng bán than.

“Là đá thường thôi. Dưới suối đó có nhiều lắm, cả xung quanh đó nữa. Chúng rất đẹp, hãy xem chúng lấp lánh chưa này. Dù có khô hết nước thì chúng vẫn cứ lấp lánh như vậy,” chàng bán than bình thản nói. “Nàng xem này, ta đã trang trí khắp lò đốt bằng loại đá này đây. Nếu nàng muốn, ta có thể lát kín lối đi dẫn ra suối, có nhiều đá ở đó lắm!”

“Đây không phải là đá, mà là vàng ròng,” Akiko giải thích với chàng. “Ở trong thành, chàng có thể dùng thứ này đổi lấy bất cứ thứ gì chàng muốn, và chàng sẽ chẳng cần nhọc công kiếm sống nữa.”

“Người ta đòi gạo lấy một viên đá ư? Nàng mệt quá nên nghĩ lung tung rồi. Một gùi than thì đúng, ta có thể đổi nó lấy thứ gì ta cần, nhưng chỉ có điều, ta đủ sống rồi,” chàng bán than vẫn điềm nhiên nói.

“Thế chàng có biết thứ chảy ra từ ống tre dưới suối là gì không?”

“Nhưng nàng làm sao vậy?” chàng đốt than lâu bầu. “Đây là một dòng nước trong trẻo tinh khiết chứ là gì đâu. Bao nhiêu năm nay ta vẫn uống thứ nước đó và chẳng bị làm sao hết.”

Akiko bật cười và vẻ vui tươi của nàng trở lại. “Dòng nước trong trẻo tinh khiết ư! Vậy là chàng còn không biết đó là thứ rượu sa kê tuyệt hảo nhất mà em từng được uống ư?”

Rồi nàng giải thích với chàng bán than rằng chàng đã sống trên kho báu bao nhiêu năm mà vẫn cứ lao động cực nhọc đến tận bây giờ.

“Ngày ngày mai, chúng ta hãy đem vàng vào trong thành và đổi lấy tiền. Rồi chúng ta mời thợ đến, cho xây dựng một quán ăn gần nguồn rượu sa kê. Và khi ấy chàng sẽ ngạc nhiên với cuộc sống tương lai của chúng ta!”

Chàng bán than chẳng mấy may tin lấy một lời, nhưng thấy Akiko đã hết buồn và mệt, chàng cũng chẳng muốn làm khó nàng. Thế là hôm sau, hai người mang vàng vào trong thành. Và chỉ ít lâu sau, quán ăn “Lò Than Tắt” được xây dựng trong khoảnh rừng thưa.

Chẳng mấy chốc, với thứ rượu sa kê tuyệt hảo và cô chủ quán đáng mến, quán ăn đã nổi tiếng khắp vùng, và từ khắp xa gần, các nhà buôn và samurai đều ghé chân lại quán. Thậm chí, có lần, lãnh chúa của vùng cũng dừng chân tại đây để ném thứ rượu chảy ra từ chính ngọn núi đá ấy; rượu ngon đến nỗi, kể từ hôm đó, lãnh chúa đã cho người mang rượu tới dinh thự và không bao giờ chịu uống thứ rượu nào khác.

Khoảnh rừng thưa vẫn luôn tấp nập người ra kẻ vào - từ những vị khách danh giá đến những kẻ tầm thường hơn và, còn có đủ loại người lang thang nữa: những tu sĩ, những kẻ ăn mày. Nhưng cô chủ quán luôn tươi cười với mọi khách hàng.

Nhưng trong thời gian ấy, chuyện gì đã xảy ra ở cố hương của Akiko?

Ông bố đã đuổi đưa con gái nhỏ ra khỏi nhà, bà mẹ kế rồi cũng được an lòng. Chỉ có điều, từ đó bà ta phải một tay coi sóc chuyện nhà cửa và chỉ ít lâu sau, bà ta trở lại là con người bất mãn và căm cău như trước; chuyện đó kéo dài tới tận khi cái tính nết khó ưa của bà ta lên đến đỉnh điểm và bà ta chết vì cái tính đó. Còn ông bố, cũng chẳng còn làm nên trò trống gì nữa. Tất cả cứ như bị yểm bùa. Những lưỡi hái mà người khắp vùng đặt hàng chỗ ông đều đột nhiên gãy vụn dù có khi chưa hề được dùng lấy một lần. Ông muốn rèn một lưỡi rìu thật tốt, thì nó lại thành ra xấu xí. Dù ông có la mắng đám thợ học việc đến đâu, dù có đuổi bao nhiêu kẻ dưới thì cũng công cốc, lò rèn nhà ông cứ lụn bại dần và, cuối cùng, ông chỉ còn nước đi tha phương cầu thực. Thế là ông đã được trải nghiệm cái điều mà bà vợ hai đã tiên đoán, nhưng lại vì một lý do hoàn toàn khác.

Một hôm, cùng một số người ăn mày nữa, ông thợ rèn thuở xưa đến quán “Lò Than Tắt”. Ông không nhận ra con gái mình, nhưng ông ngạc nhiên khi thấy, thay vì đón họ bằng những lời chửi rủa, ở đây người ta lại đem cho họ cháo thịt và thậm chí cả một bát sa kê hảo hạng. Tấm lòng hiếu khách đối với những người ăn mày nghèo khổ ấy khiến ông bất giác nhớ đến cô con gái cũng rất đáng mến và giàu tình thương như cô chủ quán ăn này. Chỉ đến lúc ấy ông mới hiểu ra rằng một lời nói tử tế có ý nghĩa thế nào đối với một người nghèo khổ đang mệt mỏi và ông thấy hối hận vì khi xưa đã hành xử với vàng thiếu suy nghĩ.

“Akiko tội nghiệp của ta; con bé đã ra nông nỗi gì đây. Phải chăng con bé cũng đang lang thang khắp đầu đường xó chợ như ta hay có khi con bé đã chết từ lâu, con gái bất hạnh của ta?” ông thở dài và nước mắt lăn dài trên má.

Akiko đang phục vụ khách không xa chỗ mấy người ăn mỳ; nhưng một cảm xúc mơ hồ cuốn cô chú ý tới những người nghèo khổ ấy. Nhất là ông lão ăn mỳ dường như đã gặp ở đâu kia, cho đến khi, rốt cuộc cô cũng nhận ra đó là cha mình. Cô ngần ngại hồi lâu xem có nên lại nhận cha hay không, trong lòng vẫn còn nghĩ đến nỗi đau cũ và những lời ác độc mà cha cô đã nói khi đuổi cô khỏi nhà. Nhưng khi nhìn những giọt nước mắt cay đắng của ông lão lúc nhớ về con gái, cô quên phắt mọi chuyện và tiến lại gần ông. “Cha ơi, cha đừng khóc nữa, con là con gái Akiko của cha đây!”

“Akiko, con gái bé bỏng của ta,” người thợ rèn nghẹn ngào. “Con xem số phận đã trừng phạt cha thế nào đây vì cha đã cư xử bất công.”

Akiko gọi chồng ra, rồi cả ba người kể câu chuyện đời mình cho nhau nghe, nước mắt đầm đìa.

Ông thợ rèn già ở lại với con gái và con rể, và họ sống một cuộc đời hạnh phúc an nhàn. Và sau này, ông lão ấy vẫn kể lại cho các cháu nghe câu chuyện về cha mẹ chúng và quán ăn “Lò Than Tắt”.

Ông lão làm hoa nở

Dưới chân ngọn núi nọ có một dòng sông nhỏ uốn lượn chảy qua. Ở đây, rất xa xưa trở về trước, có hai nhà hàng xóm sinh sống. Một người cất nhà trên thượng nguồn, và người kia dựng nhà nơi hạ nguồn, chính thế, người ta thường gọi là nhà trên và nhà dưới. Cả hai ông chồng chẳng còn trẻ trung gì nữa và các bà vợ hiển nhiên cũng có tuổi rồi. Điều khác biệt duy nhất giữa họ là ở tính tình: cặp vợ chồng nhà trên thì hay đố kị, xấu tính, còn ngược lại, vợ chồng nhà dưới lại hòa nhã, chẳng ngần ngại sẻ chia đến hạt gạo cuối cùng để giúp người khác.

Một ngày, hai nhà hàng xóm cùng giăng lưới trên sông. Sớm mai, trời còn chưa rạng, nhà trên đã nóng lòng đi thăm lưới. Thật thất vọng, bởi lão chỉ thấy lưới đầy những rễ cây, cành mục mà nước cuốn theo. Sẵn bản tính tò mò, lão muốn biết hàng xóm có cùng chung nỗi bất hạnh như mình không. Nhưng vừa trông thấy lưới nhà hàng xóm, lão đã tím mặt ganh ghét, bởi lưới đầy những cá. Tức sôi, lão bèn thả hết cá ra và thế vào đó khúc gỗ cất được trong lưới nhà mình.

Khi mặt trời lên, nhà dưới mới đi thăm lưới. Nhưng trông thấy mẻ lưới kỳ lạ, ông chẳng lấy làm thất vọng. “Ít ra thì hôm nay mình cũng không cần vào rừng kiếm củi,” ông hài lòng tự nhủ, rồi lôi khúc gỗ lên, đem phơi khô.

Khi khúc gỗ đã khô, ông lão mới mang rìu ra bỏ. Thoạt tiên ông bỏ vào đoạn rễ dương cương ra trò lại còn hình thù kỳ dị này.

“Mình phải bắt đầu từ đây, khi còn đủ sức,” ông nhủ thầm, “bởi bỏ một cái góc cây như thế này đâu phải việc dễ dàng.” Ông đặt đoạn gốc cây lên mặt đất rồi trước khi ra tay, ông suy tính xem nên bỏ thế nào cho phải. Rồi ông thử, nhưng kỳ lạ thay, chiếc rìu vừa mới chạm vào khúc gỗ, nó đã lập tức tách ngay làm đôi, và lạ lùng hơn nữa từ đó một con chó trắng xinh xắn đi ra. Ông già không tin vào mắt mình, nhưng đúng thực là một con chó con nhanh nhẹn đang đứng trước mặt ông và thân thiện sủa.

Ông già bèn gọi bà vợ đến xem điều kỳ diệu này.

Bà này vừa tò mò lộ ra, ông đã nói ngay: “Trông cái góc này sinh ra gì nào, một con chó nhỏ xinh. Chúng ta biết làm gì đây?”

“Nó mới xinh làm sao,” bà cụ nói, “chúng ta sẽ nuôi nó. Chúng ta chẳng có mụn con nào và giờ chúng ta có thể nuôi nấng một chú chó con.”

Bà ôm con chó vào lòng, mang nó vào nhà và cho nó ăn cháo. Vậy là con chó nhỏ ở lại nhà hai ông bà và nó chẳng thiếu thốn thứ gì. Người ta cho nó ăn những món mà nó thích, rồi chỉ ít lâu sau, nó đã lớn phổng và trở thành một chú chó to có bộ lông trắng và cặp mắt tinh anh.

Một sáng nọ, cụ ông đang sửa soạn ra đồng, thì con chó chặn đường ông, và nói rành rọt bằng tiếng người:

“Ông ơi, ông ơi, hôm nay chó ra đồng. Ông hãy buộc cái giỏ lên lưng cháu, mang theo cuốc vào rừng.”

Cụ ông ngạc nhiên quá đỗi và gọi cụ bà: “Bà nó có nghe không; con chó của chúng ta biết nói! Nó bảo rằng tôi phải đi với nó vào rừng.”

“Vậy à, nếu hai ông cháu muốn vào rừng,” cụ bà bảo, “thì tôi sẽ chuẩn bị đồ ăn ngon cho mà mang đi,” nói rồi bà trở lại bếp, làm mấy vắt cơm. Cụ ông buộc một chiếc giỏ lên lưng chó, cầm cái cuốc cùng đồ ăn thế rồi họ lên đường.

Được một lúc, con chó dừng lại nói: “Ông ơi, ông ơi, ông cứ bỏ cái cuốc và đồ ăn vào giỏ, cháu mang được.”

“Chó con của ông ạ, mày thật tốt bụng khi muốn giúp ông,” cụ ông đáp, “nhưng thế nặng lắm, mày sao mang được.”

“Nhưng không ông ơi, cháu đã là chó lớn rồi, và bởi ông bà nuôi cháu rất tốt, nên cháu khỏe lắm. Cứ để cháu mang cuốc và thức ăn.”

Vậy là cụ ông đành nghe lời, bỏ cái cuốc và đồ ăn vào giỏ rồi họ tiếp tục con đường.

Đến bìa rừng, cả hai nghỉ một chốc. Cụ ông mở tay nải đựng đồ ăn trưa, chia làm hai phần bằng nhau và cho con chó một nửa. Ăn uống xong và nghỉ một chập, họ lại lên đường.

Con chó dẫn cụ ông theo một con đường mòn hẹp, và dốc lên không ngừng. Họ đi được non nửa đường thì cụ ông xem chừng đã mệt nhoài bởi ông bước càng lúc càng chậm. Thế là con chó lại dừng lại bảo: “Ông ơi, ông ơi, ông cứ ngồi lên lưng cháu, cháu cõng ông đi!”

“Ồ không được, cún con của ta. Ta nặng lắm, ngồi lên lưng thì gãy lưng mày mất,” cụ ông gạt đi.

“Không đâu, ông ơi, cháu đã là một con chó vạm vỡ rồi; ông lại còn cho cháu ăn

đẩy rồi, và giờ cháu khỏe như vâm. Ông cứ yên tâm ngồi lên lưng cháu; chốc nữa là tới thôi.”

Cụ ông thực lòng đã kiệt sức và ông đành ngồi lên lưng chó; ông bám vào cái giỏ và con chó cống ông đi cứ nhẹ như không.

Loáng sau, họ đã lên tới đỉnh núi, giữa khoảng rừng trống. Con chó nhìn quanh, chạy từ gốc cây này sang gốc cây khác, đánh hơi mặt đất, rồi nó dừng lại trước một cây thích cao lớn và nói: “Ông ơi, ông ơi, cầm cái cuốc lại đây mà đào này!”

Cụ ông cầm cái cuốc và đào đúng chỗ con chó chỉ. Chẳng mấy chốc lưỡi cuốc đã đụng phải vật gì cứng lắm. Cụ ông thận trọng đào tiếp và khi gạt lớp đất ra, cụ ông nhận thấy cả một hũ to đầy tiền vàng.

Ngạc nhiên làm sao! Cụ ông vuốt ve con chó với lòng biết ơn, bởi từ nay cho tới lúc nhắm mắt xuôi tay cả ông lẫn bà sẽ không còn phải chịu cảnh khổ cực nữa. Thế rồi, ông bỏ cả hũ cả tiền vàng vào giỏ, bỏ thêm cả cuốc và vui vẻ cùng con chó về làng. Cụ bà biết chuyện cũng vui mừng khôn xiết. Bà cảm ơn con chó và mau chóng chuẩn bị một bữa tối ngon lành để cụ ông và con vật ăn ch o đỡ đói sau một ngày trường vất vả nhường ấy.

Giữa lúc ấy, cụ ông trải tiền vàng ra chiếu và bắt đầu đếm.

Ông đếm, đếm mãi, và vẫn còn chưa đếm hết một nửa số tiền vàng thì bà vợ hàng xóm chạy sang xin than củi để nhóm bếp. Trông thấy cả núi tiền vàng, mắt mù sáng lên ghen tức và mù hỏi ngay hai ông bà làm sao mà có nhiều vàng thế.

Cụ ông thuật lại câu chuyện: con chó đã giúp họ đào được kho báu thế nào. Ông vừa kể xong thì mù hàng xóm đã lật đật cáo từ chạy về báo tin cho chồng ngay.

“Họ may làm sao chứ,” cuối cùng mù thở dài. “Ông phải sang hỏi mượn họ con chó, rồi nó cũng sẽ chỉ cho chúng ta chỗ giấu tiền!”

“Quả là ý kiến hay,” lão chồng đáp; và sáng sớm hôm sau lão này đã tới nhà hàng xóm mượn con chó một ngày.

Vừa mang con chó về đến nhà, lão đã bảo vợ: “Mau, làm cho tôi mấy vắt cơm, tôi sẽ vào rừng.” Lão tìm một cái giỏ, một sợi dây và một cái cuốc. Lúc sau, con chó chặn đường lão và bảo: “Ông ơi, hôm nay đừng ra đồng, hãy buộc cái giỏ lên lưng tôi, cầm cuốc và chúng ta sẽ vào rừng.”

“Thế mà nghĩ tao mượn mày về làm gì hả?” lão hàng xóm nhà trên đáp. “Hiển nhiên là chúng ta vào rừng rồi.” Và lão buộc giỏ lên lưng con chó, bỏ vào đó cả cuốc,

đồ ăn rồi chẳng đợi ai hỏi, ngồi phất lên lưng con chó và ra lệnh: “Nào, chạy mau, không lười thôi mất thì giờ!”

Con chó vẫn theo đường hôm qua; nhưng đường dường như quá dài với lão hàng xóm nhà trên, và để giết thời gian lão ta đã bỏ cơm ra ăn hết vắt này đến vắt khác. Lão chẳng để cho con chó chút gì, ngược lại còn luôn miệng thúc nó đi nhanh. Tới bìa rừng, con chó cũng dừng lại như hôm qua. Lão hàng xóm trèo xuống, nhìn quanh và sốt ruột hỏi phải đào ở đâu. Nhưng con chó chỉ im lặng. Vậy là lão hàng xóm nhà trên tự mình đi từ cây này sang cây khác ước hỏi: “Vậy nói tao nghe phải đào ở đâu hả; ở đây hay ở kia?” Cuối cùng con chó cũng đáp: “Chà, đào chỗ đó.”

Lão hàng xóm nhà trên cầm cuốc và điên cuồng đào. Và quả thật, sau một hồi, cuốc lão ta cũng chạm phải vật gì đó rất rắn; nhưng khi mang lên hóa ra chỉ là một chậu đất vỡ toàn đồ bỏ đi.

Thế là lão hàng xóm nhà trên dùng dùng nổi giận và bảo: “Con vật ngu ngốc, mày dám lừa tao! Cứ đợi đấy, tao sẽ dạy cho mày biết thế nào là giễu người khác!” và lão ta lẳng cái cuốc về phía con chó, làm nó chết tức khắc. Rồi lão trở về nhà làm như chưa có chuyện gì xảy ra.

Hôm sau, khi hàng xóm nhà dưới muốn lấy lại con chó, lão hàng xóm nhà trên đáp: “Con vật ngu ngốc đáng khinh ấy đang nằm ở bìa rừng. Nó lừa tôi nên tôi giết nó rồi.”

Ông hàng xóm nhà dưới òa khóc và tới ngay bìa rừng, mang con chó về nhà, chôn bên bờ sông và cắm lên mộ một cành dương.

Từ hôm đó, ngày nào hai vợ chồng người hàng xóm nhà dưới cũng tới mộ bên bờ sông khóc than cho con chó trung thành. Và ngạc nhiên làm sao, cành dương bắt rễ, đâm chồi, ngày càng tươi tốt, và đến năm sau, một cây dương lớn đã mọc lên trên mộ.

Một ngày mùa thu oi bức, cụ ông theo thói quen lại ra ngồi dưới gốc dương nhìn dòng nước chảy trên sông và nghĩ về con chó trắng. Nghe tiếng gió lao xao trong tán lá dương, đầu ông gục dần xuống ngực và ông thiếp đi. Ông ngủ không lâu, nhưng đã có một giấc mơ kỳ lạ; trong mơ, con chó đến trước mặt ông và bảo: “Ông ơi, ông ơi, hãy làm như cháu bảo. Lấy cưa và cưa cây dương này đi. Rồi hãy chọn lấy đoạn gỗ tốt nhất làm thành một cái cối để giã gạo!”

Nói xong những lời này con chó biến mất và cụ ông cũng bừng tỉnh. Ông chạy vội về kể cho bà nó nghe: “Mình tưởng tượng được không tôi đã có một giấc mơ kỳ

lạ. Trong mơ, con chó đã xuất hiện và bảo tôi chặt cây dương trên mộ nó rồi chọn đoạn gỗ tốt nhất làm thành một chiếc cối giã gạo!”

“Nếu con chó muốn thế, thì cứ làm như nó bảo,” cụ bà khuyên. “Mà như thế, chúng ta ít ra cũng có vật kỷ niệm.”

Cụ ông nghe lời cụ bà, chặt cây, cưa lấy đoạn gỗ tốt nhất và làm thành một cái cối đẹp. Vừa làm xong, ông mang ngay vào bếp. Bà vợ đổ vào đó một đấu thóc họ vừa thu hoạch vụ này, rồi lấy chày bắt đầu giã. Nhưng chuyện gì thế này? Sau nhíp chày đầu tiên, thóc nhân đôi, nhíp chày thứ hai thì nhân bốn, và lượt thứ ba thì nhân tám, rồi cứ thế, thóc tuôn ra từ cối choán đầy gian bếp. Hai vợ chồng người hàng xóm nhà dưới không còn gì vui hơn, bởi từ giờ họ đã đủ gạo ăn cả mùa đông.

Giữa lúc họ đang đóng gạo vào bao, thì mục hàng xóm nhà trên lại tới hỏi xin than nhóm lửa. Mục ta ngạc nhiên khi trông thấy nhiều gạo thế và hỏi vợ chồng người hàng xóm lấy ở đâu ra mà nhiều gạo như vậy.

Hai vợ chồng thuật lại chuyện cái cối thần kỳ mà cụ ông đã đeo ra theo nguyện vọng của con chó, từ thân cây dương mọc lên trên mộ. Mục hàng xóm nhà trên nghe chuyện xong thì quên mất cả mục đích sang đây mà tức tốc đi về, quên cả than củi, để báo tin về cái cối thần cho chồng.

“Chúng ta cũng cần một kho gạo dự trữ cho mùa đông. Ông biết đấy, mai ông sẽ sang mượn cái cối và chúng ta chắc chắn sẽ giã ra nhiều gạo hơn nữa, đến đầy cả một kho,” mục ta nói.

Hôm sau, lão hàng xóm nhà trên đến nhà hàng xóm, hai vợ chồng nhà này chẳng gây khó dễ gì mà cho mượn ngay cái cối bởi họ chẳng phải người đồ kị. Lão hàng xóm nhà trên mang cái cối về nhà và đặt trước kho thóc. Thế rồi bà vợ đổ vào một đấu thóc và bắt đầu giã. Nhưng giã chày thứ nhất, thóc chỉ còn một nửa; giã chày thứ hai, voi đi thêm nửa nữa; thêm chày thứ ba, lại chỉ còn nửa nữa; và nếu như mục ta không ngừng thì chẳng còn gì trong cối nữa.

Hôm sau, người hàng xóm nhà dưới muốn lấy lại cái cối, nhưng lão hàng xóm nhà trên bảo: “Đó là cái cối dối trá; nó lừa tôi và ăn mất hết thóc nhà tôi. Để trừng phạt, tôi đã chẻ nó ra và đốt rồi.”

“Trời ơi,” ông hàng xóm nhà dưới bảo, “cái cối là kỷ vật của con chó. Ít nhất ông vẫn còn giữ ít tro chứ? Tôi muốn mang về làm kỷ niệm.”

“Cứ lấy bao nhiêu tùy thích,” lão hàng xóm nhà trên đáp. “Tôi đây chả có rảnh mà đi đổ chúng.”

Người hàng xóm nhà dưới trái áo ra, cố gom được càng nhiều tro càng tốt rồi gói ghém mang về nhà. Ông bước vào vườn thì đột nhiên có cơn gió nổi lên, cuốn đám tro ông vừa gom lại đi bốn phương tám hướng. Tro bay lên rồi đậu xuống cây trong vườn. Đúng lúc ấy, tất cả cây đều ra hoa, dù phút trước còn đang trơ trụi vì mới vào tiết thu.

Người hàng xóm nhà dưới ngạc nhiên gọi vợ: “Xem này, mình ơi, tro của cái cối đã làm cây nở hoa kìa.”



Cụ bà cảm ơn cụ ông và con chó, rồi nói: “Lãnh chúa cần phải được thấy cảnh sắc này; ông cũng biết ngài yêu hoa nở lắm mà. Lãnh chúa sẽ rất vui cho mà xem.”

Cụ ông hào hứng đồng tình với cụ bà. Ông bỏ số tro còn lại vào một túi vải lanh và đi đến vườn nhà lãnh chúa. Ở đây, ông trèo lên một cái cây và chờ lãnh chúa đi ngang qua. Ông đến vừa kịp lúc, bởi ít lâu sau, ông đã nghe có tiếng vó ngựa và những giọng nói xôn xao. Lãnh chúa đang lại gần cùng đoàn tùy tùng. Các võ sĩ vừa tới gần cây, lãnh chúa chợt trông thấy ông già và hỏi ông làm gì ở đây.

Ông hàng xóm nhà dưới cúi đầu kính cẩn đáp: “Tôi là ông già làm hoa nở. Nếu ngài muốn, thưa lãnh chúa tôn kính, vườn của ngài sẽ là một đồng hoa.”

“Ông biết làm hoa nở giữa mùa thu ư?” lãnh chúa sững sốt hỏi lại. “Hãy cho ta thấy nào, người không biết ta thích ngắm hoa thế nào đâu.”

Vậy là cụ ông mở túi, bốc một nắm tro và rắc vào không khí. Đúng lúc đó, cái cây mà ông cụ đang ngồi vắt vẻo bên trên bung hoa khắp cành trên cành dưới.

“A,” lãnh chúa thở dài khoan khoái, ngạc nhiên, sung sướng và hết lời ngợi khen. Cụ ông ném tro về bốn phía và lập tức cả khu vườn đều nở hoa.

“Đúng là kỳ diệu,” lãnh chúa tâm tặc khen. “Người đã làm ta hết sức vui lòng. Và để thưởng cho người đã làm cho khu vườn của ta đẹp đến thế này, ta ban cho người một bộ quần áo của lãnh chúa.”

Lãnh chúa rất đổi hài lòng và ngài sai người hầu kẻ hạ về dinh thự lấy bộ quần áo tuyệt đẹp được may từ thứ lụa hảo hạng. Rồi, ngài lại ngắm lần nữa khu vườn hoa nở, vỗ vai cụ ông thân ái và đi tiếp.

Cụ ông mặc ngay bộ áo xống đẹp để lãnh chúa vừa ban và giờ khó lòng nhận ra được ông. Vải thế mới là vải chứ! “Hắn rồi, cũng phải may một bộ kimono như thế cho bà nó,” cụ ông nghĩ thầm và mang quà chạy về nhà.

Trước lều, ông gặp mục hàng xóm nhà trên lại đang đến xin than. Trông thấy người hàng xóm mặc áo của lãnh chúa chạy về, mục ta buột miệng hỏi xem ông lấy ở đâu ra và ông hàng xóm kể lại ngọn ngành chuyện lãnh chúa đã thưởng cho ông vì ông làm vườn của ngài nở hoa bằng tro cái cối gỗ như thế nào. Sững người vì ngạc nhiên và ghen tị, mục hàng xóm quên phát chuyện xin than và chạy ngay về nhà báo tin cho chồng.

“Nhà ta vẫn còn kha khá tro cối,” cuối cùng mục ta nói, “hãy lấy và mang ra vườn tiểu thư nhà lãnh chúa. Chắc hẳn nàng sẽ ban cho mình những bộ đồ còn đẹp hơn nếu mình làm đào nở hoa.”

Lão hàng xóm nhà trên lấy một túi đầy tro và đi vào vườn của con gái lãnh chúa. Ở đây, lão ta trèo lên cây đào cao nhất và dội tiểu thư vào vườn. Lão ta không phải

đợi lâu; được một lúc thì tiểu thư dẫn theo đoàn tùy tùng rời khỏi dinh thự. Lúc đi vào vườn, tiểu thư phát hiện ra lão già trên cây và hỏi lão làm gì trên ấy.

Vậy là, lão hàng xóm nhà trên cho tay vào trong túi và nói: “Tôi là ông già làm hoa nở. Tôi sẽ làm đào trong vườn tiểu thư nở hoa để đổi lấy quần áo đẹp!”

Dứt lời, lão vốc tro và ném quanh mình. Nhưng cây đào vẫn trụi như trước và bất hạnh sao, một ít tro lại rơi vào mắt tiểu thư. Nàng thét lên đau đớn và tức giận, những kẻ hầu cận nhểch móc lão già: “Sao người dám cả gan làm đau tiểu thư!”

Họ trối gô lão ta và tống vào ngục. Và bởi từ đó tiểu thư quên bằng mất lão, nên lão vẫn còn ở đó cho tới tận bây giờ.



Quả chuông nhỏ dát bạc

Thuở xưa, ở một thành nhỏ bên bờ biển, có một tu sĩ già tốt bụng sống trong một ngôi đền. Tu sĩ già thích ngồi trên vọng lâu ngắm nhìn từng đợt sóng hơn mọi sự trên đời. Và để không có cảm giác quá cô đơn, tu sĩ đã cho treo trên mái vọng lâu một quả chuông nhỏ dát bạc. Quả chuông được treo với một tờ giấy rất to, trên tờ giấy viết một bài thơ tuyệt tác. Và mỗi khi có gió, dù chỉ một cơn gió hiu hiu thoảng qua - bên bờ biển, trời luôn có gió - tờ giấy lại đung đưa và quả chuông nhỏ dát bạc lại ngân lên những tiếng tinh-tinh nghe thật dễ chịu. Tu sĩ già ngồi trên vọng lâu, ngắm nhìn biển khơi, lắng nghe tiếng ngân trong veo của quả chuông nhỏ dát bạc và mỉm cười hài lòng.

Cũng trong thành ấy, có một thầy lang tên là Mohei sinh sống. Thời gian gần đây, thầy lang toàn gặp vận xui; ông chẳng làm được việc gì nên hồn cả và thầy lang thành ra buồn bã đến mức chẳng còn thiết làm gì nữa. Đang hết sức buồn bã, một ngày nọ, thầy lang lên đường tới thăm tu sĩ già để xin một vài lời khuyên. Khi nhìn thấy tu sĩ già viên mãn ngồi trên vọng lâu và khi nghe thấy âm thanh trong trẻo của quả chuông nhỏ dát bạc, thầy lang đột nhiên nhận ra rằng chính ông cũng sẽ vui vẻ hơn nếu có thể ngồi ở vọng lâu lắng nghe tiếng chuông ngân. Thầy lang ngẫm nghĩ một lúc, rồi ông khẩn cầu tu sĩ cho ông được mượn quả chuông, dù chỉ một ngày.

“Sao ta lại không cho người mượn được chứ,” tu sĩ già hiền hòa nói. “Nhưng đừng quên là sáng sớm mai phải trả lại ta ngay nhé, vì không có quả chuông này ta sẽ buồn biết bao.”

Mohei kính cẩn cảm tạ tu sĩ và hứa chắc như đinh đóng cột sẽ trả lại quả chuông vào hôm sau. Rồi thầy lang về nhà, treo quả chuông lên hiên nhà mình. Quả chuông nhỏ bắt đầu ngân lên tinh-tinh và trong lòng thầy lang như nhẹ bỗng, thế gian với ông bỗng trở nên đẹp đẽ đến mức ông muốn nhảy múa.

Ngày hôm sau, mới sáng sớm, tu sĩ già đã cảm thấy khó chịu trong lòng. Ông cứ đi ra đi vào trên con đường trước cửa đền để xem thầy lang kia đã tới chưa. Nhưng Mohei không tới. Một tiếng đã trôi qua, rồi hai tiếng, và vì đến giữa trưa rồi mà thầy lang vẫn bất vô âm tín cùng quả chuông nhỏ, tu sĩ già bèn gọi môn đệ Taro đến và bảo anh này: “Hãy chạy nhanh vào thành, tới nhà thầy lang Mohei. Ông ta đã mượn quả chuông nhỏ dát bạc của ta từ hôm qua và đứng ra là phải trả lại nó từ sáng nay. Hãy nhắc lại với ông ta như thế và bảo ông ta rằng ta đang rất sốt ruột nhé.”

Taro chạy thẳng tới nhà thầy lang, nhưng vừa mới tới vườn nhà thầy lang, anh đã dừng bước, vẻ ngạc nhiên. Anh nghe thấy tiếng tinh-tinh vui tai của quả chuông nhỏ và thấy thầy lang đang vừa nhảy múa trong vườn vừa phát phơ hai ống tay và vạt áo. Taro không biết làm sao để bắt chuyện được với thầy lang; rồi đột nhiên, anh trở nên vui vẻ đến độ chính anh cũng bắt đầu nhún nhảy.

Một giờ đồng hồ đã trôi qua, rồi hai giờ - thầy lang vẫn chưa thấy đâu mà Taro cũng mất tăm, không thấy trở về. Tu sĩ già lắc đầu bực bội và, vì càng lúc càng buồn hơn, ông cho gọi môn đệ thứ hai là Djiro đến rồi ra lệnh: “Hãy chạy nhanh tới nhà thầy lang Mohei và bảo ông ta trả lại quả chuông nhỏ dát bạc cho ta. Và nếu trên đường đi người có gặp Taro thì hãy bảo nó phải biết xấu hổ vì đã làm sai lời thầy như thế.”

Djiro co căng chạy cật lực tới nhà thầy lang. Vừa vào đến vườn nhà thầy lang, anh đã nghe thấy tiếng tinh-tinh vui tai và ngạc nhiên hết sức khi thấy thầy lang cùng Taro đang nhảy múa trong vườn. Và, trước khi quyết định được xem đầu tiên là nên trách mắng Taro vì tính đãng trí của anh ta hay là nhắc thầy lang trả lại quả chuông nhỏ, Djiro cũng đã xoay người theo nhịp múa, quên đi thế gian.

Lại một giờ nữa trôi qua, rồi hai giờ. Mặt trời đã xuống sát đường chân trời. Nhưng cả thầy lang lẫn hai môn đệ của tu sĩ già đều bật vô âm tín. Tu sĩ già không thể hiểu nổi chuyện gì đang diễn ra. Đột nhiên, ông cảm thấy buồn hơn, chưa bao giờ ông thấy buồn như lúc này. Cuối cùng, không chịu đựng được thêm, ông xỏ dép vào rồi đích thân tới tận nhà thầy lang.

Thậm chí, trước cả khi tới được vườn nhà thầy lang, ông đã nghe thấy tiếng tinh-tinh nhẹ nhàng của quả chuông nhỏ vô cùng yêu quý và những tiếng cười vui vẻ. Khi bước vào, tu sĩ già nhận thấy thầy lang cùng hai môn đệ của ông đang nắm tay nhau trong vườn. Họ nhảy sang bên trái, rồi sang bên phải, và nụ cười rộng mở trên khuôn mặt họ.

Tu sĩ lắc đầu và không biết nên hiểu cái cảnh tượng này thế nào cho phải. Nhưng thắc mắc ấy cũng không kéo dài. Đột nhiên, nỗi buồn tan biến, đôi chân ông bắt giắc tự nhúc nhắc, tu sĩ mỉm cười với thầy lang, chìa một tay ra với Taro và tay kia cho Djiro, rồi cả bốn người bọn họ tiếp tục nhảy múa.

Và câu chuyện tiếp theo sẽ như thế nào? À thì, nếu chúng ta muốn biết, chắc phải cắt cử ai đó tới khu vườn nhà thầy lang. Nhưng không chắc là người đó sẽ quay lại đâu nhé. Vì ngay khi nghe thấy âm thanh vui tai của quả chuông nhỏ và ngay khi nhìn thấy bốn người bọn họ đang nhảy múa trong vườn, anh ta sẽ lại quên hết mọi sự đến gia nhập với họ. Và lúc đó, lại phải cắt cử thêm người thứ hai, rồi người thứ ba, rồi người thứ tư...

Cuối cùng, chúng ta cũng sẽ chẳng còn giải pháp nào khác là đích thân đi tới đó, và chính chúng ta sẽ lại bắt đầu nhảy múa. Nhưng sao có thể như thế được chứ; sao có thể tất cả mọi người đều đến đó nhảy múa. Vậy thì, đừng cắt cử ai tới nhà thầy lang nữa và giờ thì ngoan nào, chúng ta đi ngủ thôi.



Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com) để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers